


MỤC LỤC / CONTENTS

- 25**
PHẦN I:
KINH TẾ VIỆT NAM 2015 VÀ DỰ BÁO CHO NĂM 2016 / **PART 1:** VIETNAM'S ECONOMY 2015 AND FORECAST FOR 2016
- 27**
KINH TẾ VIỆT NAM 2015: SÓNG CẢ KHÔNG NGÃ TAY CHÈO / VIETNAM'S ECONOMY 2015: STAY RESILIENT AGAINST TURBULENT WORLD
 **NHÓM NGHIÊN CỨU VIETNAM** **REPORT & CÁC CỘNG SỰ / VIETNAM REPORT AND COLLEAGUES**
- 39**
CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ, TÀI KHOẢN VÀ NỢ CÔNG: NHỮNG ĐIỂM NÓNG TRONG ĐIỀU HÀNH KINH TẾ VĨ MÔ 2015 / MONETARY, FISCAL POLICIES AND PUBLIC DEBT: CHALLENGES IN MACROECONOMIC MANAGEMENT 2015
 **GS – TSKH NGUYỄN QUANG THÁI, PHÓ CHỦ TỊCH HỘI KHOA HỌC KINH TẾ VIỆT NAM / NGUYEN QUANG THAI - PROFESSOR AND DOCTOR OF SCIENCE, VICE PRESIDENT OF ECONOMIC SCIENCE ASSOCIATION OF VIETNAM**
- 47**
TRIỂN VỌNG
- KINH TẾ VIỆT NAM 2016 DƯỚI GÓC NHÌN CỦA CÁC DN LỚN / VIETNAM'S 2016 ECONOMIC OUTLOOK UNDER THE VIEWPOINT OF LARGE-SCALED ENTERPRISES
 **NHÓM NGHIÊN CỨU VIETNAM** **REPORT / VIETNAM REPORT**
- 59**
PHẦN II:
HIỆP ĐỊNH XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG (TPP) VÀ CÁC TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI KINH TẾ VIỆT NAM / **PART 1:** TRANS-PACIFIC PARTNERSHIP (TPP) AND ITS IMPACTS ON
- VIETNAM'S ECONOMY
- 61**
HIỆP ĐỊNH XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG (TPP) VÀ CÁC TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI KINH TẾ VIỆT NAM / TRANS-PACIFIC PARTNERSHIP (TPP) AND ITS IMPACTS ON VIETNAM'S ECONOMY
- 103**
HỒ SƠ TOP 50 DOANH NGHIỆP XUẤT SẮC 2015 / TOP 50 VIETNAM THE BEST PROFILES 2015

MỤC LỤC HÌNH VẼ VÀ BẢNG BIỂU / INDEX OF FIGURES AND TABLES

TÊN HÌNH VẼ / FIGURES	TRANG/PAGE
Hình 1.1: Nợ công Việt Nam năm 2015. (ĐV: %) Figure 1.1: Public debt of Vietnam in 2015. (Unit: %)	30
Hình 1.2: Tăng trưởng tiền tệ tại Việt Nam năm 2015. (ĐV: % so với năm trước) Figure 1.2: Monetary growth in Vietnam in 2015. (Unit: % compared to previous year)	32
Hình 1.3: Tỷ giá VND so với USD năm 2015. (ĐV: Đồng) Figure 1.3: Exchange rate of VND against USD in 2015. (Unit: Dong)	33
Hình 1.4: Nợ xấu của ngân hàng Việt Nam. (ĐV: % tổng dư nợ) Figure 1.4: Bad debt of Vietnam banks. (Unit: % of total outstanding loans)	34
Hình 1.5: Thương mại Quốc tế Việt Nam so với một số nước trong khu vực 2015 Figure 1.5: International trade of Vietnam compared to others countries in the area in 2015	34
Hình 1.6: Tiến độ cổ phần hóa các DNNN so với kế hoạch. (ĐV: Số DN) Figure 1.6: The progress of SOEs equitization compared to the plan. (Unit: number of enterprises)	35
Hình 1.7: Tỷ lệ DN phản hồi phân theo loại hình sở hữu vốn. (ĐV: %) Figure 1.7: Ratio of responded enterprises in terms of ownership. (Unit: %)	49
Hình 1.8: Tỷ lệ DN phản hồi phân theo loại hình DN. (ĐV: %) Figure 1.8: Ratio of responded enterprises in terms of enterprises types. (Unit: %)	49
Hình 1.9: Tỷ lệ DN phản hồi phân theo lĩnh vực hoạt động. (ĐV: %) Figure 1.9: Ratio of responded enterprises in terms of operating fields. (Unit: %)	49
Hình 1.10: Tỷ lệ DN phản hồi phân theo thời gian thành lập. (ĐV: %) Figure 1.10: Ratio of responded enterprises in terms of establishment time. (Unit: %)	49
Hình 1.11: Đánh giá của DN về tình hình SXKD trong 10 tháng đầu năm 2015 so với cùng kỳ năm 2014. (ĐV: %) Figure 1.11: Enterprises' assessments on production and business situation in the first 10 months of 2015 compared to the same period last year. (Unit: %)	50
Hình 1.12: Hệ số ROA và ROE của Top 10 DN trong BXH VNR500 từ 2013 đến 2015. (ĐV: %) Figure 1.12: ROA and ROE of Top 10 enterprises in VNR500 Ranking Lists from 2013 to 2015. (Unit: %)	51
Hình 1.13: Nhận định của DN về tác động của những yếu tố sau đến hoạt động SXKD trong 10 tháng đầu năm 2015 so với cùng kỳ năm 2014. (ĐV: %) Figure 1.13: Enterprises' assessments on the following effects to production and business situation in the first 10 months of 2015 compared to the same period last year. (Unit: %)	52
Hình 1.14: Nhận định của DN về môi trường đầu tư, kinh doanh ở Việt Nam trong 10 tháng đầu năm 2015. (ĐV: %) Figure 1.14: Enterprises' assessments on investment and business environment in Vietnam in the first 10 months of 2015. (Unit: %)	53
Hình 1.15: Những khó khăn mà DN gặp phải ảnh hưởng đến hoạt động SXKD. (ĐV: %) Figure 1.15: Difficulties affected to the production and business activities of enterprises. (Unit: %)	55
Hình 1.16: Dự báo của DN về tình hình SXKD trong Quý I năm 2016 so với cùng kỳ năm 2015. (ĐV: %) Figure 1.16: Forecast of enterprises about production and business situation in the first quarter of 2016 compared to the same period of 2015. (Unit: %)	56
Hình 1.17: Nhận định của DN về hoạt động kinh doanh sẽ tốt lên sau 05 năm nữa. (ĐV: %) Figure 1.17: Enterprises' assessments on better production and business situation in the next 05 years. (Unit: %)	57
Hình 1.18: Nhận định của Doanh nghiệp về thể chế và môi trường kinh doanh sẽ tốt lên trong 05 năm tới. (ĐV: %) Figure 1.18: Enterprises' assessments on better institution and business environment in the next 05 years. (Unit: %)	57
Hình 2.1: Kim ngạch xuất nhập khẩu song phương giữa Việt Nam và các nước thành viên TPP năm 2007 và 2014. (ĐV: Triệu USD) Figure 2.1: Bilateral import-export turnover of Vietnam and TPP's member countries in 2007 and 2014. (Unit: USD million)	63
Hình 2.2: Tỷ trọng xuất khẩu phân theo thị trường năm 2014. (ĐV: %) Figure 2.2: The proportion of exports by markets in 2014. (Unit: %)	64
Hình 2.3: Tỷ trọng nhập khẩu phân theo thị trường năm 2014. (ĐV: %) Figure 2.3: The proportion of imports by markets in 2014. (Unit: %)	64

Hình 2.4: Quan hệ thương mại song phương Việt Nam – Mỹ. (ĐV: Triệu USD) Figure 2.4: Bilateral trade relation Vietnam – US. (Unit: USD million)	67
Hình 2.5: Các mặt hàng xuất khẩu chính sang Mỹ năm 2014 và 8 tháng đầu năm 2015. (ĐV: Triệu USD) Figure 2.5: The main export products to the United States in 2014 and the first 8 months of 2015. (Unit: USD million)	68
Hình 2.6: Các mặt hàng nhập khẩu chính từ Mỹ năm 2014 và 8 tháng đầu năm 2015. (ĐV: Triệu USD) Figure 2.6: The main import goods from the US in 2014 and the first 8 months of 2015. (Unit: USD million)	68
Hình 2.7: Chỉ số PCA cho các đối tác TPP Figure 2.7: PCA index for TPP partners	72
Hình 2.8: Chỉ số bổ trợ thương mại giữa Việt Nam và các đối tác năm 2014 Figure 2.8: Trade complementarity index between Vietnam and partners in 2014	73
Hình 2.9: Chỉ số bổ trợ thương mại giữa các đối tác và Việt Nam năm 2014 Figure 2.9: Trade complementarity index between partners and Vietnam in 2014	73
Hình 2.10: Phân tích SWOT thương mại Việt Nam khi tham gia TPP Figure 2.10: SWOT analysis of trade of Vietnam when joining TPP	77
Hình 2.11: Tỷ lệ DN lớn Việt Nam có quan hệ / từng giao dịch thương mại song phương với các bạn hàng thuộc 11 nước trong khối TPP. (ĐV: %) Figure 2.11: Ratio of Vietnam large enterprises having relationship/ bilateral trading transactions with partners from 11 countries in TPP. (Unit: %)	81
Hình 2.12: Những khó khăn khi giao dịch với các bạn hàng trong khối TPP. (ĐV: %) Figure 2.12: Difficulties when having transactions with partners in TPP. (Unit: %)	82
Hình 2.13: Những cam kết của TPP ảnh hưởng như thế nào tới hoạt động kinh doanh của DN. (ĐV: %) Figure 2.13: How TPP's commitments affect to production and business activities of enterprises. (Unit: %)	83
Hình 2.14: DN đã chuẩn bị những gì cho Hiệp định TPP. (ĐV: %) Figure 2.14: Enterprises prepared what for TPP agreement. (Unit: %)	84
Hình 2.15: Lý do các DN chưa chuẩn bị tốt một số khía cạnh cho TPP. (ĐV: %) Figure 2.15: Reasons why enterprises have not well prepared for some aspects of TPP. (Unit: %)	85
Hình 2.16: Những thế mạnh và bất lợi đáng kể hiện nay của DN khi bước vào cuộc cạnh tranh với các đối thủ thuộc khối TPP. (ĐV: %) Figure 2.16: The significant advantages and disadvantages of enterprises when entering the competition with rivals in TPP. (Unit: %)	87
Hình 2.17: Những yếu tố mà DN cần để cạnh tranh với các đối thủ trong khối TPP. (ĐV: %) Figure 2.17: The factors that enterprises need to compete with rivals in TPP. (Unit: %)	88
Hình 2.18: Nhận định của DN về hệ thống thể chế kinh tế, môi trường kinh doanh ở Việt Nam sẽ được cải thiện khi Việt Nam thực thi TPP. (ĐV: %) Figure 2.18: Enterprises' assessments on improvement of economic institution, business environment in Vietnam when TPP is executed. (Unit: %)	89
Hình 2.19: Những giải pháp theo DN mà Chính phủ cần ưu tiên để nâng cao khả năng cạnh tranh của DN sau TPP. (ĐV: %) Figure 2.19: Solutions that government should prioritize to enhance the competitiveness of enterprises after TPP. (Unit: %)	90

TÊN BẢNG BIỂU / TABLES	TRANG/PAGE
Bảng 1.1: Tăng trưởng GDP Việt Nam theo các ngành năm 2015. (ĐV: %) Table 1.1: GDP growth rate of Vietnam by sectors in 2015. (Unit: %)	28
Bảng 2.1: Xuất khẩu phân theo ngành hàng và thị trường xuất khẩu lớn nhất. (ĐV: %) Table 2.1: Exports by commodity and largest export market. (Unit: %)	66
Bảng 2.2: Nhập khẩu của Việt Nam phân theo ngành hàng và các quốc gia xuất khẩu lớn nhất sang Việt Nam. (ĐV: %) Table 2.2: Vietnam's imports by commodity and countries' largest export to Vietnam. (Unit: %)	67
Bảng 2.3: Top 10 nhóm hàng xuất khẩu của Việt Nam có chỉ số RCA lớn nhất Table 2.3: Top 10 export products of Vietnam had the largest RCA indicator.	70

DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT / ABBREVIATIONS

AEC	ASEAN Economic Community - Cộng đồng kinh tế ASEAN
APEC	Asia-Pacific Economic Cooperation - Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương
ASEAN	Association of Southeast Asian Nations - Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á
BXH	Bảng xếp hạng
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CIF	Cost, Insurance and Freight - Giá thành, Bảo hiểm và Cước phí
CNV	Công nhân viên
CP	Chính phủ
CPI	Consumer Price Index - Chỉ số giá tiêu dùng
CSTC	Chính sách tài chính
CSTT	Chính sách tiền tệ
CT TNHH	Công ty trách nhiệm hữu hạn
CTCP	Công ty cổ phần
DN	Doanh nghiệp
DNNN	Doanh nghiệp Nhà nước
ĐV	Đơn vị
EFTA	European Free Trade Association - Hiệp hội mậu dịch tự do châu Âu
EU	European Union - Liên minh châu Âu
FDI	Foreign Direct Investment - Đầu tư trực tiếp nước ngoài
FED	Federal Reserve System - Cục dự trữ liên bang Hoa Kỳ
FOB	Free On Board - Miễn trách nhiệm trên boong tàu
FTA	Free Trade Agreement – Hiệp định thương mại tự do
GDP	Gross Domestic Product - Tổng sản phẩm quốc nội
GS - TSKH	Giáo sư - Tiến sĩ Khoa học
GSO	General Statistics Office - Tổng cục thống kê
HS	Harmonized Commodity Description and Coding System - Hệ thống hài hoà Mã số và Mô tả Hàng hoá
IMF	International Monetary Fund - Quỹ tiền tệ quốc tế
KD	Kinh doanh
KH	Kế hoạch
MFN	Most favored nation - Thuế suất nhập khẩu ưu đãi
NDT	Nhân dân tệ
NHNN	Ngân hàng Nhà nước
NHTM	Ngân hàng thương mại
NSLĐ	Năng suất lao động
NSNN	Ngân sách nhà nước
ODA	Official Development Assistant - Viện trợ phát triển chính thức
PCA	Partnership Commercial Advantage - Lợi thế thương mại đối tác
RCA	Revealed Comparative Advantage - Lợi thế so sánh hiện hữu
RCEP	Regional Comprehensive Economic Partnership - Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực
ROA	Return on total assets - Tỷ số lợi nhuận ròng trên tài sản
ROE	Return on common equity - Tỷ số lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu
RTA	Regional Trade Agreements - Hiệp định thương mại khu vực
RVC	Regional value content - Hàm lượng giá trị khu vực
SOE	State Owned Enterprise - Doanh nghiệp Nhà nước
SPS	Sanitary and Phytosanitary Measures - Hiệp định về việc áp dụng các Biện pháp kiểm dịch động thực vật
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TBT	Technical Barriers to Trade - Hàng rào kỹ thuật đối với Thương mại
TC	Trade Complementarity - Chỉ số bổ sung về thương mại
TCTD	Tổ chức tín dụng
TP	Thành phố
TPP	Trans-Pacific Strategic Economic Partnership Agreement - Hiệp định Đối tác Kinh tế Chiến lược xuyên Thái Bình Dương
TTHC	Thủ tục hành chính
VAMC	Vietnam Asset Management Company - Công ty quản lý tài sản Việt Nam
VBLP	Văn bản luật pháp
VEPR	Vietnam Centre for Economic and Policy Research - Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách Việt Nam
WB	World Bank - Ngân hàng thế giới
WTO	World Trade Organization - Tổ chức Thương mại Thế giới

LỜI NÓI ĐẦU

Năm 2015 đã khép lại với niềm điểm sáng trong bức tranh tổng thể nền kinh tế đặc biệt là tăng trưởng GDP vượt chỉ tiêu đề ra đạt mức 6,68% - mức tăng cao nhất trong 5 năm trở lại đây. Năm vừa qua cũng đã đánh dấu cột mốc quan trọng khi Việt Nam và 11 nước thành viên TPP đã đi đến thỏa thuận chung cuối cùng, hơn thế nữa, đây cũng là năm khép lại chặng đường thực hiện kế hoạch 5 năm giai đoạn 2011 - 2015, tạo tiền đề phát triển cho giai đoạn mới 2016 – 2020. Với những nỗ lực ổn định vĩ mô, cải cách thể chế, TTHC nhằm nâng cao môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh quốc gia, nền kinh tế Việt Nam đang phục hồi mạnh mẽ sẵn sàng cho quá trình hội nhập sâu rộng sắp tới.

Trước bối cảnh đó, Ban biên tập Vietnam Report đã tiến hành nghiên cứu và xuất bản cuốn **Sách trắng song ngữ “Báo cáo thường niên: Kinh tế Việt Nam 2016: Trên đường hội nhập”**. Đây là sản phẩm do Vietnam Report cùng nhóm chuyên gia phối hợp xuất bản nhân sự kiện **Lễ công bố Bảng xếp hạng Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2015 - Bảng xếp hạng VNR500**. Nội dung của Báo cáo tập trung chủ yếu vào việc phân tích tình hình biến động kinh tế trong năm 2015 – những kết quả đã đạt được và những khó khăn còn tồn tại, cũng như tác động của Hiệp định TPP đến triển vọng phát triển, hội nhập của Việt Nam trong năm 2016. Để có cái nhìn khách quan và cụ thể nhất, Báo cáo không chỉ dựa trên những phân tích đánh giá của các chuyên gia mà còn tổng hợp ý kiến phản hồi từ các Doanh nghiệp lớn trong các BXH VNR500 từ năm 2007 đến nay, từ đó đề xuất những khuyến nghị chính sách nhằm tạo ra môi trường đầu tư thông thoáng hơn, nâng cao tính cạnh tranh cho Doanh nghiệp trên con đường hội nhập sắp tới. Những thông tin cập nhật về tình hình SXKD của Top 50 Doanh nghiệp Việt Nam xuất sắc nhất năm 2015 (Top 50 Vietnam The Best) cũng được giới thiệu trong phần cuối của Báo cáo.

Ban biên tập Vietnam Report hi vọng rằng, cuốn **Sách trắng “Báo cáo thường niên: Kinh tế Việt Nam 2016: Trên đường hội nhập”**, xuất bản tháng 1/2016 sẽ là tài liệu tham khảo hữu ích cho cộng đồng Doanh nghiệp Việt Nam nói riêng và toàn thể độc giả nói chung.

Ban biên tập cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành tới nhà Tài trợ: **Công ty TNHH Hào Hưng** đã đồng hành cùng chúng tôi để xuất bản thành công cuốn Báo cáo thường niên này.

Rất mong nhận được ý kiến đóng góp và nhận xét của Quý vị để Báo cáo ngày càng hoàn thiện hơn.

Trân trọng cảm ơn.

Vũ Đăng Vinh

Tổng Giám đốc, Công ty cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam – Vietnam Report

TRANG TRANG

P22

FOREWORD

2015 ended with many highlights in the overall picture of the economy, especially the GDP growth rate exceeded the target and reached 6.68% - the highest rate in the past five years. Last year marked a milestone when Vietnam and other 11 member countries in TPP reached the final agreement, and also closed the 5-year plan for the period 2011 - 2015, creating developmental premise for the new period 2016 - 2020. With the efforts of macroeconomic stability, institutional reform, administrative procedures in order to improve the business environment and national competitiveness, Vietnam's economy is recovering strongly and ready for an upcoming deep integration.

Under this context, Vietnam Report Editorial Board has conducted some researches and published the **bilingual White Paper "Annual Report: Vietnam Economy 2016: Integration - A Way ahead"**. It is released by Vietnam Report in collaboration with economic experts on the occasion of **Announcement Ceremony of Top 500 Largest Enterprises in Vietnam 2015 - VNR500 Ranking List**. The content of the report mainly focused on analyzing the economic fluctuations in 2015 - the achievements and the difficulties, as well as the impacts of TPP on the prospects for development and integration of Vietnam in 2016. In order to have the most objective and specific view, the report was not only based on the analysis and evaluation of economic experts but also summarized feedbacks from the largest enterprises in VNR500 Ranking Lists from 2007 to now, from which, proposing policy recommendations to create more favorable investment environment, enhance the competitiveness of enterprises on the path of upcoming integration. The updated information on the business situation of Top 50 Vietnam The Best 2015 was also introduced in the last section of the report.

Vietnam Report Editorial Board expect that the **White Paper "Vietnam Economy 2016: Integration - A Way ahead"** published in January, 2016 will be a useful reference for the business community in particular and readers in general.

We would like to express our sincere thanks to the Sponsor as **Hao Hung Co. Ltd** for the cooperation in publishing this report successfully.

We hope to receive comments and feedbacks to perfect the report.

Yours sincerely,

Vu Dang Vinh
CEO of Vietnam Report JSC

TRANG TRẮNG

P24

KINH TẾ VIỆT NAM 2016: **TRÊN ĐƯỜNG HỘI NHẬP**

PHẦN I

**KINH TẾ VIỆT NAM 2015
VÀ DỰ BÁO CHO NĂM 2016**

PART 1

VIETNAM'S ECONOMY 2015 AND FORECAST FOR 2016

TRANG TRẮNG

P26

KINH TẾ VIỆT NAM 2015: SÓNG CẢ KHÔNG NGÃ TAY CHÈO

VIETNAM'S ECONOMY 2015:
**STAY RESILIENT AGAINST TURBULENT
WORLD ECONOMY**

 **NHÓM NGHIÊN CỨU VIETNAM REPORT & CÁC CỘNG SỰ⁽¹⁾ / VIETNAM REPORT AND COLLEAGUES⁽¹⁾**

⁽¹⁾ GS – TSKH Nguyễn Quang Thái – Phó Chủ tịch Hội Khoa học Kinh tế Việt Nam
Tiến sĩ Phạm Sỹ An – Viện Kinh tế Việt Nam
Thạc sĩ Lê Văn Hình – Chuyên gia kinh tế

⁽¹⁾ Professor - Doctor of Science Nguyen Quang Thai - Deputy Chairman of Vietnam Economic Science
Dr. Pham Sy An – Vietnam Economic Institute
MSc. Le Van Hinh - Economic expert

Mặc dù trong điều kiện kinh tế Thế giới còn nhiều bất trắc, xung đột (biển, lãnh thổ), khủng bố, v.v. diễn ra liên miên, giá dầu thô giảm mạnh, v.v. nhưng kinh tế Việt Nam đã có những bước phục hồi ấn tượng kể từ cuối năm 2014, đạt mức tăng trưởng 6% và dự kiến sẽ đạt khoảng 6,5% vào năm 2015. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) năm 2015 ước đạt khoảng 204 tỷ USD, và bình quân đầu người đạt 2.228 USD (tính theo sức mua ngang giá là trên 5.600 USD).

Khu vực tiền tệ, ngân hàng vững chắc hơn, tỷ giá được điều chỉnh kịp thời, trong khi ngân sách và nợ công là điểm nóng. Năm 2015, Việt Nam đã đạt được thỏa thuận TPP, chính thức tham gia Cộng đồng kinh tế ASEAN, thương mại quốc tế khá ấn tượng cho dù sức cạnh tranh còn hạn chế. Chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế đang được Việt Nam quyết tâm thực hiện. Triển vọng trong năm 2016, Việt Nam sẽ đạt mức tăng trưởng khá cho dù còn không ít khó khăn, quan ngại như nợ công cùng cân đối ngân sách. Về dài hạn, chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế hướng tới năng suất, chất lượng hiệu quả sẽ giúp Việt Nam tăng trưởng bền vững hơn. (Bảng 1.1).

1. TỔNG QUAN BỨC TRANH KINH TẾ VIỆT NAM 2015

Năm 2015, nền kinh tế hồi phục trong điều kiện

Vietnam’s economy has experienced miracle recovery achievements since late 2014, remaining on track to reach at an average rate of 6% and is projected to show robust growth of around 6.5% in 2015 despite recent uncertainties and turmoil of the global economy including more often occurrence of disputes over territory and sovereignty over ocean areas, terrorism, sharp decline of crude oil price and so on. The gross domestic product (GDP) in 2015 is expected to reach roughly at USD 204 bn and GDP per capita based is around USD 2,228 (on purchasing power parity is over USD 5,600).

The banking and monetary sector appears to run more stably. This is shown by the timely foreign exchange rate flexibility whilst state budget and public debt becomes a rising pressure hot issues. Vietnam has reached the TPP agreement and officially joins ASEAN Economic Community in 2015. Its international commerce performance is quite impressive despite limited competition. Moreover, Vietnam indicates a strong determination in economic structure transition. Looking forward, Vietnam is expected to achieve favorable growth rate in 2016 although it is facing many challenges including public debt and budget balance. In long term, shifting to productivity and performance based momentum of the economic model shall allow Vietnam remain more sustainable development. (Table 1.1).

Bảng 1.1: TĂNG TRƯỞNG GDP VIỆT NAM THEO CÁC NGÀNH NĂM 2015. (ĐV: %)

Table 1.1: GDP GROWTH RATE OF VIETNAM BY SECTORS IN 2015. (UNIT: %)

	2012	2013	2014	2015 (6 tháng đầu năm) / (first 6 months)
GDP (Tổng số) / (Total)	5.3	5.4	6.0	6.3
Nông nghiệp / Agriculture	2.7	2.7	3.5	2.4
Công nghiệp và Xây dựng / Industry and Construction	5.8	5.4	7.1	9.1
Công nghiệp / Industry	5.8	7.4	8.5	9.9
Xây dựng / Construction	3.3	5.9	7.0	6.6
Dịch vụ / Services	5.9	6.6	6.0	5.9

Nguồn: GSO và WB
Source: GSO and WB

hiều rủi ro bên ngoài và những khó khăn nội tại. Theo công bố mới nhất của Chính phủ, tình hình kinh tế đã chuyển biến tích cực. Kinh tế vĩ mô ổn định, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) cả năm tăng 0,6% so với cùng kỳ năm trước, đánh dấu mức tăng thấp nhất trong vòng 14 năm qua và cũng thấp hơn rất nhiều so với chỉ tiêu 5% đề ra từ đầu năm. Dự nợ tín dụng ước tính cả năm tăng 18%. Mặt bằng lãi suất, tỷ giá và thị trường ngoại hối tiếp tục ổn định. Xuất khẩu 11 tháng đạt khoảng 149 tỷ USD, tăng 8,5%. Vốn FDI thực hiện đạt khoảng 13,2 tỷ USD, tăng 17,9%. Vốn ODA giải ngân đạt khoảng 4,4 tỷ USD. Thu NSNN ước đạt 94,1% dự toán, tăng 8,3%; chi ngân sách đạt 88,4% dự toán, tăng 7,4% so với cùng kỳ. Tuy còn không ít khó khăn hạn chế, nhưng cả nền kinh tế đã nỗ lực và tăng trưởng GDP có thể đạt trên dưới 6,5%. Nhìn nhận nền kinh tế năm 2015 có thể xem xét trên một vài góc độ nhất định: mô hình tăng trưởng, chính sách tài khóa và quản lý ngân sách, điều hành tiền tệ, cơ cấu lại khu vực ngân hàng, thương mại quốc tế, cải cách DNNN.

Mô hình tăng trưởng kinh tế: Năm 2015 được coi là một mốc quan trọng trong chủ trương đổi mới mô hình tăng trưởng và là bước thực hiện quan trọng của cải cách cơ cấu mà những năm trước đây mới chỉ là trên giấy tờ.

Để dàng nhận thấy các dấu hiệu thay đổi khá lớn về quan điểm kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế đang được hình thành rõ nét hơn ở Việt Nam thời gian gần đây. Các chính sách hay quan điểm chủ đạo có thể nhận ra là: Tập trung định hướng vào đào tạo cho đội ngũ công nhân; Thay đổi chỉ tiêu tăng trưởng cao bằng tăng trưởng hợp lý; Các quan điểm không gây sức ép quá mức về vốn cho khu vực ngân hàng (chuyển từ số lượng tín dụng sang chất lượng tín dụng); Coi trọng khu vực kinh tế tư nhân đi đôi với cổ phần hóa DNNN; Hạn chế hay cản trở với các chính sách trọng cầu (demand-side economic policies) đi đôi với chuyển sang các chính sách trọng cung (supply-side economic policies), v.v. Các trụ cột chính là Chính phủ đã chủ trương tập trung vào các cải cách quan trọng là cải cách đầu tư công, cải cách khu vực tài chính - ngân hàng, cải cách DN, cải cách thể chế, v.v.

Chính sách tài khóa và quản lý NSNN: Theo các chỉ số chuẩn mực của IMF, chính sách tài khóa thời

1. OVERVIEW OF VIETNAM'S ECONOMY IN 2015

The economy keeps the tailwinds of a recovery under the context of both external risks and internal challenges in 2015. According to the latest release of the Government, there has been a positive economic movement. Particularly, the macroeconomic performance remains firmly, the consumption price index (CPI) increases slightly by 0.6% compared to the same period of last year; this is recorded as the lowest rise over recent fourteen years, and much lower than the expected rate of 5% set early this year. The credit outstanding balance is yearly expected to increase to 18%. Generally, the interest rate, exchange rate and foreign exchange market appear to be stable. Exports in 11 months reached at USD 149 bn, up 8.5%. The disbursement of FDI reached an estimated amount of USD 13.2 bn, up 17.9%. Around USD 4.4 bn of ODA has been disbursed. State budget income is estimated to gain 94.1%, up 8.3%. The state budget spending is 88.4% of the plan, up 7.4% compared to the same reporting period. Although there is existing limitation, the whole economy has shown great efforts of keeping the GDP growth rate at somewhat 6.5%. The economy can be evaluated from the different driving forces including the growth model, fiscal policy and state budget management, monetary operation, banking reform, international trade, and State-owned enterprises reform.

Economic growth model: The year of 2015 is considered to be an important milestone of innovative growth process, and a critical step towards structure reform which has been only mentioned in theory.

Changes in economic viewpoints of growth model transition can be easily seen in Vietnam recently. Considerable policies and movement include: taking consideration into the development of skilled workers, shifting to proper growth criteria priority, easing stress on capital issues in banking sector (prioritizing credit quality instead of massive quantity), giving more weight on private business but still keeping the development of State-owned enterprises, taking critical consideration into the demand-side economic policies together with supply-side economic ones, etc. The key driver is government policies of reforming public

gian qua vẫn được coi là mở rộng và đang lấn át (dominance fiscal policy) so với các chính sách khác nhất là chính sách tiền tệ. Dường như tình trạng và quan điểm này đã và đang là nguồn gốc của nhiều hiệu ứng trong ngắn hạn và dài hạn.

Theo các đánh giá khá khách quan và có trách nhiệm, khu vực NSNN đang là “vấn đề của các vấn đề” đã kéo dài triền miên từ nhiều năm cho đến 2015 và rất có thể còn tiếp tục là vấn đề của ít nhất vài năm nữa. Năm 2015, giá dầu giảm và các nguồn thu giảm làm tổng thu giảm trong khi chi tiêu vẫn không giảm đã tạo sức ép lên cân đối ngân sách và nợ công tiếp tục ngày càng gia tăng. Quan ngại hiện nay là những năm gần đây nợ công tăng rất nhanh (20%/năm) và cũng đang tạo sức ép lên lãi suất trong nước do nguồn vay chủ yếu từ thị trường trong nước. Lãi suất trái phiếu chính phủ hiện đã thấp đáng kể nhưng vẫn từ 5-7% trong khi NHNN lại nỗ lực giảm lãi suất xuống mức thấp hơn. Trong điều kiện đó, vốn của khu vực ngân hàng sẽ tập trung vào trái phiếu chính phủ hơn là vào khu vực sản xuất. (Hình 1.1).

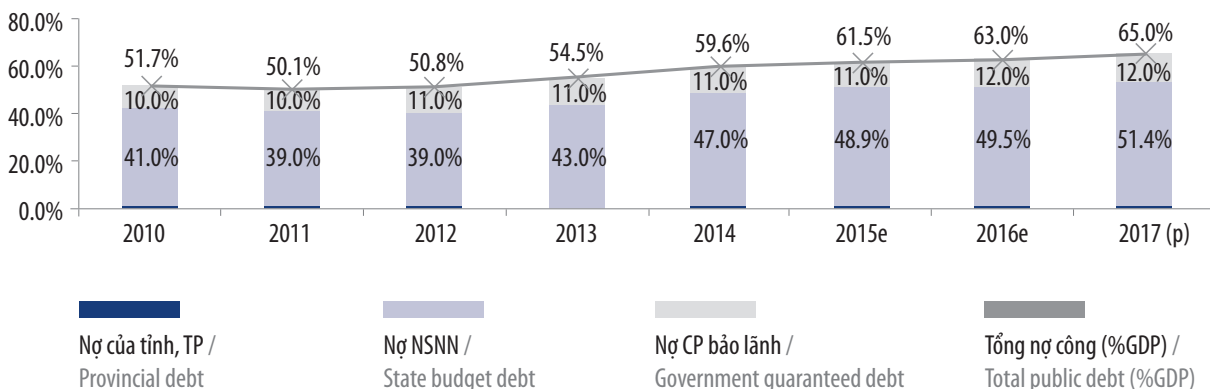
Việc quay sang phát hành trái phiếu quốc tế được lập luận là nhanh chóng đảm bảo huy động được lượng vốn theo kế hoạch và lãi suất dự kiến là 6%.

investment, finance – banking sector, enterprise structure, institutions, etc.

Fiscal policies and state budget administration: In reference to the standard criteria of IMF, it is recently considered an open and dominant fiscal policy against others, particularly monetary policy. This viewpoint seems to be a root of many short and long-term impacts.

According to objective and responsible review, the state budget is now a “persistent problem among other problems” which has been remaining for years until 2015, and possible this situation would become the long-lasting problem in a couple of coming years. The crude oil price and income decline has resulted in the downtrend of total income whilst the state budget spending keeps rising in 2015. This gives further stress on the budget balance and public debt is accelerating. Recent concerns have been related to fast public debt (an average increase of 20% per year) which causes pressure on domestic interest rate due to the borrowings mainly coming from domestic financial markets. The interest rate of the sovereign bond remains noticeably low ranging between 5 to 7 percent while the state bank has made great efforts to decrease its interest

Hình 1.1: NỢ CÔNG VIỆT NAM NĂM 2015. (ĐV: %)
 Figure 1.1: PUBLIC DEBT OF VIETNAM IN 2015. (UNIT: %)



Nguồn: Bộ tài chính và WB; Tổng nợ công năm 2017 là ước tính của Bộ tài chính; Tổng nợ công năm 2015, 2016 và cơ cấu nợ công năm 2017 là ước tính của tác giả.
 Source: Ministry of Finance and WB; Total public debt in 2017 is estimation of Ministry of Finance; Total public debt in 2015, 2016 and the structure of public debt in 2017 are estimations of author.



Cần nhận thấy rằng mức lãi suất này chỉ là một cách nhìn, tuy nhiên trong trung và dài hạn, rủi ro tỷ giá dường như chưa được cân nhắc một cách cẩn trọng khi đó chi phí nợ công sẽ cao hơn nhiều.

Điều hành chính sách tiền tệ: Chính sách tiền tệ năm 2015 được coi là mở rộng do sức ép lạm phát đã giảm đi đáng kể, thị trường tiền tệ và hoạt động ngân hàng đã ổn định trở lại (một phần là kết quả của các chính sách điều chỉnh trước đó); NHNN đã giảm lãi suất tái cấp vốn từ 7% xuống 6,5% và lãi suất cho vay tái chiết khấu từ 5% xuống 4,5%/năm; Nới rộng giới hạn 30% vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn từ 30% lên mức 60%. Điều này đã đưa dư nợ tín dụng cho nền kinh tế tăng 17,17% (tính đến 21/12/2015) và ước tính cả năm tín dụng tăng 18% (so với đầu năm), cao hơn mức tăng của cùng kỳ các năm 2011-2014; huy động vốn tăng trưởng xấp xỉ 13,6%; tổng phương tiện thanh toán ước tính tăng 13,55% so với cuối năm 2014; mặt bằng lãi suất, tỷ giá và thị trường ngoại hối tiếp tục ổn định; nợ xấu ở mức 2,72% tổng dư nợ.⁽²⁾ (Hình 1.2).

Chính sách tiền tệ đang trong tình trạng bị lấn át bởi chính sách tài khóa (fiscal dominance) cũng là một quan ngại và là cản trở đối với nỗ lực giảm lãi suất hay nỗ lực giảm tình trạng thâm hụt cán cân vãng lai của NHNN. Tình trạng này là do huy động trái phiếu Chính phủ trong nước gia tăng dẫn đến hiệu ứng gia tăng lãi

rate lower than that. In response to this context, the capital of banking sector is mainly on the sovereign bonds rather than manufacturing domain. (Figure 1.1).

The issuance of the bonds to the international financial markets was intended to quickly ensure the mobilization of capital on schedule and the expected interest rate is around 6%. It should be recognized that this interest rate is somewhat considered in the short-run, looking further, however, the risk concerning exchange rate appears not to be taken into account carefully and this may cause much higher public debt.

Monetary policy administration: Due to the significant decrease in pressure of inflation rate control, the monetary policy in 2015 appears to be a loosening policy. The monetary market and banking performance have become more stable (partially resulted from policy adjustments made before); the state bank cut the refinance interest rate from 7% down to 4.5% per year, and widened the range of short-term borrowing at 30%, and mid-long term borrowings between 30% and 60%. This leads the debt balance up 17.17% (as of December 21st, 2015) and the estimated credit of the year increased of 18% higher than that reported in early this year and the same reporting period of years 2011 – 2014. The capital mobilization grows at approximately 13.6%; the total reimbursement is estimated up 13.55% compared to that in late 2014. The common interest rate, foreign exchange rate and market remain firmly. The non-performing loan stays at 2.72% of total debt balance.⁽²⁾ (Figure 1.2).

Another great concern is in the fiscal dominance against monetary policy because it is a barrier hampering the efforts of reducing interest rate or control of drawing account deficit of the state bank. This situation caused by the rising mobilization of the sovereign bonds which results in increase in interest rate in the monetary market, Vietnam Dong currency and trade deficit.

⁽²⁾ Sáng ngày 24/12/2015, NHNN họp báo công bố một số chỉ tiêu tiền tệ và tín dụng năm 2015 và một số chỉ tiêu định hướng năm 2016 và các số liệu tiền tệ tính đến ngày 21/12/2015

⁽²⁾ In early morning, 24 Dec 2015, the State Bank organized a press release to publicize some monetary and credit criteria in 2015 and targets for 2016. Monetary data is reported as of Dec 21st 2015.

suất trên thị trường tiền tệ và cũng dẫn đến VND lên giá và gia tăng nhập siêu.

Về tỷ giá, năm 2015, VND đã lên giá đáng kể do diễn biến bên ngoài và cả hiệu ứng từ huy động vốn của khu vực ngân sách. Mặc dù, cơ quan chức năng đã phát đi thông điệp duy trì mức giao động tỷ giá không quá 2% cho năm 2015, nhưng trước diễn biến thực tế, NHNN đã tỏ ra linh hoạt hơn và mạnh dạn điều chỉnh tỷ giá VND ngay khi đồng CNY phá giá vào tháng 8/2015. Hiện tại dường như VND đang lên giá so với các đồng tiền khác; tuy nhiên không có nhiều dấu hiệu về việc điều chỉnh mạnh đối với đồng tiền này và dường như cơ quan chức năng cũng đang kiên định với mục tiêu ổn định. (Hình 1.3).

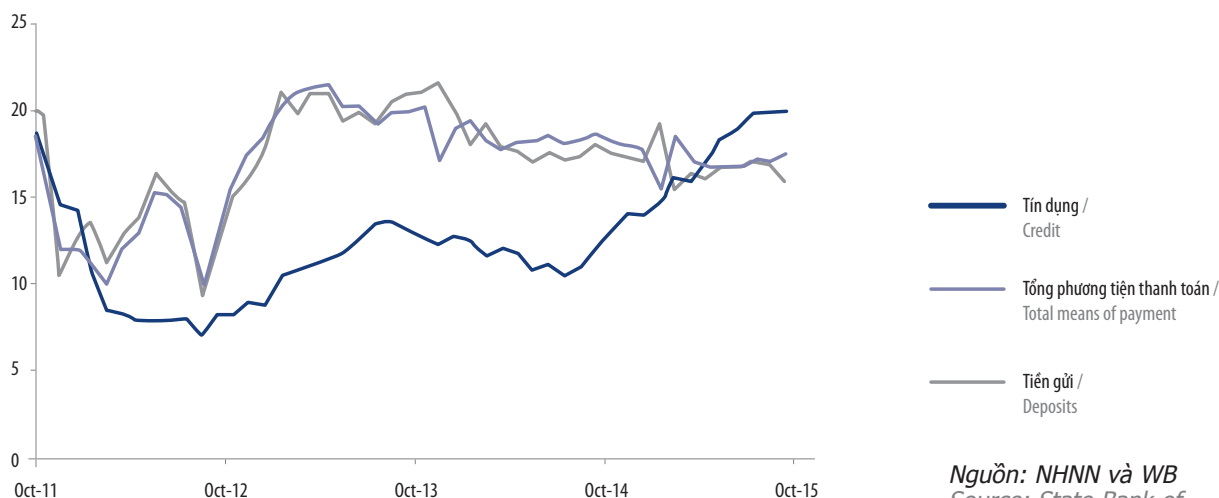
Cơ cấu lại khu vực ngân hàng: Các diễn biến vừa qua cho thấy, khu vực ngân hàng đã và đang được ổn định hóa trở lại và đang trong quá trình củng cố theo hướng giảm số lượng ngân hàng. Tính từ năm 2011, đến nay Việt Nam đã giảm được 17 tổ chức tín dụng theo hình thức tự sáp nhập và NHNN mua lại với giá 0 đồng. Các thông điệp phát đi từ cơ quan chức năng cho thấy, mục tiêu đến 2017, số lượng ngân hàng có thể giảm về 15 đến 17 tổ chức.

In terms of exchange rate, the exchange rate of Vietnam Dong to foreign currencies has remarkably increased as result of the external impacts and capital mobilization of state budget. Although the governmental agencies released the message of maintaining the range of rates less than 2% in 2015, the state bank has performed flexibly in response to the external reality and adjusted the exchange rate once the Chinese Yuan was devalued in August 2015. Currently Vietnam Dong value is going up higher than other currencies. There are, however, not many signs of sharp adjustments and the governmental agencies have shown their determination of stabilizing the situation. (Figure 1.3).

Banking restructure: The recent movements have indicated that the banking sector has been running on the right track firmly and under the reform towards quality rather than massive quantity of bankers. Vietnam has cut down by 17 credit organizations under the forms of merger and acquisition where the state bank purchased at the price of VND 0 since 2014. The key message from the governmental agencies shown that the number of bankers is planned to reduce 15-17 institutions by 2017.

Hình 1.2: TĂNG TRƯỞNG TIỀN TỆ TẠI VIỆT NAM NĂM 2015. (ĐV: % SO VỚI NĂM TRƯỚC)

Figure 1.2: MONETARY GROWTH IN VIETNAM IN 2015. (UNIT: % COMPARED TO PREVIOUS YEAR)



Nguồn: NHNN và WB
Source: State Bank of Vietnam and WB

Xử lý nợ xấu của hệ thống ngân hàng: Thời gian qua, nợ xấu của hệ thống ngân hàng được xử lý thông qua việc Công ty mua bán nợ tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) mua lại bằng trái phiếu đặc biệt. Từ khi bắt đầu hoạt động (Quý IV/2013) đến giữa tháng 11/2015, VAMC đã phát hành 192 nghìn tỷ đồng trái phiếu đặc biệt để mua gần 220 nghìn tỷ giá trị dư nợ gốc nội bảng (với giá mua nợ là 191.381 tỷ đồng) chiếm hơn 50% tổng nợ xấu xử lý của toàn hệ thống. Đến thời điểm 30/11/2015, khoảng 99,6% nợ xấu của các TCTD ước tính tại thời điểm cuối tháng 9/2012 đã được xử lý; đưa tỷ lệ nợ xấu của hệ thống đã giảm xuống mức 2,72% tổng dư nợ, hoàn thành chỉ tiêu đề ra. Các ngân hàng được dùng trái phiếu đặc biệt để vay tái cấp vốn tại NHNN với mức là 70% mệnh giá trái phiếu để tạo thanh khoản cho hoạt động. (Hình 1.4).

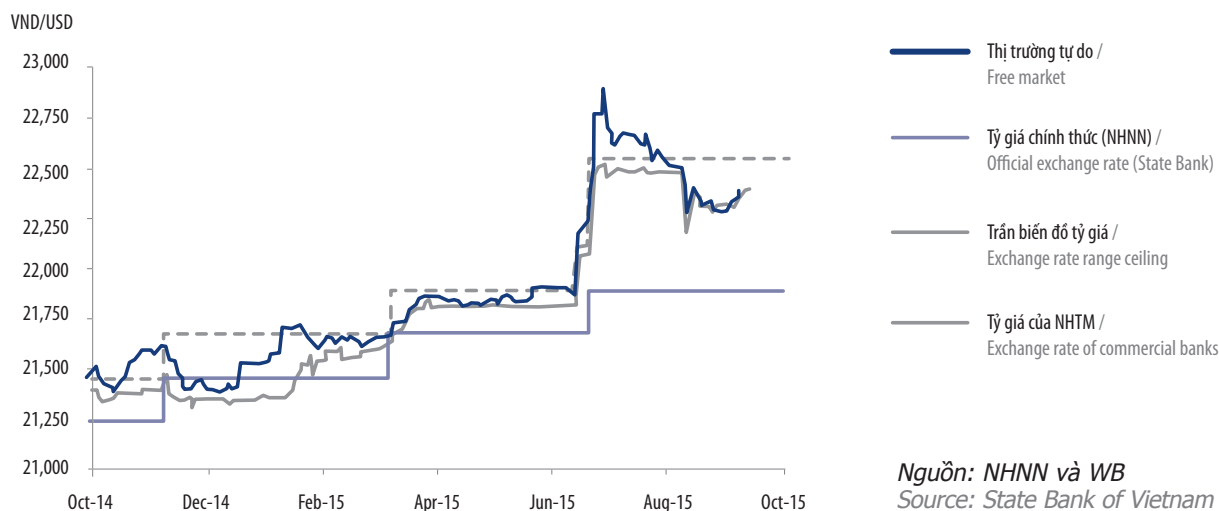
Có thể nhận thấy, việc phân bổ chi phí tái cơ cấu ngân hàng Việt Nam đang được thực hiện theo cách thức phân tán (decentralize). Cách thức này dường như là lựa chọn duy nhất với điều kiện cụ thể của Việt Nam hiện nay vì nó không gây áp lực tăng nợ Chính phủ quá mức, không phá vỡ chính sách tiền tệ và đồng thời duy trì kỷ cương thị trường ngân hàng (Nhà nước không bảo lãnh cho các hoạt động bất cẩn của các NHTM).

Settlement of non-performing loan in the banking system: The non-performing loan in the banking system has been so far addressed by the way where the Vietnam Asset Management Company (VAMC) has purchased bad debts by issuing special bonds to credit institutions. As of mid-November 2015, this company has issued an amount of VND 192 bn of special bonds in order to collect VND 220 bn worth of non-performing debts (while the price of purchasing debt is VND 191,381 bn) presenting for more than 50% of the total debts across the system since its establishment in the fourth Quarter of 2013. As of Nov 30th, 2015 around 99.6% of non-performing debts of credit institutions as estimated in late September 2012 has been settled. This helps the non-performing loan fall down to 2.72% of the total amount that meets the target successfully. The banks are allowed to use special bonds for refinancing at State Bank with 70% of bonds' par value to provide liquidity for operations. (Figure 1.4).

The figure shows that the allocation of budget for banking restructure in Vietnam has been decentralized. This method seems to be the only choice under the specific context in Vietnam because it does not cause extreme pressure on the government's debt and affect

Hình 1.3: TỶ GIÁ VND SO VỚI USD NĂM 2015. (ĐV: ĐỒNG)

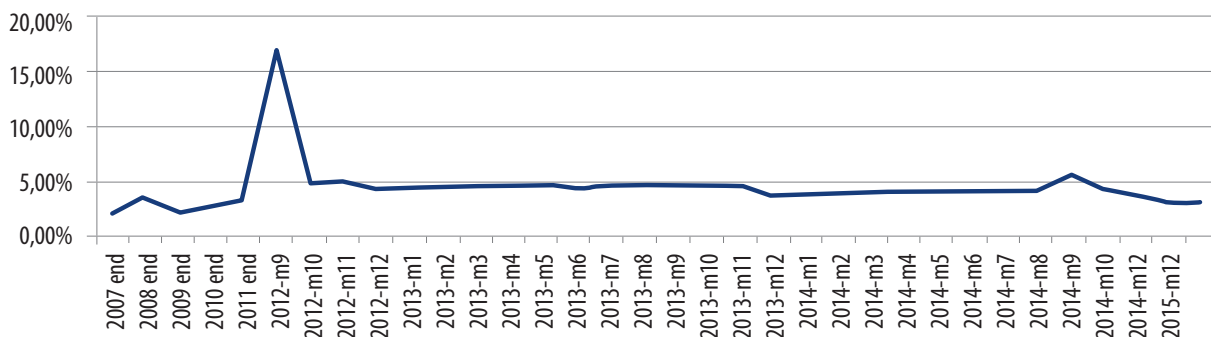
Figure 1.3: EXCHANGE RATE OF VND AGAINST USD IN 2015. (UNIT: DONG)



Nguồn: NHNN và WB

Source: State Bank of Vietnam and WB

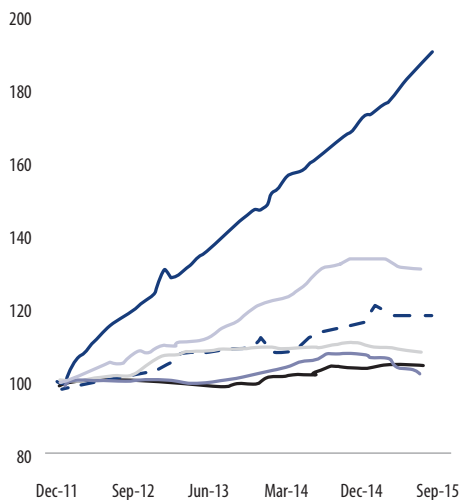
Hình 1.4: NỢ XẤU CỦA NGÂN HÀNG VIỆT NAM. (ĐV: % TỔNG DƯ NỢ)
Figure 1.4: BAD DEBT OF VIETNAM BANKS. (UNIT: % OF TOTAL OUTSTANDING LOANS)



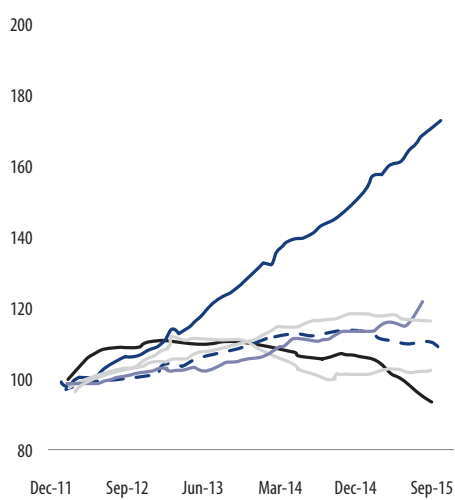
Nguồn: NHNN và báo cáo của Chính phủ tại các kỳ họp Quốc Hội
 Source: State Bank of Vietnam and report of Government at National Assembly sessions

Hình 1.5: THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ VIỆT NAM SO VỚI MỘT SỐ NƯỚC TRONG KHU VỰC 2015.
Figure 1.5: INTERNATIONAL TRADE OF VIETNAM COMPARED TO OTHERS COUNTRIES IN THE AREA IN 2015.

Chỉ số xuất khẩu 12 tháng: "12/2011" = 100 /
 Export index 12 months: "12/2011" = 100



Chỉ số nhập khẩu 12 tháng: "12/2011" = 100 /
 Import index 12 months: "12/2011" = 100



Nguồn: WB
 Source: WB

Thương mại quốc tế năm 2015: Thương mại quốc tế của Việt Nam vẫn tiếp tục tăng trưởng so với các nước trong khu vực. Tuy nhiên, vấn đề cổ hữu là sức cạnh tranh thấp của hàng hóa xuất khẩu chưa được cải thiện. Thống kê xuất khẩu cho thấy, Việt Nam tập trung vào các hàng hóa có giá trị gia tăng thấp so với các nước trong ASEAN. (Hình 1.5).

Cải cách DN Nhà nước: Cho đến nay các DNNN vẫn có vai trò quan trọng đối với nền kinh tế. Các DNNN nắm giữ 1/3 tổng tài sản của tất cả các DN trong nước; 1/4 sản lượng của nền kinh tế, và 1/8 lượng lao động của khu vực DN trong nước. Chương trình cơ cấu lại khoảng 1.200 DNNN được khởi xướng từ năm 2012. Việc cổ phần hóa được đẩy mạnh từ năm 2014 với việc cổ phần hóa 143 DNNN (so với kế hoạch 200 DNNN). Năm 2015, Chính phủ đưa ra kế hoạch cổ phần hóa 289 DNNN, theo số liệu mới nhất đến đầu Quý II năm 2015, mới chỉ có 29 DNNN được cổ phần hóa. (Hình 1.6).

2. NHỮNG DỰ BÁO NĂM 2016

Tiếp nối xu thế tăng trưởng của năm 2015, Chính phủ dự kiến đặt mục tiêu tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2016 đạt 6,7% và tốc độ tăng CPI dưới 5%. Có nghĩa là nền kinh tế được Chính phủ đánh giá sẽ còn tiếp tục

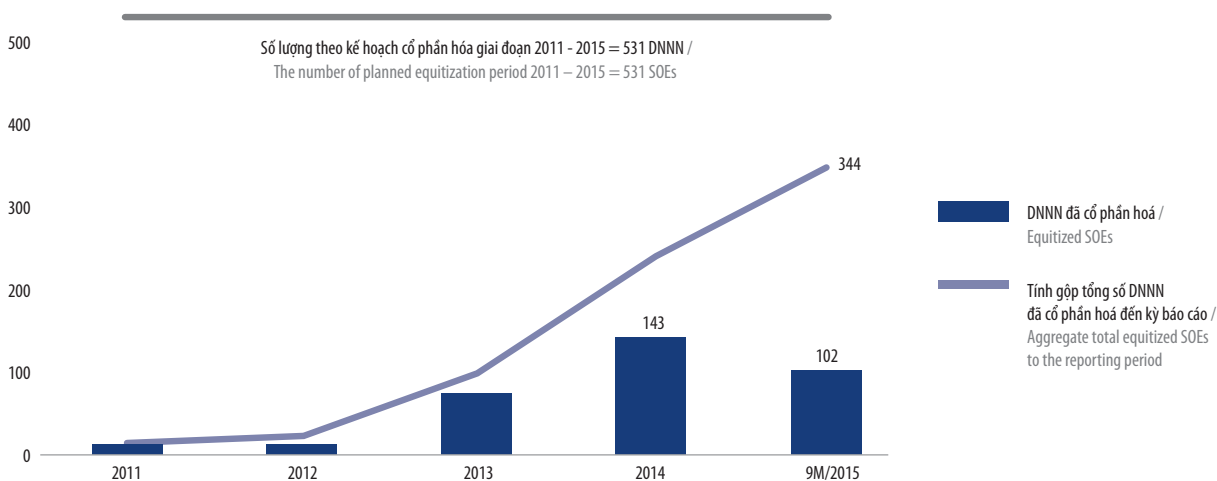
the monetary policy as well. Besides, it remains the principles of banking market (the State does not guarantee the careless actions of commercial banks).

International trade in 2015: Vietnam’s international trade keeps growing better than other countries in the region. The persistent shortage is however low competition of exporting goods that has not been improved. According to the statistics, Vietnam concentrates on low value added goods in comparison to other ASEAN countries. (Figure 1.5).

State-owned enterprise reform: The state-owned enterprises still play an important role in the economy so far. These enterprises possess one third of the total assets of all domestic enterprises, produce one fourth of the output and use one eighth of the labor working for the domestic enterprises. The reform strategy adopted in 1,200 state-owned enterprises has been launched in 2012. The process of equalization has been accelerated since 2014 in 143 enterprises (out of total 200 enterprises). In 2015, the Government introduced the equalization campaign of 289 state-owned enterprises but only 29 were equitized as reported in the second quarter of 2015. (Figure 1.6).

Hình 1.6: TIẾN ĐỘ CỔ PHẦN HÓA CÁC DNNN SO VỚI KẾ HOẠCH. (ĐV: SỐ DN)

Figure 1.6: THE PROGRESS OF SOEs EQUITIZATION COMPARED TO THE PLAN. (UNIT: NUMBER OF ENTERPRISES)



Nguồn: WB và Chính phủ
Source: WB and Government



tăng trưởng cao hơn nữa và tiếp tục giữ ổn định kinh tế vĩ mô. Theo dự báo mới nhất của Ngân hàng Thế giới, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2016 sẽ đạt 6,6% (gần sát với mục tiêu kế hoạch của Chính phủ là 6,7%). Tuy nhiên, những rủi ro mà WB cảnh báo nước ta có thể sẽ gặp phải đó là quá trình tái cơ cấu chậm chạp, nợ xấu chưa được xử lý triệt để (cho dù tỷ lệ nợ xấu có nằm dưới 3% theo báo cáo của Chính phủ).

Tỷ lệ lạm phát được dự báo tiếp tục nằm ở mức thấp vì theo các dự báo của nhiều tổ chức Quốc tế, giá dầu Thế giới không có xu hướng tăng trong nhiều năm tới vì nguồn cung dầu đang dư thừa và các nước cũng không biết Iran sẽ còn tung ra thị trường bao nhiêu thùng dầu nữa sau khi các nước phương Tây gỡ bỏ lệnh cấm vận đối với nước này. Chính sách tiền tệ đang có dấu hiệu được nới lỏng hơn nhằm hỗ trợ cho nền sản xuất với các công cụ như hạ dự trữ bắt buộc, giảm lãi suất chính sách đôi chút đi đôi với nới lỏng điều kiện tín dụng, v.v. Về ngân sách, dù đang có rất nhiều nỗ lực cho cân đối ngân sách, cơ cấu lại nợ công, v.v. Tuy nhiên, vấn đề cân đối ngân sách và nợ công chắc chắn vẫn là chủ đề đáng quan tâm của năm 2016 và một vài năm tiếp theo.

Về thương mại quốc tế, với các lộ trình cam kết về hội nhập quốc tế như WTO, TPP, hay cộng đồng kinh tế ASEAN, nhưng với diễn biến bên ngoài như hiện nay, thương mại quốc tế Việt Nam được dự báo là không có nhiều đột biến.

Trong điều kiện hội nhập và đẩy mạnh thực hiện ba đột phá chiến lược, cơ cấu lại nền kinh tế và đổi mới

2. OUTLOOK FOR 2016

Following the growth momentum in 2015, the Government expects to set the target of growth rate at 6.7% and CPI rising below 5% in 2016. This means that the economy is projected to further grow and remain the stable micro-economy. According to the latest projections of World Bank, the GDP of Vietnam in 2016 will reach 6.6% closely to the Government's target. However, the risks warned by the World Bank our country may face include slowdown of restructure and lack of effective settlement of non-performing loans (despite less than 3% as reported by the Government).

The inflation rate is projected to be low because many forecasts of international organizations indicate that the oil world price tends to decline in several coming years as result of abundant supply and there is uncertainty of volume of oil barrels introduced by Iran into the market after Western countries eliminate the embargo. The monetary policy is loosening in order to support the production as a tool to reduce interest rate and loosen the credit conditions, etc. In terms of state budget, many efforts have been made in order to control the budget balance and public debt restructure but these problems remain the big concern in 2016 and coming years.

The international trade of Vietnam is not expected to have outstanding changes under the context of long-term economic integration commitments related to WTO, TPP and ASEAN economy community.

Under the context of economic integration and pro-

mô hình tăng trưởng, kinh tế nước ta tiếp tục có khả năng tăng trưởng khá hơn, dù kinh tế Thế giới còn khó khăn. Tuy nhiên, những khó khăn mới xuất hiện cũng làm cho NSLĐ và sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa thể có nhiều bứt phá. Các chỉ tiêu kinh tế xã hội có thể có chuyển biến không nhiều, làm cho tình trạng tụt hậu xa hơn trên một số chỉ tiêu phát triển càng thêm khó khăn. Thậm chí, có những vấn đề nếu không được xử lý tốt, như tái cơ cấu thu chi ngân sách, cải cách mạnh mẽ khu vực DNNN, ngân hàng, đầu tư công, nông nghiệp và nông thôn thì chắc chắn kinh tế sẽ bị chững lại và thậm chí có thể gây thêm khó khăn mới trong 3-5 năm tới. Ngay việc cải cách các nông lâm trường cũng đang là một thời cơ mới cho phát triển, nhưng cũng là rào cản nếu xử lý không thành công. Tác động xấu của tình trạng biến đổi khí hậu toàn cầu và độ trễ của các chính sách xã hội, nhất là trong y tế và đào tạo nguồn nhân lực, đẩy mạnh ứng dụng và đổi mới công nghệ sẽ có cả khả năng tốt và xấu đan xen. Khó khăn có thể lớn hơn, nếu các cải cách về thể chế, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, cải cách hành chính theo hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền và coi trọng vai trò của các tổ chức đa dạng của xã hội công dân sẽ có thể làm cho các thành tựu trở nên ít đậm sắc hơn, gây cản trở, ách tắc cho quá trình hội nhập và phát triển thành công như mong đợi. ■

motion of strategies including economy reform and growth model innovation, it is expected Vietnam's economy is able to grow better despite of slowdown of the world economy. However, new challenges also hinder the productivity and competitiveness to achieve turning point. Socio-economic criteria may remain unchanged, which will pull back the whole economy in terms of some specific criteria of growth. More importantly, if some problems such as restructure of state budget spend and income, and reform of state-owned enterprises, banking, investment in agricultural and rural development would not be managed well, the economy would face more difficulties in 3 – 5 years. Particularly, the reform of forestry – agricultural farm is considered a new opportunity for the development but also this is a barrier in the case of reform failure. Bad impacts resulted from climate change globally and delay of social policies, especially health care and human resource development, application of technologies and advance may exposure to both risks and potentials. The challenges may be bigger if the institutional reform, improving investment and business environment, and administrative reform are towards legitimate state form and giving more priority to the roles of organizations may caused less typical achievement and even hamper the integration and development. ■



CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ, TÀI KHOẢN VÀ NỢ CÔNG: NHỮNG ĐIỂM NÓNG TRONG ĐIỀU HÀNH KINH TẾ VĨ MÔ 2015

*MONETARY, FISCAL POLICIES AND PUBLIC DEBT:
CHALLENGES IN MACROECONOMIC MANAGEMENT 2015*

 **GS – TSKH NGUYỄN QUANG THÁI, PHÓ CHỦ TỊCH HỘI KHOA HỌC KINH TẾ VIỆT NAM /
NGUYEN QUANG THAI - PROFESSOR AND DOCTOR OF SCIENCE, VICE PRESIDENT OF ECONOMIC SCIENCE ASSOCIATION OF VIETNAM**

Trong xu hướng tăng trưởng nhẹ của Thế giới năm 2015, kinh tế Việt Nam nằm trong số ít nước có bước tiến trên nhiều mặt: tăng trưởng đạt trên 6,5%, ổn định kinh tế vĩ mô vững hơn với mức lạm phát thấp, xuất khẩu tăng khá và nhập siêu tương đối thấp, nợ xấu của ngân hàng đã đưa về dưới 3%, DN mới thành lập đạt trên 90.000 là mức cao nhất trong một năm. Những tín hiệu tích cực này đã được Quốc Hội cùng DN và nhân dân cả nước ghi nhận.

1. CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ ĐIỀU HÀNH KHẢ THÀNH CÔNG

Chính sách lưu thông tiền tệ hay Chính sách tiền tệ đã được NHNN quản lý khá tốt, làm cho quá trình quản lý cung tiền đã hướng tới việc giảm lạm phát từ mức 20% năm 2011 xuống mức thấp khoảng 2% năm 2015 và có mức lãi suất chấp nhận được, duy trì tỷ giá ổn định với biên độ hợp lý (+/-) 3%, tạo điều kiện khôi phục các DN, nhất là sau khi có Luật DN mới 2014 và tăng cường tạo thêm việc làm trong nền kinh tế. Chính sách lưu thông tiền tệ được NHNN áp dụng bao gồm việc thay đổi các loại lãi suất nhất định, có thể trực tiếp hay gián tiếp thông qua các nghiệp vụ thị trường mở; quy định mức dự trữ bắt buộc; hoặc trao đổi trên thị trường ngoại hối và nhiều công cụ khác. Việc quản lý thành công giá vàng trong nước cũng cần được ghi nhận, tránh được đầu cơ, gây hoang mang trong dân.

Luật Ngân hàng Nhà nước (1997, bổ sung và sửa đổi 2003, 2010) đã đặt cơ sở pháp lý chính thức cho chính sách tiền tệ (CSTT). Đồng thời cũng đã có sự phối hợp ngày càng chặt chẽ CSTT và chính sách tài chính (CSTC) nói chung, như “Quy chế về phối hợp công tác và trao đổi thông tin” đã được ký kết vào ngày 29/02/2012. Gần đây, “Quy chế phối hợp trong quản lý và điều hành kinh tế vĩ mô” giữa bốn Bộ (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, NHNN và Bộ Công thương) đã được ký kết ngày 02/12/2014 nhằm thực hiện Quyết định số 1317/QĐ-TTg ngày 16/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ về cải cách cơ chế phối hợp

In the context of light global economic growth in 2015, Vietnam was among a minority of economies making progress in different fields: economic growth rate stood higher than 6.5%, macro-economic stability continued to be improved with low inflation, fair improvement in international trade and relatively scaled-down trade deficit, non-performing loan ratio in the banking sector was brought back to below 3%, the number of newly established enterprises was over 90,000, the ever biggest yearly-based statistical figure. Such positive events have been acknowledged by the National Assembly as well as the business sector and the whole citizens.

1. PASSABLY SUCCESSFUL MANAGEMENT OF MONETARY POLICY

Money circulation policy or monetary policy has been fairly successfully managed by the State Bank of Vietnam (SBV), helping lower the inflation rate from 20% in 2011 down to approximately 2% in 2015, interest rate has been set at an acceptable level, exchange rate has been stabilized within the band of (+/-) 3%, hence facilitating the recovery in the business sector, particularly amidst the introduction of new Law on Enterprises in 2014, and job creation. Monetary policy managed by the SBV means adjusting particular interest rates through such tools as open market operations, reserve requirements, foreign exchange market intervention, and many others. It is necessary to acknowledge the success in managing the domestic gold market, hence preventing speculation and improving market sentiment.

The 1997 Law on the State Bank of Vietnam (amended in 2003) and the new Law (2010) have laid an official legal foundation for monetary policy. At the same time, there has been an increasingly close coordination between monetary policy and fiscal policy, proved through the “Regulations on Coordination and Information Exchange” between the SBV and the Ministry of Finance dated Feb 29th, 2012. More recent-

trong quản lý và điều hành kinh tế vĩ mô. Nhờ vậy, các chính sách được điều chỉnh kịp thời. Chẳng hạn, trước các áp lực do Trung Quốc điều chỉnh tỷ giá NDT, Ngân hàng Trung ương FED dự tính tăng lãi suất, việc tăng giá dầu mỏ, v.v. đã được tính toán khá chi tiết, tạo được đồng thuận cao. Nhờ vậy, quá trình cơ cấu lại hệ thống ngân hàng, đưa tỷ lệ nợ xấu về mức 3% rất thành công, dù Công ty VAMC còn đang cần cải tiến nhiều hơn nữa.

2. ĐIỀU HÀNH TÀI KHÓA CÒN GẶP KHÓ KHĂN LỚN DO CÓ THIẾU SÓT TRONG LUẬT, THIẾU PHỐI HỢP VÀ CHƯA THỰC HIỆN TỐT CHÍNH SÁCH TIẾT KIỆM

Lâu nay, Ngân sách Nhà nước đã được thực hiện khá tốt. Các cân đối được thực hiện khá thông suốt. Tuy nhiên, dường như có "lỗi" trong Luật ngân sách và điều hành từ Quốc Hội và hệ thống chính quyền các cấp. Về nguyên tắc, chính sách tài khóa thực hiện chi tiêu công và phải có trách nhiệm đảm bảo các khoản chi tiêu đó đem lại hiệu quả bởi cơ chế phân bổ vốn hợp lý, đó là nhân tố quyết định đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững, tạo nền tảng cho CSTT phát huy hiệu lực. Thiếu điều kiện nền tảng này, các điều tiết mở rộng hay thu hẹp chính sách tài khóa thực chất không đem lại kết quả bền vững.

Quy mô chi ngân sách quá cao, tới trên dưới 30% GDP (là mức cao so với Thế giới) quá sức chịu đựng

ly, on Dec 2nd, 2014, the Ministry of Planning and Investment, the Ministry of Finance, the SBV, and the Ministry of Industry and Trade signed "Regulations on Coordination in Macroeconomic Management" in realizing Decision No 1317/QĐ-TTg dated Aug 16th, 2013 of the Prime Minister on reforming coordination mechanisms in macroeconomic management. Thereby, policies have been adjusted in timely manner. For instance, pressures brought about by the devaluation of RMB, the expectation of the Federal Reserves' interest rate increase, the changing crude oil price, etc. have been taken into account by policy makers during policy making process, thus receiving high appreciation and support from the public. Partly because of this reason, the restructuring of the banking sector and reduction of NPL ratio to 3% have made great success although there remain many jobs ahead for the VAMC to do.

2. PROBLEMS IN FISCAL MANAGEMENT DUE TO SHORTCOMINGS IN THE LEGAL SYSTEM AND LACK OF COORDINATION AS WELL AS POOR IMPLEMENTATION OF SAVING POLICY

So far the State Budget has been managed relatively well. Budget revenue and expenditure items have been smoothly implemented. However, there seem "shortfalls" in the Law on State Budget, the guidance by the National Assembly as well as the execution by authorities at all levels. In principle, fiscal policy encompasses government spending in the way that such spending is used in an optimal manner through reasonable funding allocation mechanisms; this is a decisive determinant of sustainable economic growth and facilitates the effectiveness of monetary policy. Fiscal expansion or tightening will have no effect in the absence of this basic condition.

Currently, budget expenditure is as high as 30% of GDP, a high ratio compared to the rest of the world and surpassing the robustness of the economy, development expenditure makes up a big proportion in total



của nền kinh tế; tỷ trọng chi đầu tư phát triển ở mức cao, thể hiện mức độ chi phối của Chính phủ vào khu vực sản xuất và phần nào làm giảm hiệu quả và tính cạnh tranh của khu vực này (đến lượt nó, khả năng tạo ra nguồn thu cho ngân sách sẽ hạn chế); chi tiêu dàn trải cho nhiều đối tượng, thiếu quy hoạch và chiến lược chi tiêu trong trung và dài hạn; sử dụng nguồn vốn ngân sách lãng phí, hiệu quả thấp, tham nhũng; vấn đề quản lý và giám sát chi tiêu chưa hợp lý, vấn đề phân cấp trong quản lý đối với ngân sách các cấp.

Yếu tố quyết định khả năng này nằm ở mức độ lành mạnh và bền vững của cân đối ngân sách thể hiện trước hết ở quy mô, cơ cấu nguồn thu, cơ sở thuế, phí; mức thuế, phí (tỷ lệ thu cân đối ngân sách biến động ở mức cao 23 - 25%GDP) và kỷ luật thu, sự công bằng và minh bạch trong chính sách thuế áp dụng với các đối tượng chịu thuế, phí, chính sách khai thác nguồn thu và nuôi dưỡng nguồn thu. Cần tăng tỷ trọng nguồn thu nội địa, hạn chế phụ thuộc vào nguồn thu xuất khẩu tài nguyên, giảm bớt tình trạng sử dụng chính sách thuế cho yêu cầu chính sách xã hội, tăng

budget expenditures, which shows the government's control over the real economy, thus reducing the competitiveness of this sector (and budget revenues are adversely affected, in return), there lack careful reckoning in expenditure as well as a spending plan/strategy in the medium and long-term. Other issues include the waste use of public funding that generates poor outcomes, corruption, ineffective management and supervision of expenditures, decentralization of budget management.

For fiscal policy to contribute to sustainable growth, the soundness and sustainability of fiscal balance play a decisive role. This includes the scale and structure of revenues, tax/fee base, tax/fee rate (current revenue for balancing budget fluctuates between 23% and 25% of GDP) as well as fiscal discipline, the fairness and transparency of tax policy imposed on tax payers, policy on exploiting and maintaining revenue sources. It is necessary to raise domestic revenues and reduce dependence on those from export of natural resources, diminish the use of tax policy for social policy needs,

CÁC THÔNG QUA DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CŨNG KHÁC BIỆT SO VỚI QUYẾT TOÁN - VÍ DỤ VỀ NĂM 2013:

Dự toán NSNN năm 2013:

Tổng số thu cân đối NSNN là 816.000 tỷ đồng. Tổng số chi cân đối NSNN là 978.000 tỷ đồng. Mức bội chi NSNN là 162.000 tỷ đồng, tương đương 4,8% tổng sản phẩm trong nước (GDP). Quốc hội chấp thuận cho phát hành trái phiếu không quá 60.000 tỷ đồng năm 2013, trong tổng số 225.000 tỷ đồng cho cả giai đoạn 2011-2015, đồng thời, thu hồi số vốn trái phiếu Chính phủ đã ứng trước của năm 2013.

Quyết toán NSNN năm 2013:

Tổng thu cân đối NSNN là 1.084.064 tỷ đồng, bao gồm cả thu chuyển nguồn năm 2012, thu kết dư ngân sách địa phương, thu huy động đầu tư, thu từ quỹ tài chính, v.v. Tổng chi cân đối NSNN là 1.277.710 tỷ đồng, bao gồm cả chi chuyển nguồn năm 2013 sang năm 2014. Mức bội chi là 236.769 tỷ đồng, không bao gồm kết dư ngân sách địa phương. Nguồn bù đắp bội chi bao gồm vay trong nước 180.347 tỷ đồng, vay ngoài nước 36.422 tỷ đồng.

Độ lệch giữa dự toán và quyết toán đến 33% về thu và 30,5% về chi. Đây là điều không nên có, khó cho sự giám sát của Quốc Hội. Cách làm này là do cơ cấu ngân sách được quy định trong Luật còn bất cập.

APPROVAL OF STATE BUDGET ESTIMATES FAR DIFFERENT FROM ACCOUNTING – AN EXAMPLE IN 2013:

State budget estimate in 2013:

The total revenue to the state budget balance was VND 816,000 bn. The total spending of the state budget was VND 978,000 bn. The total fiscal deficit was VND 162,000 bn, equal to 4.8 percent of the total GDP. The Assembly approved the issuance of bonds worth of not more than VND 60,000 bn in 2013 out of VND 225,000 bn in the period of 2011 – 2015, at the same time, collection of governmental bonds were collected in advance in 2013.

State budget finalization in 2013:

The total revenue reached VND 1,084,064 bn including deferred revenue resources in 2012, collection from local budget balance, investment mobilization, financial fund, etc. The total state budget spending was VND 1,277,710 bn including brought forward expenditures of 2013 to 2014. The fiscal deficit was VND 236,769 bn excluding local budget balance. The compensation to fiscal deficit included domestic borrowing of VND 180,347 bn and foreign borrowing of VND 36,422 bn.

The difference between estimating and accounting are 33% and 30,5% for revenue and expenditure respectively. This should not happen for the management of the National Assembly. The shortcomings in the regulations related to budget structure are responsible for this failure.

tỷ trọng thuế trực thu so với thuế gián thu, v.v. là các yêu cầu bức thiết cho một cấu trúc thu ngân sách bền vững. Tất cả các chỉ tiêu của một chính sách thu ngân sách bền vững đều đang thiếu khi xem xét sự biến động nguồn thu ngân sách của Việt Nam hiện nay.

Quy mô, cơ cấu chi tiêu ngân sách, hiệu quả chi tiêu, đầu tư, cơ chế phân bổ vốn ngân sách, đối tượng, mục tiêu sử dụng vốn ngân sách cần cải cách một cách hệ thống trong thời gian tới. Cần có hướng tiếp cận tích cực đối với việc xây dựng kế hoạch ngân sách hàng năm xuất phát từ nguồn thu mà không xuất phát từ nhu cầu chi tiêu ngân sách như hiện nay. Điều này sẽ hạn chế tình trạng bội chi ngân sách và đảm bảo nguồn bù đắp cho mức bội chi đó. Một ngân sách bền vững mới có thể trở thành bệ đỡ và là công cụ chính sách linh hoạt, có sức mạnh chống đỡ các cú sốc vĩ mô trong mọi trường hợp.

3. NỢ CÔNG TĂNG NHANH LÀ HỆ QUẢ CHI TIÊU NGÂN SÁCH

Nợ công theo Luật Việt Nam bao gồm nợ của Chính Phủ vay, nợ do Chính phủ bảo lãnh và nợ vay của chính quyền địa phương. Sau khi loại đi các trùng lặp, con số nợ này cuối năm 2014 theo WB là 2,35 triệu tỷ đồng (tương đương khoảng 110 tỷ USD) thấp hơn con số của Chính phủ đôi chút vì tránh tính trùng hai lần. Tỷ trọng nợ công so với GDP tăng nhanh, từ 50% năm 2011 lên 59,6% năm 2014; 79,6% trong số này là nợ Chính phủ, 19% là nợ được Chính phủ bảo lãnh và khoảng 1,4% là nợ của chính quyền địa phương. Cơ cấu nợ công này có đặc điểm là nợ nước ngoài giảm tỷ trọng, còn vay "nóng" trong nước tăng lên: Nợ nước ngoài của Chính phủ vẫn giữ ổn định khoảng 27-28% GDP trong giai đoạn 2010-2014, nợ trong nước tăng nhanh từ 23,1% GDP năm 2010 lên 31,7% GDP năm 2014. Phần lớn huy động vốn trong nước dựa trên phát hành trái phiếu Chính phủ với lãi suất bình quân gia quyền 7,9%/năm trong năm 2013 và 6,6% năm 2014. Thời gian đáo hạn trung bình của trái phiếu Chính phủ tương đối ngắn 3,1 năm (2013) và 4,8 năm (2014). WB nhận định: "Điều này có thể phát sinh rủi ro quay vòng nợ không khớp với kỳ hạn, đặc biệt trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư cơ sở hạ tầng được tài trợ bằng nợ vay". Vì thế Chính Phủ đã phát hành thêm trái phiếu ra thị trường quốc tế. Việt

increase the proportion of direct tax in comparison to indirect tax, etc. for budget revenue sustainability to be achieved. All indicators of a sustainable budget revenue policy are absent when looking at current movement of budget revenue sources in Vietnam.

There needs to have a systemic reform in the scale, structure and effectiveness of budget expenditure and investment, and objects and purposes of budget funding in coming time. There also needs a shift in approach in budget building from expenditure needs to that of availability of revenue sources. This will contribute to the decline in fiscal deficit and ensure that there are available sources for offsetting that deficit. It is a sustainable budget that forms a cushion and a flexible policy tool that increases the economy's resilience to macroeconomic shocks.

3. RAPIDLY INCREASING PUBLIC DEBT AS A RESULT OF BUDGET EXPENDITURES

According to Vietnam's Law, public debt encompasses government debt, government-guaranteed debt, and local authority debt. After wiping out any coincidences, the World Bank announced that Vietnam's public debt at end-2014 stood at VND 23,500 trn (equivalent to USD 110 bn), a little bit smaller than the figure announced by the Government. There was a jump in debt-to-GDP ratio, from 50% of GDP in 2011 to 59.6% in 2014, of which, government debt accounted for 79.6%, government-guaranteed debt made up 19%, and the rest 1.4% was local authority debt. In terms of debt structure, the proportion of foreign debt had decreased, while that of domestic "hot" lending had witnessed an increase. During the period between 2010 and 2014, government's foreign debt remained at 27% - 28% of GDP, while domestic debt jumped from 23.1% of GDP in 2010 to 31.7% of GDP in 2014. Most of domestic debts were in the form of government bond issuance of which average weighted interest rates were 7.9% in 2013 and 6.6% in 2014. Average maturity was relatively short (3.1 years in 2013 and 4.8 years in 2014). The World Bank stated: "This could lead to the risk of debt turnover and maturity mismatch, particularly in the time of financing capital investment by lending."

Nam đã phát hành trái phiếu quốc tế 10 năm với tổng giá trị 1 tỷ USD (lãi suất 4,8%) vào tháng 11/2014 – lần phát hành ra thị trường quốc tế đầu tiên trong 5 năm. Phần lớn số thu của đợt phát hành trái phiếu này được sử dụng để tái cơ cấu các khoản vay trước đó. Chi phí thanh toán nợ có thể tạo thêm gánh nặng lên ngân sách. Nghĩa vụ thanh toán nợ công (tổng thanh toán nợ Chính phủ, nợ được Chính phủ bảo lãnh và nợ của chính quyền địa phương) đã tăng từ 22% năm 2010 lên gần 26% tổng thu ngân sách năm 2014. Chi trả lãi vay hiện chiếm gần 7,2% chi ngân sách, lẫn át các khoản chi tiêu khác. Do đó, để đáp ứng nhu cầu chi lớn khi nguồn thu có khó khăn, Quốc Hội cũng đã đồng ý để vay đảo nợ thêm 3 tỷ USD nữa trong thời gian tới. Bộ Tài chính dự báo tổng dư nợ công có thể đạt mức đỉnh điểm gần 65% GDP vào cuối năm 2017. Sau đó, tỷ lệ nợ/GDP sẽ giảm dần do thắt chặt tài khóa.

Đồng thời, có một số món nợ của DNNN được Chính phủ bảo lãnh, phải tính vào nợ công. Như vậy sẽ có rủi ro là nợ có thể chuyển từ DNNN sang Chính phủ trong trường hợp các DN không có khả năng trả nợ được Chính phủ bảo lãnh. Trong trường hợp như vậy, các khoản nợ vẫn dưới ngưỡng 65% GDP của Quốc Hội, bảo đảm sự bền vững. Vấn đề là Chính phủ cần củng cố tình hình tài khóa, giảm thâm hụt trong kỳ trung hạn thì tỷ lệ nợ sẽ bền vững. Theo thông lệ quốc tế, khi nói đến trả nợ là chỉ tính phần trả nợ lãi vay, chiếm khoảng 10% chi ngân sách Nhà nước (còn nợ gốc như mua lại trái phiếu Chính phủ và trả vốn vay ODA cần được đưa vào cân đối vốn, nằm ở bảng cân đối khác). Việc dùng công cụ vay mới để đảo nợ hoàn toàn có thể. Tuy nhiên về trung và dài hạn, cần kiểm soát việc vay nợ mới để tổng nợ không tăng quá

Thereby, the Government decided to issue international bonds. In November 2014, Vietnam issued 10-year international bonds amounted USD 1 bn (interest rate of 4.8%) – the first international bond issuance after five years. Most of the fund mobilized from that issuance was used for restructuring previous loans. Costs incurred from debt service could put more burdens on State budget. Between 2010 and 2014, public debt service liability (including total payment of government debt, government-guaranteed debt, and local authority debt) increased from 22% to almost 26% of total budget revenues. Currently, interest payment has accounted for almost 7.2% of total budget expenditures, surpassing all other expenditure items. Therefore, in meeting high expenditure needs amidst the limit of revenue sources, the National Assembly has adopted the plan to lend an additional amount of USD 3 bn for loan reimbursement in coming time. The Ministry of Finance predicted that public debt outstanding would peaked at approximately 65% of GDP at end-2017, then gradually scale down because of fiscal tightening.

More than that, state-owned enterprises debt guaranteed by the Government is also a component of public debt. As a result, there is a risk that such debt would turn into government debt if State-owned enterprises fall into insolvency. Even such a case, however, debt-to-GDP ratio would remain below the threshold of 65% of GDP, and debt sustainability still maintained. The problem is that the Government needs to implement fiscal consolidation, cut down fiscal deficit in the medium-term, thanks to which debt sustainability would be achieved. According to international practice, debt service only accounts for interest payment that makes up 10% of state budget expenditures (principal payments such as government bonds repurchase or ODA principal repayment are recorded in capital stock balance which appears in another balance sheet). It is feasible to make new loans for the purpose of loan reimbursement. However, in the medium- and long-term, it is necessary to control this activity, so that total debt outstanding does not increase so rapidly that affects the ability to mobilize domestic savings for development investment. This is because without such control, fis-



nhanh, làm hạn chế khả năng sử dụng tích lũy nội địa cho đầu tư phát triển. Như vậy, dư địa tài khóa khá hạn hẹp. Nếu cần cảnh báo, thì đó là trong thời gian trước mắt và trung hạn, cái đáng lo là dư địa tài khóa. Trong khoảng 3-5 năm nữa sẽ đặt ra câu hỏi về bền vững nợ. Biện pháp “tăng thu giảm chi” có vẻ không thích hợp với chính sách khoan sức dân, mà cần tái cơ cấu cả thu và chi trong ngân sách quốc gia thống nhất, sử dụng nguồn thu ngân sách vào đúng mục đích. Phải loại bỏ phương thức cân đối ngân sách lâu nay, coi như dự chi là “cứng”, rồi trừ đi dự toán thu để tính ra khoản địa phương cần được hỗ trợ từ Trung ương và khoản cần vay để cân đối từ ngân sách Trung ương. Đó là cách làm không tích cực, đối phó với tình thế, có thể có kết quả trước mắt, nhưng không thể kéo dài mãi được. Phải tăng cường năng lực nền kinh tế nhờ cắt giảm các chi tiêu cho bộ máy chông chéo, bồi dưỡng nguồn thu từ các DN, nhất là khu vực Tư nhân. Với chính sách cân đối đầu tư trung hạn, về lâu dài cần có cả chính sách tài khóa trung hạn, tình trạng nợ thế này đòi hỏi bắt đầu phải lo về vấn đề bền vững nợ.■

cal room will be narrowed. Fiscal room will be a great concern to the Government. In the next three to five years, the question on debt sustainability will appear. The solution of “raising revenues and declining expenditures” would seem to be inappropriate, and it would be necessary to restructure both budget revenues and expenditures and allocate revenues for right purposes. It is also necessary to give up the traditional methodology of budget balancing, according to which expenditure estimation is fixed then subtracted by revenue estimation for figuring out the amount of money allocated to regions from central budget and the amount of loan need to be made to balance the central budget. This is not a sustainable methodology. What should be done is to consolidate the economy through cutting spending on overlapping public organs, nurture revenue sources from the business sector, especially private enterprises. In line with the policy of balancing investment in the medium-term, it is necessary to have medium-term fiscal policy. It is time to worry about.■



TRIỂN VỌNG

KINH TẾ VIỆT NAM 2016 DƯỚI GÓC NHÌN CỦA CÁC DN LỚN

VIETNAM'S 2016 ECONOMIC OUTLOOK **UNDER THE VIEWPOINT OF LARGE-SCALED ENTERPRISES**

📁 **NHÓM NGHIÊN CỨU VIETNAM REPORT / VIETNAM REPORT**

Trong khuôn khổ Lễ công bố Bảng xếp hạng VNR500 – Top 500 DN lớn nhất Việt Nam 2015, Vietnam Report đã tiến hành điều tra, lấy ý kiến và thu về hơn 400 phản hồi từ các DN lớn trong các BXH VNR500 từ năm 2007 đến nay về kết quả hoạt động SXKD trong năm 2015 cũng như dự báo của DN về triển vọng kinh tế trong năm 2016.

Kinh tế nước ta đã và đang trải qua quá trình tái cơ cấu một cách toàn diện, đặc biệt trên 3 lĩnh vực bao gồm *đầu tư* (trọng tâm là đầu tư công), *Doanh nghiệp* (trọng tâm là DNNN) và *hệ thống tài chính* (trọng tâm là ngân hàng thương mại). Năm tài khóa 2015 đang dần khép lại, với vị thế là những DN lớn có đóng góp

Within the framework of VNR500 Ranking List Announcement Ceremony – Top 500 Largest Enterprises in Vietnam 2015, Vietnam Report conducted a survey and gathered more than 400 responses from large-scaled corporations ranked in VNR500 since 2007 on business performances in 2015 and their forecast on economic outlook in 2016.

There has been a comprehensive reform in the domestic economy with the concentration on the following three areas: public investment, state-owned enterprises, and the banking sector. Fiscal year 2015 is coming to an end, and with the status of large-scaled enterprises making considerable contribution to

đáng kể vào tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế, các DN hầu hết đều có chung nhận định nền kinh tế Việt Nam về cơ bản cũng đã đạt được những thành tựu rất đáng ghi nhận như: Ổn định kinh tế vĩ mô liên tục được giữ vững; Môi trường kinh doanh có sự cải thiện; Xu hướng hồi phục tăng trưởng kinh tế đang ngày càng rõ nét; v.v. hứa hẹn sự tăng trưởng mạnh mẽ hơn nữa trong năm 2016. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn những mặt tồn tại và hạn chế gây ra những khó khăn trong hoạt động SXKD của DN có thể kể đến như vấn đề cải cách thủ tục hành chính, cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển, v.v.

1. ĐẶC ĐIỂM DN PHẢN HỒI

(Hình 1.7); (Hình 1.8); (Hình 1.9); (Hình 1.10)

2. KINH TẾ VIỆT NAM 2015: BỨC TRANH VỚI NHỮNG MÀNG MÀU SÁNG TỐI

Bất kỳ một nền kinh tế nào trên Thế giới cũng luôn tồn tại đan xen những mảng màu sáng tối bởi những chính sách kinh tế luôn tạo ra những tác động hai chiều ảnh hưởng tích cực và tiêu cực đến những khía cạnh khác nhau của nền kinh tế. Nền kinh tế Việt Nam cũng không nằm ngoài quy luật chung đó, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay khi Nhà nước đang đẩy mạnh tái cấu trúc nền kinh tế với hàng loạt các chính sách nổi bật có thể kể đến như chính sách tiền tệ hay chính sách tài khóa bước đầu tạo ra những thành công nhất định cũng như quá trình hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng diễn ra mạnh mẽ hơn bao giờ hết.

Dựa trên kết quả điều tra khảo sát vừa qua của Vietnam Report với các DN lớn Việt Nam, mảng sáng của bức tranh cũng dần được hé lộ. Về tổng thể hoạt động SXKD của các DN trong 10 tháng đầu năm 2015 vừa qua đều có chuyển biến tích cực với tỷ lệ DN có chung nhận định này chiếm hơn một nửa số DN phản hồi (57,10%). Số DN cho rằng hoạt động SXKD của họ vẫn giữ được mức ổn định so với cùng kỳ năm trước chiếm 32,10%. Số ít DN còn lại vẫn gặp đôi chút khó khăn trong năm vừa qua.

Trong đó, một số yếu tố được nhận định có mức tăng trưởng tốt nhất phải kể đến đó là Doanh thu;

economic growth, most of the surveyed corporations shared the common point of view that basically Vietnam's economy had reached encouraging outcomes. For example, continual macroeconomic stability, improvement in business environment, clearer trend of growth recovery, thus opens an outlook of more robust economic growth in 2016. However, there had still existed such shortcomings as those in administrative procedure reform and low-developed infrastructures.

1. CHARACTERISTICS OF RESPONDED ENTERPRISES

(Figure 1.7); (Figure 1.8); (Figure 1.9); (Figure 1.10)

2. VIETNAM'S ECONOMY IN 2015: A CONTRASTING PICTURE

There exist bright and dark fields at the same time in any economy as economic policies always generate positive and adverse impacts on the economy. In this context, Vietnam is not an exception, particularly in the current time when the Government has been pushing up the restructuring of the economy, resulting in a series of policies, e.g. monetary and fiscal policies that have showed successes to a certain extent and the ever most robust international economic integration.

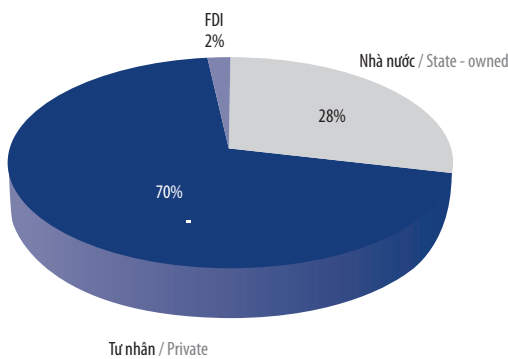
According to the survey on Vietnam's large-scaled enterprises, the bright field of the economy has gradually revealed. 57.10% of respondents assessed that in general, they witnessed positive enterprises' business performances in the first ten months of 2015. 32.10% of respondents stated that there had been no improvement in their business performances in the first ten months of 2015 compared to the same period of 2014. A small percentage of respondents told that they had faced few difficulties in 2015.

Among the best performers being turnover, order volumes, and productivity per employee. The percentages of selection by respondents were 61.40%, 61.10%, and 58.90%, respectively. (Figure 1.11)

Nevertheless, the percentages of respondents reporting the decreases in after-tax profit and number

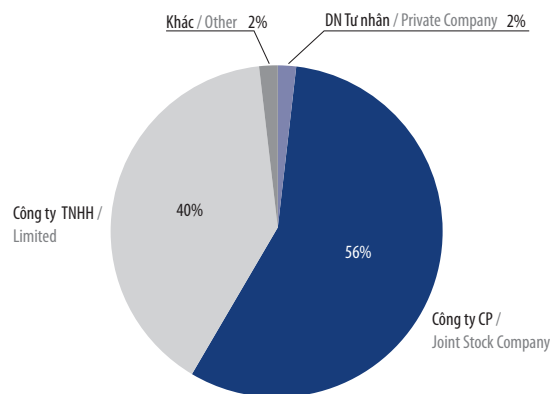
Hình 1.7: TỶ LỆ DN PHẢN HỒI PHÂN THEO LOẠI HÌNH SỞ HỮU VỐN. (ĐV: %)

Figure 1.7: RATIO OF RESPONDED ENTERPRISES IN TERMS OF OWNERSHIP. (UNIT: %)



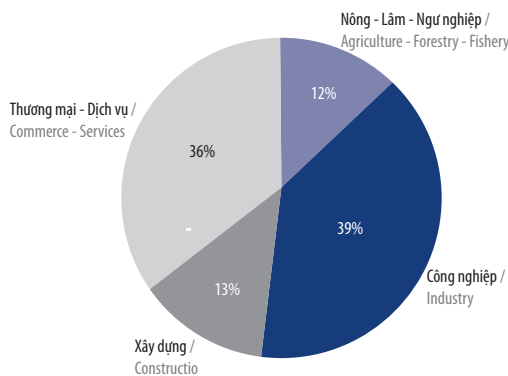
Hình 1.8: TỶ LỆ DN PHẢN HỒI PHÂN THEO LOẠI HÌNH DN. (ĐV: %)

Figure 1.8: RATIO OF RESPONDED ENTERPRISES IN TERMS OF ENTERPRISES TYPES. (UNIT: %)



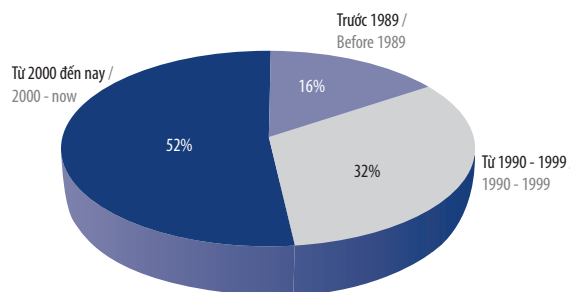
Hình 1.9: TỶ LỆ DN PHẢN HỒI PHÂN THEO LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG. (ĐV: %)

Figure 1.9: RATIO OF RESPONDED ENTERPRISES IN TERMS OF OPERATING FIELDS. (UNIT: %)



Hình 1.10: TỶ LỆ DN PHẢN HỒI PHÂN THEO THỜI GIAN THÀNH LẬP. (ĐV: %)

Figure 1.10: RATIO OF RESPONDED ENTERPRISES IN TERMS OF ESTABLISHMENT TIME. (UNIT: %)



Nguồn: Khảo sát các DN trong BXH VNR500 2007 - 2015 do Vietnam Report thực hiện tháng 11/2015
 Source: Survey of enterprises in VNR500 Ranking Lists from 2007 to 2015 conducted by Vietnam Report in Nov 2015

Nguồn: Khảo sát các DN trong BXH VNR500 2007 - 2015 do Vietnam Report thực hiện tháng 11/2015
 Source: Survey of enterprises in VNR500 Ranking Lists from 2007 to 2015 conducted by Vietnam Report in Nov 2015

Lượng đơn đặt hàng; và Năng suất lao động bình quân của CBCNV với tỷ lệ lựa chọn lần lượt là 61,40%; 61,10%; và 58,90%. (Hình 1.11).

Bên cạnh đó, tỷ lệ DN phản hồi cho rằng các chỉ tiêu như Lợi nhuận sau thuế hay Số lượng công nhân viên giảm đi khá cao so với các yếu tố khác lần lượt là 20% và 19,30%. Điều này cho thấy mặc dù Doanh thu và Lượng đơn đặt hàng tăng mạnh tuy nhiên các chi phí trong hoạt động SXKD của DN vẫn cao dẫn đến tỷ lệ tăng trưởng Lợi nhuận sau thuế không được như mức kỳ vọng.

Xu hướng phục hồi rõ nét của các DN còn thể hiện qua hiệu quả sử dụng tài sản cũng như vốn chủ sở hữu. Theo như số liệu thống kê của Vietnam Report qua các Bảng xếp hạng VNR500 – Top 500 DN lớn nhất Việt Nam từ năm 2013 đến 2015 có thể thấy, chỉ số ROA và ROE của Top 10 DN lớn nhất Việt Nam tăng trưởng mạnh và đều qua các năm. Nếu như năm 2013, hệ số sinh lời trên tổng tài sản của các DN này chỉ đạt khoảng 4,8% thì đến năm 2015 đã tăng lên gấp hơn 3 lần, đạt trên 15%. Tương tự như vậy đối với hệ số sinh lời trên vốn chủ sở hữu năm 2013 đạt khoảng 9,6% thì đến năm 2015 đã đạt gần 23%, tăng

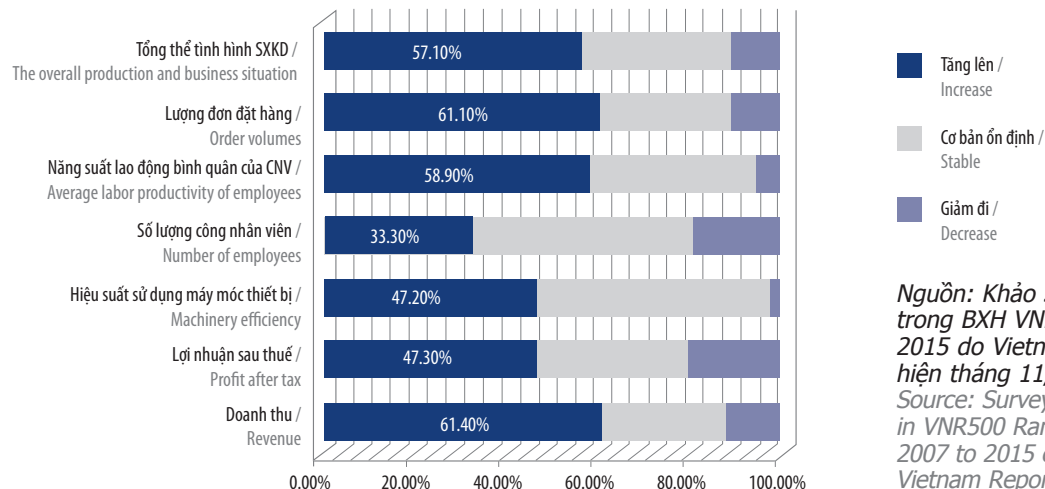
of employees were 20% and 19.30%, respectively. This revealed that despite the robust growths in turnover and order volumes, there had been shortcomings in enterprises’ cost management, leading to less-than-expected growth in after-tax profit.

The trend of bolder recovery in the business sector was also expressed through the more effective use of assets and equities. According to Vietnam Report’s data extracted from 2013 – 2015 VNR500 Ranking Lists, ROA and ROE of Top ten largest enterprises robustly and stably grew on yearly basis. While in 2013, ROA of those enterprises was just 4.8%, this ratio in 2015 increased more than three-fold to higher than 15%. Similarly, in 2015, ROE rose more than two-fold to almost 23% from about 9.6% in 2013. These were considerable growths, showing enterprises’ efficient management of assets and equities, hence enhancing investors’ and businesses’ confidence and value. (Figure 1.12)

Such encouraging outcomes were attributed to impacts of macroeconomic factors on business activities of enterprises in the first ten months of 2015. From the perspectives of institutional and macroeconomic

Hình 1.11: ĐÁNH GIÁ CỦA DN VỀ TÌNH HÌNH SXKD TRONG 10 THÁNG ĐẦU NĂM 2015 SO VỚI CÙNG KỲ NĂM 2014. (ĐV: %)

Figure 1.11: ENTERPRISES’ ASSESSMENTS ON PRODUCTION AND BUSINESS SITUATION IN THE FIRST 10 MONTHS OF 2015 COMPARED TO THE THE SAME PERIOD LAST YEAR. (UNIT: %)



Nguồn: Khảo sát các DN trong BXH VNR500 2007 - 2015 do Vietnam Report thực hiện tháng 11/2015
Source: Survey of enterprises in VNR500 Ranking Lists from 2007 to 2015 conducted by Vietnam Report in Nov 2015

gấp hơn 2 lần. Đây thực sự là một con số tăng trưởng rất ấn tượng cho thấy việc quản lý cũng như sử dụng tài sản và vốn chủ sở hữu rất hiệu quả của các DN, tạo nên niềm tin và gia tăng giá trị cho các Nhà đầu tư cũng như bản thân DN. (Hình 1.12).

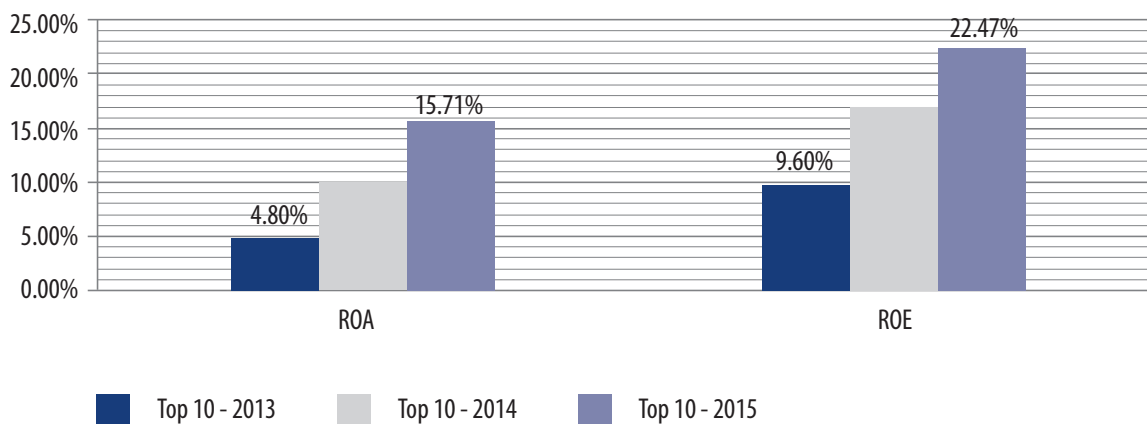
Để đạt được những kết quả khả quan như trên cần xem xét đến những tác động của các yếu tố trong nền kinh tế vĩ mô lên hoạt động SXKD của các DN trong 10 tháng đầu năm 2015. Xét về tổng thể môi trường pháp lý và kinh tế vĩ mô của Việt Nam trong thời gian vừa qua, không thể phủ nhận những cố gắng và nỗ lực của toàn bộ hệ thống cơ quan quản lý các cấp, các ban ngành trong việc áp dụng và duy trì các chính sách kinh tế tạo ra sự ổn định của kinh tế vĩ mô góp phần tạo nên sự tăng trưởng tốt cho các DN. Kết quả khảo sát cũng cho thấy rất rõ sự đồng thuận của khối các DN lớn khi 48,10% ý kiến cho rằng tổng thể môi trường pháp lý và kinh tế vĩ mô của Việt Nam trong thời gian vừa qua đã cải thiện theo chiều hướng tốt lên, chỉ có hơn 9% ý kiến của DN cho thấy sự kém đi của yếu tố này. (Hình 1.13).

Trong số 4 yếu tố khác được hỏi, sự ổn định của điều kiện kinh tế vĩ mô, chính sách tái cơ cấu kinh tế

environments, it is necessary to acknowledge endeavors of authorities at all levels in implementing policies that created macroeconomic stability, contributing to the sound growth in the business sector. Findings show that there was an agreement among most of the large-scaled enterprises to this end, representing through the fact that 48.10% of respondents saw an improvement in institutional and macroeconomic environments in Vietnam; meanwhile, only over 9% of respondents pointed out their worsening. (Figure 1.13).

Out of the other four factors under survey, macroeconomic stability, the Government's policy on restructuring of economy and state-owned enterprises as well as the quality of legal rules, policy and administrative procedure relating to enterprises' business fields received the highest rates of judgment as "better" from respondents, with the percentages of 58.20% and 46.30%, respectively. However, it was the quality of legal rules and policy and administrative procedure relating to business fields that had the most adverse impacts on enterprises' business activities when almost 15% of respondents gave such assessment. This fact could be interpreted that although reforms had been done, the shortfalls in the quality of

Hình 1.12: HỆ SỐ ROA VÀ ROE CỦA TOP 10 DN TRONG BXH VNR500 TỪ 2013 ĐẾN 2015. (ĐV: %)
 Figure 1.12: ROA AND ROE OF TOP 10 ENTERPRISES IN VNR500 RANKING LISTS FROM 2013 TO 2015. (UNIT: %)



Nguồn: Dữ liệu BXH VNR500 2013 – 2014 – 2015 của Vietnam Report
 Source: Data from VNR500 Ranking Lists 2013 – 2014 – 2015 of Vietnam Report

và DNNN của Chính phủ; chất lượng của các quy định pháp lý, chính sách, TTTC liên quan tới ngành nghề của DN là 2 yếu tố được các DN đánh giá “tốt lên” chiếm tỷ lệ cao nhất, lần lượt đạt 58,20% và 46,30%. Tuy nhiên, chất lượng của các quy định pháp lý, chính sách, TTTC liên quan tới ngành nghề của DN cũng chính là yếu tố gây ra ảnh hưởng tiêu cực nhiều nhất đến hoạt động SXKD của DN khi có tới gần 15% số DN phản hồi đưa ra nhận định trên. Có thể hiểu sự đánh giá của DN đối với yếu tố này theo nghĩa mặc dù đã có những cải cách nổi bật nhưng những gì còn tồn tại liên quan đến chất lượng của các quy định pháp lý, chính sách, TTTC vẫn thực sự gây khó khăn cho DN trong hoạt động SXKD. (Hình 1.14).

Môi trường đầu tư, kinh doanh của Việt Nam trong giai đoạn 10 tháng đầu năm 2015 cũng đạt được những phản hồi tương đối tích cực từ khối các DN lớn. Nhìn vào kết quả điều tra có thể thấy, phần lớn các yếu tố liên quan đến môi trường đầu tư và kinh doanh đều nhận được những đánh giá “rất tốt” và “tốt” chiếm thế áp đảo, đơn cử có thể thấy như yếu tố tiếp cận thông tin, văn bản luật pháp, kế hoạch của Nhà nước liên quan đến công việc kinh doanh hay quản lý kinh tế vĩ mô với trên 90% số DN đánh giá “rất tốt” và

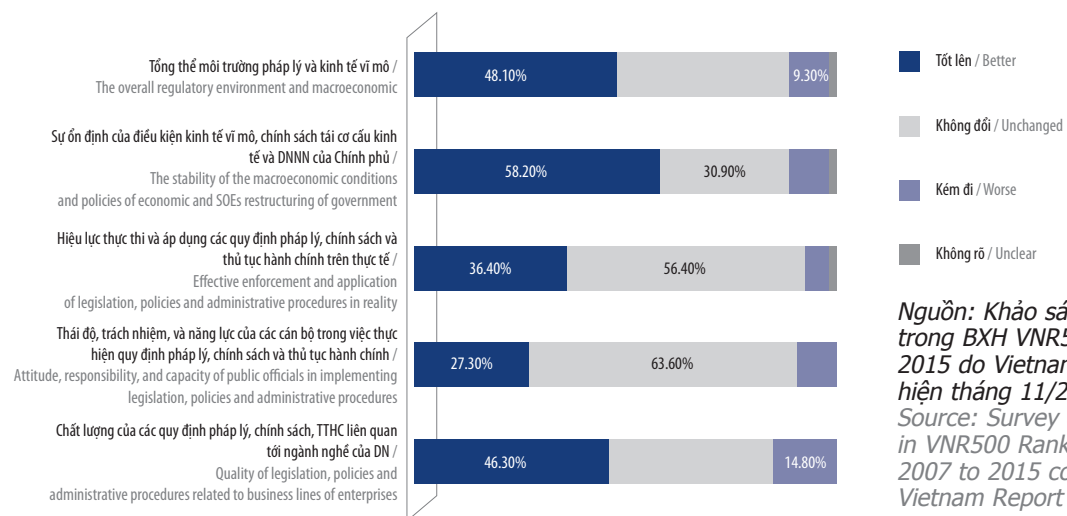
legal rules, policy and administrative procedure remained obstacles for enterprises’ business activities. (Figure 1.14).

During the first ten months of 2015, there were positive assessments by large-scaled enterprises on investment and business environments. As seen from the survey outcomes, an overwhelming rate of respondents showed positive view on factors relating to investment and business environments, for instant, 90% of respondents gave assessments of “good” and “very good” to access to information, legal documents, Government’s plans relating to business activities or macroeconomic management. This is the good news for the work of improving investment and business environments in Vietnam.

However, there remain factors that are of great concern of enterprises in conducting business in Vietnam. According to the survey, 50% of respondents marked the factors of business costs and infrastructure “bad” and “very bad”. These are two out of weaknesses of Vietnam in setting up competitive investment and business environments in correlation to other countries.

Hình 1.13: NHẬN ĐỊNH CỦA DN VỀ TÁC ĐỘNG CỦA NHỮNG YẾU TỐ SAU ĐẾN HOẠT ĐỘNG SXKD TRONG 10 THÁNG ĐẦU NĂM 2015 SO VỚI CÙNG KỲ NĂM 2014. (ĐV: %)

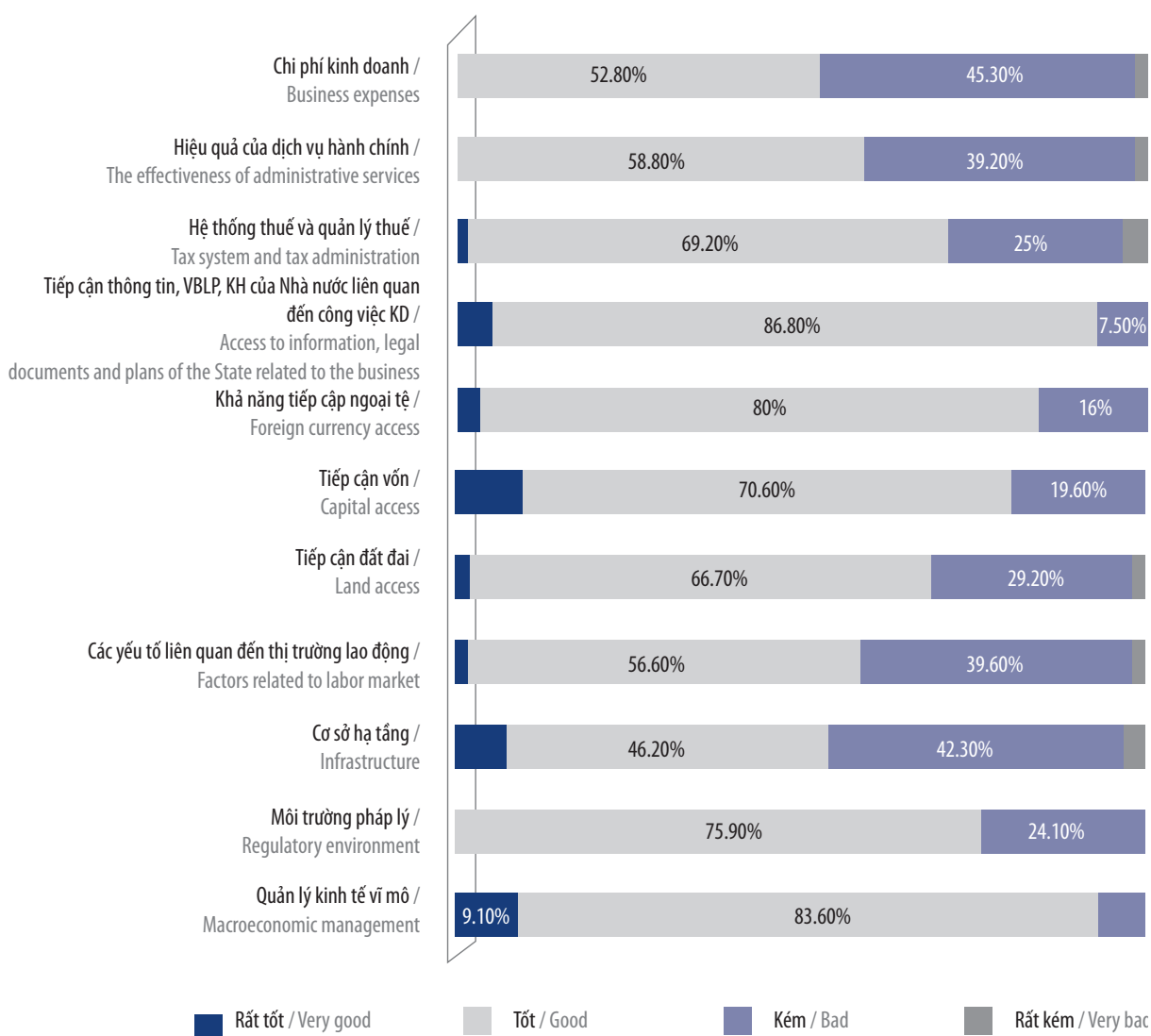
Figure 1.13: ENTERPRISES’ ASSESSMENTS ON THE FOLLOWING EFFECTS TO PRODUCTION AND BUSINESS SITUATION IN THE FIRST 10 MONTHS OF 2015 COMPARED TO THE THE SAME PERIOD LAST YEAR. (UNIT: %)



Nguồn: Khảo sát các DN trong BXH VNR500 2007 - 2015 do Vietnam Report thực hiện tháng 11/2015
Source: Survey of enterprises in VNR500 Ranking Lists from 2007 to 2015 conducted by Vietnam Report in Nov

Hình 1.14: NHẬN ĐỊNH CỦA DN VỀ MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ, KINH DOANH Ở VIỆT NAM TRONG 10 THÁNG ĐẦU NĂM 2015. (ĐV: %)

Figure 1.14: ENTERPRISES' ASSESSMENTS ON INVESTMENT AND BUSINESS ENVIRONMENT IN VIETNAM IN THE FIRST 10 MONTHS OF 2015. (UNIT: %)



Nguồn: Khảo sát các DN trong BXH VNR500 2007 - 2015 do Vietnam Report thực hiện tháng 11/2015
 Source: Survey of enterprises in VNR500 Ranking Lists from 2007 to 2015 conducted by Vietnam Report in Nov 2015

“tốt”. Đây thực sự là dấu hiệu đáng mừng cho công cuộc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh ở Việt Nam trong thời gian qua.

Tuy nhiên, vẫn còn một số những yếu tố khiến các DN thực sự quan ngại khi đầu tư và kinh doanh ở Việt Nam có thể kể đến như chi phí kinh doanh hay cơ sở hạ tầng với tỷ lệ DN đánh giá 2 yếu tố này còn “kém” và “rất kém” chiếm tới gần 50% số phản hồi của các DN. Đây là 2 trong số những yếu tố vốn bị coi là điểm yếu của Việt Nam trong việc xây dựng một môi trường đầu tư, kinh doanh cạnh tranh so với các quốc gia khác.

Như nhận định đã nêu ra ở trên, nền kinh tế Việt Nam tuy đã đạt được những bước phát triển đáng ghi nhận với những nỗ lực không ngừng của không chỉ các DN mà còn phải kể đến toàn bộ hệ thống cơ quan ban ngành các cấp, thì vẫn còn đó những tồn tại khó khăn cần tháo gỡ. Theo như kết quả khảo sát, lao động, tiền lương, bảo hiểm là một trong những khó khăn lớn nhất của các DN lớn hiện nay khi có tới gần 60% phản hồi của DN đồng tình lựa chọn ý kiến này. So sánh với nhận định của DN về tình hình SXKD trong 10 tháng đầu năm 2015 so với cùng kỳ năm 2014, số lượng nhân viên cũng là một trong những yếu tố được cho rằng ít có sự tăng trưởng nhất so với những yếu tố còn lại (khoảng hơn 33%). Có lẽ chính những khó khăn liên quan đến chi phí lương thưởng, bảo hiểm cho nhân viên khiến các DN không mấy mặn mà với việc tuyển dụng thêm nguồn lao động mới thậm chí nhiều DN còn lựa chọn phương án tinh giảm bộ máy bằng việc cắt giảm số lượng nhân viên. Theo như kết quả khảo sát, có tới hơn 19% số DN phản hồi có sự cắt giảm lượng nhân viên trong 10 tháng đầu năm 2015 so với cùng kỳ năm 2014. (Hình 1.15).

Bên cạnh đó, tương đồng với những nhận định của DN về môi trường đầu tư, kinh doanh ở Việt Nam cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của DN, vấn đề về thủ tục hành chính, giá cả nguyên liệu đầu vào – tương ứng chi phí SXKD, và hạ tầng giao thông – tương ứng cơ sở hạ tầng cũng là những khó khăn nổi bật đối của các DN trong một năm tài khóa vừa qua khi tỷ lệ lựa chọn lần lượt là 55,80%; 53,80%; và 48,10%. Điều này cho thấy cơ quan Nhà nước cần có những biện



As previously judged, despite encouraging economic development thanks to continual endeavors of both business sector and authorities at all levels, shortfalls remain exist. As learnt from the survey outcomes, labor, wage, and insurance were three out of the biggest challenges to large-scaled enterprises, showing through the fact that almost 60% of respondents gave similar assessments. Comparing business activities in the first ten months of 2015 to those in the same period of 2014, number of employees was one of the factors that were assessed as almost unimproved (33% of respondents gave such assessment). Probably, difficulties relating to employees' compensation and insurance costs had made enterprises reluctant to recruit new staff; even, many enterprises had chosen to scale down workforce. According to the survey, over 19% of respondents reported that they had reduced the number of employees during the first ten months of 2015 compared to the same period of 2014. (Figure 1.15).

In addition, administrative procedure, factor prices (equivalent to business costs) and transport infrastructure (equivalent to infrastructure) were other outstanding obstacles to enterprises in fiscal year 2015 with the selection rates of 55.80%, 53.80% and 48.10%, respectively. Accordingly, it is necessary for state regulators to have more effective policy solutions and for the business sector to have further endeavors

pháp tích cực hơn nữa cũng như bản thân các DN phải nỗ lực hết mình để chủ động khắc phục những khó khăn, gia tăng năng lực cạnh tranh cho DN, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập sâu rộng như hiện nay.

3. TRIỂN VỌNG TĂNG TRƯỞNG CẢ TRONG NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN

Từ những kết quả tích cực đã đạt được, các DN tỏ ra tương đối lạc quan và tin tưởng vào tình hình SXKD trong Quý I năm 2016 tới đây. Có cùng xu hướng nhận định về kết quả SXKD của DN trong 10 tháng đầu năm 2015, doanh thu; lượng đơn đặt hàng; và năng suất lao động bình quân của CNV vẫn là 3 yếu tố nhận được tỷ lệ lựa chọn cao nhất (50,90%) cho rằng sẽ đạt được mức tăng trưởng tốt trong những tháng đầu năm 2016. Hiệu suất sử dụng máy móc thiết bị cũng như số lượng công nhân viên vẫn là 2 yếu tố khiến các DN còn “cầm chừng” trong nhận định khi tỷ lệ DN tin tưởng sẽ có sự bứt phá chiếm số lượng thấp chỉ đạt lần lượt là 37,70% và 26,80%. Nhìn chung, tổng thể tình hình SXKD của các DN vẫn nhận được 48,10% đồng tình cho rằng sẽ tăng lên, chỉ có hơn 9% số DN bi quan, số còn lại tin rằng hoạt động của họ về cơ bản vẫn giữ mức ổn định so với

to overcome obstacles, improve competitiveness, particularly in the current context of wide and deep international integration.

3. SHORT-TERM AND LONG-TERM GROWTH OUTLOOKS

Thanks to the positive achievements that had been made, enterprises showed relative optimism about and confidence on business activities in Quarter I 2016. Just like what had been seen during the period of the first ten months of 2015, turnover, order volumes, and productivity per employee continued to be predicted to have improvement (50.90% of respondents gave the such prediction). On the negative side, however, efficiency of running machines/equipment and number of employee remained the problems to enterprises when the rates of respondents believing in the improvement in these two factors were relatively low (37.70% and 26.80%, respectively). In general, a majority of enterprises expressed their optimism in business performances when 48.10% of respondents agreed that there would be an improvement in this regards in Quarter I 2016, only over 9.0% had pessimistic attitude, and the rest argued there would be no change in this field com-

Hình 1.15: NHỮNG KHÓ KHĂN MÀ DN GẶP PHẢI ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SXKD. (ĐV: %)

Figure 1.15: DIFFICULTIES AFFECTED TO THE PRODUCTION AND BUSINESS ACTIVITIES OF ENTERPRISES. (UNIT: %)



Nguồn: Khảo sát các DN trong BXH VNR500 2007 - 2015 do Vietnam Report thực hiện tháng 11/2015

Source: Survey of enterprises in VNR500 Ranking Lists from 2007 to 2015 conducted by Vietnam Report in Nov 2015

cùng kỳ năm 2015. (Hình 1.16).

Trong ngắn hạn, các DN tỏ ra tương đối lạc quan trước tình hình SXKD của mình. Điều này cũng được thể hiện trong những nhận định về dài hạn. Các DN tỏ ra thận trọng hơn trong nhận định về hoạt động kinh doanh sau 05 năm nữa khi có tới hơn 44% số DN nghĩ rằng kết quả kinh doanh của họ về “cơ bản sẽ tốt lên”. (Hình 1.17).

50% là tổng số DN cho rằng kết quả kinh doanh “sẽ tốt lên khá nhiều” và “sẽ tốt lên rất nhiều” trong 5 năm tới, với tỷ lệ lần lượt của mỗi nhận định là 27,80% và 22,20%. Đây cũng là một kết quả tương đối ấn tượng thể hiện niềm tin vào sự tăng tốc trong kết quả hoạt động của DN 5 năm tới đây. Với những gì các DN đã thể hiện trong suốt thời gian vừa qua, đây là sự tự tin hoàn toàn có cơ sở, là động lực thúc đẩy DN Việt phát triển mạnh mẽ hơn nữa trong tương lai. (Hình 1.18).

Thể chế và môi trường kinh doanh tại Việt Nam luôn là mối quan tâm hàng đầu của các DN trong việc phát triển cũng như định hướng đầu tư. Tuy vẫn còn khoảng 1,9% số DN bị quan khi cho rằng yếu tố này sẽ

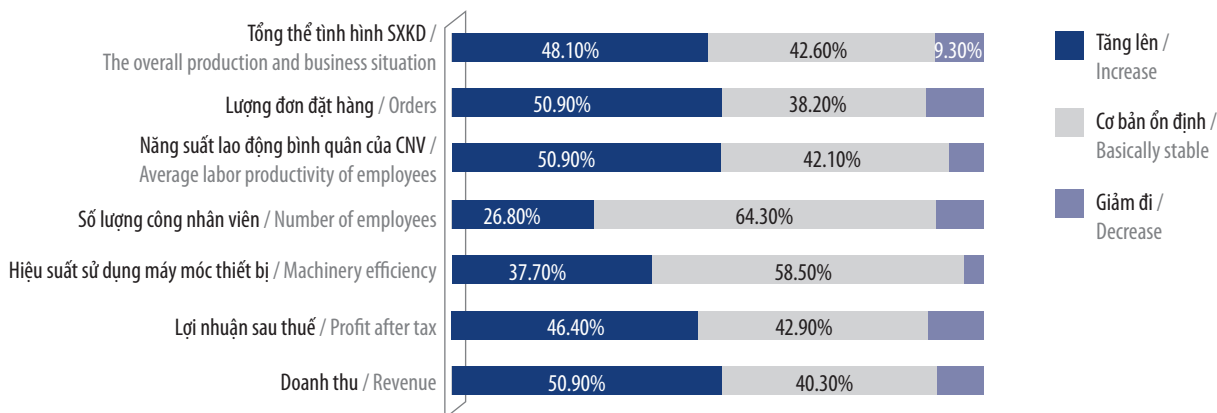
pared to Quarter I 2015. (Figure 1.16).

In the short-run, enterprises are optimistic about their business performance. In the longer-run, however, they have more cautious approach in predicting their business performances in the next five years. More than 44% of respondents predicted that their business performances would be “basically better”. (Figure 1.17).

As shown in the survey outcomes, 27.80% of respondents predicted that their business performances would be “quiet much better” and the other 22.20% saw the “much better” in their business performances in the next five years. In short, 50% of them indicated quiet much and much better. This is a relatively impressive outcome, showing the business sector’s confidence in business growth in the next five years. This confidence is reliable when looking back on what enterprises have done, and it will be the dynamism for them to develop more robustly in the future. (Figure 1.18).

Institutional and business environment is always of top concern of enterprises in conducting business and

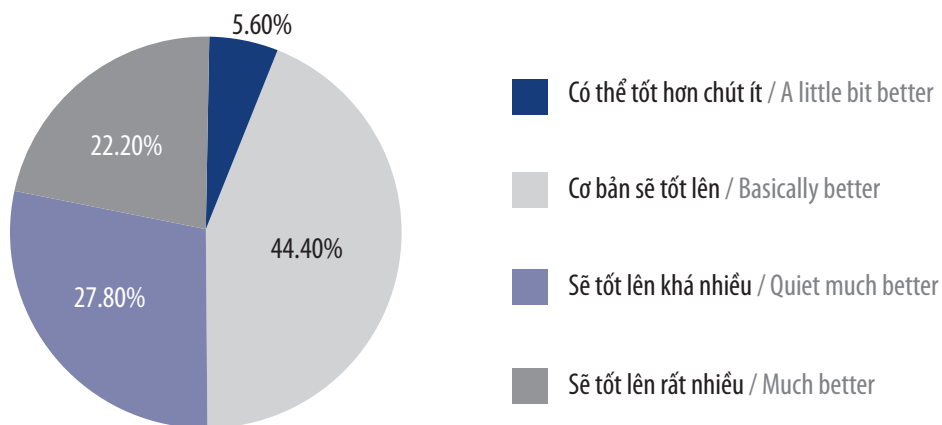
Hình 1.16: DỰ BÁO CỦA DN VỀ TÌNH HÌNH SXKD TRONG QUÝ I NĂM 2016 SO VỚI CÙNG KỲ NĂM 2015. (ĐV: %)
Figure 1.16: FORECAST OF ENTERPRISES ABOUT PRODUCTION AND BUSINESS SITUATION IN THE FIRST QUARTER OF 2016 COMPARED TO THE SAME PERIOD OF 2015. (UNIT: %)



Nguồn: Khảo sát các DN trong BXH VNR500 2007 - 2015 do Vietnam Report thực hiện tháng 11/2015
 Source: Survey of enterprises in VNR500 Ranking Lists from 2007 to 2015 conducted by Vietnam Report in Nov 2015

Hình 1.17: NHẬN ĐỊNH CỦA DN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH SẼ TỐT LÊN SAU 05 NĂM NỮA. (ĐV: %)

Figure 1.17: ENTERPRISES' ASSESSMENTS ON BETTER PRODUCTION AND BUSINESS SITUATION IN THE NEXT 05 YEARS. (UNIT: %)

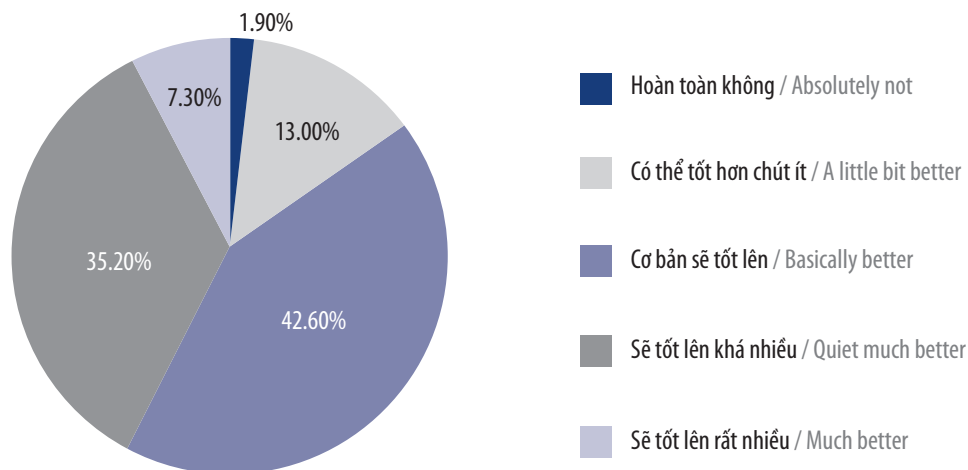


Nguồn: Khảo sát các DN trong BXH VNR500 2007 - 2015 do Vietnam Report thực hiện tháng 11/2015

Source: Survey of enterprises in VNR500 Ranking Lists from 2007 to 2015 conducted by Vietnam Report in Nov 2015

Hình 1.18: NHẬN ĐỊNH CỦA DN VỀ THỂ CHẾ VÀ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH SẼ TỐT LÊN TRONG 05 NĂM TỚI. (ĐV: %)

Figure 1.18: ENTERPRISES' ASSESSMENTS ON BETTER INSTITUTION AND BUSINESS ENVIRONMENT IN THE NEXT 05 YEARS. (UNIT: %)



Nguồn: Khảo sát các DN trong BXH VNR500 2007 - 2015 do Vietnam Report thực hiện tháng 11/2015

Source: Survey of enterprises in VNR500 Ranking Lists from 2007 to 2015 conducted by Vietnam Report in Nov 2015

“hoàn toàn không” tốt lên trong 5 năm tới, hay chỉ có hơn 7% số DN phản hồi lựa chọn ý kiến “sẽ tốt lên rất nhiều” thì có tới hơn 42% số DN nhận định về “cơ bản” thì Nhà nước ta sẽ tạo ra một thể chế và môi trường kinh doanh “tốt lên”. 35,2% là tỷ lệ DN hi vọng yếu tố này sẽ tốt lên khá nhiều trong những năm tới. Kết quả này cho thấy những chính sách nhằm xây dựng một môi trường đầu tư thuận lợi hơn cho DN đang bắt đầu đem lại những kết quả nhất định tạo tiền đề cho DN tin tưởng hơn vào sự tốt lên của thể chế và môi trường kinh doanh tại Việt Nam trong tương lai không xa.

Cuộc khảo sát được Vietnam Report thực hiện với khối các DN lớn đã vẽ ra một bức tranh kinh tế Việt Nam trong năm 2015 sống động với đầy đủ những gam màu sáng tối. Mảng sáng của những thành tựu và tăng trưởng bên cạnh những gam màu trầm của khó khăn còn tồn tại hay những yếu tố gây tác động tiêu cực đến hoạt động SXKD của DN tạo thành một tổng thể từ đó có thể vẽ ra một viễn cảnh nhận định cho sự phát triển của DN trong thời gian tới cũng như tạo nên cái nhìn khách quan nhất giúp các nhà hoạch định chính sách nhận ra những điểm còn tồn đọng để xây dựng những phương án tháo gỡ hợp lý, tạo thuận lợi và tăng tính cạnh tranh cho DN Việt Nam khi cánh cửa hội nhập đang mở rộng gần ngay trước mắt. ■

investment. While approximately 1.9% of respondents pessimistically predicted there would be “absolutely not better” in institutional and business environments, or, from the opposite perspective, 7.0% of them foresaw a “much better” in this field, 42.0% and 35.2% of respondents predicted that institutional and business environments would be “basically better” and “quiet much better” in coming years, respectively. This figures reveal that more business-friendly policies on investment environment has brought about positive outcomes to a certain extent, laying down foundation for enterprises’ greater confidence in the improvement in Vietnam’s institutional and business environments in near future.

The survey on large-scaled enterprises conducted by Vietnam Report has drawn a picture of a lively Vietnamese economy in 2015 with both bright and dark fields. Achievements and growth accompanied by difficulties, shortcomings and factors having adverse impact on business activities have laid a base for the forecast on business development in coming times and delivered the most objective evidences to policy makers for them to make appropriate policy solutions, thus facilitating and strengthening competitiveness of domestic enterprises on the edge of integration. ■

PHẦN 2
HIỆP ĐỊNH
XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG (TPP)
VÀ CÁC TÁC ĐỘNG
ĐỐI VỚI KINH TẾ VIỆT NAM

PART 2

TRANS-PACIFIC PARTNERSHIP (TPP)
AND ITS IMPACTS ON VIETNAM'S ECONOMY

TRANG
TRẮNG

HIỆP ĐỊNH

XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG (TPP)

VÀ CÁC TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI KINH TẾ VIỆT NAM

TRANS-PACIFIC PARTNERSHIP (TPP)

AND ITS IMPACTS ON VIETNAM'S ECONOMY

I. TỔNG QUAN

TPP, Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương, ra đời trong bối cảnh các Hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương đang nở rộ toàn cầu⁽¹⁾ cùng với sự bế tắc của các vòng đàm phán WTO và sự trì trệ của APEC.

Trước khi tham gia TPP, Việt Nam đã tham gia ký kết nhiều Hiệp định thương mại tự do và nhiều trong số đó đã có hiệu lực.⁽²⁾ Đối với các nước thành viên TPP, Việt Nam cũng đã có một số Hiệp định thương

I. OVERVIEW

Trans-Pacific Partnership (TPP) was born in the circumstance of the global blooming of bilateral and multilateral free trade agreements⁽¹⁾ together with impasses in WTO negotiation rounds and APEC's standstill.

Before joining TPP, Vietnam has already been in pursuit of several free trade agreements (FTAs) and many of them have come into effect.⁽²⁾ Vietnam also has FTAs with some TPP member countries; however,

⁽¹⁾ Theo thống kê của WTO, tính đến 07/4/2015, tổ chức này đã nhận được 612 thông báo về RTAs (trong đó tính thương mại hàng hóa, dịch vụ và tiếp cận thị trường riêng biệt). Trong đó có 406 RTAs đã có hiệu lực. Những con số này tương đương với 449 RTAs (trong đó thương mại hàng hóa, dịch vụ và tiếp cận thị trường đi liền với nhau) và đã có 262 hiệp định có hiệu lực.

⁽²⁾ Tính đến tháng 7/2015, Việt Nam đã ký kết các hiệp định thương mại tự do đa phương sau: ASEAN – AEC, ASEAN - Ấn Độ, ASEAN – Australia – Newzealand, ASEAN Trung Quốc, ASEAN – Hàn Quốc, ASEAN Nhật Bản và các hiệp định thương mại tự do song phương với Chi lê, Lào, Hàn Quốc, Liên minh kinh tế Á – Âu. Việt Nam cũng tham gia đàm phán các hiệp định tự do thương mại song và đa phương như RCEP (ASEAN +6), ASEAN Hongkong, TPP, Việt Nam – EU, Việt Nam –EFTA và hiện tại đang xem xét đàm phán hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Canada.

⁽¹⁾ According to WTO, as of 7 April 2015, the organization had received some 612 notifications of RTAs (counting goods, services and accessions separately). Of these, 406 were in force. These WTO figures correspond to 449 physical RTAs (counting goods, services and accessions together), of which 262 are currently in force.

⁽²⁾ As of July 2015, Vietnam has signed multilateral FTAs such as ASEAN – AEC, ASEAN – India FTA, ASEAN – Australia – New Zealand FTA, ASEAN – China FTA, ASEAN – Korea FTA, ASEAN – Japan FTA; and bilateral FTAs with Chile, Laos, Korea, Eurasian Economic Union. Moreover, Vietnam has also been negotiating other bilateral and multilateral FTAs such as RCEP (ASEAN+6), ASEAN-Hong Kong, TPP, Vietnam – EU, Vietnam – EFTA and now is considering to negotiate the Vietnam – Canada FTA.

mại tự do, tuy nhiên, có nhiều điểm khác biệt và hấp dẫn khiến Việt Nam vẫn sẵn sàng tham gia TPP.

Thứ nhất, Việt Nam chưa có hiệp định thương mại tự do chính thức với Mỹ. Tuy đã có hiệp định thương mại song phương Việt Nam – Mỹ nhưng Hiệp định này không đủ để giúp Việt Nam tiếp cận những ưu đãi của thị trường Mỹ, thị trường xuất khẩu chủ lực của Việt Nam. Do vậy, khi nhận được lời mời tham gia TPP, Việt Nam đã coi đây là cơ hội tốt để có thể tiếp cận thị trường này.

Thứ hai, các FTA mà Việt Nam đã tham gia cho tới nay (ASEAN, ASEAN+1) về cơ bản là với các nước có cơ cấu kinh tế tương đối giống mình. Do đó, cam kết về cắt giảm thuế quan trong các FTA này sẽ là cơ sở thuận lợi cho Việt Nam khi tham gia FTA với các nước có cơ cấu kinh tế bổ sung với nước ta như Nhật Bản, Canada, Mỹ, để từ đó nâng cao hiệu quả của tiến trình hội nhập kinh tế, góp phần thúc đẩy xuất khẩu.

Thứ ba, các mức cam kết mà các nước thành viên TPP đưa ra thấp hơn nhiều so với mức cam kết của các Hiệp định mà Việt Nam đã tham gia. Các quốc gia thành viên TPP cam kết cắt giảm hầu hết các dòng thuế nhập khẩu từ Việt Nam ngay khi Hiệp định bắt đầu có hiệu lực, một số dòng thuế sẽ cắt giảm theo lộ trình và đích đến cuối cùng là xoá bỏ 100% thuế quan. Đáp lại, Việt Nam cũng sẽ xoá bỏ gần 100% số dòng thuế nhập khẩu, trong đó 65,8% số dòng thuế sẽ được cắt giảm ngay khi TPP có hiệu lực.

Bên cạnh các cam kết về thuế quan, các cam kết có liên quan tới thương mại như phòng vệ thương mại, dệt may, quy tắc xuất xứ của TPP cũng có nhiều điểm mới so với các Hiệp định thương mại Việt Nam đã tham gia. Cụ thể:

- TPP có một chương riêng về dệt may, trong đó nêu rõ cả cam kết về mức thuế quan cho nhóm hàng này cũng như các quy tắc về xuất xứ cho các sản phẩm dệt may.

- Các cam kết về phòng vệ thương mại của TPP bổ sung thêm một số quy định mang tính WTO+ và thiết lập cơ chế tự vệ trong thời gian chuyển đổi, giúp hạn chế những thiệt hại không đáng có cho các quốc gia thành viên TPP, kể cả các quốc gia liên đới trực tiếp và gián tiếp.

TPP offers many distinct and appealing features that attract the country to become a member of this.

Firstly, Vietnam has not concluded an official FTA with the United States. Despite the existence of the US-Vietnam Bilateral Trade Agreement (BTA), this agreement is not enough to support Vietnam to approach favor of the US's market – Vietnam's principal export market. As a result, Vietnam saw the invitation to participate in TPP as a great opportunity to access to this market.

Secondly, FTAs that Vietnam has been taken in so far (such as ASEAN, ASEAN+1) mostly are among member countries with similar economic structure. Therefore, commitments to reduce tariffs in these FTAs will be a favorable condition for Vietnam to join FTA with countries whose economic structures are supplementary to our economy such as Japan, Canada, and the United States, which helps boost the efficiency of economic integration and enhance exports.

Thirdly, levels of commitment given by TPP member countries are much lower than that of other agreements Vietnam also is a member. TPP members have committed to reduce import duties on most of tariff lines from Vietnam upon signing the agreement, some tariff lines will be reduced in schedule and the target is eliminate 100% duties. Vietnam in return has to eliminate nearly 100% import duties, in which 65.8% tariff lines will immediately cut once TPP is in effect.

Besides commitments on tariffs, commercial commitments such as safeguard measures, textiles and rules of origin also give the TPP distinctive features compared to other FTAs that Vietnam is already a party. In detail:

- TPP has a particular chapter on textiles, which includes commitments on eliminating tariffs and specific rules of origin for textile products.

- TPP commitments on safeguard measures include some provisions that are found in the WTO and establish protection mechanism during interim, which helps avoid unnecessary damage for TPP parties, both affected directly and indirectly.

- Regarding rules of origin, TPP recognizes origin

- Về quy tắc xuất xứ, TPP công nhận xuất xứ cho các mặt hàng tân trang, cho phép quy tắc bộ hàng hoá, cho phép linh hoạt sử dụng giá FOB thay CIF và thực hiện cơ chế tự cấp chứng nhận xuất xứ cho nhà xuất khẩu, tuy nhiên, Việt Nam bảo lưu quyền lợi này.

II. THỰC TRẠNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM VÀ CÁC QUỐC TPP

Quan hệ thương mại giữa Việt Nam và các nước TPP tăng rõ rệt trong giai đoạn 2007-2014, đồng thời có sự phân hoá khá rõ. Mỹ và Nhật Bản là hai đối tác thương mại lớn nhất trong khối, tiếp đến là Mexico, Australia, Malaysia, Singapore và Canada. Các quốc gia thành viên còn lại như Chile, Peru, New Zealand và Brunei có quan hệ thương mại hầu như không đáng kể với Việt Nam. (Hình 2.1).

Kể từ năm 2007, tỷ trọng xuất khẩu sang các nước TPP ổn định ở mức 38-39%. Thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam trong khối TPP là Mỹ (thị trường xuất khẩu lớn nhất trong khối, chiếm 19% tổng xuất khẩu của Việt Nam năm 2014), tiếp theo là thị trường Nhật Bản, chiếm 10% tổng xuất khẩu của Việt Nam, Australia và Malaysia cùng mức 3%. (Hình 2.2).

of remanufactured goods, sets of goods, and flexible use of FOB price replacing for CIF and self-completing certification of origin for exporters, however, Vietnam reserves this right.

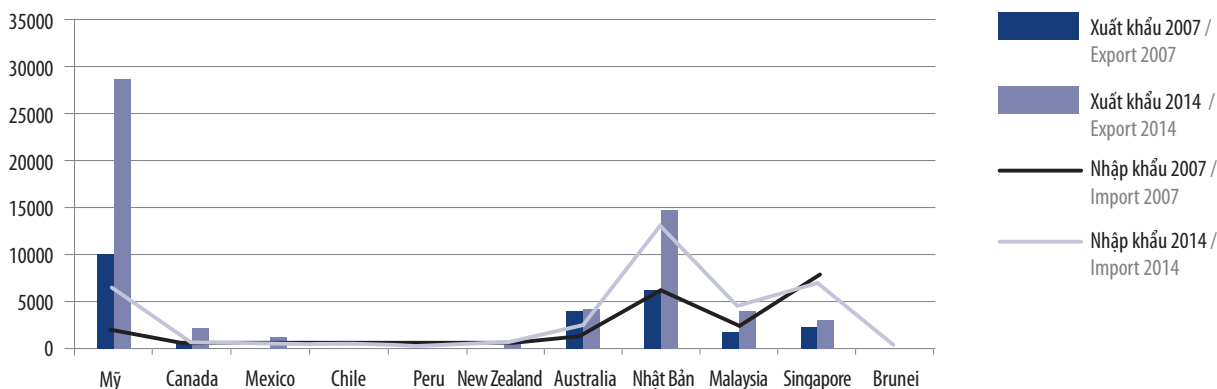
II. COMMERCIAL CONDITIONS OF VIETNAM AND OTHER TPP MEMBER COUNTRIES

The commercial relationships between Vietnam and other TPP parties have greatly improved during 2007-2014 and shown clear distinction. The United States and Japan are the two biggest commercial partners, followed by Mexico, Australia, Malaysia, Singapore and Canada. Other members such as Chile, Peru, New Zealand and Brunei have relatively modest commercial relationship with Vietnam. (Figure 2.1).

Since 2007, export turnover to TPP member countries stabilizes ranging from 38-39%. Vietnam’s principal export markets in TPP are the United State (the largest export market, accounting for 19% Vietnam total exports in 2014), Japan with 10%, and Australia and Malaysia with the same share of 3% the country total export. (Figure 2.2).

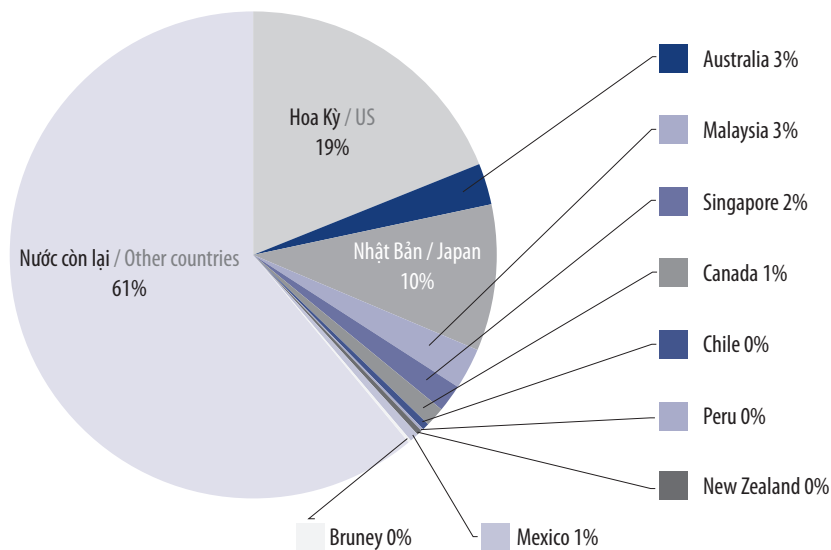
Hình 2.1: KIM NGẠCH XUẤT NHẬP KHẨU SONG PHƯƠNG GIỮA VIỆT NAM VÀ CÁC QUỐC THÀNH VIÊN TPP NĂM 2007 VÀ 2014. (ĐV: TRIỆU USD)

Figure 2.1: BILATERAL IMPORT-EXPORT TURNOVER OF VIETNAM AND TPP’S MEMBER COUNTRIES IN 2007 AND 2014. (UNIT: USD MILLION)



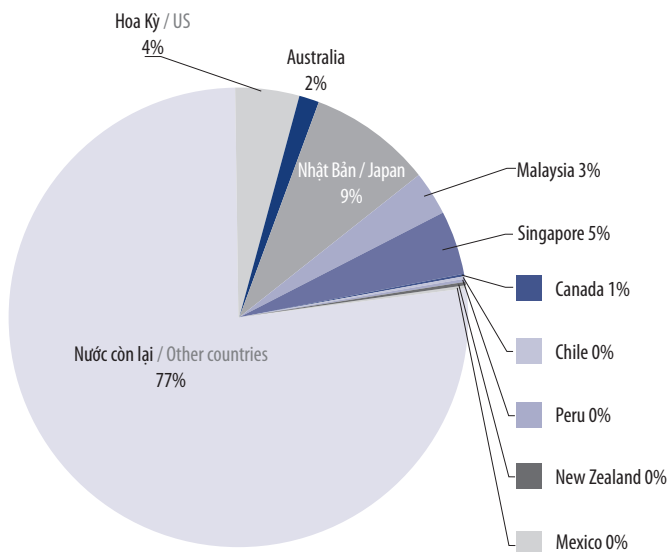
Nguồn: Tổng cục thống kê
Source: General Statistics Office

Hình 2.2: TỶ TRỌNG XUẤT KHẨU PHÂN THEO THỊ TRƯỜNG NĂM 2014. (ĐV: %)
Figure 2.2: THE PROPORTION OF EXPORTS BY MARKETS IN 2014. (UNIT: %)



Nguồn: Tổng cục thống kê
 Source: General Statistics Office

Hình 2.3: TỶ TRỌNG NHẬP KHẨU PHÂN THEO THỊ TRƯỜNG NĂM 2014. (ĐV: %)
Figure 2.3: THE PROPORTION OF IMPORTS BY MARKETS IN 2014. (UNIT: %)



Nguồn: Tổng cục thống kê
 Source: General Statistics Office

Khác với xuất khẩu, tỷ trọng nhập khẩu từ các nước TPP đang có xu hướng giảm qua các năm, từ 36% năm 2007 giảm xuống còn 30% năm 2009 và hiện nay chỉ ở mức 23% vào năm 2014. Nguyên nhân chủ yếu là do nhập khẩu từ Trung Quốc ngày càng chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nhập khẩu của Việt Nam. Trong năm 2014, nhập khẩu từ 11 nước TPP đạt 34 tỷ USD trong khi nhập khẩu từ phía Trung Quốc lên tới 43,9 tỷ USD và chiếm tới 29,6% tổng nhập khẩu. (Hình 2.3).

Tương tự với giỏ hàng hoá xuất ra thị trường Thế giới, đối với thị trường các nước TPP, xuất khẩu của Việt Nam sang TPP vẫn tập trung vào những mặt hàng thâm dụng lao động như quần áo và may mặc; giày dép; các sản phẩm máy móc, thiết bị điện tử; đồ dùng nội thất. Trong đó, như đã đề cập ở trên, Nhật Bản và Mỹ là hai thị trường xuất khẩu chính và chiếm tới 3/4 tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam vào TPP. (Bảng 2.1).

Ngoài Mỹ và Nhật Bản là đích đến của hầu hết các mặt hàng của Việt Nam, Malaysia là một trong ba thị trường nhập khẩu lớn các mặt hàng thực phẩm tươi và linh kiện điện tử, Australia là thị trường lớn nhập khẩu khoáng sản và Mexico cũng thuộc top 3 thị trường nhập khẩu các sản phẩm chưa phân loại lớn nhất. (Bảng 2.2).

Trong top 3 nhà cung cấp hàng hóa lớn nhất cho Việt Nam, Trung Quốc luôn có mặt ở hầu hết các mặt hàng. Quốc gia thành viên TPP có mặt nhiều nhất trong top 3 nhà cung cấp cho thị trường Việt Nam là Singapore tại các nhóm hàng thiết bị điện tử và CNTT, hàng hóa chế tạo khác, linh kiện điện tử và thực phẩm chế biến. Mỹ cũng là nhà cung cấp thực phẩm tươi lớn cho thị trường Việt Nam.

Quan hệ thương mại song phương Việt Nam - Mỹ gia tăng mạnh mẽ kể từ sau khi Hiệp định thương mại song phương Việt Mỹ ký kết. Kể từ đó tới nay, tổng kim ngạch thương mại hai chiều giữa hai quốc gia đã tăng gấp 20 lần. (Hình 2.4).

Có thể nhận thấy, Việt Nam luôn là nước xuất siêu đối với Mỹ và các mặt hàng xuất khẩu chính của Việt

In contrast to exports, Vietnam's import turnover from TPP's members is in downturn, from 36% in 2007 to 30% in 2009, and only gained 23% in 2014. The major reason is the bigger and bigger ratio of import turnover from China in Vietnam's total imports. In 2014, import turnover from 11 countries of TPP reached USD 34 bn, while achieved USD 43.9 bn from China accounting for 29.6% Vietnam total imports. (Figure 2.3).

For markets of TPP member countries, Vietnam's export focuses on goods that are labor intensive such as clothing, textiles, footwear, machinery, consumable electronics and furniture. As mentioned above, Japan and the United States are two major markets, accounting for three-fourths of Vietnam's total exports to TPP. (Table 2.1).

While the United States and Japan are destinations of almost Vietnam commodities, Malaysia becomes one of three biggest importing markets for fresh food and electronic components, Australia is the major importing market for minerals and Mexico is in Top 3 importing countries for unclassified products. (Table 2.2).

In Vietnam's Top 3 suppliers, China always presents in most of sectors. Singapore is the TPP member that has the most frequency in Top 3 suppliers of sectors of IT and consumable electronics, miscellaneous manufacturing, electronic components and processed food. The United States is the major provider of fresh food for Vietnam market.

The bilateral trade relationship between Vietnam and the US has dramatically improved after the signing of the US-Vietnam Bilateral Trade Agreement (BTA). Since then, the total bilateral trade turnover between the two countries has increased 20 times. (Figure 2.4).

As we can see, Vietnam is always the country of export surplus to the US and its major exporting products are textiles and footwear. (Figure 2.5).

In the meantime, Vietnam major products imported from the US are miscellaneous machinery, equip-

Nam đối với Mỹ là dệt may, giày dép. (Hình 2.5).

Trong khi đó, mặt hàng mà Việt Nam nhập khẩu chính từ Mỹ là máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng, và máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện. (Hình 2.6).

Đối với Nhật Bản, tổng kim ngạch thương mại song phương đứng thứ ba sau Mỹ và Hàn Quốc, có xu hướng tăng, và thương mại Việt Nam cũng duy trì được tình trạng xuất siêu với Nhật Bản.

Các mặt hàng chính Việt Nam nhập khẩu từ Nhật Bản gồm nguyên phụ liệu dệt, may, da giày, vải các loại, sản phẩm hoá chất, và máy tính, sản phẩm điện

ment, tools, and computers, electronics and components. (Figure 2.6).

The bilateral trade relationship between Vietnam and Japan is in the third place, following the US and Korea, which now enjoys the uptrend. Vietnam also keeps the status of export surplus to Japan.

Vietnam's major products imported from Japan include textile, leather and footwear materials, fabric, chemicals, and computers, electronics and components. Meanwhile, a large number of products exported to Japan include fishery products, crude oil, transportation vehicles and spare parts, textiles, and mis-

Bảng 2.1: XUẤT KHẨU PHÂN THEO NGÀNH HÀNG VÀ THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU LỚN NHẤT. (ĐV: %)
 Table 2.1: EXPORTS BY COMMODITY AND LARGEST EXPORT MARKET. (UNIT: %)

Ngành / Branch	Tỷ trọng trung bình trong tổng xuất khẩu giai đoạn 2009-2013 / The average proportion of total exports 2009-2013	Tốc độ tăng trưởng trung bình giai đoạn 2009-2013 / The average growth rate 2009-2013	Danh sách ba thị trường nhập khẩu lớn nhất 2013 / The list of three largest import markets in 2013
Thực phẩm tươi / Fresh Food	15.8	11.7	Mỹ, Trung Quốc, Malaysia / US, China, Malaysia
CNTT và thiết bị điện tử / IT and electronic equipments	15.2	75.5	Trung Quốc, Đức, Mỹ / China, Germany, US
Quần áo / Clothes	13.6	17.8	Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc / US, Japan, Korea
Khoáng sản / Minerals	10.4	1.5	Nhật Bản, Trung Quốc, Australia / Japan, China, Australia
Hàng hoá chế tạo khác / Other manufactured goods	9.1	8.1	Mỹ, Nhật Bản, Đức / US, Japan, Germany
Sản phẩm da / Leather products	8.8	16.1	Mỹ, Đức, Nhật Bản / US, Germany, Japan
Linh kiện điện tử / Electronic components	5.6	50.6	Trung Quốc, Nhật Bản, Malaysia / China, Japan, Malaysia
Hàng hoá chế tạo cơ bản / Basic manufactured goods	4.6	31.8	Mỹ, Indonesia, Nhật Bản / US, Indonesia, Japan
Dệt may / Textile	3.5	22.4	Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản / China, Korea, Japan
Hoá chất / Chemistry	3.4	25.4	Trung Quốc, Nhật Bản, Indonesia / China, Japan, Indonesia
Thực phẩm chế biến / Processed food	2.8	19.6	Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc / US, Japan, Korea
Máy móc phi điện tử / Non-electronic machines	2.5	26.6	Nhật Bản, Trung Quốc, Mỹ / Japan, China, US
Sản phẩm gỗ / Wood products	1.7	34.1	Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc / China, Japan, Korea
Thiết bị vận tải / Transportation equipments	1.6	24.6	Nhật Bản, Mỹ, Thái Lan / Japan, US, Thailand
Sản phẩm chưa phân loại / Uncategorized products	0.7	7.6	Nhật Bản, Mỹ, Mexico / Japan, US, Mexico

Nguồn: <http://www.intracen.org/>
Source: <http://www.intracen.org/>

Bảng 2.2: NHẬP KHẨU CỦA VIỆT NAM PHÂN THEO NGÀNH HÀNG VÀ CÁC QUỐC GIA XUẤT KHẨU LỚN NHẤT SANG VIỆT NAM. (ĐV: %)

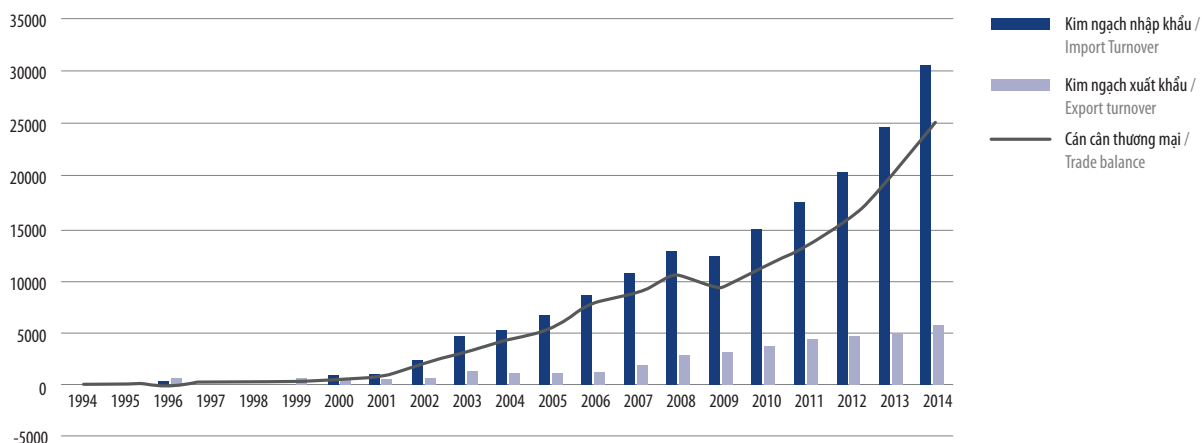
Table 2.2: VIETNAM'S IMPORTS BY COMMODITY AND COUNTRIES' LARGEST EXPORT TO VIETNAM. (UNIT: %)

Ngành / Branch	Tỷ trọng trung bình trong tổng nhập khẩu giai đoạn 2009-2013 / The average proportion of total imports 2009-2013	Tốc độ tăng trưởng trung bình giai đoạn 2009-2013 / The average growth rate 2009-2013	Danh sách ba quốc gia xuất khẩu sang Việt Nam lớn nhất 2013 / The list of three largest export countries to Vietnam 2013
Sản phẩm da / Leather products	1.2	21.8	Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan / China, Korea, Taiwan
Quần áo / Clothes	1.5	54.8	Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan / China, Korea, Taiwan
Thực phẩm chế biến / Processed food	5.3	18.8	Singapore, Argentina, Trung Quốc / Singapore, Argentina, China
Thực phẩm tươi / Fresh food	5.6	34.7	Ấn Độ, Mỹ, Trung Quốc / India, US, China
CNTT và thiết bị điện tử / IT and electronic equipments	6.8	26.6	Trung Quốc, Hàn Quốc, Singapore / China, Korea, Singapore
Dệt may / Textile	8.3	24.7	Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan / China, Korea, Taiwan
Hàng hoá chế tạo khác / Other manufactured goods	9.1	29	Trung Quốc, Singapore, Hàn Quốc / China, Singapore, Korea
Linh kiện điện tử / Electronic components	10	50.8	Hàn Quốc, Trung Quốc, Singapore / Korea, China, Singapore

Nguồn: <http://www.intracen.org/>
Source: <http://www.intracen.org/>

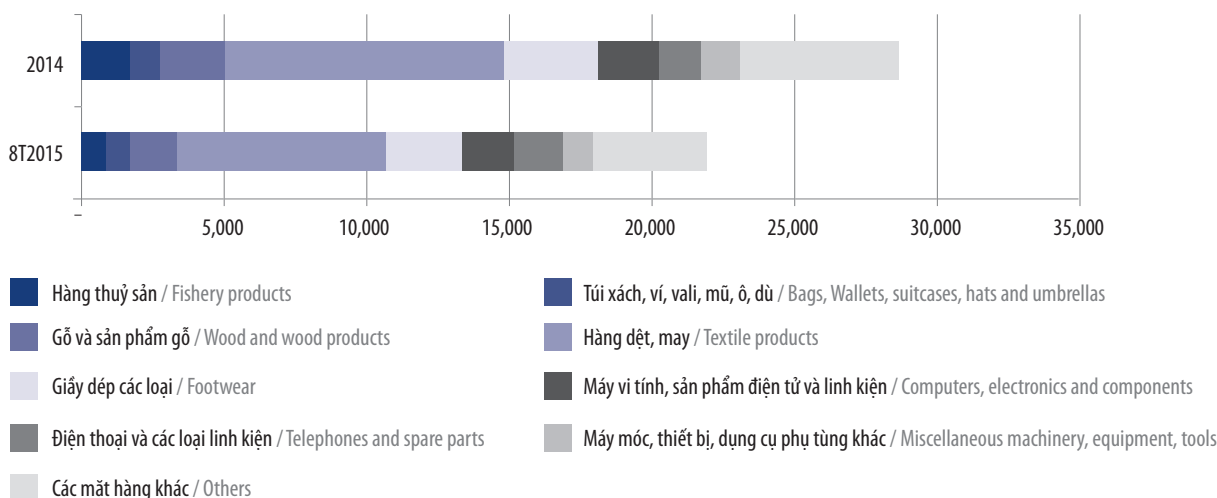
Hình 2.4: QUAN HỆ THƯƠNG MẠI SONG PHƯƠNG VIỆT NAM – MỸ. (ĐV: TRIỆU USD)

Figure 2.4: BILATERAL TRADE RELATION VIETNAM – US. (UNIT: USD MILLION)



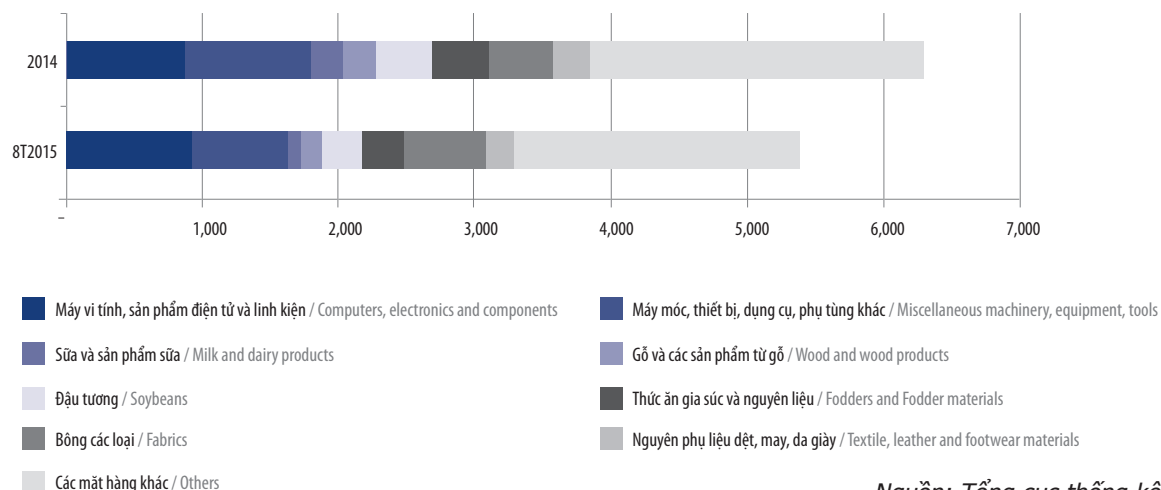
Nguồn: Tổng cục thống kê
Source: General Statistics Office

Hình 2.5: CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHÍNH SANG MỸ NĂM 2014 VÀ 8 THÁNG ĐẦU NĂM 2015. (ĐV: TRIỆU USD)
Figure 2.5: THE MAIN EXPORT PRODUCTS TO THE UNITED STATES IN 2014 AND THE FIRST 8 MONTHS OF 2015. (UNIT: USD MILLION)



Nguồn: Tổng cục thống kê
 Source: General Statistics Office

Hình 2.6: CÁC MẶT HÀNG NHẬP KHẨU CHÍNH TỪ MỸ NĂM 2014 VÀ 8 THÁNG ĐẦU NĂM 2015. (ĐV: TRIỆU USD)
Figure 2.6: THE MAIN IMPORT GOODS FROM THE US IN 2014 AND THE FIRST 8 MONTHS OF 2015. (UNIT: USD MILLION)



Nguồn: Tổng cục thống kê
 Source: General Statistics Office

tử và linh kiện. Trong khi đó, Việt Nam xuất sang Nhật Bản lượng lớn hàng thủy sản, dầu thô, phương tiện vận tải và phụ tùng, hàng dệt may và máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác.

Từ những phân tích trên, có thể thấy rõ những điểm sau: Thứ nhất, thương mại giữa Việt Nam và các đối tác trong TPP có sự phân hóa lớn, tập trung chủ yếu vào một số đối tác thương mại chủ chốt, cụ thể là Hoa Kỳ, Nhật Bản, Australia, Malaysia và Singapore. Thứ hai, nguồn cung hàng hóa lớn nhất của Việt Nam là Trung Quốc, trong đó có cả hàng hoá tiêu dùng và hàng hoá trung gian, nguyên phụ liệu sản xuất. Điều này sẽ khiến Việt Nam gặp khó khăn khi đáp ứng các yêu cầu về xuất xứ của TPP.

Các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam chủ yếu tập trung vào nhóm gia công, thâm dụng lao động, trong khi các mặt hàng nhập khẩu chủ đạo từ các nước TPP là máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện, máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác.

Từ bức tranh tổng thể về thực trạng quan hệ thương mại giữa Việt Nam và các nước thành viên TPP nói trên, để làm sâu thêm những phân tích về cơ hội và thách thức cho thương mại Việt Nam khi tham gia TPP trong phần sau, chúng tôi sẽ tiến hành tính toán một số chỉ số thương mại, bao gồm Chỉ số Lợi thế so sánh hiện hữu RCA, chỉ số Lợi thế Thương mại Đối tác, và chỉ số Bổ trợ Thương mại.

Chỉ số RCA dùng để đo lường lợi thế so sánh của từng sản phẩm cụ thể của một quốc gia. Đến nay, RCA được các quốc gia sử dụng như một chỉ số để đo lường lợi thế so sánh, giúp chỉ ra khả năng cạnh tranh xuất khẩu của quốc gia đó về một sản phẩm xác định trong mối tương quan với mức xuất khẩu Thế giới của sản phẩm đó. RCA càng lớn thì mặt hàng đó có lợi thế so sánh càng cao.

Trong báo cáo này, nhóm nghiên cứu sử dụng công thức tính RCA như sau:

$$RCA = (Exa/Ea)/(Exw/Ew)$$

Trong đó: Exa: Kim ngạch xuất khẩu sản phẩm X của nước A; Ea: Tổng kim ngạch xuất khẩu của nước

cellaneous machinery, equipment, tools.

From the above analysis, we can see that: Firstly, trade relations between Vietnam and other TPP parties have great differentiation, which put much focus on specific partners such as the US, Japan, Australia, Malaysia and Singapore. Secondly, Vietnam's biggest supplying source is China, including consumption goods, intermediate goods, manufacturing materials. This would make Vietnam more difficult to satisfy requirements on TPP's Rules of Origin.

Vietnam exporting goods concentrates on manual processing and labor-intensive group, while our major importing goods from TPP countries are computers, electronics and components, and miscellaneous machinery, equipment, tools.

From the above big picture of trade relationships between Vietnam and other TPP member countries, in order to offer some insights into opportunities and challenges for Vietnam's commerce when joining TPP, in the next part we will calculate several trade indices including Revealed Comparative Advantage (RCA), Partnership Commercial Advantage, and Trade Complementarity index

The Revealed Comparative Advantage (RCA) is an index used for calculating relative advantage in a specific product of a certain country. So far, RCA has been used by many countries as an index for measuring comparative advantage, which shows the exporting competitiveness of a certain class of goods of that country in comparison with the world exports of the goods. The bigger RCA, the higher comparative advantage the goods have.

In this report, researchers use the following formula to calculate RCA:

$$RCA = (Exa/Ea)/(Exw/Ew)$$

Where: Exa: Values of country A's exports of product X; Ea: Country A's total exports; Exw: World exports of product X; Ew: World total exports.

RCA>2.5: the product has very high comparative advantage; 1<RCA<2.5: the product has comparative

A; Exw: Kim ngạch xuất khẩu sản phẩm X của Thế giới; Ew: Tổng kim ngạch xuất khẩu của Thế giới.

Hệ số: $RCA > 2,5$: sản phẩm có lợi thế so sánh rất cao; $1 < RCA < 2,5$: sản phẩm có lợi thế so sánh; $RCA < 1$: sản phẩm bất lợi thế so sánh.

Dưới đây là bảng top 10 mặt hàng (phân theo HS2) có RCA lớn nhất của Việt Nam. (Bảng 2.3).

Qua bảng trên, có thể thấy, nhóm hàng giày dép, ghê, và các sản phẩm tương tự, các bộ phận của các sản phẩm trên (HS64) có chỉ số RCA lớn nhất, đạt 11.67; xếp sau đó là nhóm hàng HS 09, cà phê, chè, chè lá cây thường xanh và gia vị với chỉ số RCA đạt 10.78. Một số mã hàng như HS 42, HS 61, HS 03, HS 62 cũng có chỉ số RCA khá cao, dao động từ 4-5, cho thấy các nhóm hàng này cũng có lợi thế so sánh khi được xuất khẩu ra thị trường Thế giới nói chung và TPP nói riêng. 4 nhóm hàng có RCA thấp nhất trong top 10 là các nhóm có mã HS 17, HS 85, HS 84 và HS 94. Có thể nhận thấy, các nhóm hàng có RCA cao đều thuộc những mặt hàng gia công, thâm dụng lao động, và các nhóm hàng có RCA thấp hơn thuộc nhóm hàng máy móc, chế tạo.

advantage; $RCA < 1$: the product has a comparative disadvantage

Here is Top 10 Vietnam's products (classified by HS2) which own the highest RCA. (Table 2.3).

As we can see in the above table, the group of footwear, gaiters and the like, parts of such articles (HS64) has the highest RCA with 11.67; followed by the group HS09 - Coffee, tea, maté and spices with RCA of 10.78. Other groups such as HS 42, HS 61, HS 03, HS 62 also have rather high RCA, ranging from 4-5, which shows that these groups have comparative advantage when exporting to the world market in general and to TPP countries in particular. We can easily find that groups of high RCA are those belong to groups of manual processing or labor-intensive, and low RCA are those belong to groups of machinery and manufacturing.

Apart from calculating RCA for each class of goods, researchers also consider the Partnership Commercial Advantage (PCA) in order to measure commercial advantage of a certain country versus its partner in a

Bảng 2.3: TOP 10 NHÓM HÀNG XUẤT KHẨU CỦA VIỆT NAM CÓ CHỈ SỐ RCA LỚN NHẤT.

Table 2.3: TOP 10 EXPORT PRODUCTS OF VIETNAM HAD THE LARGEST RCA INDICATOR.

Mã ngành / Branch code	Tên ngành / Branch name	RCA
'27	Nguyên liệu khoáng, dầu, các sản phẩm chưng cất / Mineral materials, oils, distillation products	0.31
'84	Máy móc, lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi, v.v. / Machinery, nuclear reactors, boilers, etc.	0.71
'85	Thiết bị điện, điện tử / Electrical, electronic equipments	2.21
'94	Đồ nội thất, bóng đèn, biển hiệu, nhà xưởng tiền chế / Furniture, lamps, signboards, prefabricated buildings	3.01
'42	Hàng da, ruột động vật, đồ bảo hộ và du lịch / Leather, animal gut, protective gear and tourism	4.17
'61	Hàng may mặc, phụ kiện, dệt kim hoặc móc / Garments, accessories, knitted or crocheted	4.65
'03	Cá, động vật giáp xác, động vật thân mềm, thủy sinh, v.v. / Fish, crustaceans, mollusks, aquatic, etc.	5.24
'62	Hàng may mặc, phụ kiện, không dệt kim, không móc / Garments, accessories, non-knitted, non-crocheted	5.79
'09	Cà phê, chè, chè lá cây thường xanh và gia vị / Coffee, tea, maté, and spices	10.78
'64	Giày, dép, ghê và các sản phẩm tương tự; các bộ phận của các sản phẩm trên / Footwears, gaiters and similar products; parts of the above products	11.67

Nguồn: Tính toán của tác giả từ <http://www.intracen.org/itc/market-info-tools/trade-statistics/>
 Source: Calculation of author from <http://www.intracen.org/itc/market-info-tools/trade-statistics/>

Bên cạnh việc tính toán RCA cho từng mặt hàng, nhóm nghiên cứu cũng tính toán chỉ số Lợi thế thương mại đối tác (PCA) để đo lường lợi thế thương mại của một quốc gia so với đối tác trong một thời kỳ. Nếu RCA đo lường chi tiết lợi thế so sánh cho từng mặt hàng cụ thể thì chỉ số PCA giúp đo lường lợi thế thương mại tổng hợp của một quốc gia với đối tác thương mại.

Công thức tính toán như sau:

$$PCA = (Ep/Ip)/(ER/IR)$$

Trong đó: PCA là lợi thế thương mại đối tác của một nước so với nước đối tác p trong một thời kỳ; Ep: Kim ngạch xuất khẩu của quốc gia sang nước đối tác p; Ip: Kim ngạch nhập khẩu của quốc gia từ nước đối tác p; ER: Tổng kim ngạch xuất khẩu của quốc gia xem xét trong thời kỳ tương ứng; IR: Tổng kim ngạch nhập khẩu của quốc gia xem xét trong thời kỳ tương ứng.

Nếu $PCA < 1$, quốc gia không có lợi thế thương mại đối tác; Nếu $PCA = 1- 2.5$, quốc gia có lợi thế thương mại đối tác; Nếu $PCA = 2.5- 5.0$, quốc gia có lợi thế thương mại đối tác cao; Nếu $PCA > 5.0$, quốc gia có lợi thế thương mại đối tác rất cao.

Có thể thấy, Việt Nam có PCA cao hơn cả với Mỹ và Canada, PCA với hai quốc gia này lớn hơn 5, lần lượt là 5.1 và 5.15, nên Việt Nam có lợi thế đối tác rất cao với hai quốc gia này. Tiếp theo đó, Việt Nam có lợi thế đối tác cao với Mexico ($PCA=3.76$) và có lợi thế thương mại đối tác với nhóm quốc gia Nhật Bản, Australia, Peru và Chile. Chỉ số này cũng chỉ ra rằng Việt Nam không có lợi thế đối tác với nhóm các quốc gia còn lại của TPP bao gồm Brunei, New Zealand và Malaysia. (Hình 2.7).

Tiếp theo, chỉ số hỗ trợ thương mại TC cũng được chúng tôi tính toán. Đây là một chỉ số thương mại khá quan trọng và phổ biến, giúp cung cấp thông tin hữu ích về triển vọng thương mại nội vùng, trong đó nó cho thấy sự hỗ trợ giữa cấu trúc nhập khẩu của một quốc gia với cấu trúc xuất khẩu của đối tác. Chỉ số này đặc biệt hữu ích cho các quốc gia đang cân nhắc việc hình thành hiệp định thương mại tự do.

Chỉ số TC giữa hai quốc gia K và J được tính toán như sau:

certain period. While RCA shows the comparative advantage of a certain class of goods, PCA shows the comprehensive commercial advantage of a country in comparison with its partner.

Here is the formula:

$$PCA = (Ep/Ip)/(ER/IR)$$

Where: PCA is partnership commercial advantage of a certain country in comparison with its partner country p in a period; Ep: country's exports to its partner country p; Ip: country's imports from its partner country p; ER: total exports of a country considered in a relevant period.

If $PCA < 1$, the country does not have partner commercial advantage; if $PCA = 1-2.5$, the country has partner commercial advantage; if $PCA = 2.5-5.0$, the country has high partner commercial advantage; if $PCA > 5.0$, the country has very high partner commercial advantage.

We can see that Vietnam has higher PCA than that of the US and Canada. The PCA with these two countries is higher than 5, which is 5.1 and 5.15 respectively. Vietnam has high partner commercial advantage with Mexico ($PCA = 3.76$) and has partner commercial advantage with groups of Japan, Australia, Peru and Chile. This index also shows that Vietnam does not have partner commercial advantage with other TPP countries including Brunei, New Zealand and Malaysia. (Figure 2.7).

In addition, we also calculate the Trade Complementarity (TC) index. This is an important and popular commercial index that helps provide useful information on prospects for intraregional trade. It shows the complementarity between structures of a country's imports and structures of its partner's exports. This index is particularly helpful for countries which are considering the formation of free trade agreements.

TC between countries K and J is defined as:

$$TC_{ij} = 100 (1 - \sum (|m_{ik} - x_{ij}| / 2))$$

Where X_{ij} is the share of goods i in global exports

$$TC_{ij} = 100 (1 - \sum (|m_{ik} - x_{ij}| / 2))$$

Trong đó, x_{ij} : tỷ trọng xuất khẩu của mặt hàng i trong giỏ xuất khẩu của quốc gia j ; m_{ik} là tỷ trọng nhập khẩu của mặt hàng i trong giỏ nhập khẩu của quốc gia k . Nếu chỉ số $TC = 0$: không có thương mại song phương về mặt hàng i giữa hai quốc gia J và K . Nếu chỉ số $TC = 100$: tỷ trọng xuất khẩu và nhập khẩu của hai quốc gia bổ trợ hoàn hảo cho nhau.

Đồ thị dưới hiển thị kết quả chỉ số TC giữa cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam so với cơ cấu nhập khẩu của các đối tác TPP, trong khi đó đồ thị dưới đó nữa thể hiện TC giữa cơ cấu nhập khẩu của Việt Nam so với xuất khẩu của các đối tác. (Hình 2.8).

Có thể thấy, chỉ số TC giữa cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam so với cơ cấu nhập khẩu của các đối tác trong TPP khá cao (>40) và đồng đều. Điều này cho thấy mức độ bổ trợ giữa cơ cấu nhập khẩu của Việt Nam và cơ cấu xuất khẩu của các nước TPP cao, trong đó, đáng chú ý nhất là Hoa Kỳ, Nhật Bản, Singapore và Malaysia.

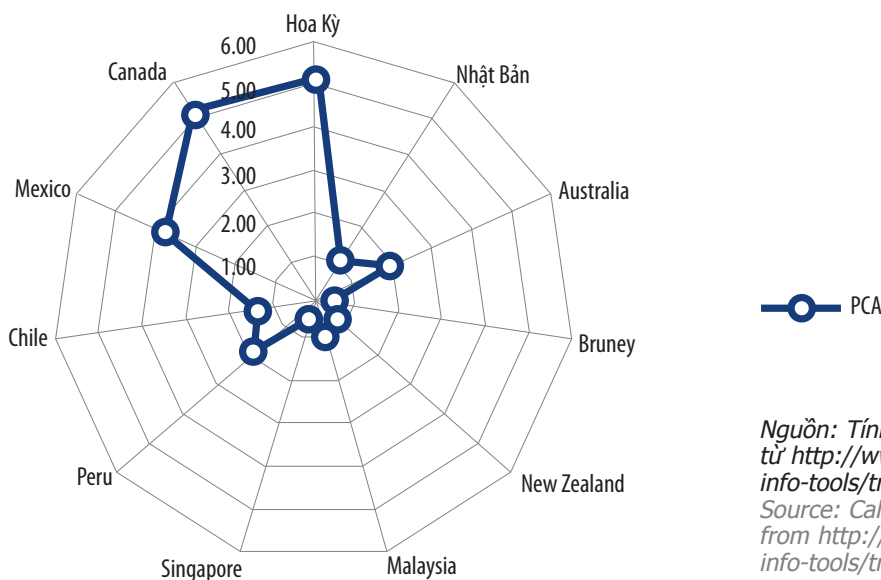
of country j , m_{ik} is the share of goods i in imports of country k ; If $TC = 0$: no bilateral trade in goods j between countries J and K ; if $TC = 100$: the export and import shares exactly match.

The below diagram shows the TC index between export structure of Vietnam and import structures of TPP countries. The followed diagram indicates the TC between Vietnam imports and other partners' exports. (Figure 2.8).

The TC index between Vietnam exports and TPP partners' imports is rather high (>40) and has similar arrangements. This shows that the level of complementarity between imports of Vietnam and exports of TPP countries is high, especially the US, Japan, Singapore and Malaysia. As a result, Vietnam exporting goods can meet the importing demand of TPP members, especially the mentioned countries. (Figure 2.9).

The TC index between imports of Vietnam and exports of TPP countries has a great differentiation and it reflects exactly the actual situation of bilateral trade relations between Vietnam and these partners. Brunei, Peru and Chile are among countries with poor

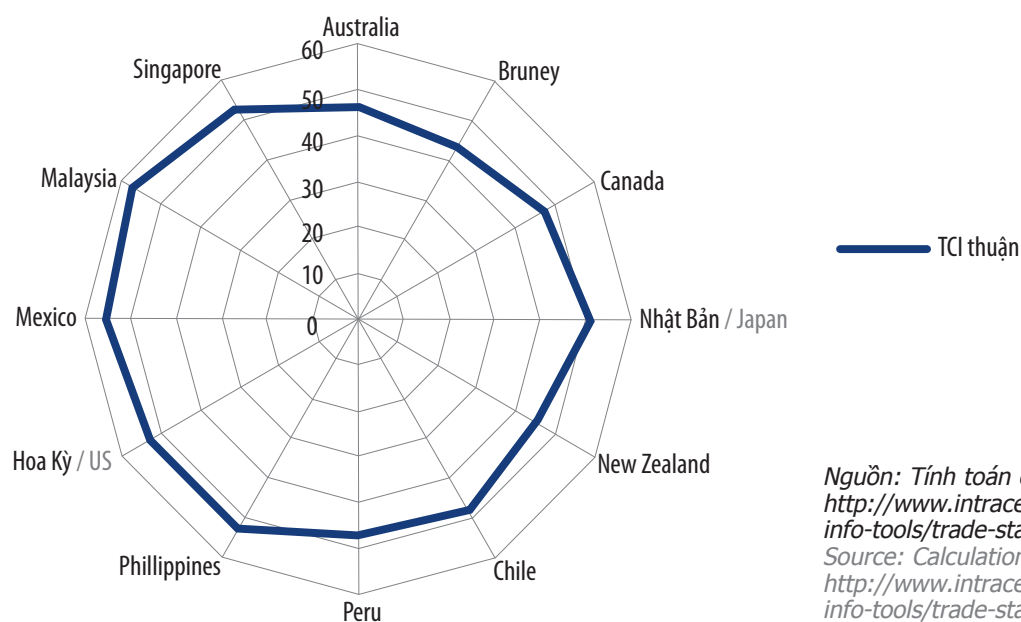
Hình 2.7: CHỈ SỐ PCA CHO CÁC ĐỐI TÁC TPP
Figure 2.7: PCA INDEX FOR TPP PARTNERS



Nguồn: Tính toán của nhóm nghiên cứu từ <http://www.intracen.org/itc/market-info-tools/trade-statistics/>
Source: Calculation of research group from <http://www.intracen.org/itc/market-info-tools/trade-statistics/>

Hình 2.8: CHỈ SỐ BỔ TRỢ THƯƠNG MẠI GIỮA VIỆT NAM VÀ CÁC ĐỐI TÁC NĂM 2014

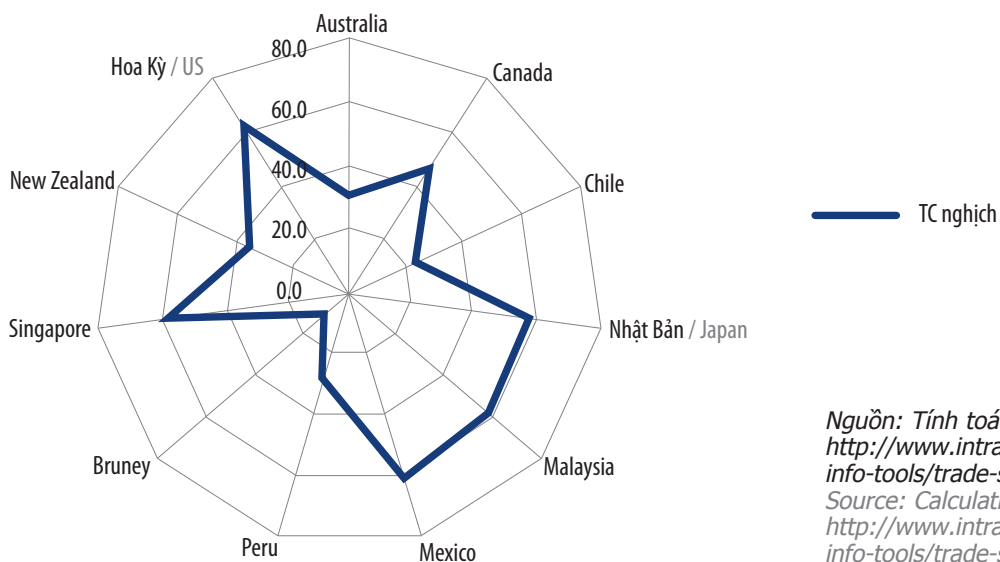
Figure 2.8: TRADE COMPLEMENTARITY INDEX BETWEEN VIETNAM AND PARTNERS IN 2014



*Nguồn: Tính toán của tác giả từ <http://www.intracen.org/itc/market-info-tools/trade-statistics/>
Source: Calculation of author from <http://www.intracen.org/itc/market-info-tools/trade-statistics/>*

Hình 2.9: CHỈ SỐ BỔ TRỢ THƯƠNG MẠI GIỮA CÁC ĐỐI TÁC VÀ VIỆT NAM NĂM 2014

Figure 2.9: TRADE COMPLEMENTARITY INDEX BETWEEN PARTNERS AND VIETNAM IN 2014



*Nguồn: Tính toán của tác giả từ <http://www.intracen.org/itc/market-info-tools/trade-statistics/>
Source: Calculation of author from <http://www.intracen.org/itc/market-info-tools/trade-statistics/>*

Chỉ số TC giữa cơ cấu nhập khẩu của Việt Nam và cơ cấu xuất khẩu của đối tác trong TPP có sự phân hóa rõ ràng và phản ánh chính xác thực trạng quan hệ thương mại song phương hiện tại giữa Việt Nam và các đối tác này. Brunei, Peru, Chile thuộc nhóm đối tác ít giao thương với Việt Nam, trong khi đó Hoa Kỳ, Singapore, Nhật Bản, Malaysia thuộc top các đối tác xuất khẩu của Việt Nam.

III. CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC CHO THƯƠNG MẠI VIỆT NAM TỪ TPP

Trong phần này, tác động của việc Việt Nam ký kết TPP được phân tích dưới hai góc nhìn: Thứ nhất là từ khía cạnh kỹ thuật, nêu ra một số đặc tính của TPP có tác động tới thương mại của Việt Nam. Thứ hai là từ khía cạnh năng lực cạnh tranh của nền thương mại Việt Nam.

Trước hết, từ khía cạnh kỹ thuật, những cam kết của TPP đã tạo ra rất nhiều thuận lợi cũng như khó khăn tiềm tàng cho Việt Nam.

Thứ nhất, những cam kết về thuế quan tại TPP mang lại cho hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam cơ hội tiếp cận thị trường các nước thành viên TPP với mức thuế suất bằng 0 ngay tại thời điểm TPP có hiệu lực. Mức thuế này thấp hơn rất nhiều so với mức thuế mà hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam đang phải chịu khi chưa có TPP. Điển hình là trường hợp thị trường Mỹ, hàng dệt may của Việt Nam bị áp mức thuế MFN trung bình là 17,5%, nhưng ngay sau khi TPP có hiệu lực mức thuế sẽ được đưa về 0 với 73,1% dòng thuế, số dòng thuế còn lại sẽ được xóa bỏ theo lộ trình 13 năm. Thị trường Canada cũng tương tự như vậy, mức thuế MFN Canada áp dụng đối với hàng dệt may của Việt Nam là 17%, nhưng ngay sau khi TPP có hiệu lực hoặc sau 3 năm, gần như toàn bộ mặt hàng dệt may xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sẽ được xóa bỏ thuế, cụ thể, 42,9% kim ngạch xuất khẩu vào Canada có thuế 0% năm đầu tiên và 57,1% kim ngạch có thuế 0% vào năm thứ 4.

Việt Nam cũng cam kết xóa bỏ gần 100% số dòng thuế, theo đó 65,8% số dòng thuế có thuế suất 0% ngay khi Hiệp định có hiệu lực và số dòng còn lại sẽ được xóa bỏ theo lộ trình. Cam kết về thuế của Việt

trade relation with Vietnam, while the US, Singapore, Japan and Malaysia are those who in the top exporting partners of Vietnam.

III. OPPORTUNITIES AND CHALLENGES FOR VIETNAM FROM TPP

In this part, the impact of Vietnam's joining in TPP is analyzed in two points of view: technically view – several features of TPP that affect Vietnam commerce, and Vietnam competitive capacity.

Regarding the technical view, TPP commitments have created many potential advantages as well as disadvantages to Vietnam.

Firstly, commitments on tariffs provide Vietnam exporting goods with opportunity to access TPP member markets with duty-free condition once the agreement comes into effect. This tax rate is much lower than the rate Vietnam's goods have to bear when not joining in TPP. The US market is one example. Vietnam's textiles must bear the MFN tariff with the average of 17.5%, however once TPP is in effect, the tax rate will be zero with 73.1% tariff lines, the other lines will be eliminated in the schedule of 13 years. Canada market is similar. MFN tax applied to Vietnam's textiles is 17%, but most of Vietnam's major textile exports will be duty-free once TPP comes into effect or after three years, in which 42.9% goods exported to Canada market will be duty free in the first year and the rest 57.1% will have tax rate of zero in the fourth year.

Vietnam also commits to eliminate nearly 100% tariff lines, in which 65.8% tariff lines would have customs duties of 0% once the agreement comes into effect and the rest will be cleared in schedule. On one hand, Vietnam's commitments on tariffs bring potential disadvantages in the increasing competitiveness of international goods over domestic goods. On the other hand, according to statistics of Vietnam Institute for Economic and Policy Research (VEPR) (2015), the State budget will decrease to nearly USD19 bn (equivalent to 1.4% Vietnam's GDP in 2011) due to the elimination of tariffs in accordance with commitments of TPP and AEC. As a result, the State budget will have

Nam một mặt mang đến bất lợi tiềm tàng về sự gia tăng cạnh tranh của hàng hóa nước ngoài đối với hàng hóa nội địa. Mặt khác, theo tính toán của VEPR (2015), NSNN sẽ giảm gần 19 tỷ USD (tương đương 1,4% GDP của Việt Nam năm 2011) do việc xóa bỏ thuế quan theo cam kết của TPP và AEC. Một vấn đề được đặt ra sau đó là Chính phủ sẽ phải tìm kiếm nguồn thu để bù vào con số mất mát này, và sẽ có khả năng tăng thu thuế từ các nguồn khác, tạo rào cản bất lợi cho nền kinh tế.

Thứ hai, các thủ tục ràng buộc việc ban hành và thực thi các quy định liên quan đến TBT, SPS, phòng vệ thương mại. Những cam kết về các vấn đề này có thể vô hiệu hóa những lợi thế về thuế quan mà hàng hóa xuất khẩu Việt Nam được hưởng từ TPP. Tuy nhiên, điểm tích cực là các nội dung về các chương này trong TPP có những điều khoản nâng cao tính minh bạch và phân định rạch ròi trách nhiệm của các bên liên quan nhằm giảm thiểu rủi ro, thiệt hại cho tất cả các thành viên, cũng như tránh tình trạng lạm dụng các quy tắc này. Ví dụ như trong những cam kết về vấn đề phòng vệ thương mại, TPP có các điều khoản “đảm bảo sự minh bạch về thủ tục, đảm bảo cơ hội cho các bên được thông báo và tham vấn, nêu quan điểm và bình luận trước và trong quá trình điều tra, được loại trừ khỏi cuộc điều tra nếu hàng hóa nhập khẩu không phải nguyên nhân quan trọng gây thiệt hại.”⁽³⁾ Nhờ vậy, tất cả các nước thành viên TPP, trong đó có Việt Nam đều đảm bảo có được cơ chế phòng vệ thương mại hợp lý ở cả hai chiều, không chỉ với tư cách của nhà xuất khẩu, hạn chế nguy cơ hàng hóa xuất khẩu của mình bị xử ép, mà còn với tư cách của nhà nhập khẩu, giúp các ngành sản xuất trong nước đối phó với sức ép cạnh tranh ngày càng gia tăng của hàng hóa nhập khẩu.⁽⁴⁾

Thứ ba, về quy tắc xuất xứ. Để được hưởng các ưu đãi thuế quan được cam kết, hàng hóa xuất khẩu phi dệt may của Việt Nam sẽ phải đáp ứng các điều kiện thuộc chương 3, chương Quy tắc xuất xứ. Như đã đề cập tới ở trên, TPP có một số điểm mới trong chương

to seek for another source of collection in order to reimburse for this lost amount, and it is likely that the State would raise tax from other sources, which creates negative barriers to the economy.

Secondly, in respect of procedures on issuing and implementing regulations concerning Technical Barrier to Trade (TBT), Sanitary and Phytosanitary Standards (SPS) and safeguard measures, commitments on these issues can disable advantages in tariffs that Vietnam exporting goods enjoying from TPP. However, the positive thing in TPP chapters is that they convey terms and conditions of improving the transparency and clearly distinguish between obligations of relevant parties in order to minimize risks and damages for members and avoid the abuse of these regulations. For example, in commitments on safeguard measures, TPP has provisions on “ensuring procedural transparency, ensuring opportunity for disputing parties to notice and receive consultations, to offer comments prior to and during the proceeding, to be out of investigation their importing goods are not reason for the damage”.⁽³⁾ Therefore, all members of TPP including Vietnam are ensured to have an appropriate safeguard measure mechanism in both ways – for exporters, it limits the risk of being bias during dispute settlement, and for importers, it helps domestic manufacturing sectors to deal with the higher and higher competitiveness of importing goods.⁽⁴⁾

Thirdly, concerning rules of origin, in order to enjoy preferential tariff benefits as committed, Vietnam exporting non-textiles shall satisfy conditions stipulated in Chapter 3, Rules of Origin and Origin Procedures. As mentioned above, TPP presents several new points in this chapter, which brings both advantages and disadvantages for Vietnam. Besides of allowing using FOB instead of CIF for calculating costs of non-originating materials in the indirect calculation of Regional Value Content (RVC) so that enterprises would easily raise their RVC, TPP issues stricter and more detailed regulations on change of HS code, calculation of price with-

⁽³⁾ Từ trang web <http://trungtamwto.vn>.

⁽⁴⁾ Từ trang web <http://trungtamwto.vn>

⁽³⁾ From website <http://trungtamwto.vn>

⁽⁴⁾ From website <http://trungtamwto.vn>

này, điều này mang đến cả thuận lợi và khó khăn cho Việt Nam. Bên cạnh việc TPP cho phép linh hoạt sử dụng giá FOB thay CIF khi tính trị giá nguyên vật liệu không có xuất xứ trong cách tính gián tiếp khi tính hàm lượng giá trị khu vực (RVC) giúp DN dễ đạt RVC hơn, TPP đưa ra những quy định chặt chẽ hơn, chi tiết hơn trong các quy tắc chuyển đổi mã HS, tính giá trị nội khối hay hỗn hợp. Bên cạnh đó, quy tắc xuất xứ trong TPP lại được quy định riêng cho từng nhóm sản phẩm, vì vậy, các DN phải chủ động tìm hiểu kỹ phần quy tắc có liên quan tới sản phẩm xuất khẩu của mình. Thêm vào đó, quy trình tự chứng nhận xuất xứ trong TPP, khá mới và xa lạ với các DN xuất khẩu của Việt Nam và để có quá trình chuẩn bị cho các DN xuất khẩu, Việt Nam đã xin bảo lưu quyền này 5 năm. Thực chất, quy trình này hướng tới giảm thiểu TTHC, giúp các DN chủ động và tiết kiệm được thời gian, chi phí trong quá trình xuất khẩu, nhưng lại đặt ra vấn đề phải chủ động tìm hiểu, nỗ lực cao độ cũng như gia tăng trách nhiệm trong từng quy trình sản xuất, xuất khẩu sản phẩm.⁽⁵⁾

Tiếp theo, thay cho lời kết, chúng tôi sẽ sử dụng mô hình SWOT để phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của nền kinh tế Việt Nam khi trở thành thành viên của TPP. Các điểm mạnh sẽ cần được phát huy và các điểm yếu cần khắc phục để nền kinh tế tận dụng tốt nhất các cơ hội và giảm thiểu các thách thức từ quá trình tham gia TPP.

IV. MÔ HÌNH SWOT CHO THƯƠNG MẠI VIỆT NAM KHI THAM GIA TPP

(Hình 2.10).

□ Điểm mạnh của thương mại Việt Nam khi tham gia TPP

❖ Như đã phân tích ở trên, một số thành viên trong TPP là đối tác thương mại lớn của Việt Nam vì vậy các DN nước ta đã có những hiểu biết nhất định về đặc điểm thị trường tại các nước đó. Bên cạnh đó, mạng lưới liên kết giữa nước ta và các đối tác lớn cũng

in or outside TPP members. Moreover, TPP's Rules of Origin is set for each class of products; therefore, enterprises should thoroughly study provisions related to their exporting products. In addition, the procedure of completing certification of origin is quite new and unfamiliar to Vietnam exporters; Vietnam as a result reserves this right within 5 years. In fact, this procedure aims to decrease administrative procedures, help enterprises to take the initiative and save their time and costs during exporting activities; it also require enterprises to be proactive in examining, putting great effort and improving their responsibility in each stage of production and export.⁽⁵⁾

In the next part, we use SWOT matrix to analyze the strengths, weaknesses, opportunities and threats of Vietnam's economy when being an official member of TPP. We should enhance the strength and minimize the weakness so that the economy can seize opportunities and reduce challenges when joining TPP.

IV. SWOT ANALYSIS FOR VIETNAM COMMERCE WHEN JOINING TPP

(Figure 2.10).

□ Vietnam's strengths when joining TPP

❖ As mentioned analysis, several TPP members are already Vietnam's major partners; therefore, our enterprises have certain understanding about their markets' features. Besides, the network between Vietnam and these big partners have established sustainably, so when joining TPP, Vietnam has somewhat advantages for expanding trade relations with these markets.

❖ Goods have high complementarity, both commodities and services: We export raw and agricultural materials, while TPP members export high tech and sophisticated goods and services. This would help reduce the competition in some extent and enhance the strengths of our trade.

⁽⁵⁾ Từ trang web <http://tpp.moit.gov.vn>

⁽⁵⁾ From website <http://tpp.moit.gov.vn>

đã được thiết lập tương đối ổn định nên khi tham gia TPP, Việt Nam có những ưu thế nhất định khi mở rộng quan hệ thương mại với các đối tác đó.

❖ Các mặt hàng có tính bổ trợ cao, cả về hàng hóa và dịch vụ: Nước ta xuất khẩu các mặt hàng thô, nông nghiệp trong khi đó nhiều nước thành viên của TPP lại xuất khẩu các mặt hàng, dịch vụ công nghiệp cao, có mức độ tinh vi lớn. Điều này sẽ giảm phần nào áp lực cạnh tranh và đồng thời sẽ góp phần làm nổi bật điểm mạnh của hoạt động thương mại nước ta.

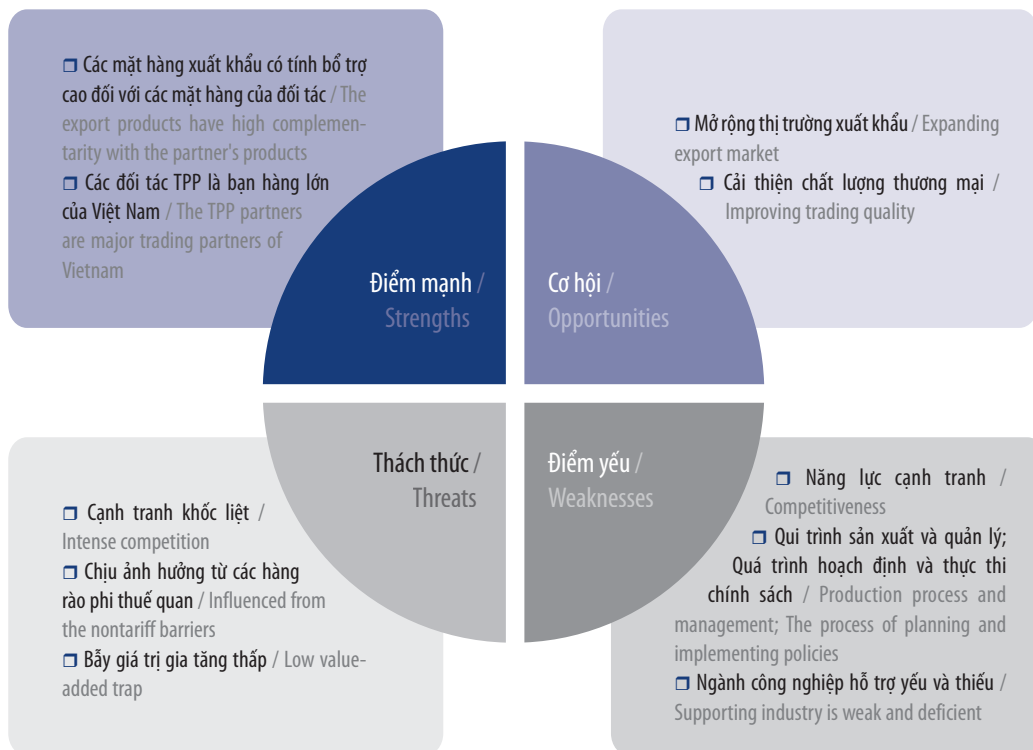
❑ Điểm yếu của thương mại Việt Nam khi tham gia TPP

❖ Năng lực cạnh tranh: Nhiều mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam chủ yếu gia công, lắp ráp vì thế giá trị gia tăng cho DN trong nước và cho nền kinh tế là rất thấp;

❑ Vietnam’s weaknesses when joining TPP

❖ Competitive capacity: Many exporting goods of Vietnam are manual manufacturing and assembling, so the added value created for domestic enterprises and the economy is very low. Other exporting goods are from natural resources and low-cost labor. These goods based on static comparative advantage, this kind of development and competition capacity is not sustainable. In addition, many (potential) classes of goods cannot export due to high production costs, which reflects the competition capacity of the economy in general and of these enterprises in particular. Weakness in infrastructure, high non-official costs, cumbersome administrative procedures, macro-economic policies over last years have created instability, unpredictable policies and lack of transparency, etc., which all of them increase domestic production costs

Hình 2.10: PHÂN TÍCH SWOT THƯƠNG MẠI VIỆT NAM KHI THAM GIA TPP
Figure 2.10: SWOT ANALYSIS OF TRADE OF VIETNAM WHEN JOINING TPP



nhều mặt hàng xuất khẩu khác lại từ khai thác tài nguyên thiên nhiên, tận dụng lao động giá rẻ và đó là các sản phẩm dựa trên lợi thế so sánh tĩnh, quá trình phát triển này sẽ không bền vững và năng lực cạnh tranh khó có thể duy trì lâu. Ngoài ra, nhiều mặt hàng (có tiềm năng) khác không thể xuất khẩu được do chi phí sản xuất quá lớn, phản ánh năng lực cạnh tranh của nền kinh tế nói chung và của các DN nói riêng. Cơ sở hạ tầng yếu kém, chi phí phi chính thức lớn, TTHC rườm rà, chính sách kinh tế vĩ mô trong nhiều năm tạo nên các bất ổn, chính sách khó tiên liệu và thiếu tính minh bạch, v.v. làm cho chi phí sản xuất trong nước ở mức cao, giảm sức cạnh tranh so với hàng hóa các nước khác. Còn ở mức độ DN, quy trình sản xuất và quản lý yếu kém cũng hạn chế nhiều đến năng lực cạnh tranh của DN.

❖ Ngành công nghiệp hỗ trợ yếu và thiếu: Một trong các nhân tố có thể tăng sức cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam nói chung và hoạt động thương mại nói riêng là sự phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ, tuy nhiên ngành công nghiệp này đang thiếu và yếu làm cho nhiều quá trình sản xuất của nước ta phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu từ Trung Quốc, tạo thêm yếu tố rủi ro khác cho nền kinh tế, và nguy cơ không có được ưu đãi về thuế nhập khẩu của các nước thành viên TPP do không đáp ứng được các quy tắc xuất xứ, đặc biệt là với nhóm hàng dệt may.

❑ Cơ hội cho thương mại Việt Nam khi tham gia TPP

❖ Mở rộng thị trường xuất khẩu: Với bất kỳ Hiệp định thương mại nào, cơ hội đầu tiên là mở rộng thị trường xuất khẩu. Các DN Việt Nam sẽ mở rộng thị trường và xuất khẩu sang các nước đối tác; ngược lại, DN của các nước khác cũng mong muốn được mở rộng thị trường và xuất khẩu sang thị trường Việt Nam. Nếu hàng hóa các nước tương đồng và mang tính cạnh tranh, thay thế cao thì lợi ích thu được có thể không lớn. Tuy nhiên, nếu hai nước có sự khác biệt về sản phẩm trao đổi và bổ sung cho nhau thì lợi ích thu được lớn hơn rất nhiều. Cơ cấu các nước thành viên (hiện tại và tiềm năng) thuộc TPP bao gồm có một số nước lớn và phát triển như Mỹ, Nhật Bản, Canada. Chỉ số TC hai chiều của cơ cấu thương mại của các quốc gia này với cơ cấu thương mại của Việt

and reduce the competition capacity of goods in comparison with other countries. In respect of enterprises, weaknesses in production and management procedure also restrict enterprise's competition capacity.

❖ Supporting industries are weak and inadequate: One of factors can help improve the competition capacity of Vietnam economy in general and its trade activities in particular is the development of supporting industries; however, this sector is in weak and inadequate condition. As a result, our production has to be dependent on materials imported from China, which in turns creates more risks for the economy and the threat of not receiving preferential tariff benefits from TPP importing countries due to the unsatisfaction of Rules of Origin, especially textile and garment group.

❑ Vietnam's opportunities when joining TPP

❖ Expanding exporting market: For every trade agreement, the first opportunity always is expanding the exporting market. Vietnam enterprises will expand markets and export to partner's market; and vice versa, enterprises of other countries want to expand their markets and export to Vietnamese one. If exporting goods are similar arrangements and high competitive and replaceable, the benefits cannot be considerable. However, when two countries are distinguished in exchanged products and these products are complementary, benefits gained is much higher. Member countries (existing and potential) in TPP are developed and big ones such as the US, Japan and Canada. The bilateral TC index between commercial structure of these countries and that of Vietnam has high complementarity rather than competition and replacement for Vietnam's product structure. Therefore, the opportunities for Vietnam's enterprises to broaden their exporting market is very high.

In addition, commitments on reducing and eliminating tariff lines that TPP countries proposed are rather deep and in shorter period of time than in any FTA Vietnam has joined. Most of tariff lines are cut and eliminated once TPP comes into effect. This is actually a great opportunity to seize the advantages of accessing market for Vietnam exporting products.

Nam cho thấy tính hỗ trợ cao, do đó, cơ cấu sản phẩm thương mại của các nền kinh tế này có tính chất bổ sung cho nhau thay vì cạnh tranh, thay thế cho cơ cấu sản phẩm của Việt Nam. Vì thế, cơ hội cho các DN Việt Nam mở rộng thị trường xuất khẩu là rất lớn.

Không chỉ vậy, mức cam kết cắt giảm thuế quan mà các quốc gia TPP đưa ra là rất sâu và lộ trình ngắn hơn tất các FTA mà Việt Nam đã tham gia, phần lớn các dòng thuế được xóa bỏ, cắt giảm ngay khi TPP có hiệu lực. Đây thực sự là cơ hội rộng mở trong việc giành ưu thế tiếp cận thị trường đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam.

❖ Quy mô thị trường của các nước thành viên TPP tương đối lớn: Một thị trường rộng lớn, với qui mô dân số 790 triệu người, đã được tạo ra từ 12 nước thành viên của hiệp định TPP. Thương mại của các nước thành viên TPP đã chiếm 1/3 thương mại toàn cầu.⁽⁶⁾ Đây là cơ hội tốt để Việt Nam tiếp tục mở rộng thị trường, gia tăng xuất khẩu, tăng thu ngoại tệ và tạo thêm việc làm cho nền kinh tế.

❖ Cải thiện chất lượng thương mại và cấu trúc thương mại: Lợi ích gián tiếp từ việc nhập khẩu công nghệ nguồn và cải cách thể chế. Hiện nay, thực trạng công nghệ của Việt Nam nói chung khá lạc hậu. Không phải các DN Việt Nam không biết đến các công nghệ hiện đại. Các công nghệ hiện đại, đắt tiền không thể đến được với nền kinh tế Việt Nam nói chung và các DN Việt Nam nói riêng bởi nhiều nguyên nhân như chi phí nhập khẩu đắt đỏ. Tuy nhiên, khi tham gia TPP, chi phí vốn (và giá nhập khẩu công nghệ) thấp hơn tương đối sẽ khuyến khích DN chuyển dịch cơ cấu sản xuất theo hướng sử dụng các công nghệ hiện đại, thâm dụng vốn.

Mặc dù các cơ hội tương đối rõ, nhưng các thách thức mà TPP đem lại còn rõ ràng hơn, như sẽ thể hiện và phân tích chi tiết dưới đây.

❑ Thách thức đối với thương mại Việt Nam khi tham gia TPP



❖ Markets of TPP member countries are quite big: This is in a considerable size with a population of 790 million, which created by 12 member countries under the TPP agreement. Trade of TPP countries accounts for one third of world trade.⁽⁶⁾ This is a valuable opportunity for Vietnam to continue expanding its market, increasing exporting and collecting foreign currency and creating more jobs for the economy.

❖ Improving commerce quality and structure: Indirect benefits from importing technologies and mechanism reform. So far, the current situation in overall of Vietnam technology is rather out-of-date. It is not that Vietnam enterprises do not know modern technologies. The state-of-the-art and expensive technologies have not got a chance to access Vietnam market in general and Vietnam enterprises in particular due to many reasons such as high importing costs. However, when joining TPP, the lower capital costs (and technology importing costs) will encourage enterprises to shift their production structure in the direction of using modern and capital-intensive technologies.

Although opportunities are relatively clear, the threats brought by TPP are even more obvious as analyzed as follows.

⁽⁶⁾ Từ trang web <http://baodientu.chinhphu.vn>

⁽⁶⁾ From website <http://baodientu.chinhphu.vn>

❖ **Cạnh tranh khốc liệt hơn trong một Thế giới phẳng hơn:** Bất kỳ bước tiến hội nhập nào vào nền kinh tế toàn cầu cũng đều hứng chịu thách thức từ sức ép cạnh tranh mạnh mẽ vì hàng rào thuế quan và phi thuế quan thường phải hạ sau mỗi lần hội nhập sâu hơn. Như vậy, nước ta có cơ hội xuất khẩu hàng hóa vào các nước thành viên khác của TPP thì các nước thành viên khác cũng có cơ hội xuất khẩu sang nước ta. Có nghĩa là sức ép cạnh tranh sẽ mạnh mẽ hơn. Chẳng hạn, với các thành viên là Mỹ và Nhật Bản thì ngành ô tô của Việt Nam sẽ gặp sức ép rất lớn; hay ngành nông nghiệp với các mặt hàng thịt gà, lợn, bò, đường sẽ chịu sức ép cạnh tranh từ các thành viên khác như Úc và Mỹ. Tuy nhiên, vì cơ cấu hàng hóa sản xuất của nước ta không quá tương đồng với các nước khác trong TPP nên thách thức từ cạnh tranh không quá lớn. Cũng như khi nước ta ký kết Hiệp định Thương mại Song phương Việt – Mỹ, hoạt động xuất khẩu tăng mạnh còn nhập khẩu không trở thành vấn đề nghiêm trọng.

❖ **Chịu các hàng rào phi thuế quan:** Tham gia các hiệp định thương mại cũng đồng nghĩa với việc giảm thuế, làm gia tăng sức ép cạnh tranh đối với nền kinh tế. Một khía cạnh khác của hội nhập là các quốc gia sẽ nghĩ ra nhiều các hàng rào kỹ thuật tinh vi để bảo hộ nhà sản xuất và các sản phẩm của nước mình. Trong khi các nước phát triển có đủ nguồn lực tài chính, trình độ và kỹ năng trong việc kiện cáo, điều tra các nước bị nghi ngờ đang dựng lên hàng rào phi thuế quan và có đủ nguồn lực để thiết kế các hàng rào phi thuế quan tinh vi, phức tạp, đây tổn kém thì các nước đang phát triển như nước ta lại thiếu điều này.

❖ **Rơi vào bẫy giá trị gia tăng thấp:** Theo lý thuyết của David Ricardo, trong nền thương mại tự do, các nước sẽ sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm có lợi thế so sánh tương đối. Tuy nhiên, theo nhiều nghiên cứu, nếu dựa vào lợi thế so sánh tương đối, các nước đang phát triển như Việt Nam sẽ chỉ có thể sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng như nông sản hay nguyên nhiên vật liệu thô, trong khi sản xuất các mặt hàng này có đặc tính lợi tức theo quy mô giảm dần, giá trị gia tăng thấp và không có tác động lan tỏa đến các khu vực khác của nền kinh tế. Vì vậy, nếu tham gia TPP hay các Hiệp định thương mại khác nhưng vai trò của Nhà nước không được phát huy (thậm chí còn cản trở),

❑ **Vietnam's threats when joining TPP**

❖ **The competition is even more severe in a flatter world:** Every step of integration into the world economy must face challenges from intense competition because tariff and non-tariff barriers have to reduce after each deeper integration stage. We have chance to export our products to other countries and TPP members have chance to export their products to our market too. This mean the pressure of competition is even more serious. For example, for the US and Japan, our automobile sector would face strong opposition; and agricultural sector with products of chicken meat, port, beef and sugar would compete with other members like Australia and the US. However, because the structure of our production goods is not much similar to the structure of other TPP members, the competition is not that severe. When we concluded the US-Vietnam Bilateral Trade Agreement, export turnover increased sharply while imports were not a serious problem.

❖ **Bearing non-tariff barriers:** Joining trade agreements means cutting tax rates, which increases the pressure to the economy. Another matter rising from integration is that member countries would invent many sophisticated barriers to protect their manufacturers and products. Developed countries have adequate financial sources, proficiency and skills in prosecuting and investigating other countries for building up non-tariff barriers; they also are capable of developing sophisticated and costly non-tariff barriers. Whereas developing countries like Vietnam cannot do this.

❖ **Being in trap of low added value:** David Ricardo's theory implies that in a free market, countries will manufacture and export commodities which they have relative comparative advantage. However, according to other researches, if basing on relative comparative advantage, developing countries like Vietnam only can produce and export commodities such as agricultural or raw material goods, while the production of these commodities has profits in a regressive direction, low added value and cannot spread to other areas of the economy. Therefore, joining TPP or other trade agreements but the State's role is not promoted (or even obstructed), and does not have function of enhancing the

không mang chức năng kiến tạo sự phát triển thì nền kinh tế có thể sẽ rơi vào bẫy thu nhập trung bình và hoạt động sản xuất nước ta nằm trong bẫy giá trị gia tăng thấp trong chuỗi giá trị toàn cầu.

V. DN LỚN VIỆT NAM NGHĨ GÌ VỀ TPP?

Trong khuôn khổ cuộc khảo sát với các DN lớn thuộc BXH VNR500 – 500 DN lớn nhất Việt Nam từ năm 2007 đến nay, Vietnam Report đã tiến hành thăm dò ý kiến đánh giá của khối các DN này về Hiệp định TPP.

1. Yêu cầu cao về chất lượng hàng hóa, bao bì, mẫu mã là khó khăn lớn nhất của DN Việt Nam khi giao dịch với bạn hàng trong khối TPP

Theo như kết quả phản hồi thu được từ phía các DN lớn có thể thấy ngoài 30,9% số DN chưa từng hợp tác hoặc phát sinh giao dịch với các đối tác thuộc 11 nước trong khối TPP thì số còn lại đều đã từng có giao dịch thương mại với các bạn hàng thuộc 11 nước thành viên TPP. Trong đó có tới 10,9% số DN có giao dịch nhiều lần, 21,8% đã từng hợp tác nhưng không thường xuyên và 16,4% có bạn hàng hầu hết thuộc các nước trong nhóm này. (Hình 2.11).

development, the economy is likely to be in a middle-income trap, and our production will be in low-added-value trap in the global value chain.

V. WHAT DO VIETNAM LARGE ENTERPRISES THINK OF TPP?

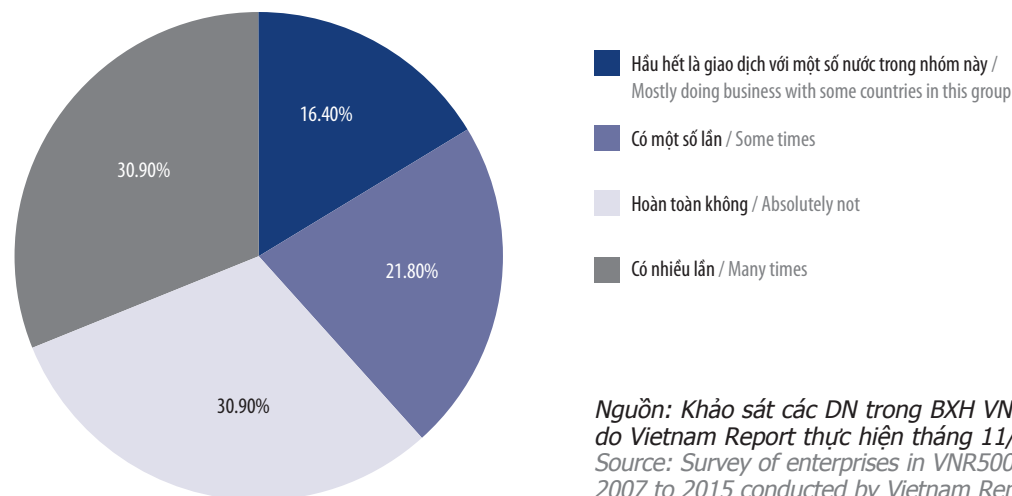
In the framework of the survey with large enterprises in VNR500 Ranking Lists – 500 largest enterprises in Vietnam from 2007 to now, Vietnam Report has explored assessments of enterprises in this group on TPP agreement.

1. High requirements on good’s quality, packages and design are greatest difficult of Vietnam enterprises when trading with TPP partners

According to feedback of major enterprises, we can see that 30.9% enterprises have never cooperated or had transaction with partners in the group of 11 TPP countries, the rest have had chances of doing business with them. In which, 30.9% enterprises have cooperated many times, 21.8% have cooperated but not frequently and 16.4% enterprises have most of their partners belonging to TPP group. (Figure 2.11).

Hình 2.11: TỶ LỆ DN LỚN VIỆT NAM CÓ QUAN HỆ/ TỪNG GIAO DỊCH THƯƠNG MẠI SONG PHƯƠNG VỚI CÁC BẠN HÀNG THUỘC 11 NƯỚC TRONG KHỐI TPP. (ĐV: %)

Figure 2.11: RATIO OF VIETNAM LARGE ENTERPRISES HAVING RELATIONSHIP/ BILATERAL TRADING TRANSACTIONS WITH PARTNERS FROM 11 COUNTRIES IN TPP. (UNIT: %)



Nguồn: Khảo sát các DN trong BXH VNR500 2007 - 2015 do Vietnam Report thực hiện tháng 11/2015
 Source: Survey of enterprises in VNR500 Ranking Lists from 2007 to 2015 conducted by Vietnam Report in Nov 2015

Dựa trên những kinh nghiệm giao dịch với các bạn hàng trong khối TPP, các DN lớn của Việt Nam đã chỉ ra được một số những khó khăn điển hình trong những lần hợp tác đó. Khó khăn lớn nhất phải kể đến chính là yêu cầu cao về chất lượng hàng hóa, bao bì, mẫu mã với hơn 68% số phản hồi lựa chọn ý kiến này. Khó khăn tiếp theo mà các DN Việt Nam gặp phải liên quan đến các tiêu chuẩn kỹ thuật, vệ sinh dịch tễ, và an toàn thực phẩm cao với tỷ lệ lựa chọn lên đến gần 60%. Ngoài ra việc thiếu thông tin về các đối tác tiềm năng hay giá sản phẩm của TPP cao cũng tạo ra những bất lợi đối với các DN Việt Nam. (Hình 2.12).

2. DN Việt Nam tương đối lạc quan trước ảnh hưởng của hầu hết các cam kết của TPP tới hoạt động SXKD

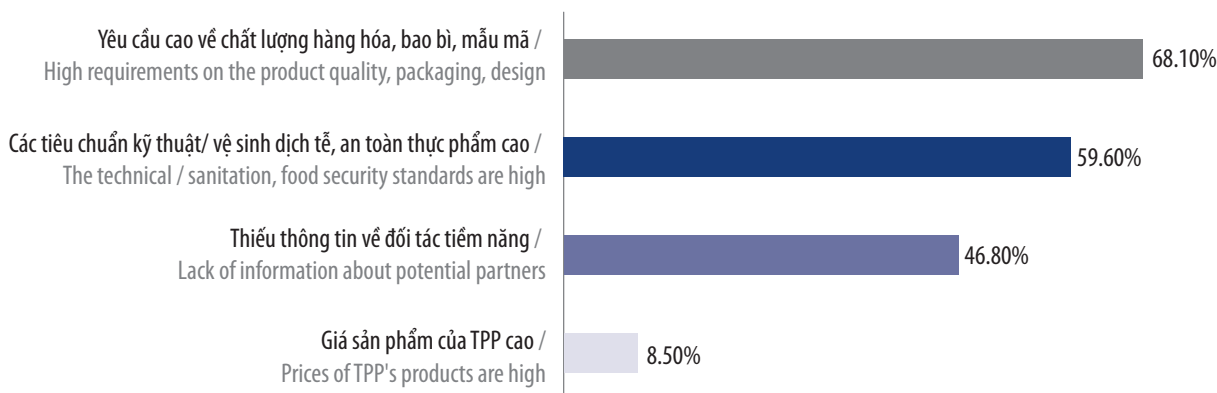
Theo như kết quả điều tra của Vietnam Report, các DN lớn của Việt Nam tương đối lạc quan trước ảnh hưởng của hầu hết các cam kết của TPP tới hoạt động kinh doanh của họ. Trong đó phải kể đến cam kết về cạnh tranh bao gồm các nguyên tắc chống độc quyền, tăng cường cạnh tranh lành mạnh với 88% số DN phản hồi cho rằng cam kết này sẽ mang lại những tác động tích cực. Tiếp theo đó là những cam kết liên

From their experience when doing business with TPP partners, large-scale enterprises of Vietnam pointed out some of typical difficulties in those transactions. The most enormous difficult is the high demand of goods' quality, package and design with more than 68% choosing this option. The next difficulty Vietnam enterprises encountered is high standards of specifications, hygiene and food safety with the share of nearly 60%. Apart from that, the lack of information about potential partners or the high price of TPP products also brings disadvantages to Vietnam enterprises. (Figure 2.12).

2. Vietnam enterprises are rather optimistic about the impacts of TPP commitments on their operation and production

Findings of Vietnam Report's survey show that Vietnam large enterprises are relatively optimistic about the impact of most of TPP commitments on their operation and production. The commitment on competition including provisions on avoiding monopolies and improving healthy competition with 88% enterprises think that this commitment would offer positive impacts. The next options are commitments on the

Hình 2.12: NHỮNG KHÓ KHĂN KHI GIAO DỊCH VỚI BẠN HÀNG TRONG KHỐI TPP. (ĐV: %)
 Figure 2.12: DIFFICULTIES WHEN HAVING TRANSACTIONS WITH PARTNERS IN TPP. (UNIT: %)



Nguồn: Khảo sát các DN trong BXH VNR500 2007 - 2015 do Vietnam Report thực hiện tháng 11/2015
 Source: Survey of enterprises in VNR500 Ranking Lists from 2007 to 2015 conducted by Vietnam Report in Nov 2015

quan đến việc DNNN sẽ phải cạnh tranh theo nguyên tắc bình đẳng, công bằng với các DNTN; mở cửa thị trường hàng hóa, cắt giảm thuế quan; và môi trường, lao động phát triển bền vững với tỷ lệ lựa chọn lần lượt là 86,4%; 78,4%; và 71,4%.

Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng có một số cam kết – tuy không nhiều nhưng có tỷ lệ DN cho rằng sẽ đem lại ảnh hưởng tiêu cực tương đối đáng kể như vấn đề phòng vệ thương mại (33,30%); hàng rào kỹ thuật (31,90%); và việc các nhà đầu tư nước ngoài sẽ vào cạnh tranh với các nhà đầu tư trong nước (27,7%).

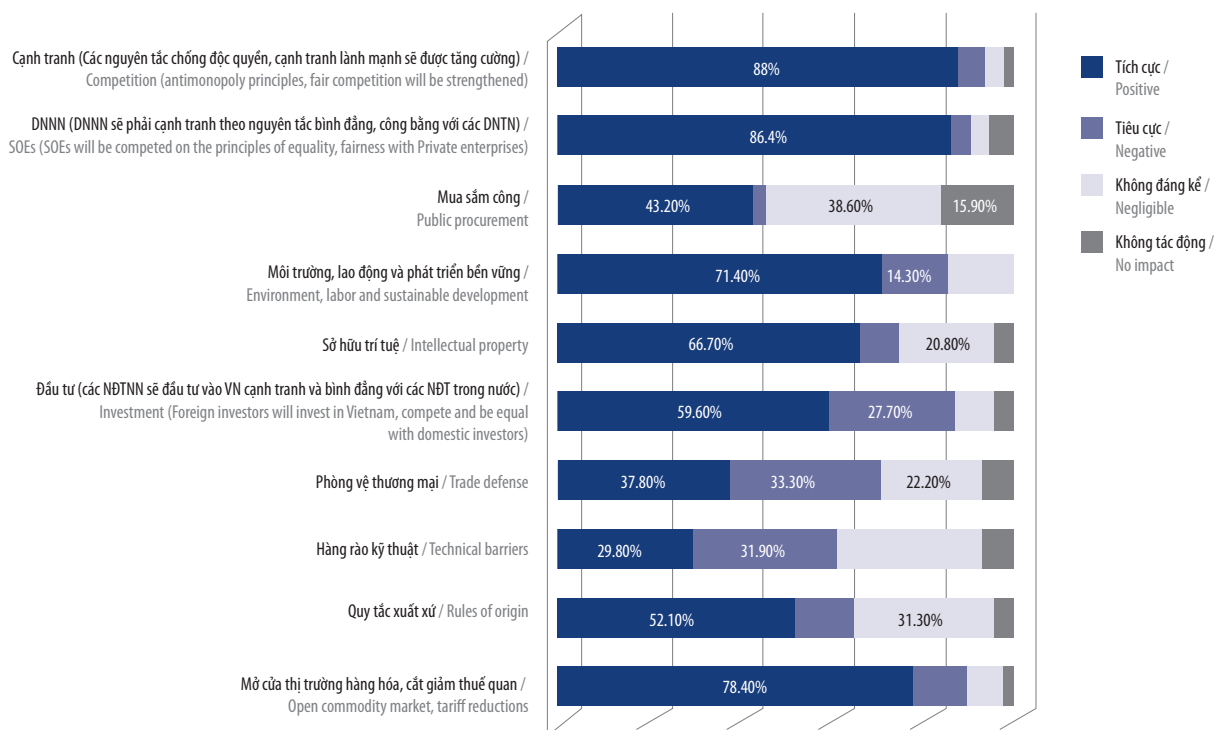
Ngoài ra, cũng có một số các cam kết được nhận định là có ảnh hưởng nhưng không đáng kể như vấn đề mua sắm công (38,60%); quy tắc xuất xứ (31,30%). (Hình 2.13).

way that State-owned Enterprises shall have equal and fair competition with Private companies; opening commodity market, eliminating tariff lines; environment, labor and sustainable development with the shares of 86.4%, 78.4% and 71.4% respectively.

However, there are a few commitments considered to have adverse effects to enterprises such as Safeguard measures (33.3%), Technical Barriers (31.9%) and the competition between foreign and domestic investors (27.7%)

In addition, some commitments are thought to have impacts (although not considerably) such as public procurement (38.6%), rules of origin (31.3%). (Figure 2.13).

Hình 2.13: NHỮNG CAM KẾT CỦA TPP ẢNH HƯỞNG NHƯ THẾ NÀO TỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DN. (ĐV: %)
 Figure 2.13: HOW TPP'S COMMITMENTS AFFECT TO PRODUCTION AND BUSINESS ACTIVITIES OF ENTERPRISES. (UNIT: %)



Nguồn: Khảo sát các DN trong BXH VNR500 2007 - 2015 do Vietnam Report thực hiện tháng 11/2015
 Source: Survey of enterprises in VNR500 Ranking Lists from 2007 to 2015 conducted by Vietnam Report in Nov 2015

3. DN Việt Nam đã có những chuẩn bị bước đầu cho TPP

Một trong những hoạt động được các DN chuẩn bị nhiều nhất phải kể đến đó là việc tìm hiểu thông tin bao gồm cả những thông tin về định hướng cam kết trong TPP cũng như về thị trường, các bạn hàng trong khối với số lượng DN phản hồi đã chuẩn bị khá nhiều cho hai hoạt động trên có tỷ lệ lần lượt là 28,3% và 27,8%. (Hình 2.14).

Ngoài ra, các DN cũng đã chủ động tìm hiểu, nghiên cứu các tác động tiềm ẩn của TPP đến hoạt động SXKD của DN cũng như xây dựng kế hoạch kinh doanh có tính đến TPP với tổng số DN phản hồi có chuẩn bị dù ít dù nhiều chiếm khoảng 80%.

Bên cạnh đó, cũng phải kể đến một số yếu tố mà các DN Việt chưa thực sự chú trọng chuẩn bị như dành nguồn ngân sách nhất định cho việc chuẩn bị TPP hay đào tạo, nâng cao năng lực cán bộ về các vấn đề của TPP với lần lượt 38,5% và 36% số DN phản hồi chưa có chuẩn bị gì cho 2 yếu tố trên. (Hình 2.15).

Nhìn vào kết quả điều tra có thể thấy, tuy các DN Việt Nam đã có sự chuẩn bị nhưng mức độ chỉ dừng ở

3. Initial preparations of Vietnam enterprises for TPP

One of activities that are well prepared by enterprises is searching for information including information about commitments of TPP and about markets and partners. A large number of enterprises responded to have careful preparations for these two activities accounts for 28.3% and 27.8% respectively. (Figure 2.14).

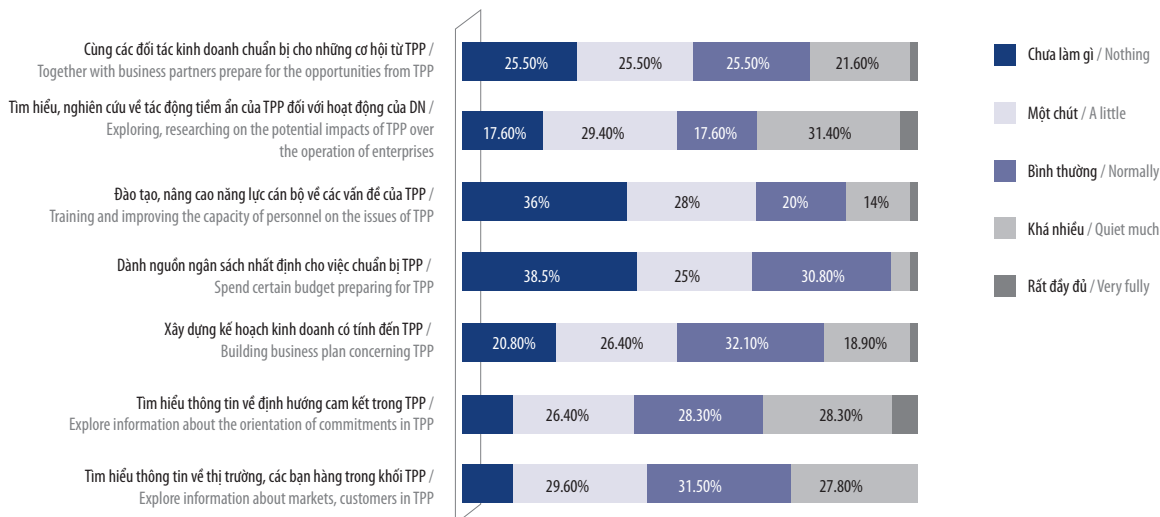
In addition, enterprises have taken the initiative in examining, researching potential impacts of TPP on their operation and production as well as in developing business plan considering TPP; total share of enterprises have more or less preparations is appropriately 80%.

Besides, some factors that Vietnam enterprises do not pay much attention are reserving a certain budget for TPP preparation and training and improving staff's competence on TPP's issues with the share of 38.5% and 36% respectively enterprises that have not prepared for these two options. (Figure 2.15).

Survey findings show that although Vietnam enterprises have some preparation, it just reaches the level

Hình 2.14: DN ĐÃ CHUẨN BỊ NHỮNG GÌ CHO HIỆP ĐỊNH TPP. (ĐV: %)

Figure 2.14: ENTERPRISES PREPARED WHAT FOR TPP AGREEMENT. (UNIT: %)



Nguồn: Khảo sát các DN trong BXH VNR500 2007 - 2015 do Vietnam Report thực hiện tháng 11/2015
 Source: Survey of enterprises in VNR500 Ranking Lists from 2007 to 2015 conducted by Vietnam Report in Nov 2015

mức bình thường hoặc tương đối chứ chưa thực sự kỹ lưỡng. Lý do chính dẫn đến việc chưa chuẩn bị tốt này lại nằm ở chính việc thiếu thông tin về cam kết TPP với 69,4% số DN phản hồi đưa ra giải thích trên. Mặc dù các DN đã cố gắng tìm hiểu các thông tin liên quan đến TPP nhưng trong quá trình đàm phán mọi quy định của Hiệp định này luôn được giữ kín vì vậy những thông tin mà DN tiếp cận được là không nhiều, cho đến thời gian gần đây, các thông tin của TPP mới đang dần được công bố một cách chính thức. Hơn thế nữa, mặc dù tại thời điểm hiện tại khi đàm phán đã hoàn tất, thông tin chính thức về các cam kết của Hiệp định TPP cũng chỉ là những thông tin cơ bản chứ chưa có một văn bản chính thức đầy đủ hay hướng dẫn các DN vì vậy đây được đánh giá là lý do thứ 2 (36,7%) dẫn đến việc chuẩn bị chưa tốt của DN trước khi Hiệp định chính thức có hiệu lực.

Bên cạnh đó, các DN cũng giải thích rằng do họ không có đủ nguồn lực hoặc những kinh nghiệm từ các Hợp đồng giao thương trước vẫn có thể giúp họ tiếp tục triển khai hoạt động một cách hiệu quả.

4. DN Việt tương đối tự tin vào tiềm lực và khả năng của mình trong cuộc cạnh tranh với các đối thủ thuộc khối TPP

of average or relatively but not thoroughly. The main reason of not being well prepared is the lack of information about TPP commitments with 69.4% enterprises responded that. Although enterprises tried their best to search for information regarding TPP, during negotiation rounds, all regulations of this agreement are kept in secret. Therefore, information approached by enterprises is not considerable, only until now have TPP information been gradually published officially. Moreover, despite the fact that the negotiation has recently completed, official information about TPP commitments is just the basic one but not a full document or guidelines for enterprises. It is the second reason (accounting for 36.7%) for the ill preparation of enterprises before the agreement comes into effect.

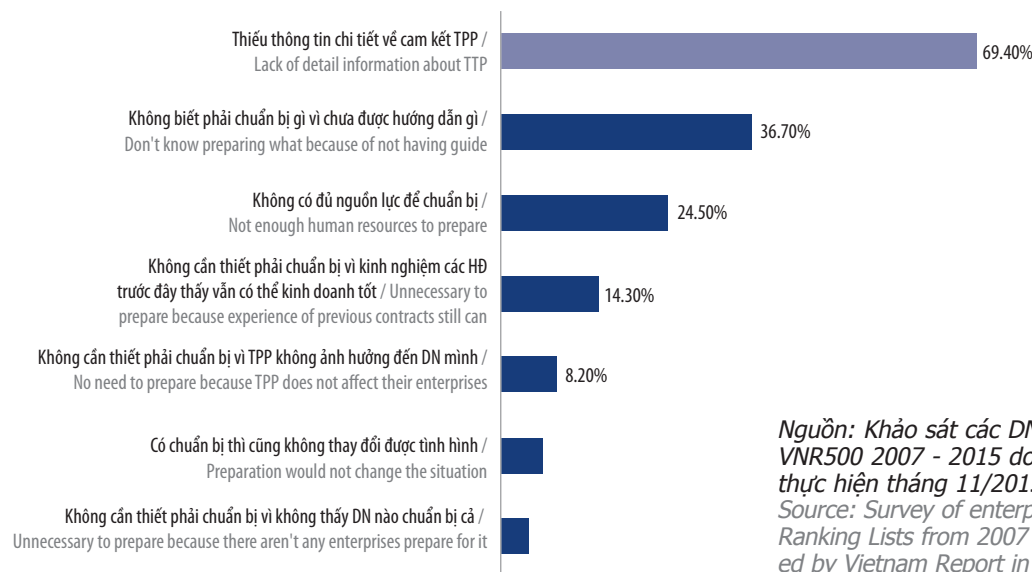
Enterprises also explained that they do not have adequate resources to prepare or their experience from previous contracts still helps them operate effectively.

4. Vietnam enterprises are rather confident in their potential and capacity in competition with rivals in TPP

When being asked about strengths and disadvan-

Hình 2.15: LÝ DO CÁC DN CHƯA CHUẨN BỊ TỐT MỘT SỐ KHÍA CẠNH CHO TPP. (ĐV: %)

Figure 2.15: REASONS WHY ENTERPRISES HAVE NOT WELL PREPARED FOR SOME ASPECTS OF TPP. (UNIT: %)



*Nguồn: Khảo sát các DN trong BXH VNR500 2007 - 2015 do Vietnam Report thực hiện tháng 11/2015
Source: Survey of enterprises in VNR500 Ranking Lists from 2007 to 2015 conducted by Vietnam Report in Nov 2015*

Khi được hỏi về những thế mạnh và bất lợi đáng kể hiện nay của các DN trong cuộc cạnh tranh với các đối thủ thuộc khối TPP, các DN Việt tỏ ra tương đối tự tin vào tiềm lực và khả năng của mình. Kết quả cho thấy tỷ lệ DN cho rằng mình còn “yếu” hoặc “rất yếu” ở một số khía cạnh là rất thấp so với tổng thể chung. Chủ yếu các lựa chọn đều phản ánh nếu năng lực của DN không ở mức “tương đối mạnh” hay “rất mạnh” thì cũng ở mức “bình thường” chứ không hề lép vế trước các đối thủ khác.

Trong số 14 yếu tố được liệt kê thì các DN phản hồi tự tin nhất vào thế mạnh của mình ở nguồn cung ổn định khi không có DN nào cho rằng đây là bất lợi của họ. Ngoài ra, có thể kể đến một số thế mạnh khác của DN Việt Nam trong cuộc cạnh tranh với các đối thủ thuộc TPP như là thị trường đầu ra ổn định, kỹ năng quản trị hay khả năng thay đổi quá trình sản xuất, kinh doanh để thích ứng với tình hình mới.

Bên cạnh đó cũng là một số bất lợi đáng kể của các DN Việt Nam. Đầu tiên phải kể đến đó là khả năng vận động chính sách để có các quy định, chính sách có lợi cho DN với tổng số phản hồi lựa chọn “rất yếu” và “yếu” của yếu tố này lần lượt là 8,2% và 18,4%. Đối với cơ chế nền kinh tế như hiện nay của nước ta khi mà vấn đề TTTC rườm rà vẫn còn là quan ngại lớn nhất của DN trong thực hiện đầu tư, phát triển SXKD thì mức độ ảnh hưởng của DN đến việc thay đổi chính sách hầu như không đáng kể. Điểm yếu kế tiếp của DN Việt Nam nằm ở khả năng marketing, vốn (cả tự có và huy động ngoài), và hiểu biết pháp luật thông lệ kinh doanh.

Đây đều là những bất lợi có thể “đồng cảm” với các DN trong nước. Khi mà hoạt động marketing tại các quốc gia lớn trên Thế giới đã trở thành một lĩnh vực phát triển mạnh mẽ với những chiến lược quảng bá thương hiệu mang tầm cỡ toàn cầu thì hoạt động marketing trong nước mới bắt đầu nhen nhóm và chỉ thực sự được chú ý cũng như bùng nổ mạnh mẽ trong những năm gần đây cho thấy sự yếu thế của DN nội trước các đối thủ khác thuộc khối TPP, ít nhất về mảng quảng bá và phát triển thương hiệu. Tiếp đến là vấn đề tiếp cận vốn. Mặt bằng lãi suất của Việt Nam luôn cao hơn nhiều so với các quốc gia khác trong khu vực và trên Thế giới khiến cho các DN gặp rất nhiều khó khăn trong việc huy động nguồn vốn để phát triển. Việc hiểu biết đầy đủ pháp luật, quy định

tages enterprises encounter when competing with rivals in TPP, Vietnam enterprises show their confidence in their potential and competence. Findings show that the share of enterprises think that they are “weak” or “very weak” to some extent is very low. Most of options for enterprise’s competence are “relatively strong” or “very strong” or at least “normal” but not outweighed by other rivals.

Among 14 listed factors, enterprises responded that they are most confident in their strength of sustainable source of supply, with none of enterprises think that it is their disadvantage. Moreover, there are some more advantages of Vietnam enterprises when in competition with TPP partners such as sustainable output markets, operation skills or flexibility in production and business to adapt to new situation.

In addition, there are considerable disadvantages of Vietnam enterprises. The first one is the ability of policy advocacy to have favorable regulations and policies for enterprises with the responses of “very weak” and “weak” accounting for 8.2% and 18.4% respectively. For our current economic mechanism with cumbersome administrative procedures that are the most concerning matters of enterprises for investing and improving operation, the influence of enterprises on policy changing is not considerable. The next weaknesses of Vietnam enterprises are marketing ability, capital (self-financing and outside mobilizing), and understanding about business laws and practices.

These are all “understandable” disadvantages of domestic enterprises. While marketing activities in big countries in the world become a strong developed sector with global branding promotion campaigns, domestic marketing is just in start-up process and has only caught attention and broken out recent years. This shows the disadvantages of domestic enterprises over other TPP partners, at least concerning branding promotion and development. The next thing is capital approach. Average interest rate of Vietnam is always higher than that of other countries in the region and in the world, which makes Vietnam enterprises more difficult in mobilizing capital for their development. The matter of fully understanding about business

và thông lệ kinh doanh trong nước đã là một rào cản rất lớn đối với các DN Việt Nam, nhưng khi gia nhập sân chơi TPP, điều này đòi hỏi các DN trong nước phải nắm bắt được đầy đủ những quy định, luật pháp kinh doanh quốc tế để tránh vi phạm cũng như gặp phải các rủi ro đáng tiếc khác có thể xảy ra. (Hình 2.16).

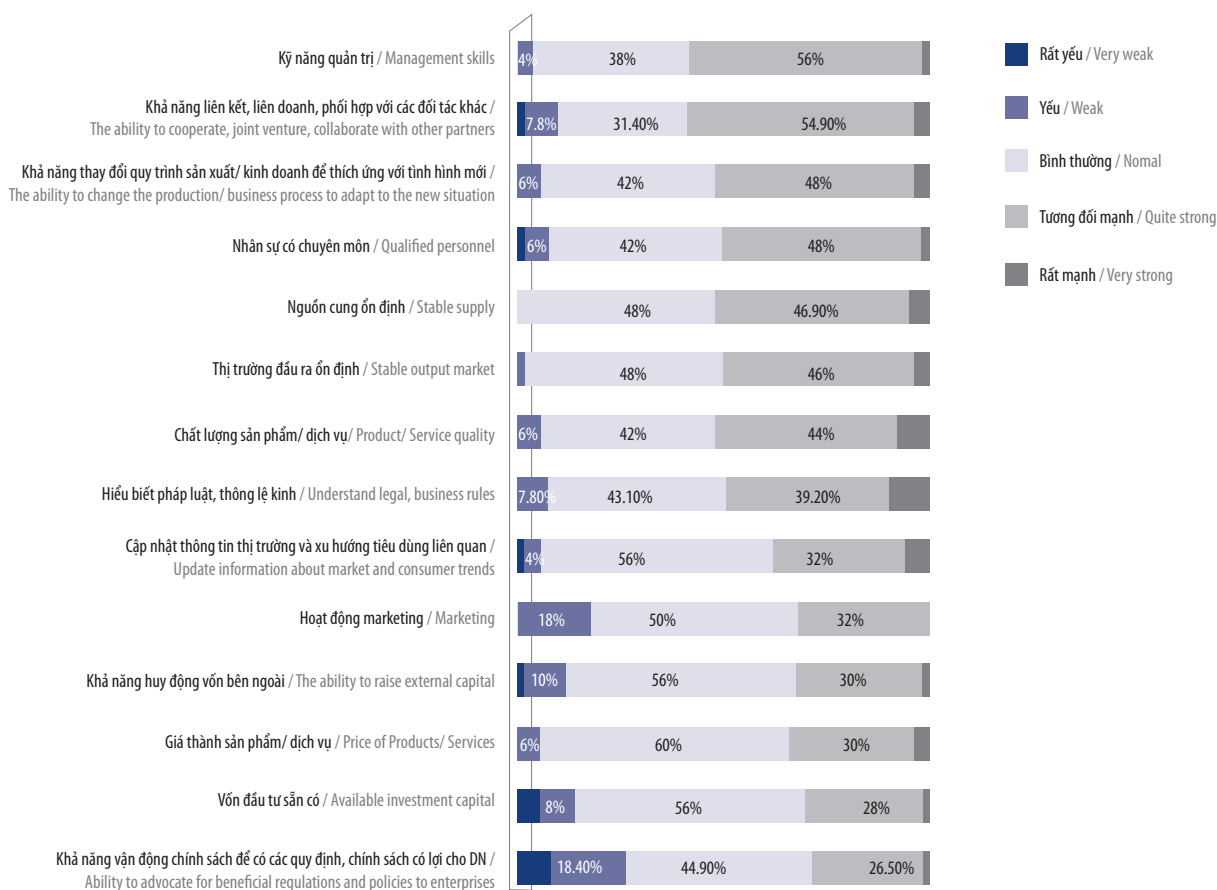
Đứng trước những khó khăn và bất lợi đó, các DN Việt Nam nhận thấy để có thể cạnh tranh được với các đối thủ trong khối TPP, điều mà họ cần nhất vẫn là duy trì và tạo dựng được chất lượng sản phẩm, dịch vụ với

laws, regulations and practices is a great barrier for Vietnam enterprises. When joining TPP, domestic enterprises must fully perceive international regulations and laws in order to avoid faults as well as unnecessary risks. (Figure 2.16).

Encountering these difficulties and disadvantages, Vietnam enterprises realize that in order to have ability to compete with TPP rivals, what they need the most is maintaining and improving quality of products and services with more than 90% enterprises choose

Hình 2.16: NHỮNG THẾ MẠNH VÀ BẤT LỢI ĐÁNG KỂ HIỆN NAY CỦA DN KHI BƯỚC VÀO CUỘC CẠNH TRANH VỚI CÁC ĐỐI THỦ THUỘC KHỐI TPP. (ĐV: %)

Figure 2.16: THE SIGNIFICANT ADVANTAGES AND DISADVANTAGES OF ENTERPRISES WHEN ENTERING THE COMPETITION WITH RIVALS IN TPP. (UNIT: %)



Nguồn: Khảo sát các DN trong BXH VNR500 2007 - 2015 do Vietnam Report thực hiện tháng 11/2015

Source: Survey of enterprises in VNR500 Ranking Lists from 2007 to 2015 conducted by Vietnam Report in Nov 2015

hơn 90% số DN phản hồi lựa chọn ý kiến này. Đây được xem là yếu tố nòng cốt tạo dựng lên niềm tin của khách hàng và giá trị của DN. Dù trong bất kỳ hoàn cảnh nào, chất lượng sản phẩm và dịch vụ vẫn là “thỏi nam châm” có sức hút mạnh mẽ nhất giúp DN giữ được phân khúc khách hàng nhất định. Ngoài ra, các DN cũng nhận thấy, khi Hiệp định TPP chính thức được thực thi, sức cạnh tranh trong thị trường nhân lực sẽ tăng cao. Vì vậy, việc củng cố chất lượng nguồn nhân lực được hơn 59% số DN phản hồi tin rằng đó sẽ là yếu tố quan trọng giúp họ có thể cạnh tranh được với các DN ngoại thuộc các quốc gia thành viên khác trong khối TPP. (Hình 2.17).

5. DN có niềm tin về sự cải thiện của hệ thống thể chế kinh tế, môi trường kinh doanh ở Việt Nam khi Việt Nam thực thi TPP

(Hình 2.18).

Một kết quả khá khả quan nữa trong đợt khảo sát lần này đó chính là nhận định của DN về hệ thống thể chế kinh tế, môi trường kinh doanh ở Việt Nam hầu hết sẽ được cải thiện khi Việt Nam thực thi TPP. Trong đó, các DN tự tin nhất vào việc tổ chức thực hiện các cam kết TPP sẽ theo hướng có lợi cho DN với 57,7% số DN phản

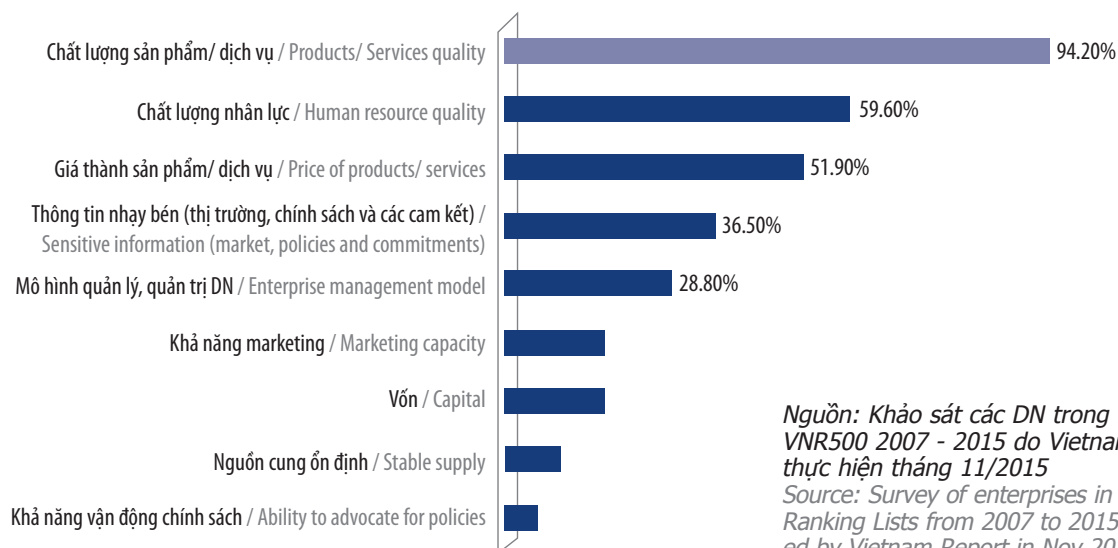
this option. This is considered a key factor to create customer’s faith and enterprise’s value. In any circumstance, the quality of products and services is always a “magnet bar” with greatest attracting effect that helps enterprises to maintain their certain segment of customers. When the TPP agreement comes into effect, the competition in HR market also increases. Therefore, 59% enterprises think that the reinforcement of human resources would be an important factor in order to compete with foreign enterprises in TPP member countries. (Figure 2.17).

5. Enterprises put their faith in the improvement of economic mechanism and business environment in Vietnam when the country joins TPP

(Figure 2.18).

In this research, one of the positive findings is enterprises’ response that they think Vietnam economic mechanism and business environment will gradually improve when Vietnam enters TPP. Enterprises are confident the most with the implementation of TPP commitments in the direction of offering advantages for them with 57.7% enterprises think this will

Hình 2.17: NHỮNG YẾU TỐ MÀ DN CẦN ĐỂ CẠNH TRANH VỚI CÁC ĐỐI THỦ TRONG KHỐI TPP. (ĐV: %)
Figure 2.17: THE FACTORS THAT ENTERPRISES NEED TO COMPETE WITH RIVALS IN TPP. (UNIT:%)



Nguồn: Khảo sát các DN trong BXH VNR500 2007 - 2015 do Vietnam Report thực hiện tháng 11/2015
 Source: Survey of enterprises in VNR500 Ranking Lists from 2007 to 2015 conducted by Vietnam Report in Nov 2015

hồi tin rằng điểm này sẽ có cải thiện đáng kể. Ngoài ra, môi trường cạnh tranh bình đẳng hơn giữa các DN cũng được hơn 56% số DN phản hồi tin rằng sẽ có những chuyển biến tích cực sau khi Việt Nam thực thi TPP.

6. Đơn giản hóa TTHC vẫn là giải pháp mà Chính phủ cần ưu tiên để nâng cao khả năng cạnh tranh của DN sau TPP

(Hình 2.19).

Từ những khó khăn mà DN đang phải đối mặt cũng như những bất lợi trong cuộc cạnh tranh với các DN trong khối TPP, các DN phản hồi cũng đã đưa ra quan điểm của mình về những giải pháp mà Chính phủ cần ưu tiên để nâng cao khả năng cạnh tranh của DN sau TPP. Giải pháp thứ nhất vẫn liên quan đến việc đơn giản hóa và giảm gánh nặng của các TTHC đối với các DN với tỷ lệ lựa chọn lên đến hơn 77%. Đây không phải là một vấn đề mới nhưng vẫn luôn là cản trở rất lớn đối với DN trong quá trình phát triển và SXKD. Mặc dù Chính phủ và Nhà nước cũng đã có rất nhiều những biện pháp hỗ trợ, cải thiện nhằm giảm thiểu sự rườm rà trong TTHC tuy nhiên kết quả vẫn chưa được như mong đợi khiến các DN vẫn chưa thực sự hài lòng.

improve considerably. Moreover, an option of fairer competition environment among enterprises gets more than 56% enterprises believing to have considerable improvement after implementing TPP.

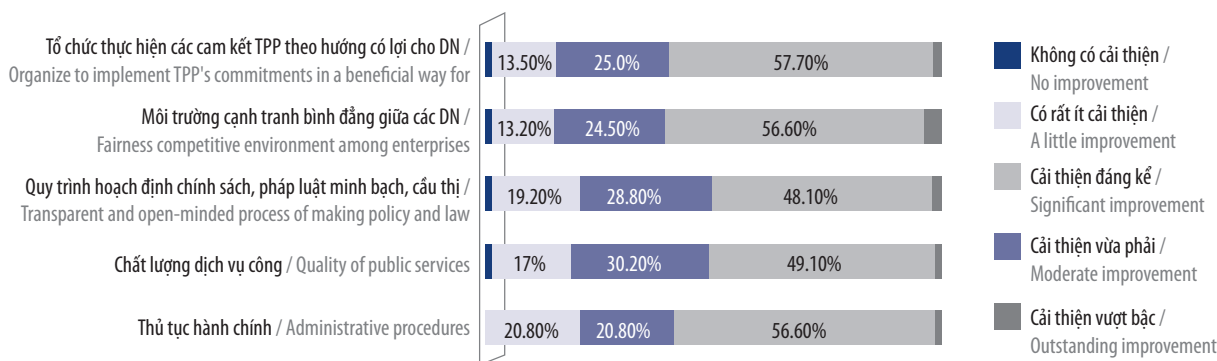
6. Simplifying administrative procedures is a solution that the Government should give priority to improve enterprise's competition after joining TPP

(Figure 2.19).

From the difficulties enterprises have encountered as well as from the disadvantages in the competition with TPP enterprises, domestic enterprises gave their opinions on solutions that the Government should give priority in order enhance the competitive capacity of enterprises after joining TPP. The first solution concerns the simplifying and reducing burdens of administrative procedures on enterprises with the share of more than 77%. This is not a new issue but it always poses obstacles to the development and operation of enterprises. Although the Government and the State have many supports to reduce the cumbersome of administrative procedures, the results are not as

Hình 2.18: NHẬN ĐỊNH CỦA DN VỀ HỆ THỐNG THỂ CHẾ KINH TẾ, MÔI TRƯỜNG KINH DOANH Ở VIỆT NAM SẼ ĐƯỢC CẢI THIỆN KHI VIỆT NAM THỰC THI TPP. (ĐV: %)

Figure 2.18: ENTERPRISES' ASSESSMENTS ON IMPROVEMENT OF ECONOMIC INSTITUTION, BUSINESS ENVIRONMENT IN VIETNAM WHEN TPP IS EXECUTED. (UNIT: %)



Nguồn: Khảo sát các DN trong BXH VNR500 2007 - 2015 do Vietnam Report thực hiện tháng 11/2015
 Source: Survey of enterprises in VNR500 Ranking Lists from 2007 to 2015 conducted by Vietnam Report in Nov 2015

Hai mong muốn tiếp theo của DN có tỷ lệ lựa chọn ngang bằng nhau là 75,9%, trong đó một vấn đề vẫn liên quan đến quy định và chính sách đó chính là việc nâng cao tính hiệu lực và minh bạch, vấn đề còn lại là đảm bảo ổn định vĩ mô. Đây đều là những mong muốn rất thiết thực xuất phát từ tình hình thực tế của các DN với hi vọng nâng cao khả năng cạnh tranh của DN Việt trước các Công ty vốn có tiềm lực mạnh hơn trên nhiều khía cạnh thuộc khối TPP.

Hiệp định đối tác chiến lược xuyên Thái Bình Dương – TPP chính là một trong những “từ khóa” được quan tâm nhiều nhất hiện nay bởi mức độ và phạm vi ảnh hưởng sâu rộng của nó đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và hoạt động SXKD của các DN nói riêng. Việc các DN Việt Nam dù ít dù nhiều sẽ chịu các tác động tiêu cực hay tích cực từ những cam kết chính của Hiệp định này là điều chắc chắn sẽ xảy ra ngay sau khi những điều khoản đầu tiên được thực thi. Vì vậy, những kết quả khảo sát trên chính là cái nhìn chân thực và khách quan nhất về những tác động chủ yếu của Hiệp định TPP lên hoạt động kinh doanh của các DN, những mong muốn của DN đối với Chính phủ nhằm đưa ra các giải pháp thiết thực hỗ trợ DN trước những thay đổi và khó khăn. ■

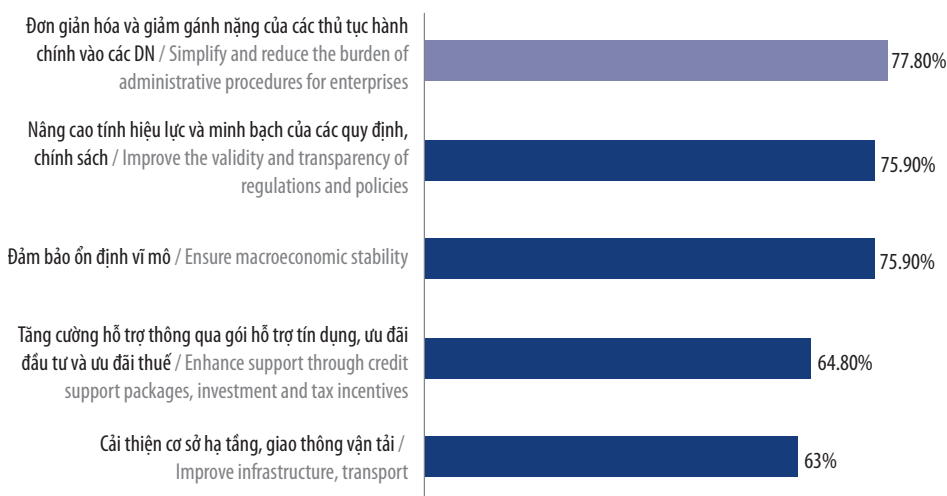
expected which do not make enterprises satisfied.

Two other expectations with equal share of 75.9%, which one of them relates to regulations and policies, are increasing the efficiency and transparency, and ensuring the macro sustainability. They are very practical expectations coming from actual operation of enterprises with the hope of improving competitive capacity of Vietnam enterprises over TPP partners that are stronger and higher potential in many aspects.

Trans-Pacific Partnership Agreement – TPP is one of “key words” receiving the most attention recently thanks to its intense and broad sphere of influence on Vietnam economy in general and enterprises’ operation and production in particular. The fact that Vietnam enterprises affected to some extent – positively or negatively, from TPP commitments is clearly and certainly as soon as first provisions are implemented. Therefore, the above survey findings are the most objective and actual point of views on major impacts of TPP agreement on enterprise’s operation and production, their expectations to the Government to have practical solutions to support enterprises to overcome challenges and difficulties. ■

Hình 2.19: NHỮNG GIẢI PHÁP THEO DN MÀ CHÍNH PHỦ CẦN ƯU TIÊN ĐỂ NÂNG CAO KHẢ NĂNG CẠNH TRANH CỦA DN SAU TPP. (ĐV: %)

Figure 2.19: SOLUTIONS THAT GOVERNMENT SHOULD PRIORITIZE TO ENHANCE THE COMPETITIVENESS OF ENTERPRISES AFTER TPP. (UNIT: %)



*Nguồn: Khảo sát các DN trong BXH VNR500 2007 - 2015 do Vietnam Report thực hiện tháng 11/2015
Source: Survey of enterprises in VNR500 Ranking Lists from 2007 to 2015 conducted by Vietnam Report in Nov 2015*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Gajdos, L. (2013). Policy Brief: The Trans-Pacific Partnership and its impact on EU trade. European Union, 2013.
2. William, B. (2013). Trans-Pacific Partnership (TPP) Countries: Comparative Trade and Economic Analysis. Congressional Research Service.
3. Yasuyuki, T. (2013). Estimating the TPP's Expected Growth Effects. Research Institute of Economy, Trade and Industry, IAA.
4. Petri, P. A., Plummer, M. G., and Zhai, F. (2011), The Trans-Pacific Partnership and Asia-Pacific Integration: A Quantitative Assessment, Economics Series No. 119, East-West Center Working Papers.
5. Jagdish Bhagwati, Dawn of a new system
6. Phí Vinh Tường và Phạm Sỹ An (2014), Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương: Cơ hội, thách thức, và một số khuyến nghị chính sách.
7. VEPR (2015), Tác động của TPP và AEC lên nền kinh tế Việt Nam, Khía cạnh kinh tế vĩ mô và trường hợp ngành chăn nuôi.
8. Brock R. Williams (2013), Trans-Pacific Partnership (TPP) Countries: Comparative Trade and Economic Analysis, Congressional Research Service, Washington DC.
9. Cấn Văn Lực (2014), Toạ đàm “TPP – Điều gì ở phía trước”.
10. Cục Quản lý cạnh tranh, Bộ Công thương (2010), Hội thảo “Các biện pháp phòng vệ thương mại đối với hàng hoá nhập khẩu: DN VN cần trang bị những gì”.
11. Hiệp định các biện pháp tự vệ của WTO (Agreement on Safeguards).
12. Petri, Michael G. Plummer & Fan Zhai (2011), The Trans-Pacific Partnership and Asia – Pacific Integration: A Quantitative Assessment, Washington: Peterson Institute for International Economics.
13. Outlines of the Trans-Pacific Partnership Agreement, Truy cập ngày 12/04/2014 tại <http://www.ustr.gov/about-us/pressoffice/fact-sheets/2011/november/outlines-trans-pacific-partnershipagreement>.
14. Trần Quốc Khánh (2013), Hội nghị “TPP và quá trình tham gia của VN”.
15. Các website: <http://tpp.moit.gov.vn>; <http://www.trungtamwto.vn>; <http://baodientu.chinhphu.vn>

REFERENCE

1. Gajdos, L. (2013). Policy Brief: The Trans-Pacific Partnership and its impact on EU trade. European Union, 2013.
2. William, B. (2013). Trans-Pacific Partnership (TPP) Countries: Comparative Trade and Economic Analysis. Congressional Research Service.
3. Yasuyuki, T. (2013). Estimating the TPP's Expected Growth Effects. Research Institute of Economy, Trade and Industry, IAA.
4. Petri, P. A., Plummer, M. G., and Zhai, F. (2011), The Trans-Pacific Partnership and Asia-Pacific Integration: A Quantitative Assessment, Economics Series No. 119, East-West Center Working Papers.
5. Jagdish Bhagwati, Dawn of a new system
6. Phí Vinh Tuong and Pham Sy An (2014), Trans-Pacific Partnership: Opportunities, challenges and some political recommendations.
7. VEPR (2015), Impacts of TPP and AEC on Vietnam economy, To the extent of Micro-economy and breeding sector.
8. Brock R. Williams (2013), Trans-Pacific Partnership (TPP) Countries: Comparative Trade and Economic Analysis, Congressional Research Service, Washington DC.
9. Can Van Luc (2014), Talk show “Expected reform in anticipation of TPP deal”
10. Vietnam Competition Authority, Ministry of Industry and Trade (2010), Conference “Safeguard measures for importing goods: What should Vietnam enterprises equip”
11. Agreement on Safeguards of WTO
12. Petri, Michael G. Plummer & Fan Zhai (2011), The Trans-Pacific Partnership and Asia – Pacific Integration: A Quantitative Assessment, Washington: Peterson Institute for International Economics.
13. Outlines of the Trans-Pacific Partnership Agreement, Accessed on 12/04/2014 at <http://www.ustr.gov/about-us/pressoffice/fact-sheets/2011/november/outlines-trans-pacific-partnershipagreement>.
14. Tran Quoc Khanh (2013), Conference “TPP and the participation of Vietnamese people”.
15. Websites: <http://tpp.moit.gov.vn>; <http://www.trungtamwto.vn>; <http://baodientu.chinhphu.vn>

TRANG
TRẮNG



HỒ SƠ TOP 50 DOANH NGHIỆP XUẤT SẮC 2015

TOP 50 VIETNAM THE BEST PROFILES 2015

TRANG
TRẮNG

P - 104

CÔNG TY TNHH SAMSUNG ELECTRONICS VIỆT NAM / SAMSUNG ELECTRONICS VIETNAM CO., LTD

Địa chỉ: KCN Yên Phong 1 - Xã Yên Trung - Huyện Yên Phong - Tỉnh Bắc Ninh
 Tel/Fax: 0241-3696049 / 0241-3696003
 Email: N.A
 Website: www.samsung.com.vn
 Thứ hạng BXH VNR500 (2015): 2 (Bảng 1)
 MST: 2300325764

Address: Yen Phong 1 Industrial Park - Yen Trung Commune - Yen Phong District - Bac Ninh Province
 Tel/Fax: 0241-3696049 / 0241-3696003
 Email: N.A
 Website: www.samsung.com.vn
 Ranking in VNR500 (2015): 2 (List 1)
 Tax Code: 2300325764

Được coi là một đối thủ cạnh tranh mạnh của Nhật Bản, Đài Loan và cả các doanh nghiệp nội địa, SEV càng ngày càng mở rộng sản xuất nhằm trở thành nhà cung cấp bộ nhớ Ram động (DRAM), tủ lạnh, bộ nhớ flash, đầu DVD lớn nhất thế giới, và trở thành một trong 20 doanh nghiệp hàng đầu toàn cầu vào năm 2010. Hiện tại, SEV đã là một trong những nhà sản xuất dẫn đầu thế giới về màn hình plasma và điện thoại di động. Đến nay, Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam (SEV) tại KCN Yên Phong đã giải ngân 1,7/2,5 tỷ USD, đạt 68% tổng vốn đăng ký đầu tư. Từ số vốn đã giải ngân, SEV xây dựng tại KCN Yên Phong Khu tổ hợp công nghệ Samsung, với nhà máy sản xuất điện thoại di động lớn nhất thế giới và là nhà máy duy nhất trên thế giới có dây chuyền sản xuất điện thoại khép kín. Năng lực sản xuất của nhà máy bình quân mỗi tháng đạt: 8,3 triệu chiếc điện thoại di động; 5,5 triệu chiếc camera; 6 triệu mobile phone case; 600 nghìn máy hút bụi; 5 triệu LCD; 17 triệu pin điện thoại, v.v. Sản phẩm của SEV xuất khẩu sang 50 quốc gia và vùng lãnh thổ. Giải quyết việc làm cho hơn 39.400 người lao động trong và ngoài tỉnh, SEV đã xây dựng khu ký túc xá dành cho nhân viên sản xuất với 14 tòa nhà, sức chứa 6.500 công nhân.

Being considered as a strong competitor of Japan, Taiwan and Vietnam's domestic enterprises, SEV has been increasingly expanding production to become the world biggest provider for Dynamic random-access memory (DRAM), refrigerators, flash memory cards and DVDs, and striving to become one of the Top 20 enterprises in the world by 2010. Currently, SEV is the leading plasma screen and mobile phone manufacturer in the world. Until now, Ltd. Samsung Electronics Vietnam (SEV) in Yen Phong has disbursed USD 1.7/2.5 billion, reaching 68% of the total registered investment capital. From the disbursed capital, SEV built Samsung Technology Complex Zone in Yen Phong Industrial Zone with the largest mobile factory in the world and it is also the only plant in the world owning a closed phone production line. The production capacity of the plant achieved an average per month of 8.3 million mobile phones; 5.5 million cameras; 6 million mobile phone cases; 600 thousand vacuum cleaners; 5 million LCD and 17 million phone batteries. SEV products have been exported to 50 countries and territories. Creating jobs for over 39,400 workers in and outside the province, SEV has built dormitories for production staff with 14 buildings, accommodating 6,500 workers.

TẬP ĐOÀN XĂNG DẦU VIỆT NAM / VIETNAM NATIONAL PETROLEUM GROUP

Địa chỉ: 1 Khâm Thiên - Phường Khâm Thiên - Quận Đống Đa - TP. Hà Nội
 Tel/Fax: 04-38512603 / 04-38519203
 Email: N.A
 Website: http://petrolimex.com.vn
 Thứ hạng BXH VNR500 (2015): 3 (Bảng 1)
 MST: 0100107370

Address: 1 Kham Thien - Kham Thien Ward - Dong Da District - Hanoi
 Tel/Fax: 04-38512603 / 04-38519203
 Email: N.A
 Website: http://petrolimex.com.vn
 Ranking in VNR500 (2015): 3 (List 1)
 Tax Code: 0100107370

Trải qua gần 60 năm hình thành và phát triển, đến nay Tổng công ty xăng dầu Việt Nam đã trở thành một trong số những doanh nghiệp quan trọng hàng đầu của Việt Nam với 42/68 đơn vị thành viên Petrolimex trực tiếp kinh doanh xăng dầu trên địa bàn 62/63 tỉnh, TP. Ở nước ngoài, Petrolimex có Công ty TNHH 1 thành viên Petrolimex tại Singapore, Công ty TNHH 1 thành viên Petrolimex tại Lào và đã mở Văn phòng đại diện Petrolimex tại Campuchia. Tổng công ty là đầu mối nhập xăng dầu lớn nhất Việt Nam với doanh số nhập khẩu khoảng trên 4 tỷ USD, điều này cũng phần nào thể hiện được quy mô hoạt động của Petrolimex là rất rộng.

Over 60 years of building and development, Vietnam National Petroleum Corporation has become one of the most important enterprises in Vietnam with 42 out of 68 member companies of Petrolimex are directly trading oil products in 62 out of 63 provinces and cities. In foreign countries, Petrolimex has Petrolimex one member company limited in Singapore, Petrolimex one member company limited in Laos, and recently a representative office in Cambodia. Petrolimex is the largest petrol importer in Vietnam with its import sales reaching over USD 4 billion, which partially reflects the group's wide operational scale.

TẬP ĐOÀN VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI / VIETTEL GROUP

Địa chỉ: Số 1 Trần Hữu Dục - Phường Mỹ Đình 2 - Quận Nam Từ Liêm - TP. Hà Nội
 Tel/Fax: 04-62556789 / 04-62996789
 Email: vietteladm@viettel.com.vn
 Website: www.viettel.com.vn
 Thứ hạng BXH VNR500 (2015): 5 (Bảng 1)
 MST: 0100109106

Sau 5 năm liên tục suy giảm về tốc độ tăng trưởng doanh thu thì năm 2014, Viettel lại có được tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước với mức tăng trưởng là 20%. Lợi nhuận của Viettel bằng 85% lợi nhuận của các doanh nghiệp Quân đội, bằng 30% lợi nhuận của các Tập đoàn Kinh tế nhà nước, bằng 23% tổng lợi nhuận của tất cả các doanh nghiệp nhà nước. Tại Việt Nam, Viettel là doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất. Viettel cũng là doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất tại Lào và Campuchia.

Chiến lược phát triển của Viettel tập trung vào 3 trụ cột là viễn thông, đầu tư nước ngoài và nghiên cứu, sản xuất thiết bị. Về mạng lưới viễn thông, mạng viễn thông, cả di động và cố định của Viettel đang chuyển rất nhanh sang băng rộng và siêu rộng, hình thành hạ tầng viễn thông mới, tạo nền tảng cho một xã hội sáng tạo. Về đầu tư nước ngoài, hiện nay Viettel đã đầu tư tại 9 quốc gia với tổng dân số 175 triệu dân. Tổng doanh thu nước ngoài tăng trưởng 25% và đạt 1,2 tỷ USD, tổng lợi nhuận trước thuế đạt 156 triệu USD, tăng 32%. Hoạt động nghiên cứu, sản xuất thiết bị là trụ cột giúp Viettel trở thành một công ty không chỉ cung cấp dịch vụ mà còn sản xuất được thiết bị công nghệ cao.

Address: No. 1 Tran Huu Duc - My Dinh 2 Ward - Nam Tu Liem District - Hanoi
 Tel/Fax: 04-62556789 / 04-62996789
 Email: vietteladm@viettel.com.vn
 Website: www.viettel.com.vn
 Ranking in VNR500 (2015): 5 (List 1)
 Tax Code: 0100109106

After 5 years of continuous decline in revenue growth, in 2014, Viettel had a growth rate of 20% compared to the previous year. Viettel's profits was equal to 85% profit of the military enterprises, 30% profits of the state owned economic groups and 23% of the total profits of all state-owned enterprises. In Vietnam, Viettel is now the largest taxpayers. Viettel is also the largest corporate taxpayers in Laos and Cambodia.

Viettel's development strategy focuses on three pillars, namely telecommunications, foreign investment, and equipments research and production. Regarding telecommunication networks, both mobile and fixed ones of Viettel are quickly moving to broadband and ultra-wide, forming a new telecommunications infrastructure, and creating the foundation for an innovative society. Regarding foreign investment, Viettel now has invested in 9 countries with a total population of 175 million people. Total foreign revenue increased 25% and reached USD 1.2 billion, total profit before tax was USD 156 million, up 32%. Equipments research and production activity is the mainstay that helps Viettel become a company which not only provides services, but also produces high-tech equipments.

CÔNG TY TNHH MTV LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN / BINH SON REFINING AND PETROCHEMICAL CO., LTD

Địa chỉ: 208 Đại lộ Hùng Vương - Phường Trần Phú - Thành phố Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi
 Tel/Fax: 055-3825825 / 055-3825826
 Email: brcweb@brc.com.vn
 Website: www.bsr.com.vn
 Thứ hạng BXH VNR500 (2015): 6 (Bảng 1)
 MST: 4300378569

Năm 2014 là năm thứ năm BSR vận hành thương mại NMLD Dung Quất. Công ty vận hành Nhà máy an toàn và liên tục, trong bối cảnh biến động rất phức tạp của giá dầu thô, song hiệu quả sản xuất kinh doanh được nâng cao với việc về đích sớm trong công tác Bảo dưỡng tổng thể lần thứ II và hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu kế hoạch nhà nước. Cả năm BSR đã nhập 81 chuyến dầu thô với khối lượng 6,4 triệu tấn, đạt 119% kế hoạch năm. Tổng sản lượng sản xuất dự kiến đạt 5,81 triệu tấn, vượt khoảng 964.000 tấn, đạt 120% kế hoạch. Tổng sản phẩm tiêu thụ dự kiến đạt 5,85 triệu tấn, vượt kế hoạch hơn 1 triệu tấn, đạt 121% kế hoạch. Doanh thu dự kiến đạt 127.797 tỷ đồng, vượt kế hoạch hơn 28.000 tỷ đồng, đạt 128% kế hoạch. Năm 2014 cũng đặc biệt ghi nhận những cố gắng nỗ lực vượt bậc trong việc tối ưu hóa, phát huy sáng kiến, cải tiến khoa học kỹ thuật để cải hoán Phao rót dầu không bến (SPM) tăng khả năng tiếp nhận tàu dầu thô từ thiết kế ban đầu 110.000 DWT lên 150.000 DWT; vận hành NMLD ở công suất 105% đảm bảo an toàn, ổn định và dự kiến sẽ vận hành ở công suất từ 107-110% trong năm 2015.

Address: 208 Hung Vuong Boulevard - Tran Phu Ward - Quang Ngai City - Quang Ngai Province
 Tel/Fax: 055-3825825 / 055-3825826
 Email: brcweb@brc.com.vn
 Website: www.bsr.com.vn
 Ranking in VNR500 (2015): 6 (List 1)
 Tax Code: 4300378569

2014 is the fifth year BSR conducts business operations of Dung Quat Oil Refinery. The refinery has been operated safely and continuously, in the context of complex and unstable crude oil prices, but production and business efficiency is enhanced by finishing early in the Overall Maintenance II and completing all state targets with higher number than expected. For the whole year, BSR made 81 imports of crude oil, earned 6.4 million tons, accounting for 119% expected amount. Total production volume is expected to reach 5.81 million tons, exceeding about 964,000 tons, increasing to 120% compared to the expected one. Total consumption volume reached 5.85 million tons, exceeded 1 million tons, rising 121% over expected. Revenue is expected to gain VND 127,797 billion, exceeding the expected amount with more than VND 28,000 billion, or 128% expected amount. FY 2014 is also the time to recognize the company's outstanding effort in optimizing and promoting initiatives, scientific and technical improvements in order to transform Single-point mooring (SPM) to increase the capacity of crude oil tankers from 110,000 DWT (initial design) to 150,000 DWT. It is also the year of operating oil refinery at 105% capacity to ensure the safety and stability and is expected to operate at a capacity of 107-110% in 2015.

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CP / PETROVIETNAM GAS JOINT STOCK CORPORATION

Địa chỉ: Tòa nhà PVGas Tower - 673 Nguyễn Hữu Thọ - Xã Phước Kiển - Huyện Nhà Bè - TP. Hồ Chí Minh
 Tel/Fax: 08-37816777 / 08-37815666
 Email: pvgas@pvgas.com.vn
 Website: www.pvgas.com.vn
 Thứ hạng BXH VNR500 (2015): 10 (Bảng 1)
 MST: 3500102710

Address: PVGas Tower - 673 Nguyen Huu Tho - Phuoc Kien Commune - Nha Be District - Ho Chi Minh City
 Tel/Fax: 08-37816777 / 08-37815666
 Email: pvgas@pvgas.com.vn
 Website: www.pvgas.com.vn
 Ranking in VNR500 (2015): 10 (List 1)
 Tax Code: 3500102710

Sau quá trình hoạt động khá dài, Tổng công ty Khí Việt Nam (PV Gas) đã không ngừng phát triển, mở rộng và được đánh giá là doanh nghiệp đứng đầu trong ngành công nghiệp khí, là đại diện trẻ trung và đầy tiềm năng của ngành công nghiệp khí Việt Nam. PV Gas có lợi thế là nhận được nhiều hỗ trợ, giúp đỡ từ Tập đoàn dầu khí Quốc gia Việt Nam. Hiện nay, mỗi năm PV Gas cung cấp khí làm nguyên, nhiên liệu để sản xuất trên 35% sản lượng điện, 70% sản lượng đạm và 70% thị phần khí hóa lỏng toàn quốc. Đến nay, PV Gas đã bao quát hầu hết các hoạt động của ngành công nghiệp Khí Việt Nam với định hướng chiến lược là: phát triển trở thành một trong những ngành công nghiệp đầu tàu trong nền kinh tế, từng bước vươn ra thị trường quốc tế, xếp thứ hạng cao trong khu vực ASEAN và có tên trong các thương hiệu Khí mạnh của châu Á. Năm 2014 là năm đầu tiên PV Gas tiếp nhận và tiêu thụ trên 10 tỷ m³ khí/năm. Công ty cũng đạt được mức doanh thu 73.648 tỷ đồng, tăng 12% so với năm 2013. Đặc biệt, lợi nhuận sau thuế 14.370 tỷ đồng – mức lợi nhuận cao nhất kể từ khi thành lập và cao nhất trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam.

Over a long period of development, Petro Vietnam Gas Corporation (PV Gas) has been constantly growing and expanding and is considered the leading company in the gas industry, a young and great potential representative of the Vietnam gas industry. It is an advantage for PV GAS as it receives a lot of support from the Vietnam National Oil and Gas Group. Currently, each year PV Gas provides gas as fuels and materials to produce over 35% of electricity output, nearly 70% nitrogen sales and 70% liquefied petroleum gas market in the country. Up to now, PV Gas has covered most activities related to Vietnamese gas industry with the strategic expectation of becoming one of the leading industries in economic development, gradually reaching out to international gas markets with a high rating in the ASEAN region and being one of the strongest brands of gas in Asia. 2014 was the first year in which the PV Gas received and consumed over 10 billion m³ of gas/year. The company achieved revenues of VND 73,648 billion, up 12% compared to 2013. In particular, the profit after tax was VND 14,370 billion - the highest profit level since its inception and also the highest one on Vietnam Stock Exchange.

CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MTV - TỔNG CÔNG TY THĂM ĐÒ KHAI THÁC DẦU KHÍ / PETROVIETNAM EXPLORATION PRODUCTION CORPORATION (PVEP)

Địa chỉ: Tầng 26 - Tòa nhà Charmvit - 117 Trần Duy Hưng - Phường Trung Hòa - Cầu Giấy - TP. Hà Nội
 Tel/Fax: 04-37726001 / 04-37726027
 Email: pvep.hn@pvep.com.vn
 Website: www.pvep.com.vn
 Thứ hạng BXH VNR500 (2015): 15 (Bảng 1)
 MST: 0100150908

Address: Floor 26 - Charmvit Tower - 117 Tran Duy Hung - Trung Hoa Ward - Cau Giay District - Hanoi
 Tel/Fax: 04-37726001 / 04-37726027
 Email: pvep.hn@pvep.com.vn
 Website: www.pvep.com.vn
 Ranking in VNR500 (2015): 15 (List 1)
 Tax Code: 0100150908

Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) là đơn vị có bề dày truyền thống, giữ vai trò chủ lực của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong lĩnh vực hoạt động cốt lõi - thăm dò khai thác dầu khí. PVEP đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đóng góp quan trọng trong việc nộp ngân sách nhà nước, đảm bảo an ninh năng lượng đất nước. Từ xuất phát điểm là không có dầu khí, cho đến nay, PVEP đã trở thành đơn vị tiên phong của PetroVietnam tham gia vào quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, đầu tư ra nước ngoài với 60 dự án dầu khí trong đó có 43 dự án trong nước và 17 dự án nước ngoài. Từ khi thành lập đến hết năm 2014, PVEP đã khai thác trên 49,95 triệu tấn dầu và condensate, 40,37 tỉ mét khối khí, gia tăng trữ lượng 324,03 triệu tấn quy dầu. PVEP đã chuyển đổi thành công mô hình tổ chức quản lý từ hạch toán phụ thuộc sang hạch toán độc lập, tổng tài sản của PVEP tăng từ 17.385 tỷ đồng năm 2004 lên 153,105 ngàn tỷ đồng tính đến hết 31/12/2014. Vốn chủ sở hữu của PVEP tăng từ 12.113 tỷ đồng năm 2004 lên 80,58 ngàn tỷ đồng; Lực lượng cán bộ, lao động kỹ thuật của PVEP đã thực sự trưởng thành, từng bước làm chủ khoa học công nghệ, đảm nhận tốt những vị trí trước đây phải thuê chuyên gia nước ngoài. Với những thành tích xuất sắc và cống hiến bền bỉ, năm 2014, Tổng Công ty PVEP đã vinh dự được Đảng, Nhà nước trao tặng Danh hiệu Anh hùng Lao động.

PetroVietnam Exploration Production Corporation (PVEP) is the unit with a long development history playing the dominant role of Vietnam Oil and Gas Group in the core area - oil and gas exploration and exploitation. PVEP has successfully completed the task of producing business, making important contributions to the state budget, ensuring the country's energy security. In spite of not starting up from oil and gas, PVEP has become the pioneer of PetroVietnam which has involved in the process of international economic integration and made foreign investment with 60 oil and gas projects including 43 domestic ones and 17 foreign ones. By 2014, PVEP had exploited more than 49.95 million tons of oil and condensate, 40.37 billion cubic meters of gas, increased reserves by 324.03 million tons of oil. PVEP successfully transformed its organization management model from depend accounting to independent accounting. Total assets increased from VND 17,385 billion in 2004 to VND 153.105 trillion by December 31, 2014. PVEP's equity rose from VND 12,113 billion in 2004 to VND 80.58 trillion (in 2014). PVEP's human resource has really matured, gradually mastering science and technology, assuming the position which used to require foreign experts. With its outstanding achievements and enduring dedication, in 2014, PVEP was honorably awarded Hero of Labor by the Party and the State.

CÔNG TY TNHH MTV DẦU KHÍ TP. HỒ CHÍ MINH / HO CHI MINH CITY PETROLEUM COMPANY LIMITED

Địa chỉ: 27 Nguyễn Thông - Phường 07 - Quận 3 - TP. Hồ Chí Minh
 Tel/Fax: 08-39307989 / 08-39307642
 Email: sp@saigonpetro.com.vn
 Website: www.saigonpetro.com.vn
 Thứ hạng BXH VNR500 (2015): 17 (Bảng 1)
 MST: 0300507707

Address: 27 Nguyen Thong - Ward 7 - District 3 - Ho Chi Minh City
 Tel/Fax: 08-39307989 / 08-39307642
 Email: sp@saigonpetro.com.vn
 Website: www.saigonpetro.com.vn
 Ranking in VNR500 (2015): 17 (List 1)
 Tax Code: 0300507707

Sau gần 30 năm thành lập, Saigon Petro được đánh giá là 1 trong 3 nhà cung cấp gas lớn nhất và cũng là một trong những đầu mối xuất nhập khẩu xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu chính tại Việt Nam. Saigon Petro cũng là doanh nghiệp đầu tiên tại Việt Nam có hệ thống kiểm định chai gas cùng nhiều tiêu chuẩn, hệ thống kiểm định chất lượng khác nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm của mình. Riêng hoạt động kinh doanh xăng dầu, hiện tại công ty đã cung cấp cho thị trường trên 1 triệu vỏ chai gas các loại, với hệ thống 70 nhà phân phối với gần 5.000 đại lý từ Đà Nẵng trở vào, sản lượng kinh doanh hàng tháng của Gas Saigon Petro là trên 6.500 tấn, chiếm khoảng 15% thị trường cả nước. Xưởng LPG Cát Lái đã được trang bị thiết bị chiết nạp tự động, hệ thống kho chứa 3.000 tấn, có hệ thống công nghệ phù hợp cho việc nhập hàng từ tàu biển và xuất hàng cho xe bồn, xưởng sơn và kiểm định chai gas, 9 xe bồn chuyên dụng vận chuyển gas. Ngoài xưởng LPG Cát Lái, Saigon Petro đã thực hiện đầu tư các trạm chiết ở Đồng Nai, Bình Phước, Tiền Giang, Cần Thơ đảm bảo cung cấp hàng cho hệ thống phân phối tại các khu vực này với chi phí thấp nhất. Cùng với hệ thống trạm chiết mà công ty đầu tư, Saigon Petro còn có các Tổng đại lý quản lý các trạm chiết nạp gas tại các quận 7, 9, Hóc Môn, Bình Chánh, độc quyền phân phối Saigon Petro Gas.

After 30 years of foundation and development, Saigon Petro has been valued as one of the three biggest gas providers and one of the main ex-importers of petrol and petrochemical products in Vietnam. Furthermore, Saigon Petro is also the first enterprise in Vietnam having gas inspection system with many standards, other quality inspection system in order to improve their product quality. Particularly petroleum business, the company now provides the market more than 1 million bottles of gas of all types, with the system 70 distributors with approximately 5,000 agents from Da Nang back in, the production business per month of Saigon Petro Gas is over 6,500 tons, accounting for about 15% of national market. Cat Lai LPG factory was equipped with automatic filling, 3,000 tons storage system, with technological systems that are suitable for import of goods from ships and tankers for shipment, the paint shop and the gas bottle inspection, 9 dedicated road tankers transporting gas. Besides LPG Cat Lai workshop, Saigon Petro has made investments to the extraction stations in Dong Nai, Binh Phuoc, Tien Giang, Can Tho to ensure supply distribution system in the region with the lowest cost. Along with filling system plants that company invested in, Saigon Petro also has general agents managing gas filling stations in the district 7, 9, Hoc Mon, Binh Chanh, exclusive distributor Saigon Petro Gas.

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC / NORTHERN POWER CORPORATION

Địa chỉ: Số 20 Trần Nguyên Hãn - Phường Lý Thái Tổ - Quận Hoàn Kiếm - TP. Hà Nội
 Tel/Fax: 04-22100705 / 04-38244033
 Email: webmaster@pc1.com.vn
 Website: www.npc.com.vn
 Thứ hạng BXH VNR500 (2015): 18 (Bảng 1)
 MST: 0100100417

Address: No. 20 Tran Nguyen Han - Ly Thai To Ward - Hoan Kiem District - Hanoi
 Tel/Fax: 04-22100705 / 04-38244033
 Email: webmaster@pc1.com.vn
 Website: www.npc.com.vn
 Ranking in VNR500 (2015): 18 (List 1)
 Tax Code: 0100100417

Tập đoàn điện lực miền Bắc (EVN NPC) chịu trách nhiệm quản lý lưới điện có cấp điện áp từ 110 kV trở xuống và kinh doanh phân phối điện trên 27 tỉnh thành miền Bắc và Bắc Trung Bộ, chiếm 43% dân số Việt Nam. Bộ máy tổ chức của công ty bao gồm 30 đơn vị trực thuộc, 7 công ty con và 22 công ty liên kết.

EVN Northern Power Corporation (EVN NPC) is a member of Vietnam Electricity Group taking responsibility for managing the voltage electricity grid which is less than or equal to 110 kV as well as distributing and trading power in 27 provinces of the North and the North Central Coast whose population makes up 43% of Vietnam's. The company's organization structure consists of 30 units, 7 subsidiaries and 22 affiliates.

Năm 2014 là năm mang dấu ấn có ý nghĩa lịch sử hết sức to lớn đối với Tổng công ty, đó là việc Tổng công ty hoàn thành dự án đầu tư xây dựng đường dây cáp ngầm xuyên biển đưa điện ra huyện đảo Cồn Tô, huyện cuối cùng của miền Bắc Việt Nam được cung cấp điện lưới quốc gia. Tổng mức đầu tư của dự án là 1.106 tỷ đồng, đây là dự án đầu tiên của Việt Nam thực hiện giải cáp ngầm dưới đáy biển với công nghệ hiện đại và giải dây trên không bằng kính khí cầu. Chỉ tiêu trong năm 2015, thực hiện mục tiêu "Năng suất và hiệu quả" Tổng Công ty xác định các nhiệm vụ trọng tâm phải hoàn thành là: Cung cấp điện an toàn - ổn định, hoàn thành tốt các nhiệm vụ kế hoạch EVN giao; nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng năng suất lao động, tăng thu nhập bình quân cho người lao động với tốc độ cao hơn lạm phát; tối ưu hóa chi phí, đổi mới công nghệ, tăng cường năng lực và khả năng tự cân đối tài chính trong từng đơn vị; đổi mới quản lý, đáp ứng lộ trình phát triển thị trường điện.

2014 is a year marked a historic imprint in the history of the Corporation, that the Corporation completed construction project of submarine cables bringing electricity to Coto island, the last district of Northern Vietnam which is provided with the national grid. Total investment of the project was VND 1,106 billion, this is the first project that Vietnam performed undersea submarine cable solutions with modern technology and the overhead wire balloon. For targets in 2015, achieving the objective of "Productivity and efficiency" the Corporation identified the key tasks to complete: supplying power safely and stably, fulfilling the mission plan assigned by EVN; improving the efficiency of production and business, boosting labor productivity, rising average income for workers at a rate higher than inflation rate; optimizing costs, innovating technology, strengthening capacity and ability to finance the balance of each unit and upgrading management to meet development roadmap of the electricity market.

NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM / JOINT STOCK BANK FOR INVESTMENT AND DEVELOPMENT OF VIETNAM

Địa chỉ: Tòa nhà BIDV - 35 Hàng Vôi - Phường Lý Thái Tổ - Quận Hoàn Kiếm - TP. Hà Nội
 Tel/Fax: 04-22200588/22205544 / 04-22200399
 Email: info@bidv.com.vn
 Website: http://www.bidv.com.vn
 Thứ hạng BXH VNR500 (2015): 19 (Bảng 1)
 MST: 0100150619

Address: BIDV Tower - 35 Hang Voi - Ly Thai To Ward - Hoan Kiem District - Hanoi
 Tel/Fax: 04-22200588/22205544 / 04-22200399
 Email: info@bidv.com.vn
 Website: http://www.bidv.com.vn
 Ranking in VNR500 (2015): 19 (List 1)
 Tax Code: 0100150619

Trong bối cảnh hoạt động chung của nền kinh tế còn nhiều thách thức, BIDV đã hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu KHKD, khẳng định năng lực kinh doanh phát triển, ổn định, bền vững, xác lập vị thế quan trọng trên thị trường tài chính tiền tệ. Tính đến 31/12/2014, tổng tài sản của BIDV đạt 650 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 18,6% so với cùng kỳ 2013. Dư nợ tín dụng đạt trên 460 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 18,9%. Chất lượng tín dụng được cải thiện, tỷ lệ nợ xấu kiểm soát ở mức 2,03%. Nguồn vốn huy động đạt trên 501 tỷ đồng, tăng trưởng 20,4%. Lợi nhuận trước thuế đạt 6.297 tỷ đồng, tăng trưởng 19%. Hệ số an toàn vốn CAR đạt trên 9%.

In the context of general activities of the economy remained challenging, BIDV has comprehensively completed business plan targets, confirming the business development capabilities, stability and sustainability, establishing an important position in the financial and monetary market. As of December 31, 2014, the Bank's total assets reached VND 650 trillion, growing 18.6% over the same period of 2013. Total outstanding loans reached VND 460 trillion with 18.9% of growth. Credit quality was improved; the bad debt ratio was controlled at 2.03%. Mobilized capital reached over VND 501 billion with growth of 20.4%. Profit before tax was VND 6,297 billion, increasing by 19%. Capital adequacy ratio (CAR) was over 9%.

Đặc biệt hoạt động kinh doanh của BIDV trong năm 2014 nổi lên 2 điểm sáng. Một là tăng trưởng tín dụng đạt 18,9% - góp phần quan trọng tích cực trong tăng trưởng tín dụng của ngành ngân hàng. Hai là hoạt động bán lẻ tăng trưởng đột phá, lần đầu tiên trong 3 năm, tốc độ tăng trưởng tín dụng bán lẻ đạt gần 36%; huy động vốn bán lẻ có tốc độ tăng trưởng đạt 25%; nền khách hàng cá nhân đạt mốc gần 7 triệu khách hàng. Thành công này khẳng định năng lực, vị thế thị trường ngày càng được mở rộng trong hoạt động kinh doanh của BIDV.

In particular, BIDV's business activities in 2014 emerged two bright spots. Firstly, the credit growth reached 18.9% - a positive contribution in total credit growth of the banking sector. Secondly, retail operations had breakthrough growth, for the first time in 3 years, the credit retail growth reached nearly 36%; retail capital mobilization's growth rate reached 25% and personal customer base reached the milestone of nearly 7 million customers. This success confirms the capacity and market position of BIDV with the constant expansion of business activities.

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM / VIETNAM JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR INDUSTRY AND TRADE

Địa chỉ: 108 Trần Hưng Đạo - Phường Cửa Nam - Quận Hoàn Kiếm - TP. Hà Nội
 Tel/Fax: 04-39421030 / 04-39421032
 Email: webmaster@vietinbank.vn
 Website: www.vietinbank.vn
 Thứ hạng BXH VNR500 (2015): 20 (Bảng 1)
 MST: 0100111948

Address: 108 Tran Hung Dao - Cua Nam Ward - Hoan Kiem District - Hanoi
 Tel/Fax: 04-39421030 / 04-39421032
 Email: webmaster@vietinbank.vn
 Website: www.vietinbank.vn
 Ranking in VNR500 (2015): 20 (List 1)
 Tax Code: 0100111948

VietinBank được đánh giá là một trong những ngân hàng thương mại CP lớn nhất tại Việt Nam với thị phần cho vay chiếm 11,6% của toàn hệ thống và là một trong những ngân hàng hàng đầu trong lĩnh vực huy động nội tệ. Đồng thời, VietinBank còn được đánh giá là một trong những ngân hàng giữ vai trò quan trọng và trụ cột của ngành ngân hàng Việt Nam. Với hệ thống mạng lưới giao dịch trải rộng toàn quốc gồm hơn 01 Sở giao dịch, 151 chi nhánh, trên 1.000 phòng giao dịch/ quỹ tiết kiệm, đồng thời có quan hệ đại lý với trên 900 ngân hàng và định chế tài chính lớn trên toàn thế giới, Vietinbank đã và đang phục vụ một lượng lớn khách hàng cá nhân và doanh nghiệp trên cả nước.

VietinBank is evaluated as one of the largest joint-stock commercial banks in Vietnam with its loan market share accounted for 11.6% of the total banking system and leading banks in domestic currency mobilization. VietinBank is also considered one of the banks which play vital role in Vietnam banking industry. With the nationwide transaction network including more than 01 Transaction Base, 151 branches and over 1,000 transaction offices/ savings funds, and agency relationships with over 900 banks and large financial institutions worldwide, VietinBank has been serving a large number of individual and corporate customers across the country.

Năm 2014, tổng tài sản của VietinBank đạt 660 nghìn tỷ đồng, tăng 14,6% so với năm 2013 và đạt 103% kế hoạch. Hoạt động cấp tín dụng đạt số dư 544 nghìn tỷ đồng, tăng 18,2% so đầu năm (tăng trưởng toàn ngành là 12,62%), đạt 104,7% kế hoạch. Trong đó dư nợ cho vay nền kinh tế đạt 440 nghìn tỷ đồng, tăng 17% so với năm 2013.

In 2014, total assets of VietinBank reached VND 660 trillion, up 14.6% compared with 2013 and reached 103% of the plan. Granting credit activity reached VND 544 trillion balance, up 18.2% compared to the beginning of 2014 (the whole industry's growth was 12.62%), reached 104.7% of the plan. In which, loans to the economy reached VND 440 trillion, up 17% compared to 2013.

CÔNG TY CP SỮA VIỆT NAM / VIETNAM DAIRY PRODUCTS JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - TP. Hồ Chí Minh
 Tel/Fax: 08-54155555 / 08-54161226
 Email: vinamilk@vinamilk.com.vn
 Website: www.vinamilk.com.vn
 Thứ hạng BXH VNR500 (2015): 23 (Bảng 1); 1 (Bảng 2)
 MST: 0300588569

Address: 10 Tan Trao - Tan Phu Ward - District 7 - Ho Chi Minh City
 Tel/Fax: 08-54155555 / 08-54161226
 Email: vinamilk@vinamilk.com.vn
 Website: www.vinamilk.com.vn
 Ranking in VNR500 (2015): 23 (List 1); 1 (List 2)
 Tax Code: 0300588569

Vinamilk là một trong những nhà máy sản xuất sữa hàng đầu tại Việt Nam. Sau gần 40 năm phát triển, Vinamilk đã tạo lập được một thương hiệu rất uy tín và được người tiêu dùng trong và ngoài nước tin tưởng. Chiến lược phát triển bền vững, quan tâm đến phát triển nguồn nguyên liệu chất lượng sản phẩm được Vinamilk rất chú trọng nhằm hiện thực hóa mục tiêu trở thành một trong 50 công ty sữa lớn nhất thế giới vào năm 2017. Bước sang năm 2015 với những tín hiệu khả quan trong ngành như doanh số bán lẻ dự báo tiếp tục tăng trưởng ở mức cao, sự ổn định của luật định cũng như sự chuẩn bị kỹ càng về các nguồn lực, các kế hoạch kinh doanh, quản trị sự thay đổi, Vinamilk tiếp tục đặt ra mục tiêu phù hợp và thách thức liên quan đến quản trị công ty, nâng cao vị thế trên thị trường. Đặc biệt, Vinamilk đặt ra mục tiêu tiếp tục duy trì vị trí số một trên thị trường sữa Việt Nam, đáp ứng tốt nhất các nhu cầu của khách hàng thông qua việc đa dạng và tối ưu hóa danh mục sản phẩm và dịch vụ, củng cố và gia tăng thị phần của tất cả các ngành hàng.

Vinamilk is one of the leading dairy companies in Vietnam. For nearly 40 years of development, Vinamilk has established a very reputable brand that trusted by domestic and abroad consumers. The sustainable development strategy which focuses on developing material resource and quality products has been paid attention to achieve Vinamilk's goal of becoming one of the 50 largest dairy companies in the world in 2017. Entering 2015 with positive signs in the sector such as high forecasted growth in retail sales, the law stability as well as the careful preparation for resources, business plans, administration of change, Vinamilk continues to set suitable goals and challenges related to corporate governance, improve its position in the market. Especially, Vinamilk aims to maintain the number one position in Vietnam's dairy market, to meet customer needs by diversifying and optimizing product and service portfolio, consolidating and increasing its market share in all branches.

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ DOJI / DOJI GOLD AND GEMS GROUP

Địa chỉ: Tòa nhà Ruby Plaza - 44 Lê Ngọc Hân - Phường Phạm Đình Hồ - Quận Hai Bà Trưng - TP. Hà Nội
 Tel/Fax: 04-22206688 / 04-22206686
 Email: info@doji.vn
 Website: www.doji.vn
 Thứ hạng BXH VNR500 (2015): 25 (Bảng 1); 2 (Bảng 2)
 MST: 0100365621

Address: Ruby Plaza Tower - 44 Le Ngoc Han - Pham Dinh Ho Ward - Hai Ba Trung District - Hanoi
 Tel/Fax: 04-22206688 / 04-22206686
 Email: info@doji.vn
 Website: www.doji.vn
 Ranking in VNR500 (2015): 25 (List 1); 2 (List 2)
 Tax Code: 0100365621

Trải qua hơn hai thập kỷ hình thành và phát triển, đến nay quy mô của Tập đoàn vàng bạc đá quý DOJI gồm có 7 công ty thành viên hoạt động theo mô hình công ty mẹ - con, 4 công ty liên kết góp vốn và 13 chi nhánh. Lĩnh vực kinh doanh vàng của Tập đoàn trải dài từ hoạt động khai thác mỏ, chế tác, cắt mài đá quý, sản xuất hàng trang sức, đến hoạt động kinh doanh vàng miếng, xuất nhập khẩu vàng, đầu tư thương mại và kinh doanh bất động sản và tài chính ngân hàng. Trong những năm gần đây, trang sức cao cấp DOJI ngày càng được nhiều người tiêu dùng tin nhiệm và trở thành thương hiệu trang sức uy tín. Trang sức Kim cương Diamond House, trang sức Đá màu Dojiwell, trang sức Cưới Wedding Land, trang sức bạc Silver d'amour và nữ trang Vàng 99.9, 999.9 Lộc - Phát - Tài đã có mặt hầu hết các tỉnh thành trong cả nước. Thương hiệu vàng bạc đá quý DOJI không chỉ được biết đến tại Việt Nam mà còn được đánh giá cao ở các thị trường quốc tế như: Nhật Bản, Hồng Kông, Đài Loan, v.v. Với những nỗ lực và phấn đấu không ngừng, liên tục trong các năm gần đây, DOJI đã có những bước phát triển ngoạn mục về doanh thu: Năm 2007 đạt 970 tỉ đồng; năm 2008 đạt 6.600 tỉ đồng; năm 2009 doanh thu đạt 11.000 tỉ đồng; năm 2010 gần 20.000 tỉ đồng; năm 2011 đạt 30.000 tỉ đồng; năm 2012 đạt 32.050 tỉ đồng; năm 2013 đạt 35.000 tỉ đồng và năm 2014 đạt 40.000 tỉ đồng.

After more than 2 decades of formation and development, today DOJI Gold and Gems Group has 07 member companies, 04 associated companies and 13 branches. The Group covers activities from mining, processing, cutting and grinding gemstones, producing jewelry to trading in gold bars, exporting and importing gold, investing commercially and trading in real estates, banking services. In recent years, luxury jewelry DOJI has been trusted by more and more consumers, becoming a reputable jewelry brand name. For details, its products namely Diamond House, Dojiwell, Land Wedding, Silver d'amour and Gold jewelry 99.9, 999.9 namely Luck - Development - Wealth have been present in most of the provinces in the country. The brand name DOJI Gold and Gems has not only been famous in Vietnam but also highly evaluated in international markets such as: Japan, Hong Kong, Taiwan and so on. With constant efforts and strive, in recent years, DOJI has made spectacular development of revenue: VND 970 billion in 2007, VND 6,600 billion in 2008, VND 11,000 billion in 2009, VND 20,000 billion in 2010, VND 30,000 billion in 2011, VND 32,050 billion in 2012, VND 35,000 billion in 2013 and VND 40,000 billion in 2014.

NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM / JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR FOREIGN TRADE OF VIETNAM

Địa chỉ: 198 Trần Quang Khải - Phường Lý Thái Tổ - Quận Hoàn Kiếm - TP. Hà Nội
 Tel/Fax: 04-39343137 / 04-38241395
 Email: webmaster@vietcombank.com.vn
 Website: www.vietcombank.com.vn
 Thứ hạng BXH VNR500 (2015): 27 (Bảng 1)
 MST: 0100112437

Address: 198 Tran Quang Khai - Ly Thai To Ward - Hoan Kiem District - Hanoi
 Tel/Fax: 04-39343137 / 04-38241395
 Email: webmaster@vietcombank.com.vn
 Website: www.vietcombank.com.vn
 Ranking in VNR500 (2015): 27 (List 1)
 Tax Code: 0100112437

Trải qua hơn 50 năm xây dựng và trưởng thành, Vietcombank đã có những đóng góp quan trọng cho sự ổn định và phát triển của kinh tế đất nước, phát huy tốt vai trò của một ngân hàng đối ngoại chủ lực, phục vụ hiệu quả cho phát triển kinh tế trong nước, đồng thời tạo những ảnh hưởng quan trọng đối với cộng đồng tài chính khu vực và toàn cầu.

Over 50 years of construction and growth, Vietcombank has made important contributions to the stability and development of the country's economic and promote the role of a major foreign trade bank, effectively serving for local economic development, while creating important implications for the financial community and the global area.

Thành lập năm 1963 với tư cách là ngân hàng đối ngoại độc quyền của quốc gia, hiện Vietcombank đã xác lập vị thế ngân hàng hàng đầu trong nước với mạng lưới rộng khắp và hệ thống sản phẩm dịch vụ đa dạng nhất Việt Nam. Vietcombank hiện nắm giữ ~10% thị phần huy động vốn, 9,3% thị phần tín dụng và 16,32% thị phần thanh toán quốc tế cả nước, với mạng lưới gồm Hội sở chính, 90 chi nhánh và 351 phòng giao dịch trên toàn quốc cùng với 1.853 ngân hàng đại lý tại 176 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới.

Founded in 1963 as the monopoly foreign trade bank of country, currently Vietcombank has established a leading position in domestic banking system with extensive networks and diversified services and products system in Vietnam. Vietcombank currently holds ~10% market share of capital mobilization, 9.3% market share of credit and 16.32% market share of international payments across the country, with a network of head office, 90 branches and 351 transaction offices nationwide with 1,853 correspondent banks in 176 countries and territories worldwide.

Luôn hướng tới phát triển an toàn, hiệu quả và bền vững, Vietcombank đặt mục tiêu đến năm 2018 trở thành ngân hàng bán lẻ số 1 Việt Nam, đến năm 2020 trở thành Ngân hàng số 1 Việt Nam, 1 trong 300 Tập đoàn Ngân hàng Tài chính lớn nhất thế giới và được quản trị theo các thông lệ quốc tế tốt nhất.

Always towards the safe, effective and sustainable development, Vietcombank aims to become the No.1 retail bank in Vietnam in 2018 and the No.1 bank in Vietnam in 2020, one of 300 largest Financial Bank Groups in the world managed with the best international practices.

CÔNG TY CP FPT / FPT CORPORATION

Địa chỉ: Tòa nhà FPT B2 - KCN Cầu Giấy - Đường Phạm Hùng - Quận Cầu Giấy - TP. Hà Nội
 Tel/Fax: 04-73007300 / 04-37687410
 Email: webmaster@fpt.com.vn
 Website: www.fpt.com.vn
 Thứ hạng BXH VNR500 (2015): 29 (Bảng 1); 3 (Bảng 2)
 MST: 0101248141

Address: FPT B2 Building - Cau Giay Industrial Park - Pham Hung Road - Cau Giay District - Hanoi
 Tel/Fax: 04-73007300 / 04-37687410
 Email: webmaster@fpt.com.vn
 Website: www.fpt.com.vn
 Ranking in VNR500 (2015): 29 (List 1); 3 (List 2)
 Tax Code: 0101248141

Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế, FPT đã nỗ lực thực hiện kế hoạch kinh doanh đã đề ra và đạt được kết quả đáng ghi nhận. Đến nay, FPT đã hiện diện ở 19 quốc gia trên thế giới. Ở trong nước, FPT cũng đi đầu trong việc triển khai các dự án cho thuê dịch vụ công nghệ thông tin. Doanh thu toàn tập đoàn đạt 35.114 tỷ đồng, tăng trưởng 23% so với năm 2013, đạt 110% kế hoạch năm. Lợi nhuận trước thuế toàn tập đoàn đạt 2.456 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế đạt 2.075 tỷ đồng, tăng 0,5% so với năm 2013.

In the context of the general difficulties of the economy, FPT strived to implement the proposed business plan. Up to now, FPT has been present in 19 countries around the world. Domestically, FPT is also a leader in the deployment of leasing information technology service projects. The Corporation's revenue reached VND 35,114 billion, up 23% compared to 2013, reached 110% of the year plan. Profit before tax reached VND 2,456 billion. Profit after tax was VND 2,075 billion, up 0.5% compared to 2013.

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP. HỒ CHÍ MINH TNHH / HO CHI MINH CITY POWER CORPORATION

Địa chỉ: Số 35 Tôn Đức Thắng - Phường Bến Nghé - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh
Tel/Fax: 08-22201177/22201188 / 08-22201155/22201166
Email: dienluc@hcmcp.com.vn
Website: www.hcmcp.com.vn
Thứ hạng BXH VNR500 (2015): 30 (Bảng 1)
MST: 0300951119

Address: No. 35 Ton Duc Thang - Ben Nghe Ward - District 1 - Ho Chi Minh City
Tel/Fax: 08-22201177/22201188 / 08-22201155/22201166
Email: dienluc@hcmcp.com.vn
Website: www.hcmcp.com.vn
Ranking in VNR500 (2015): 30 (List 1)
Tax Code: 0300951119

Trải qua quá trình hình thành và phát triển, EVN HCMC đã không ngừng lớn mạnh và hiện được đánh giá là đơn vị tiên phong của ngành Điện Việt Nam về công tác phân phối, kinh doanh điện năng. Trong gần 40 năm qua, EVN HCMC đã phát huy truyền thống sáng tạo, vượt qua khó khăn, thách thức, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ cung ứng điện với các dịch vụ ngày càng cao, góp phần đảm bảo tăng trưởng kinh tế, ổn định an sinh xã hội của TP. EVN HCMC luôn hoàn thành đạt và vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng hàng năm. Trong giai đoạn 2009-2013 EVN HCMC tăng trưởng điện phẩm bình quân 6,8%/năm, góp phần vào tăng trưởng bình quân 9,8% GDP/năm của thành phố; điện thương phẩm bình quân đầu người trên địa bàn thành phố luôn ở mức cao gấp 2 lần so với bình quân chung của cả nước. Tổng công ty cung ứng điện cho hơn 20 KCX, KCN trên địa bàn với gần 1.600 khách hàng lớn thông qua 15 trạm trung gian 110/220 kV với tổng công suất 1.900 MVA; tổng sản lượng cung ứng cho giai đoạn này là 77,5 tỷ kWh với sản lượng bình quân ngày gần 51 triệu kWh.

Through out the foundation and development, Ho Chi Minh City Power Corporation (EVN HCMC) has been ceaselessly growing and is currently considered the pioneering unit of Vietnam Power Industry in distributing and running business on electricity power. For nearly 40 years, EVN HCMC has promoted creative traditions, overcoming difficulties and challenges, successfully completing the mission of supplying power with increasing services, contributing to ensuring economic growth, and stabilizing the social security. EVN HCMC always over fulfills the annual targets of production and construction investment plans. In the period 2009-2013 EVN HCMC achieved the average growth of 6.8%/year, contributing to an average growth of 9.8% GDP/year of the city; commercial electricity per capita in the city is 2 times as much as the average of the whole country. The Corporation supplies electricity to over 20 industrial zones in the province with nearly 1,600 major customers through 15 intermediate 110/220 kV stations with total capacity of 1,900 MVA; total supply volume for this period was 77.5 billion kWh with average daily output of nearly 51 million kWh.

TỔNG CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM / PETROVIETNAM TECHNICAL SERVICES CORPORATION

Địa chỉ: Lầu 5 - PetroVietnam Tower - số 1 - 5 Lê Duẩn - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh
Tel/Fax: 08-39102828 / 08-39102929
Email: ptsc@ptsc.com.vn
Website: http://www.ptsc.com.vn
Thứ hạng BXH VNR500 (2015): 31 (Bảng 1)
MST: 0100150577

Address: Floor 5 - PetroVietnam Tower - No. 1 - 5 Le Duan - District 1 - Ho Chi Minh City
Tel/Fax: 08-39102828 / 08-39102929
Email: ptsc@ptsc.com.vn
Website: http://www.ptsc.com.vn
Ranking in VNR500 (2015): 31 (List 1)
Tax Code: 0100150577

Sau 22 năm kể từ ngày thành lập, với 27 công ty con và đơn vị thành viên, trực thuộc cùng hơn 9.000 người lao động với năng lực chuyên môn, tay nghề cao, Tổng công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam được đánh giá là doanh nghiệp có đội tàu lớn thứ hai hiện nay sau Vietsov Petro. Khách hàng chủ yếu của PTSC thuộc các dự án dầu khí trong nước, vì vậy PTSC là công ty gần như độc quyền trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ dầu khí tại Việt Nam với mức cung cấp khoảng 90% dịch vụ tàu chuyên dụng phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu khí. Công ty đã và đang thực hiện 1 số dự án lớn, được đánh giá cao như Biển Đông, Sư Tử Trắng, Tê giác Trắng, Sư tử Đen nhằm đưa Tổng công ty lên những bước phát triển mới trong tương lai gần.

After about 22 years since its inception with more than 27 units and subsidiaries with more than 9,000 high qualified and skilled employees, Petroleum Technical Services Corporation has achieved the second ranking in terms of fleet vessel following Vietsov Petro. The main customers of PTSC are national petrol projects. Therefore, PTSC is considered as an exclusive one in providing oil and gas services in Vietnam with about 90% dedicated ship services used for exploring and exploiting oil and gas. The company has been implementing some big and significant projects such as South China Sea, White Lion, White Rhino, and Black Lion with an aim to promote the company's development in the near future.

TỔNG CÔNG TY CP BIA RƯỢU NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN / SAIGON BEER ALCOHOL BEVERAGE CORPORATION

Địa chỉ: Số 6 Đường Hai Bà Trưng – Phường Bến Nghé – Quận 1 – TP.Hồ Chí Minh
 Tel/Fax: 08-38294083 / 08-38244383
 Email: sabeco@sabeco.com.vn
 Website: www.sabeco.com.vn
 Thứ hạng BXH VNR500 (2015): 32 (Bảng 1)
 MST: 0300583659

Trong suốt 38 năm hoạt động và phát triển, Sabeco luôn là đơn vị dẫn đầu toàn ngành hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị với năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, đóng góp vào sự phát triển kinh tế của ngành, địa phương và đất nước. Sabeco hiện đang nắm giữ trên 35% thị phần sản xuất bia tại Việt Nam, phân phối khắp cả nước và xuất khẩu tới gần 20 quốc gia trên thế giới. Năm 2014, sản lượng tiêu thụ bia Sài Gòn đạt 1.356 triệu lít, bằng 102% kế hoạch, tăng 3% so với cùng kỳ. Tổng doanh thu đạt 29.788 tỷ đồng, bằng 101% kế hoạch, tăng 4% so với cùng kỳ. Tổng nộp ngân sách đạt 6.985 tỷ đồng, bằng 103% kế hoạch, tăng 5% so với cùng kỳ. Lợi nhuận trước thuế đạt 3.914 tỷ đồng, bằng 107% kế hoạch năm 2014, tăng 9% so với cùng kỳ.

Address: No. 6 Hai Ba Trung Street – Ben Nghe Ward – District 1 – Ho Chi Minh City
 Tel/Fax: 08-38294083 / 08-38244383
 Email: sabeco@sabeco.com.vn
 Website: www.sabeco.com.vn
 Ranking in VNR500 (2015): 32 (List 1)
 Tax Code: 0300583659

During 38 years of operation and development, Sabeco has always led the industry, successfully completed the political task with productivity, quality and efficiency contributing to the economic development of the sector, location province and the country. Sabeco currently holds over 35% market share in Vietnam brewing sector, distributing throughout the country and exporting to nearly 20 countries around the world. In 2014, Saigon beer consumption reached 1,356 million liters equivalent to 102% of the plan, increasing by 3% over the same period. Total sales reached VND 29,788 billion, reaching 101% of the plan and increasing by 4% year on year. The total budget reached VND 6,985 billion, accounting for 103% of the plan and up 5% over the same period. Profit before tax was VND 3,914 billion, with 107% of the plan in 2014 and rising 9% over the same period.

CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU HÀNG KHÔNG VIỆT NAM / VIETNAM AIR PETROL COMPANY LIMITED

Địa chỉ: 202 Nguyễn Sơn - Phường Bồ Đề - Quận Long Biên - TP. Hà Nội
 Tel/Fax: 04-38272316 / 04-38272317
 Email: vinapco@hn.vnn.vn
 Website: <http://www.vinapco.com.vn>
 Thứ hạng BXH VNR500 (2015): 33 (Bảng 1)
 MST: 0100107638

Qua 20 năm đầu tư và phát triển, VINAPCO được đánh giá là doanh nghiệp có thị phần lớn nhất trong lĩnh vực cung cấp nhiên liệu cho ngành hàng không tại Việt Nam. Nhiên liệu được công ty nhập khẩu từ các thị trường quốc tế lớn như: Singapore, Trung Quốc, v.v. Để đáp ứng yêu cầu về các chỉ tiêu chất lượng của nhiên liệu tra nạp cho máy bay, Công ty đã đầu tư xây dựng 03 phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005 với 11 phép thử tiêu chuẩn. Hiện công ty có các thành viên trực thuộc cùng mạng lưới hoạt động rộng khắp cung cấp nhiên liệu cho các khách hàng trong và ngoài nước, trong đó có nhiều khách hàng lớn như: Vietnam Airlines, Cosmo, Korean Air. Với lợi thế độc quyền trong việc cung cấp nhiên liệu cho ngành hàng không cùng những chiến lược kinh doanh đúng đắn, Vinapco đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 18% mỗi năm, đồng thời phấn đấu trở thành doanh nghiệp chiếm thị phần lớn nhất trên thị trường nhiên liệu hàng không Việt Nam.

Address: 202 Nguyen Son - Bo De Ward - Long Bien District - Hanoi
 Tel/Fax: 04-38272316 / 04-38272317
 Email: vinapco@hn.vnn.vn
 Website: <http://www.vinapco.com.vn>
 Ranking in VNR500 (2015): 33 (List 1)
 Tax Code: 0100107638

After almost 20 years on investment and development, VINAPACO is Vietnam's largest supplier of aviation fuel in terms of market share. The company imports fuel from big international markets such as: Singapore, China, etc. In addition, in order to meet quality requirements on aircraft fuel, the company invested into 03 international standard laboratories ISO/IEC 17025:2005 with 11 standard tests. Now, VINAPACO has a network of member companies operating nationwide providing fuel for domestic and International customers including many significant ones as Vietnam Airlines, Cosmo, and Korean Air. With monopoly advantage in aviation fuel market as well as appropriate business strategies, Vinapco reaches annual average growth rate of 18% and strives to become enterprise owning largest market share of Vietnam's aviation fuel sector.

LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ THƯƠNG MẠI TP. HỒ CHÍ MINH / SAIGON UNION OF TRADING CO-OPERATION (SAIGON CO.OP)

Địa chỉ: 199 - 205 Nguyễn Thái Học - Phường Phạm Ngũ Lão - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh
 Tel/Fax: 08-38360143 / 08-38370560
 Email: sgcoop@saigonco-op.com.vn
 Website: www.saigonco-op.com.vn
 Thứ hạng BXH VNR500 (2015): 36 (Bảng 1)
 MST: 0301175691

Address: 199 - 205 Nguyen Thai Hoc - Pham Ngu Lao Ward - District 1 - Ho Chi Minh City
 Tel/Fax: 08-38360143 / 08-38370560
 Email: sgcoop@saigonco-op.com.vn
 Website: www.saigonco-op.com.vn
 Ranking in VNR500 (2015): 36 (List 1)
 Tax Code: 0301175691

Hệ thống Co.opMart của Saigon - Co.op là một trong những thương hiệu quen thuộc của người dân TP. Hồ Chí Minh và người tiêu dùng cả nước. Với thị phần bán lẻ siêu thị hiện chiếm hơn 50% trên cả nước, Saigon Co.op vẫn đang ở thế thượng phong so với các chuỗi bán lẻ nội địa như Maximark, Citimart, Satramart (có quy mô chưa tới 10 cửa hàng/chiều). Mức tăng trưởng doanh thu của Saigon Co.op từ ngày thành lập đến nay là xấp xỉ 380 lần. Mức độ này thể hiện quá trình lột xác của Saigon Co.op với thương hiệu cốt lõi Co.opmart. Gần đây, Saigon Co.op đã khai trương đại siêu thị đầu tiên mang tên Co.opXtra, liên doanh với NTUC FairPrice (Singapore). Điểm khác biệt của Co.opXtra với chuỗi Co.opmart là quy mô gấp 4-5 lần, lượng hàng hóa gấp 2-3 lần. Vốn đầu tư cho mỗi đại siêu thị Co.opXtra là khoảng 6-9 triệu USD. Theo dự kiến, liên doanh này sẽ phát triển khoảng 2-3 đại siêu thị mỗi năm để đạt được 20 đại siêu thị vào năm 2020. Trong năm 2014, Saigon Co.op đã mở được 6 siêu thị Co.opmart, 17 Co.opFood, 30 cửa hàng Co.op và một trung tâm thương mại Sense City tại Cần Thơ, nâng tổng số điểm bán lên hơn 365 điểm. Trong đó, việc đưa vào hoạt động Co.opmart Cao Lãnh tại tỉnh Đồng Tháp có ý nghĩa quan trọng trong việc hoàn chỉnh hệ thống chuỗi phân phối hàng bình ổn và quảng bá hàng Việt phủ khắp tất cả 13 tỉnh miền Tây Nam Bộ.

Co.opMart system of Saigon Co.op is one of the familiar brands to Ho Chi Minh city's citizens and consumers nationwide. Holding a market share accounting for over 50% of Vietnam's retail supermarkets, Saigon Co.op still has more advantages than other domestic retail chains such as Maximark, Citimart, Satramart, whose scale is less than 10 stores per chain. Compared to the value at its inception, Saigon Co.op's revenue has grown by approximately 380 times. This figure represents the transformation process of Saigon Co.op with core brand Co.opmart. Recently, Saigon Co.op has opened its first hypermarket called Co.opXtra, a joint venture with NTUC Fair Price (Singapore). The difference between Co.opXtra and Co.opmart is that Co.opXtra's scale and amount of goods is equal to 4-5 times and 2-3 times as much as Co.opmart's ones respectively. The capital invested in each hypermarket Co.opXtra is about USD 6-9 million. This joint venture is expected to open 2-3 hypermarkets every year to reach 20 hypermarkets in 2020. In 2014, Saigon Co.op opened 6 Co.opmart supermarkets, 17 Co.opFood stores, 30 Co.op stores and a business center in Can Tho City namely Sense City, bringing the total number to more than 365 points of sale. In particular, the operation of Co.opmart Cao Lanh in Dong Thap province has important implications in completing the chain of distribution of stabilization and promoting Vietnamese goods to all 13 provinces in the Mekong River delta.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV / THANH LE GENERAL IMPORT - EXPORT TRADING CORPORATION

Địa chỉ: Số 63 Đường Yersin - Phường Hiệp Thành - TP. Thủ Dầu Một - Tỉnh Bình Dương
 Tel/Fax: 0650-3829534/3829535 / 0650-3824112
 Email: thalexim@hcm.vnn.vn
 Website: www.thalexim.com
 Thứ hạng BXH VNR500 (2015): 39 (Bảng 1)
 MST: 3700146458

Address: No. 63 Yersin - Hiep Thanh Ward - Thu Dau Mot City - Binh Duong Province
 Tel/Fax: 0650-3829534/3829535 / 0650-3824112
 Email: thalexim@hcm.vnn.vn
 Website: www.thalexim.com
 Ranking in VNR500 (2015): 39 (List 1)
 Tax Code: 3700146458

Thalexim hiện là đầu mối xuất nhập khẩu xăng dầu của cả nước, có vai trò quan trọng trong lĩnh vực cung cấp xăng dầu cho địa bàn tỉnh Bình Dương và các tỉnh lân cận. Lợi thế của Thalexim là tính đa dạng của các sản phẩm và dịch vụ cung cấp cho thị trường bao gồm nhiều khu công nghiệp. Hoạt động kinh doanh xăng dầu của Công ty góp phần quan trọng trong việc cung ứng đầy đủ, kịp thời và đảm bảo chất lượng tại các địa bàn có các cửa hàng đại lý bán lẻ hợp đồng với Công ty. Hệ thống kho bể của Thalexim hiện có sức chứa 35 triệu lít xăng dầu. Năm qua, Tổng Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đề ra, với tổng lợi nhuận đạt 212 tỷ đồng, tăng 4,8 lần so với năm 2013. Thu nhập bình quân toàn đơn vị đạt 7,5 triệu đồng/người/tháng. Năm 2015 đơn vị đề ra chỉ tiêu doanh thu 24.749 tỷ đồng, lợi nhuận 115 tỷ đồng, thu nhập bình quân người lao động 8 triệu đồng/người/tháng.

Thanh Le General Import Export Trading Corporation plays an important role in supplying petrol for Binh Duong and surrounding provinces. The advantages of Thalexim are the diversity in products and services providing for the market including many industrial parks. Oil trading activities of the company have significantly contributed to adequate, timely and quality supply of petrol in provinces having retail agency contracts with the company. The company's depot and fuel storage tanks system now have a capacity of 35 million liters. Last year, the Corporation has completed the production and business targets, with a total profit is VND 212 billion, increased 4.8 times compared to 2013. The average of income was VND 7.5 million per person per month. In 2015, the target revenue is VND 24,749 billion, the profit is VND 115 billion and the average income per employee per month is VND 8 million.

TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2 - CÔNG TY TNHH MTV / POWER GENERATION CORPORATION (EVNGENCO 2)

Địa chỉ: Số 01 Lê Hồng Phong - Phường Trà Nóc - Quận Bình Thủy - TP. Cần Thơ
Tel/Fax: 0710-2461507 / 0710-2227446
Email: evngenco2@gmail.com
Website: <http://evngenco2.vn/>
Thứ hạng BXH VNR500 (2015): 45 (Bảng 1)
MST: 1800590430

Address: No. 01 Le Hong Phong - Tra Noc Ward - Binh Thuy District - Can Tho City
Tel/Fax: 0710-2461507 / 0710-2227446
Email: evngenco2@gmail.com
Website: <http://evngenco2.vn/>
Ranking in VNR500 (2015): 45 (List 1)
Tax Code: 1800590430

Hiện nay, Tổng công ty Phát điện 2 trực tiếp quản lý 13 đơn vị thành viên gồm 06 chi nhánh, 02 công ty TNHH MTV do Tổng công ty Phát điện 2 sở hữu 100% vốn và 05 Công ty CP do Tổng công ty Phát điện 2 sở hữu CP chi phối.

Currently, Power Generation Corporation 2 is directly managing 13 member units including 06 branches and 02 limited companies fully owned by Power Generation Corporation 2 and 05 joint stock companies governed by the Power Generation Corporation 2.

Ngay từ khi mới thành lập, Tổng công ty Phát điện 2 đã chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra và đôn đốc các đơn vị thành viên thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ của mình về mọi mặt, trong đó nhiệm vụ trọng tâm là sản xuất kinh doanh. Với sự chỉ đạo quyết liệt, thành lập các đoàn công tác kiểm tra, chỉ đạo trực tiếp tại các đơn vị, bên cạnh đó các đơn vị thuộc Tổng công ty Phát điện 2 đã phát huy tinh thần chủ động, đoàn kết nhất trí, trách nhiệm cao, sự nỗ lực vượt bậc, các đơn vị đã đáp ứng tốt phương thức huy động của Trung tâm điều độ Hệ thống điện Quốc gia (AO), góp phần đảm bảo đủ điện, an ninh, an toàn cho hệ thống điện quốc gia.

Since its foundation, Power Generation Corporation 2 has seriously led, monitored, inspected and supervised the unit members performing their duties in every aspect, with the key task of doing business. With the drastic leadership, the establishment of the monitoring group for direct instruction in the unit, the units of the Power Generation Corporation 2 have raised the spirit of dynamite, solidarity, responsibility and outstanding efforts, the units have met the deposit method of National Power Conditioning System Centre (AO), contributing to ensure enough power, security and safety of national grid.

Mục tiêu trước mắt của EVNGENCO 2 là phấn đấu trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất điện; là một doanh nghiệp mạnh trong công tác quản lý vận hành các nhà máy điện và tạo ra các sản phẩm dịch vụ có chất lượng cao trong lĩnh vực điện, phấn đấu để Tổng công ty trở thành thương hiệu có uy tín cao trong lĩnh vực điện.

The immediate objective of EVNGENCO 2 is striving to become one of the leading enterprises in the field of electricity production; maintaining a strong business management in operating the power plants and creating products and services of high quality in the field of electricity, becoming a highly respected brand in the field of electricity.

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP. HÀ NỘI / HANOI POWER CORPORATION (EVN HANOI)

Địa chỉ: Số 69 Đinh Tiên Hoàng - Phường Lý Thái Tổ - Quận Hoàn Kiếm - TP. Hà Nội
Tel/Fax: 04-22200898 / 04-22200899
Email: evnhanoi@evnhanoi.vn
Website: <http://evnhanoi.vn>
Thứ hạng BXH VNR500 (2015): 46 (Bảng 1)
MST: 0100101114

Address: No. 69 Dinh Tien Hoang - Ly Thai To Ward - Hoan Kiem District - Hanoi
Tel/Fax: 04-22200898 / 04-22200899
Email: evnhanoi@evnhanoi.vn
Website: <http://evnhanoi.vn>
Ranking in VNR500 (2015): 46 (List 1)
Tax Code: 0100101114

Tổng Công ty Điện lực TP. Hà Nội được đánh giá là đơn vị chủ chốt trong việc cung cấp điện cho thủ đô Hà Nội với tỷ lệ tăng trưởng bình quân hàng năm từ 12% đến 15%. Tổng Công ty gồm 17 ban chức năng, 35 công ty trực thuộc và 11 công ty CP, liên kết với trên 6.000 cán bộ công nhân viên. Ngoài việc đảm bảo vận hành cung ứng điện liên tục và ổn định cho nhân dân Thủ đô; Tổng công ty còn nâng cao vai trò bảo vệ môi trường, tích cực tuyên truyền tới khách hàng sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả và hợp lý. Trong năm vừa qua, EVN HANOI đã hoàn thành xuất sắc mọi chỉ tiêu, kế hoạch EVN giao, đảm bảo cung ứng đủ điện, an toàn ổn định phục vụ các hoạt động chính trị, kinh tế, xã hội và đời sống của nhân dân trên địa bàn Thủ đô. Cụ thể, sản lượng điện thương phẩm đạt 12,56 tỷ kWh, tăng 11,33% so với năm 2013. Tổn thất điện năng còn 5,83% giảm 0,92% so với kế hoạch EVN giao. Sản lượng điện tiết kiệm đạt 276,36 triệu kWh (tương đương 2,2% tổng thương phẩm).

EVN Hanoi is evaluated as the key unit in providing electricity for Hanoi with average annual growth rate from 12 – 15%. The Corporation includes 17 functional departments, 35 subsidiaries and 11 associated joint stock companies with more than 6,000 employees. In addition to ensuring the continuous and stable electricity supply for people in Hanoi; the Corporation also promotes activities in environmental protection and electricity saving. In 2014, EVN Hanoi significantly accomplished its outlined objectives and tasks assigned by EVN, ensuring adequate and secure supply of electricity to serve political, economic, social and living conditions of people in Hanoi. Specifically, the commercial power output reached 12.56 billion kWh, up 11.33% compared with 2013. Power loss also dropped by 0.92%, decreasing 5.83% compared with the EVN's assigned plan. Saving electricity output reached 276.36 million kWh (equivalent to 2.2% of total merchandise).

TỔNG CÔNG TY CP KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ / PETROVIETNAM DRILLING & WELL SERVICES JSC

Địa chỉ: Lầu 4 Tòa nhà Sailing Tower 111A Pasteur - Phường Bến Nghé - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh
 Tel/Fax: 08-39142012 / 08-39142021
 Email: info@pvdrilling.com.vn
 Website: http://www.pvdrilling.com.vn
 Thứ hạng BXH VNR500 (2015): 48 (Bảng 1)
 MST: 0302495126

Address: Floor 4 Sailing Tower 111A Pasteur - Ben Nghe Ward - District 1 - Ho Chi Minh City
 Tel/Fax: 08-39142012 / 08-39142021
 Email: info@pvdrilling.com.vn
 Website: http://www.pvdrilling.com.vn
 Ranking in VNR500 (2015): 48 (List 1)
 Tax Code: 0302495126

Tổng công ty CP Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (PV Drilling) được đánh giá là doanh nghiệp có mức tăng trưởng cao nhất trong ngành dầu khí hiện nay. Nó chiếm đa số thị phần của Việt Nam trong cung cấp dịch vụ dầu khí cho các công ty như: Petronas, JVPC, Diamond Offshore. Lợi thế của công ty là đầu tư các giàn khoan biển như PV DRILLING I, II, III, giàn khoan TAD và phát triển các dịch vụ kỹ thuật cao. Bên cạnh đó PVD còn có lợi thế là thành viên liên kết với các Tập đoàn thăm dò dầu khí lớn trên thế giới như Baker Hughes, Expro, Marubeni, Sumitomo. Điều này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho PVD phát triển trong những năm tới.

Petro Vietnam Drilling and Well Services Corporation (PV Drilling) is rated as the company having the highest growth rate in oil and gas industry. PV Drilling makes up most of Vietnam's market share in providing oil and gas services for companies namely Petronas, JVPC, Diamond Offshore, etc. Furthermore, the company has advantage of investing to offshore drilling rigs such as PV DRILLING I, II, III, TAD and developing high technical services. In addition, PVD also has the advantage of being an associated member with petroleum exploration groups in the world such as Baker Hughes, Expro, Marubeni, Sumitomo. This will create favorable conditions for PVD to develop in the following years.

Năm 2014, PV Drilling đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra với kết quả vượt bậc. Trong đó, tổng doanh thu đạt 20.884 tỷ đồng, vượt 52% so với KH, vượt 40% so với 2013; lợi nhuận trước thuế đạt 3.178 tỷ đồng, vượt 48% so với KH, vượt 39% so với 2013; lợi nhuận sau thuế đạt 2.419 tỷ đồng, vượt 47% so với KH, vượt 28% so với 2013) và nộp ngân sách nhà nước đạt 3.580 tỷ đồng.

In 2014, PV Drilling fulfilled successfully production and business plan with outstanding results. In which, total revenue was VND 20,884 billion, exceeded 52% of the plan, and 40% compared to 2013; profit before tax was VND 3,178 billion, exceeded 48% of the plan, and 39% compared to 2013; profit after tax was VND 2,419 billion, exceeded 47% of the plan, and 28% compared to 2013, and contributed to state budget VND 3,580 billion.

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN TRUNG / CENTRAL POWER CORPORATION

Địa chỉ: Số 393 Trung Nữ Vương - Phường Hoà Thuận Đông - Quận Hải Châu - TP. Đà Nẵng
 Tel/Fax: 0511-2210281 / 0511-3625071
 Email: info@cpc.vn
 Website: www.cpc.vn
 Thứ hạng BXH VNR500 (2015): 53 (Bảng 1)
 MST: 0400101394

Address: No. 393 Trung Nu Vuong - Hoa Thuan Dong Ward - Hai Chau District - Da Nang City
 Tel/Fax: 0511-2210281 / 0511-3625071
 Email: info@cpc.vn
 Website: www.cpc.vn
 Ranking in VNR500 (2015): 53 (List 1)
 Tax Code: 0400101394

Hơn 40 năm qua, EVNCPC không ngừng phát triển lớn mạnh. Buổi ban đầu, tài sản của Tổng công ty chỉ là những tổ máy diesel cũ kỹ và nhỏ lẻ, tổng công suất khả dụng chỉ khoảng vài chục MW; lưới điện manh mún, cấp điện áp cao nhất 15kV, tập trung ở nội thành, nội thị; điện năng cung cấp trong toàn khu vực chưa đầy 100 triệu kWh. Đến nay, năm 2014, công suất cực đại toàn khu vực đạt 2.047 MW, hệ thống lưới điện các cấp điện áp từ 110kV trở xuống đã vươn dài đến các địa phương, đã có 100% số huyện, 99,74% số xã, 98,23% số hộ được sử dụng điện lưới với tổng số khách hàng sử dụng điện hơn 03 triệu hộ. Năm 2014, EVNCPC đã triển khai thực hiện tốt các nhóm chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu được EVN giao, trong đó, điện thương phẩm thực hiện đạt 12.221 tỷ kWh, đạt 102,26% so với kế hoạch; giá bán điện bình quân thực hiện 1.537,3 đ/kWh, tăng 8,30 đồng/kWh so với kế hoạch; tỉ lệ tổn thất điện năng thực hiện 6,51%, giảm 0,09% so với kế hoạch. Trong năm, công tác tiết kiệm điện toàn Tổng công ty thực hiện 248,5 triệu kWh, chiếm 2,03% so với điện thương phẩm thực hiện và đạt 138,64% so với kế hoạch EVN giao. EVNCPC tiếp tục lắp đặt công tơ điện tử đo xa theo lộ trình đã duyệt. Tính đến nay đã lắp đặt được 934.068 công tơ điện tử 1 pha RF vận hành trên lưới, trong đó, năm 2014 đã lắp đặt 408.288/302.500 công tơ, đạt 134,97% kế hoạch năm.

Over the past 40 years, EVNCPC has relentlessly grown up. At the first time, assets of the corporation were old and small diesel machine with total capacity of only tens of MW; the highest voltage was only 15kV and focused on urban areas; the provided electricity for all area was only 100 million kWh. Up to 2014, the provided electricity capacity for the area was approximately 2,047 MW, electricity network below 110 kV was presented to areas. There are fully districts, 99.74% communes, 98.23% households using electricity with total customers as 3 million. In 2014, EVNCPC successfully implemented the primary groups of production and business targets assigned by EVN, in which commercial power implementation was 12,221 billion kWh, reaching 102.26% compared to the plan; The average electricity price was VND 1,537.3/kWh, up VND 8.3/kWh compared to the plan; power loss ratio performed was 6.51%, down 0.09% compared to the plan. During the year, power-saving work throughout the Corporation was 248.5 million kWh, accounting for 2.03% compared to the commercial power and reaching 138.64% of the plan that EVN assigned. EVNCPC continued installation of distance measurement electronic meters according to the approved schedule. Up to now the installation of electronic meters was 934,068 RF one-phase grid operators, in which, in 2014 the company installed 408,288/302,500 meters, reaching 134.97% of the plan.

TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT / BAO VIET HOLDINGS

Địa chỉ: 8 Lê Thái Tổ - Phường Hàng Trống - Quận Hoàn Kiếm - TP. Hà Nội
 Tel/Fax: 04-39289999 / 04-39289609
 Email: thongtin@baoviet.com.vn
 Website: www.baoviet.com.vn
 Thứ hạng BXH VNR500 (2015): 55 (Bảng 1)
 MST: 0100111761

Trải qua 50 năm hình thành và phát triển, Tập đoàn Bảo Việt đã phát triển lớn mạnh với hơn 150 chi nhánh trên khắp các tỉnh thành của Việt Nam. Bảo Việt tự hào là doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm đầu tiên được thành lập tại Việt Nam. Đến nay, Bảo Việt đã trở thành một tập đoàn tài chính toàn diện cung cấp các dịch vụ về bảo hiểm, ngân hàng, quản lý quỹ, chứng khoán và đầu tư. Năm 2014, bằng việc triển khai các giải pháp kinh doanh chủ động, linh hoạt, Tập đoàn Bảo Việt đã đạt được kết quả khả quan, đặc biệt trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ, đầu tư và dịch vụ tài chính, hoàn thành kế hoạch đã đề ra. Tổng doanh thu hợp nhất năm 2014 toàn Tập đoàn đạt 19.050 tỷ đồng, tăng trưởng 11,5% so với cùng kỳ 2013, trong đó: Doanh thu từ lĩnh vực bảo hiểm đạt 14.070 tỷ đồng, tăng trưởng 12,8%, chiếm 73,9% tổng doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 1.627 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 1.331 tỷ đồng, tăng 7,9% so với năm 2013. Kết quả trên góp phần hoàn thiện nền tảng vững chắc để thực hiện chiến lược phát triển bền vững của doanh nghiệp trong giai đoạn tiếp theo.

Address: 8 Le Thai To - Hang Trong Ward - Hoan Kiem District - Hanoi
 Tel/Fax: 04-39289999 / 04-39289609
 Email: thongtin@baoviet.com.vn
 Website: www.baoviet.com.vn
 Ranking in VNR500 (2015): 55 (List 1)
 Tax Code: 0100111761

Over 50 years of formation and development, Bao Viet has grown with more than 150 branches throughout the provinces of Vietnam. Bao Viet now is the first insurance business was established in Vietnam. Till now, Bao Vietnam has become a comprehensive financial group providing services in insurance, banking and fund management, and securities investment. In 2014, by the deployment of active and flexible business solutions, Bao Viet has achieved positive results, particularly in the field of life insurance, investment and financial services, complete the plan that was devised. Total consolidated revenue in 2014 of Group was VND 19,050 billion, increased 11.5% compared to the same period in 2013, including: Revenue from insurance sector reached VND 14.070 billion, up 12.8%, accounted for 73.9% of consolidated sales of Group. Profit before tax reached VND 1,627 billion. Consolidated profit after tax reached VND 1,331 billion, up 7.9% compared to 2013. These results contributed to improve solid foundation to implement the strategy of sustainable development of enterprise in the next stage.

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN MASAN / MASAN GROUP CORP.

Địa chỉ: Tầng 8 - Central Plaza 17 Lê Duẩn - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh
 Tel/Fax: 08-62563862 / 08-38274115
 Email: investorrelation@masangroup.com
 Website: <http://www.masangroup.com/>
 Thứ hạng BXH VNR500 (2015): 57 (Bảng 1); 8 (Bảng 2)
 MST: 0303576603

Trải qua quá trình hình thành và phát triển, hiện nay Masan Group đã trở thành một trong những công ty lớn nhất trong khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam, tập trung hoạt động trong ngành hàng tiêu dùng và tài nguyên của Việt Nam. Công ty có nhiều thành tích trong hoạt động xây dựng, mua lại và quản lý các nền tảng hoạt động kinh doanh có quy mô lớn nhằm phát triển và khai thác các tiềm năng dài hạn trong lĩnh vực hàng tiêu dùng và tài nguyên. Trong năm 2014 vừa qua, việc tập trung vào xây dựng kinh doanh dài hạn của tập đoàn đã bắt đầu có kết quả - tăng trưởng doanh thu; lợi nhuận trước thuế, lãi vay, khấu hao (EBITDA) và lợi nhuận thuần cao kỷ lục trong năm 2014 với tỉ lệ tương ứng là 34,7%, 55,4% và 44,2%. Doanh thu đạt 16.100 tỷ đồng cho cả năm 2014, tăng 34,7% so với năm 2013. Lợi nhuận trước lãi, khấu hao và thuế (pro forma) đạt 3.999 tỷ đồng trong năm 2014, tăng 55,4% so với năm 2013. Tập đoàn đã mở rộng thị trường hàng tiêu dùng từ 1,1 tỷ USD trong năm 2013 lên đến 9 tỉ USD trong năm 2014 qua việc định nghĩa lại ngành hàng hiện tại (nước chấm trở thành gia vị và mì ăn liền trở thành thực phẩm tiện lợi), và tham gia vào ngành hàng mới, như là đồ uống không cồn (Vinacafe và Vinh Hào), và gần đây nhất là ngành bia (với thương hiệu "Sư Tử Trắng").

Address: Floor 8 - Central Plaza 17 Le Duan - District 1 - Ho Chi Minh City
 Tel/Fax: 08-62563862 / 08-38274115
 Email: investorrelation@masangroup.com
 Website: <http://www.masangroup.com/>
 Ranking in VNR500 (2015): 57 (List 1); 8 (List 2)
 Tax Code: 0303576603

Experiencing the process of formation and development, currently Masan Group has become one of the largest companies in the private sector in Vietnam, focusing on the consumer goods industry and natural resources of Vietnam. The company has many achievements in the construction, acquisition and management of large-scale business operation platforms in order to develop and exploit the long-term potentials in the field of consumer goods and resources. In the last 2014, the focus of setting up long-term business began to bring success for the corporation: revenue growth; Profit before taxes, interest, depreciation (EBITDA) and net profit was recorded highest at respective rate of 34.7%, 55.4% and 44.2%. Revenue reached VND 16,100 billion for the whole 2014, rising up to 34.7% compared to 2013. Profit before interest, depreciation and taxes (pro forma) gain VND 3,999 billion in 2014, increasing up to 55.4% against 2013. The corporation has expanded consumer goods market from USD 1.1 billion in 2013 to USD 9 billion in 2014 through redefining its existing industries (sauce is considered spices and constant noodles become convenient food), and participating in new sectors such as non-alcoholic beverages (Vinacafe and Vinh Hao), and most recently the beer industry (with the brand name "White Lion").

NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN THƯƠNG TÍN / SAIGON THƯƠNG TIN COMMERCIAL JOINT STOCK BANK

Địa chỉ: 266 - 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Phường 08 - Quận 3 - TP. Hồ Chí Minh
Tel/Fax: 08-39320420 / 08-39320424
Email: info@sacombank.com
Website: <http://www.sacombank.com.vn>
Thứ hạng BXH VNR500 (2015): 58 (Bảng 1); 9 (Bảng 2)
MST: 0301103908

Address: 266 - 268 Nam Ky Khoi Nghia - Ward 8 - District 3 - Ho Chi Minh City
Tel/Fax: 08-39320420 / 08-39320424
Email: info@sacombank.com
Website: <http://www.sacombank.com.vn>
Ranking in VNR500 (2015): 58 (List 1); 9 (List 2)
Tax Code: 0301103908

Hơn 23 năm qua, Sacombank luôn đi đầu trong đổi mới cơ chế, thu hút các định chế tài chính quốc tế rót vốn vào Việt Nam. Ngoài ra, Sacombank cũng là đơn vị tiên phong trong việc mở rộng mạng lưới hoạt động ra khu vực Lào và Campuchia. Tính đến tháng 4/2015, Sacombank đã có tổng cộng 428 điểm giao dịch, trong đó có 11 điểm giao dịch tại Campuchia và Lào. Năm 2014, kết quả hoạt động của Sacombank đạt khá toàn diện. Các chỉ tiêu tăng trưởng cao và ổn định, đảm bảo đúng định hướng, bút phát vượt trội so với các ngân hàng bạn cùng quy mô. Tổng tài sản tăng trưởng mạnh về cả chất và lượng, tăng 17,8% so với đầu năm (toàn ngành tăng 12,2%). Cơ cấu nguồn vốn thể hiện tính an toàn, ổn định ở thị trường 1, linh hoạt đối với thị trường 2, đẩy mạnh giao dịch chứng khoán nợ. Huy động vốn tính đến ngày 31/12/2014 tăng 19,3% so với đầu năm. Thị phần huy động tăng từ 3,64% vào đầu năm lên 3,67% vào cuối năm. Tốc độ tăng trưởng dư nợ khả quan (tăng 18,3%). Đặc biệt, cho vay mảng khách hàng cá nhân tăng trưởng vượt bậc (29,8%), tăng tỷ trọng từ 40,1% lên 45,1%. Tổng thu nhập thuần đạt 8.123 tỷ đồng, tăng 10,4% so với năm trước. Tỷ lệ nợ xấu duy trì ở mức 1,18%. Bên cạnh đó, thương hiệu của Sacombank ngày càng được khẳng định với những giải thưởng uy tín được cộng đồng trong nước và quốc tế ghi nhận.

Over the last 23 years, Sacombank has taken the leading in mechanism innovation, attracting the leading international financial institutions to funding in Vietnam. Besides, Sacombank is also a pioneer in expanding its network in Laos and Cambodia. As of April 2015, Sacombank has had a total of 428 transaction offices, including 11 ones in Cambodia and Laos. In 2014, Sacombank operating results were fairly comprehensive. All the targets grew at a high rate and stability, ensuring the right orientation and speeding up the development to outperform in comparison with the other banks of the same size. Total asset significantly increased in both quality and quantity, up 17.8% year to date (while the whole industry rose by 12.2%). Capital structure demonstrated the safety and stability to the market 1, flexibility to the market 2 and boosted debt securities transactions. Raising capital as of December 31, 2014 rose 19.3% year to date. Market share increased from 3.64% at the beginning of the year to 3.67% at year end. Debt growth rate was positive (18.3%). Especially, lending for individual customer segment grew enormously (by 29.8%), from 40.1% to 45.1%. Total net income reached VND 8,123 billion, up 10.4% compared to the previous year. Bad debt ratio was remained at 1.18%. Besides, the brand of Sacombank has been well-affirmed with prestigious awards rewarded by national and international community.

NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI / MILITARY COMMERCIAL JOINT STOCK BANK

Địa chỉ: Số 21 Cát Linh - Quận Đống Đa - TP. Hà Nội
Tel/Fax: 04-62661088 / 04-62661080
Email: info@mbbank.com.vn
Website: <https://www.mbbank.com.vn/>
Thứ hạng BXH VNR500 (2015): 64 (Bảng 1); 12 (Bảng 2)
MST: 0100283873

Address: No. 21 Cat Linh - Dong Da District - Hanoi
Tel/Fax: 04-62661088 / 04-62661080
Email: info@mbbank.com.vn
Website: <https://www.mbbank.com.vn/>
Ranking in VNR500 (2015): 64 (List 1); 12 (List 2)
Tax Code: 0100283873

Từ khi thành lập đến nay, MB liên tục giữ vững vị thế là một trong những ngân hàng TMCP hàng đầu tại Việt Nam. MB không dừng lại ở quy mô hoạt động của một ngân hàng mà đã hướng tới một mô hình tập đoàn tài chính với các công ty thành viên đang hoạt động hiệu quả. Sự phát triển ổn định với nhịp độ tăng trưởng cao đã giúp MB có được niềm tin của khách hàng, đối tác và nhà đầu tư. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu không ngừng tăng cao trong những năm gần đây. Cùng với tăng trưởng kinh doanh, MB đạt được những bước tiến lớn trong việc củng cố hệ thống quản lý, hoàn thiện tổ chức, xây dựng chiến lược và tăng năng lực quản lý điều hành.

Since its establishment, MB has been one of leading commercial joint-stock banks in Vietnam. MB does not only serve as a bank but also grows to a financial group that is armed by effectively operated member firms. MB has achieved and maintained the on-going trust from customers, partners and investors with its sustainable development and high growth rate. The financial indicators have continuously increased highly in recent years. Along with business growth, MB took great strides on affirming management system, completing organization, making strategy and enhancing management capability.

Năm 2014, MB đã hoàn thành tốt kế hoạch, đảm bảo tăng trưởng ở tất cả các chỉ tiêu. Tính đến ngày 31/12/2014, lợi nhuận trước thuế ước đạt khoảng 3.003 tỷ đồng, huy động vốn tăng 22%, tổng dư nợ tăng 15,7% so với năm 2013 và vượt kế hoạch đề ra cho năm 2014. Trong năm qua, mặc dù bối cảnh kinh tế và ngành ngân hàng còn gặp nhiều khó khăn nhưng MB đã kiểm soát tốt tỷ lệ nợ xấu ở mức 2,73%. MB cũng làm tốt công tác phát triển mạng lưới với việc phát triển mới 23 điểm giao dịch trên toàn quốc. Đặc biệt, MB đã chính thức khai trương Sở giao dịch 2 tại TP. Hồ Chí Minh vào tháng 9/2014.

In 2014, MB successfully completed the plans and ensured growth in all indicators. As of December 31, 2014, the profit before tax was estimated at about VND 3,003 billion, deposit grew by 22%, total outstanding loans increased by 15.7% compared to 2013 and exceeded the plan for 2014. Last year, although the economic context and the banking industry still faced many difficulties, MB had a good control of bad debt ratio at 2.73%. MB also had a good performance in network development with the development of 23 new transaction offices nationwide. Especially, MB officially opened its second transaction center in Ho Chi Minh city in September 2014.

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ / MINH PHU SEAFOOD CORPORATION

Địa chỉ: KCN Phường 8 - Phường 8 - TP. Cà Mau - Tỉnh Cà Mau
 Tel/Fax: 0780-3839391 / 0780-3668795
 Email: minhphu@minhphu.com
 Website: www.minhphu.com
 Thứ hạng BXH VNR500 (2015): 65 (Bảng 1); 13 (Bảng 2)
 MST: 2000393273

Address: Ward 8 Industrial Park - Ward 8 - Ca Mau City - Ca Mau Province
 Tel/Fax: 0780-3839391 / 0780-3668795
 Email: minhphu@minhphu.com
 Website: www.minhphu.com
 Ranking in VNR500 (2015): 65 (List 1); 13 (List 2)
 Tax Code: 2000393273

Sau 23 năm không ngừng phát triển, đến nay Công ty CP tập đoàn thủy sản Minh Phú trở thành một Tập đoàn Thủy sản có kim ngạch xuất khẩu thủy sản lớn nhất cả nước và có tầm cỡ trong khu vực và trên thế giới. Minh Phú không chỉ xây dựng mạng lưới tiêu thụ trên khắp cả nước mà còn mở rộng ra các thị trường lớn trên thế giới như Mỹ, Canada, EU, Úc. Bên cạnh đó, công ty là doanh nghiệp thủy sản đầu tiên trong nước được công nhận tiêu chuẩn Global Gap (thực hành sản xuất nông nghiệp tốt theo tiêu chuẩn toàn cầu) về nuôi trồng và chế biến tôm xuất khẩu. Lợi thế đó đã giúp công ty chú trọng đầu tư công nghệ, mở rộng hoạt động, nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng thị phần cũng như thương hiệu trên thị trường nội địa và quốc tế.

After 23 years of continuous development, Minh Phu Seafood Corporation has become one of leading seafood corporations with largest seafood export revenue nationwide as well as in the region and all over the world. Minh Phu Seafood Corporation has not only developed the consumption network across the country but also expanded into major markets in the world such as USA, Canada, EU and Australia. Besides, the Company is Vietnam's first fishery enterprise recognized with Global GAP standards (Global Good Agriculture Practice) on farming and processing shrimp for exports. That advantage has helped the Company focus on investing in technology, expanding operation, improving product quality, expanding market share and brand in the domestic and international market.

Thành công nổi bật nhất của Minh Phú trong năm 2014 là vẫn tiếp tục là một trong những công ty xuất khẩu tôm hàng đầu của Việt Nam và thế giới. Kim ngạch xuất khẩu tôm của Minh Phú chiếm khoảng 18,8% kim ngạch xuất khẩu tôm của cả nước. Trong bối cảnh kinh tế khó khăn và còn nhiều bất ổn, Minh Phú vẫn phát triển và tăng trưởng hơn 35,8% về doanh thu và 40% về kim ngạch xuất khẩu. Đặc biệt, lợi nhuận sau thuế đạt 921 tỷ đồng, gấp 3,1 lần năm trước.

The most striking success of Minh Phu in 2014 was that the company continued to be one of the leading shrimp exporters in Vietnam and the world. Minh Phu's shrimp export turnover accounted for 18.8% of the country's turnover. In the unstable and difficult economic context, Minh Phu developed and grew by over 35.8% of revenues and 40% of exports. In particular, the profit after tax was VND 921 billion, as much as 3.1 times that of the previous year.

CÔNG TY CP HÙNG VƯƠNG / HUNG VUONG CORPORATION

Địa chỉ: Lô 44 KCN Mỹ Tho - Xã Trung An - TP. Mỹ Tho - Tỉnh Tiền Giang
 Tel/Fax: 073-3854245 / 073-3854248
 Email: info@hungvuongpanga.com
 Website: www.hungvuongpanga.com
 Thứ hạng BXH VNR500 (2015): 66 (Bảng 1); 14 (Bảng 2)
 MST: 1200507529

Address: Lot 44 My Tho Industrial Park - Trung An Commune - My Tho City - Tien Giang Province
 Tel/Fax: 073-3854245 / 073-3854248
 Email: info@hungvuongpanga.com
 Website: www.hungvuongpanga.com
 Ranking in VNR500 (2015): 66 (List 1); 14 (List 2)
 Tax Code: 1200507529

Sau hơn 12 năm hoạt động, Hùng Vương tự hào là doanh nghiệp chế biến cá da trơn xuất khẩu lớn nhất Việt Nam và là doanh nghiệp duy nhất có quy trình sản xuất khép kín từ sản xuất thức ăn chăn nuôi, nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu cá tra, basa lớn nhất Việt Nam và cũng là đơn vị dẫn đầu kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này của Việt Nam. Công ty hiện có 8 nhà máy chế biến thủy sản đáp ứng đầy đủ các điều kiện xuất khẩu vào EU. Với những lợi thế từ công nghệ, quy mô hoạt động của công ty ngày càng được mở rộng, thương hiệu ngày càng phát triển và có vị thế trên cả thị trường trong và ngoài nước. Hiện nay, công ty đang hướng tới trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực xuất khẩu thủy sản tại Việt Nam. Năm 2014, cơ cấu thị trường của Hùng Vương có sự dịch chuyển mạnh mẽ, đặc biệt ở khu vực Châu Âu. Nếu như năm 2013, thị trường này chỉ đạt kim ngạch xuất khẩu 18,7 triệu USD (chiếm 9% trong tổng kim ngạch năm 2013) sang năm 2014, kim ngạch xuất khẩu ở Châu Âu đã tăng gấp 3 lần, chiếm tỷ trọng 26% - lớn nhất trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Hùng Vương.

After nearly 12 years in operation, Hung Vuong JSC is proud to be Vietnam's biggest pangasius exporter and the only one having the largest closed production system from producing breed, feeding to raising farm, processing, cold store, and exporting pangasius in Vietnam. The company is also Vietnam's leader in terms of pangasius exports. The company now has 8 seafood processing plants, which meet the requirements to export to the EU market. With the technological advantages, the company is now expanding its scale, promoting its brand and proving its position in the domestic and international market. Currently, Hung Vuong JSC is tending to become the top exporter of fishery in Vietnam. By 2014, the market structure of Hung Vuong witnessed a strong shift, especially in the Eurozone. If as 2013, exports to this market was only USD 18.7 million (representing 9% of total turnover in 2013) to 2014, exports in Europe increased 3 times, accounting for 26% - the largest proportion in the total export turnover of Hung Vuong.

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN HOA SEN / HOA SEN GROUP

Địa chỉ: Số 9 Đại lộ Thống Nhất - KCN Sóng Thần 2 - Phường Dĩ An - Thị xã Dĩ An - Tỉnh Bình Dương
 Tel/Fax: 0650-3790955 / 0650-3790888
 Email: sales@hoasengroup.vn
 Website: www.hoasengroup.vn
 Thứ hạng BXH VNR500 (2015): 68 (Bảng 1); 16 (Bảng 2)
 MST: 3700381324

Address: No. 9 Thong Nhat Boulevard - Song Than 2 Industrial Park - Di An Ward - Di An Town - Binh Duong Province
 Tel/Fax: 0650-3790955 / 0650-3790888
 Email: sales@hoasengroup.vn
 Website: www.hoasengroup.vn
 Ranking in VNR500 (2015): 68 (List 1); 16 (List 2)
 Tax Code: 3700381324

Hiện nay, Tập đoàn Hoa Sen đã trở thành nhà sản xuất tôn số 1 Đông Nam Á. Với quy trình sản xuất tôn – thép của Tập đoàn Hoa Sen khép kín, từng giai đoạn của quá trình sản xuất đều được theo dõi chặt chẽ, theo đó, tất cả các sản phẩm của Hoa Sen đều đạt chất lượng cao, đáp ứng tốt nhu cầu đa dạng của thị trường. Không những thế, Tập đoàn còn có thể chủ động điều tiết và kiểm soát chặt chẽ chi phí từng khâu trong quá trình, giúp tối thiểu hóa chi phí và đạt được hiệu quả kinh tế theo phạm vi. Đây là cơ sở để Tập đoàn Hoa Sen thực thi chiến lược dẫn đầu thị trường dựa vào chi phí sản xuất kinh doanh thấp nhất. Thông qua hệ thống 150 chi nhánh phân phối – bán lẻ trên toàn quốc, các sản phẩm chất lượng cao của Hoa Sen được đưa đến tận tay người tiêu dùng. Trong giai đoạn nền kinh tế có nhiều biến động, hệ thống chi nhánh phân phối – bán lẻ càng phát huy vai trò chiến lược khi Tập đoàn có thể linh hoạt trong các chính sách bán hàng để đảm bảo duy trì dòng tiền, giúp Tập đoàn nhanh chóng ổn định tình hình SXKD khi gặp điều kiện không thuận lợi.

Currently, Hoa Sen Group has become the No. 1 manufacturer of corrugated in the Southeast Asia. With close production process of steel sheet of Hoa Sen Group, each stage of the production process is closely monitored, whereby, all the Hoa Sen products are high quality and meet the diversified needs of the market. Moreover, the Group can actively regulate and strictly control costs at every stage of the process, minimize costs and achieve economies of scope. This is the basis for the Group to enforce market-leading strategy based on the lowest business production costs. Throughout a system of 150 distribution–retail branches across the country, high-quality products of Hoa Sen are delivered directly to consumers. In the context of volatile economy, the system of distribution-retail promotes the strategic role in making flexible sales policies to maintain cash flow, helping the Group quickly stabilize business in unfavorable conditions.

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG (VP BANK) / VIETNAM PROSPERITY JOINT STOCK COMMERCIAL BANK

Địa chỉ: Tầng 1 - 7 - tòa nhà Thủ Đô - 72 Trần Hưng Đạo - Phường Trần Hưng Đạo - Quận Hoàn Kiếm - TP. Hà Nội
 Tel/Fax: 04-39288869 / 04-39288867
 Email: customercare@vpb.com.vn
 Website: http://www.vpb.com.vn
 Thứ hạng BXH VNR500 (2015): 71 (Bảng 1); 18 (Bảng 2)
 MST: 0100233583

Address: Floor 1 - 7 - Capital Tower - 72 Tran Hung Dao - Tran Hung Dao Ward - Hoan Kiem District - Hanoi
 Tel/Fax: 04-39288869 / 04-39288867
 Email: customercare@vpb.com.vn
 Website: http://www.vpb.com.vn
 Ranking in VNR500 (2015): 71 (List 1); 18 (List 2)
 Tax Code: 0100233583

Sau 21 năm hoạt động, VPBank đã nâng vốn điều lệ lên 6.347 tỷ đồng, phát triển mạng lưới lên hơn 200 điểm giao dịch, với đội ngũ trên 7.000 cán bộ nhân viên. Năm 2014, VPBank đạt 1.609 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tăng 19% so với cùng kỳ năm 2013, lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 1.254 tỷ đồng, tăng 23%. Tổng chi phí dự phòng trong năm 2014 của VPBank là 979 tỷ đồng. Ở mảng huy động tiền gửi, con số VPBank đã huy động tăng 29% và lần đầu tiên vượt mốc 100.000 tỷ đồng (đạt 108.354 tỷ đồng, tăng ròng 24.510 tỷ so với năm 2013). Để có được những con số ấn tượng trên, VPBank đã lựa chọn hai phân khúc trọng tâm là: Khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp nhỏ và vừa. Hai phân khúc này đã có sự tăng trưởng ấn tượng về quy mô huy động vốn và cho vay trong năm 2014, tạo tiền đề cho các mảng khác của VPBank đạt kết quả tốt về doanh thu và lợi nhuận.

After 21 years of establishment and development, VPBank raised its charter capital to VND 6,347 billion, developed operation network with more than 200 transaction offices and a workforce of more than 7,000 employees. In 2014, VPBank reached VND 1,609 billion profit before tax, an increase of 19% over the same period in 2013, profit after tax reached VND 1,254 billion, up 23%. Total provision expense in 2014 of VPBank was VND 979 billion. In the deposit segment, mobilization of VPBank increased by 29% and the first time surpassed VND 100.000 billion (reached VND 108,354 billion, a net increase of VND 24,510 billion compared with 2013). To achieve these impressive figures above, VPBank selected two target segments, those are: Personal customers and small and medium-sized enterprises. These two segments had impressive growth in scale of mobilization and lending in 2014, creating premises for other segments of VPBank to achieve good results in terms of revenue and profits.

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ PRUDENTIAL VIỆT NAM / PRUDENTIAL VIETNAM ASSURANCE PRIVATE LIMITED

Địa chỉ: Tầng 25 Saigon Trade Center - 37 Tôn Đức Thắng - Phường Bến Nghé - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh
 Tel/Fax: 08-39101660 / 08-39100899
 Email: customer.service@prudential.com.vn
 Website: www.prudential.com.vn
 Thứ hạng BXH VNR500 (2015): 74 (Bảng 1)
 MST: 0301840443

Address: Floor 25 Saigon Trade Center - 37 Ton Duc Thang - Ben Nghe Ward - District 1 - Ho Chi Minh City
 Tel/Fax: 08-39101660 / 08-39100899
 Email: customer.service@prudential.com.vn
 Website: www.prudential.com.vn
 Ranking in VNR500 (2015): 74 (List 1)
 Tax Code: 0301840443

Sau gần 20 năm hoạt động, Prudential Việt Nam được đánh giá là một trong những doanh nghiệp nước ngoài hàng đầu trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nhân thọ tại Việt Nam. Hiện tại, kênh giao dịch giữa khách hàng và Prudential đã được mở rộng tại khắp 63 tỉnh thành trên toàn quốc với trên 230 trung tâm phục vụ khách hàng, văn phòng chi nhánh, văn phòng Tổng đại lý cùng sự phục vụ chuyên nghiệp và tận tâm của mạng lưới nhân viên và tư vấn viên lớn nhất Việt Nam. Là một thị trường quan trọng của Prudential tại châu Á, Prudential Việt Nam trong năm qua tự hào có những đóng góp quan trọng cho tập đoàn cũng như cho thị trường bảo hiểm nhân thọ Việt Nam. Năm 2014 ghi nhận những kết quả kinh doanh xuất sắc của tập đoàn nói chung, và Prudential Việt Nam nói riêng, dẫn đầu thị trường về tổng doanh thu phí bảo hiểm (32,85%), dẫn đầu thị phần doanh thu phí bảo hiểm khai thác mới (24,6%), chỉ qua 9 tháng đầu năm tiếp tục hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kinh doanh với doanh thu phí mới đạt 1.431 tỷ đồng tổng doanh thu phí đạt mức kỷ lục với 6.204 tỷ đồng.

After nearly 20 years, Prudential Vietnam is rated one of the leading foreign companies in the field of life insurance business in Vietnam. Currently, transactions between customer channels and Prudential was extended across 63 cities nationwide with more than 230 customer service centers, branch offices, general agent offices and professional service dedicated network of staffs and consultants in Vietnam. As an important market of Prudential in Asia, Prudential Vietnam in the past years also has made important contribution to the Group as well as the life insurance market in Vietnam. 2014 is the year recognizing outstanding business results of the Group in general, and Prudential Vietnam in particular, leading the market in terms of gross premium revenue (32.85%), leading the market share of new exploitation insurance (24.6%), spending only 9 months to excellently achieve business targets with new fee income of VND 1,431 billion. Its gross premium revenue reached a record number of VND 6,204 billion.

TỔNG CÔNG TY TÍN NGHĨA CÔNG TY TNHH / TIN NGHIA CORPORATION

Địa chỉ: 96 Hà Huy Giáp - Phường Quyết Thắng - TP. Biên Hòa - Tỉnh Đồng Nai
 Tel/Fax: 061-3822486 / 061-3823747
 Email: info@tinnghiacorp.com.vn
 Website: http://www.tinnghiacorp.com.vn/
 Thứ hạng BXH VNR500 (2015): 76 (Bảng 1)
 MST: 3600283394

Address: 96 Ha Huy Giap - Quyet Thang Ward - Bien Hoa City - Dong Nai Province
 Tel/Fax: 061-3822486 / 061-3823747
 Email: info@tinnghiacorp.com.vn
 Website: http://www.tinnghiacorp.com.vn/
 Ranking in VNR500 (2015): 76 (List 1)
 Tax Code: 3600283394

Tổng công ty Tín Nghĩa hoạt động kinh doanh tập trung vào 4 ngành nghề chính: Kinh doanh chế biến nông sản, kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ logistic, đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN. Về lĩnh vực chế biến nông sản, việc kinh doanh xuất nhập khẩu cà phê nhân đã góp phần lớn trong việc tạo doanh thu, lợi nhuận cho doanh nghiệp. Mùa vụ 2014, Tổng công ty Tín Nghĩa đạt sản lượng cà phê xuất khẩu 111,5 tấn, kim ngạch đạt 220 triệu USD. Về lĩnh vực KCN, đến nay, TCT đầu tư kinh doanh 8 KCN với tổng diện tích đạt trên 3.500 ha, thu hút gần 200 nhà đầu tư trong và ngoài nước với số vốn đầu tư hơn 4 tỷ USD. Các KCN Tín Nghĩa được các nhà đầu tư đánh giá cao về cơ sở hạ tầng và chính sách hỗ trợ pháp lý, giải quyết việc làm cho hơn 53.000 lao động. Về lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, TCT có trên 41 trạm xăng dầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai với sản lượng tiêu thụ hàng năm trên 200 triệu lít xăng dầu và trên 2.000 tấn gas đốt. Về lĩnh vực dịch vụ kho cảng, Tín Nghĩa có hệ thống kho bao gồm 06 kho ngoại quan và 07 kho thường đặt tại ICD Biên Hòa với tổng diện tích 15.000 m², chi nhánh ICD Biên Hòa tại KCN Nhơn Trạch 3 với diện tích 10.800 m² và ICD Đồng Nai với tổng diện tích 85.000 m² với cơ sở hạ tầng tốt đảm bảo cung cấp đầy đủ dịch vụ đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Về lĩnh vực kinh doanh dịch vụ du lịch, khách sạn, TCT cũng đạt được những kết quả đáng kể.

Tin Nghia Corporation's business activities focus on four main sectors: agro-processing trading, petroleum trading, logistics services trading, industrial zone infrastructure investment trading. In the field of agro-processing, the import and export of coffee is a major contributor in generating revenues and profits for the business. In the season of 2014, Tin Nghia Corporation's coffee export output reached 111.5 tons, export turnover reached USD 220 million. Regarding to industrial zone, up to now, TCT has invested 8 industrial zones with a total area of 3,500 hectares over, attracted nearly 200 domestic and foreign investors with capital investment of more than USD 4 billion. Tin Nghia Industrial Zones are appreciated about infrastructure and legal support policies by investors, employment support for more than 53,000 workers. In the field of oil and gas trading, TCT has over 41 petrol stations in Dong Nai province with an annual sales volume of over 200 million liters of fuel and 2,000 tons of gas. Regarding to the warehouse and port services, Tin Nghia has warehouse system including 06 bonded warehouses and 07 normal warehouses located in ICD Bien Hoa with a total area of 15,000-m², ICD Bien Hoa branch in Nhon Trach 3 Industrial Park with an area of 10,800-m² and ICD Dong Nai with a total area of 85,000 m² with good infrastructure ensure adequate services to meet the needs of customers. In the field of travel services trading, hotels, TCT also achieved significant results.

CÔNG TY CP GREENFEED VIỆT NAM / GREENFEED VIETNAM CORPORATION

Địa chỉ: Xã Nhứt Chánh - Huyện Bến Lức - Tỉnh Long An
Tel/Fax: 072-3632881 / 072-3633374
Email: NA
Website: <http://www.greenfeed.com.vn>
Thứ hạng BXH VNR500 (2015): 98 (Bảng 1)
MST: 1100598642

Address: Nhut Chanh Commune - Ben Luc District - Long An Province
Tel/Fax: 072-3632881 / 072-3633374
Email: NA
Website: <http://www.greenfeed.com.vn>
Ranking in VNR500 (2015): 98 (List 1)
Tax Code: 1100598642

Công ty CP GreenFeed Việt Nam được đánh giá là một trong những công ty hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất thức ăn gia súc, thủy sản. Đầu tư trên 80 triệu USD với dây chuyền sản xuất hiện đại, GreenFeed luôn được khách hàng chăn nuôi và đại lý phân phối đánh giá cao, luôn đặt niềm tin vào hoạt động kinh doanh với tên gọi thức ăn "5 sao". Với trang thiết bị hiện đại, đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, thương hiệu GreenFeed phát triển rộng rãi khắp mọi miền đất nước và sang cả nước láng giềng Campuchia. Với quyết tâm theo đuổi giải pháp chuỗi thực phẩm an toàn vì sức khỏe cộng đồng, trong những năm tiếp theo, GreenFeed đang liên kết xây dựng trung tâm giết mổ và liên doanh công ty chế biến thực phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu thực phẩm sạch và tạo đầu ra cho bà con chăn nuôi nhằm nâng cao giá trị dịch vụ khách hàng của GreenFeed.

GreenFeed Vietnam JSC is evaluated as one of the leading companies in the field of production animal and aquatic feed. Investing over USD 80 million for modern production lines, Greenfeed has always been highly appreciated by customers and dealers, put their trust in businesses activity with the feed named "5 stars". With modern equipment, professional staff, GreenFeed trademark has developed nationwide and even spread to Cambodia. With determination to pursue safety food chain for community health solution, in the next years, GreenFeed is cooperating to build slaughtering center and joint venture company for food processing to meet the fresh food demand, create output for livestock farmers, and enhance the value of GreenFeed's customer services.

TỔNG CÔNG TY ĐÔNG BẮC / DONG BAC CORPORATION

Địa chỉ: Phường Hồng Hải - TP. Hạ Long - Tỉnh Quảng Ninh
Tel/Fax: 033-3836336 / 033-3835773
Email: tctdongbac@gmail.com
Website: <http://tongcongydongbac.com.vn>
Thứ hạng BXH VNR500 (2015): 114 (Bảng 1)
MST: 5700101468

Address: Hong Hai Ward - Ha Long City - Quang Ninh Province
Tel/Fax: 033-3836336 / 033-3835773
Email: tctdongbac@gmail.com
Website: <http://tongcongydongbac.com.vn>
Ranking in VNR500 (2015): 114 (List 1)
Tax Code: 5700101468

Sau hơn 20 năm hoạt động, Tổng công ty Đông Bắc được đánh giá là 1 doanh nghiệp kinh tế hoạt động hiệu quả trực thuộc Bộ Quốc Phòng. Hiện tại, doanh nghiệp có 17 Công ty thành viên, 2 phân đội trực thuộc, 14 Phòng, Ban nghiệp vụ, 01 Trung tâm; 01 Chi nhánh và 01 Văn phòng đại diện. Công ty có lợi thế là trang thiết bị và công nghệ hiện đại, luôn ứng dụng khoa học kỹ thuật mới nhất, nhờ đó sản lượng khai thác, chế biến của Công ty không ngừng nâng cao. Bình quân sản lượng khai thác đạt con số xấp xỉ 5 triệu tấn/năm; là đơn vị luôn đứng top đầu quốc gia về khai thác than, chiếm 10% sản lượng than của toàn quốc.

After about 20 years of development, Dong Bac One Member Limited Liability Corporation has been appreciated as an effective enterprise under Ministry of National Defense. At present, the corporation has 17 member units, 2 affiliated teams, 14 departments, 01 center, 01 branch and 01 representative office. The company has advantage of modern facilities and technology. Thanks to constantly updating latest technology, the company's mining and processing output has increased year over year. The company's annual output is approximately 5 million tons, making up 10% coal output of the country.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN / SAIGON GENERAL SERVICE CORPORATION

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Phường Nguyễn Thái Bình - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh
 Tel/Fax: 08-38213913 / 08-38213553
 Email: savico@savico.com.vn
 Website: www.savico.com.vn
 Thứ hạng BXH VNR500 (2015): 115 (Bảng 1); 33 (Bảng 2)
 MST: 0301154821

Address: 68 Nam Ky Khoi Nghia - Nguyen Thai Binh Ward - District 1 - Ho Chi Minh City
 Tel/Fax: 08-38213913 / 08-38213553
 Email: savico@savico.com.vn
 Website: www.savico.com.vn
 Ranking in VNR500 (2015): 115 (List 1); 33 (List 2)
 Tax Code: 0301154821

Hơn 33 năm xây dựng và phát triển, Công ty CP Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn (SAVICO) với sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi chính là nền tảng cho những sáng tạo, đột phá, tăng trưởng bền vững và khẳng định vị thế SAVICO trên thị trường. Chiến lược kinh doanh của công ty luôn xác định và phát triển trên 3 lĩnh vực: Dịch vụ thương mại, dịch vụ bất động sản và dịch vụ tài chính, trong đó dịch vụ thương mại là then chốt. Hiện nay SAVICO tập trung phát triển và mở rộng chuỗi dịch vụ ô tô, xe gắn máy và hợp tác với các thương hiệu lớn như: Toyota, Ford, GM, Hyundai, Suzuki, Yamaha, v.v. Lượng xe tiêu thụ của toàn hệ thống ô tô SAVICO tăng trưởng qua các năm.

Trong giai đoạn 2015-2020, Savico để ra mục tiêu giữ vững vị thế là nhà phân phối ô tô số 1 tại Việt Nam, với lượng xe tiêu thụ toàn hệ thống chiếm từ 11%-12% thị phần VAMA, hoặc chiếm 10% tổng thị trường ô tô Việt Nam. Ngoài ra, công ty còn phát triển lĩnh vực dịch vụ ô tô, cùng các dịch vụ gia tăng tiện ích cho khách hàng. Lợi nhuận gộp dịch vụ đủ bù đắp 100% chi phí hoạt động của bộ phận dịch vụ và chi phí quản lý doanh nghiệp. Đồng thời, Savico cũng tập trung nâng cao hiệu quả đầu tư với mức sinh lời trên vốn của sở hữu (ROE) đạt từ 17%-20%/năm.

With more than 33 years of construction and development, Saigon General Service JSC (SAVICO)'s mission, vision and core values are the foundation for the company's innovation, breakthroughs and sustainable growth that confirm SAVICO's position in the market. The company's business strategy has been identified and developed on three areas: commercial services, real estate services and financial services in which commercial service is the key one. Currently, SAVICO has been focusing on developing and expanding cars and motorcycle service chain, and cooperation with major brands such as Toyota, Ford, GM, Hyundai, Suzuki and Yamaha, etc. The amount of consumption of the whole SAVICO's car systems has grown over the years.

In the period 2015-2020, Savico targets to maintain its position as the No. 1 automotive distributor in Vietnam, with the sales of the whole system achieving 11%-12% of VAMA market share, or about 10% of Vietnam's automobile market. In addition, the company also develops the field of automotive services, with value-added services provided to customers. Gross profit from services is targeted to be enough to offset 100% of operating costs of the service department and corporate management costs. Simultaneously, Savico also focuses on improving investment efficiency with annual Return on Equity of 17%-20%.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 4 – CTEP / CIVIL ENGINEERING CONSTRUCTION CORPORATION NO. 4 – JSC

Địa chỉ: Tòa nhà ICON4 - số 243A Đường Đê La Thành - Phường Láng Thượng - Quận Đống Đa - TP. Hà Nội
 Tel/Fax: 04-36420371 / 04-36812175
 Email: info@cienco4.vn
 Website: www.cienco4.vn; www.cienco4.com
 Thứ hạng BXH VNR500 (2015): 143 (Bảng 1); 40 (Bảng 2)
 MST: 2900324850

Address: ICON4 Building - No. 243A De La Thanh Road - Lang Thuong Ward - Dong Da District - Hanoi
 Tel/Fax: 04-36420371 / 04-36812175
 Email: info@cienco4.vn
 Website: www.cienco4.vn; www.cienco4.com
 Ranking in VNR500 (2015): 143 (List 1); 40 (List 2)
 Tax Code: 2900324850

Qua quá trình phát triển, Cienco4 đã xây dựng đội ngũ CB CNV được tôi luyện trong chiến đấu và trong xây dựng kinh tế, đội ngũ cán bộ được đào tạo trong nước và nước ngoài, tích lũy được kiến thức về quản lý và tổ chức sản xuất góp phần thực hiện sự nghiệp đổi mới và phát triển của Cienco4. Từ ngày thành lập đến nay, Cienco4 đã khắc phục khó khăn về vốn và thiết bị công nghệ, tích cực tìm kiếm thị trường, chủ động đầu tư công nghệ hiện đại, liên doanh với các nhà thầu, nhà đầu tư có kinh nghiệm và năng lực trong và ngoài nước. Nhờ đó, hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng hiệu quả. Đồng thời, Cienco4 cũng hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, tạo đủ việc làm cho người lao động, từng bước nâng cao đời sống của CB CNV. Cienco4 đã trở thành đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực xây dựng hạ tầng giao thông, góp phần tích cực vào tăng trưởng kinh tế của ngành.

Through the development process, Cienco 4 has built their staff who were forged in battle and in economic construction, trained in the country and abroad and amassed knowledge about management and manufacturing organization that has contributed to the innovation and development of Cienco4. Since its establishment, Cienco4 has overcome difficulties in capital and technology equipment, actively sought for markets and invested in modern technology and become joint venture with both domestic and international experienced contractors and investors. Thus, production and business operations were more and more efficiently. Simultaneously, Cienco4 also fulfilled the obligation of state budget contribution, created enough jobs for labors and gradually improved the lives of the staff. Cienco4 has become the leading enterprise in the field of transportation infrastructure construction, contributing positively to the economic growth of the sector.

CÔNG TY CP ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI / QUANG NGAI SUGAR JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: 02 Nguyễn Chí Thanh - KCN Quảng Phú - Phường Quảng Phú - TP. Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi
 Tel/Fax: 055-3726110 / 055-3822843
 Email: info@qns.com.vn
 Website: www.qns.com.vn
 Thứ hạng BXH VNR500 (2015): 148 (Bảng 1); 41 (Bảng 2)
 MST: 4300205943

Address: 02 Nguyen Chi Thanh - Quang Phu Industrial Park - Quang Phu Ward - Quang Ngai City - Quang Ngai Province
 Tel/Fax: 055-3726110 / 055-3822843
 Email: info@qns.com.vn
 Website: www.qns.com.vn
 Ranking in VNR500 (2015): 148 (List 1); 41 (List 2)
 Tax Code: 4300205943

Với 16 nhà máy, xí nghiệp và hơn 60 loại sản phẩm, công ty được đánh giá là một trong những doanh nghiệp lớn thuộc ngành công nghiệp chế biến thực phẩm và đồ uống của tỉnh Quảng Ngãi với giá trị sản xuất công nghiệp chiếm khoảng 2/3 giá trị sản xuất của toàn tỉnh. Đồng thời, công ty là một trong những trung tâm chế biến đường và các sản phẩm sau đường lớn trong cả nước. Công ty được cấp giấy chứng chỉ hệ thống quản lý ISO 9002 của các tổ chức QUACERT, BVQI và tiêu chuẩn HACCP. Do đó, các sản phẩm của công ty càng được củng cố trên thị trường trong và ngoài nước. Từ khi chuyển đổi sang mô hình CP hóa, đến nay, công ty luôn duy trì tốc độ tăng trưởng cao và ổn định.

With 16 factories and over 60 kinds of products, Quang Ngai Sugar Jsc. is a large enterprise in Quang Ngai's food and beverages processing industry, accounts for about 2/3 of the whole province's total production value. Additionally, it is one of the leading processing centers of sugar and sugar products around the country. The company received the certificate of ISO 9002 standard quality management system of organizations QUACERT, BVQI and HACCP standard. Therefore, the prestige of this company's products is more and more improved in both domestic and foreign market. Since its equalization, the company has been continuously keeping its high and stable growth rate.

Năm 2014, Công ty vinh dự đón nhận Huân chương Độc lập hạng II của Nhà nước. Tổng Giám đốc công ty được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng II.

In 2014, Company was honored to receive the second class Independence Medal of the State. General Director was also awarded the second class Labour Order by the State President.

CÔNG TY CP PHÂN BÓN BÌNH ĐIỂN / BINH DIEN FERTILIZER JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: C12/21 Quốc Lộ 1A - Xã Tân Kiên - Huyện Bình Chánh - TP. Hồ Chí Minh
 Tel/Fax: 08-37561191 / 08-38770278
 Email: phanbon@binhdien.com
 Website: www.binhdien.com
 Thứ hạng BXH VNR500 (2015): 154 (Bảng 1)
 MST: 0302975517

Address: C12/21 National Route 1A - Tan Kien Commune - Binh Chanh District - Ho Chi Minh City
 Tel/Fax: 08-37561191 / 08-38770278
 Email: phanbon@binhdien.com
 Website: www.binhdien.com
 Ranking in VNR500 (2015): 154 (List 1)
 Tax Code: 0302975517

Sau hơn 40 năm thành lập và phát triển, đến nay, Công ty Bình Điền với thương hiệu "Phân bón Đầu Trâu" trở thành một trong những doanh nghiệp dẫn đầu ngành sản xuất phân bón của cả nước về năng suất, tham gia bình ổn thị trường phân bón trong nước. Thị trường của công ty những ngày mới thành lập chỉ tập trung ở một vài tỉnh, nay đã mở rộng ra không những cả nước mà còn là nhà sản xuất phân bón Việt Nam tiên phong tham gia vào thị trường một số nước lân cận như Campuchia, Myanmar, Thái Lan, Lào với kim ngạch xuất khẩu trên 50 triệu USD/năm. Năm 2014 là một năm khá thành công với Công ty CP phân bón Bình Điền. Điều này thể hiện qua sản lượng sản xuất 670.213 tấn, đạt 104,39% kế hoạch; giá trị sản xuất công nghiệp đạt gần 2.045 tỉ đồng. Tổng doanh thu đạt 6.426 tỉ đồng, đạt 96,78% kế hoạch; lợi nhuận trước thuế đạt 367 tỉ đồng. Đặc biệt, thu nhập bình quân của người lao động đạt mức 12,8 triệu đồng/người/tháng.

After more than 40 years of formation and development, up to now, Binh Dien company with trademark of "Dau Trau Fertilizer" has become one of leading enterprises in manufacturing fertilizer in Vietnam in terms of capacity, contributed to stabilizing national fertilizer market. The company's market at the beginning days of foundation only focused on some provinces, now, is expanded nationwide. Moreover, the company is the first fertilizer manufacturer in Vietnam entering neighboring markets such as Cambodia, Myanmar, Thailand, Laos with export turnover of more than USD 50 million/year. 2014 was quite successful year of the company. That was shown through the production output of 670,213 tons, reached 104.39% of plan; industrial production value reached nearly VND 2,045 billion. Total revenue was VND 6,426 billion, reached 96.78% of the plan; profit before tax was VND 367 billion. Especially, the average income of workers was VND 12.8 million per worker per month.

CÔNG TY CP ĐẠI TÂN VIỆT / NEW VIET DAIRY JSC

Địa chỉ: 145 Tôn Thất Đạm - Phường Bến Nghé - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh
 Tel/Fax: 08-62883535 / 08-62883536
 Email: info@newviet.net
 Website: http://www.newviet.net
 Thứ hạng BXH VNR500 (2015): 159 (Bảng 1); 48 (Bảng 2)
 MST: 0302505776

Đại Tân Việt là công ty hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực nhập khẩu, phân phối thực phẩm, nguyên liệu làm từ sữa và các loại thực phẩm khác với các nhãn hiệu nổi tiếng thế giới như: Heinz, Paysan Breton, Tatum, Even, Fromagio, Daisy, v.v. Công ty có mạng lưới phân phối rộng khắp và có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực phân phối độc quyền của các hãng nổi tiếng. Với việc phát triển và mở rộng quy mô mạnh mẽ, công ty vinh dự nằm trong Top 300 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam và nhận được nhiều giải thưởng do Nhà nước trao tặng và các giải thưởng có uy tín khác.

Address: 145 Ton That Dam - Ben Nghe Ward - District 1 - Ho Chi Minh City
 Tel/Fax: 08-62883535 / 08-62883536
 Email: info@newviet.net
 Website: http://www.newviet.net
 Ranking in VNR500 (2015): 159 (List 1); 48 (List 2)
 Tax Code: 0302505776

New Viet Dairy is the leading company in terms of food import and distribution, materials made from milk and other food with such famous brands in the world such as: Heinz, Paysan Breton, Tatum, Even, Fromagio and Daisy, etc. The company has broad distribution network and intensive experience in exclusive distribution of famous brands. With strong development and expansion of scale, the company have great honor to be listed in Top 300 largest companies in Vietnam and was given many awards by the State and other noble awards.

TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ / PETROVIETNAM TRANSPORTATION CORPORATION

Địa chỉ: Tầng 2 Tòa nhà PVFCCo - 43 Mạc Đình Chi - Phường Đakao - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh
 Tel/Fax: 08-39111301 / 08-39111300
 Email: info@pvtrans.com
 Website: http://www.pvtrans.com
 Thứ hạng BXH VNR500 (2015): 182 (Bảng 1)
 MST: 0302743192

PVTrans hiện là công ty duy nhất trong nước hoạt động trong lĩnh vực vận chuyển dầu thô và có khả năng vận chuyển với một số lượng lớn, có nhiệm vụ thành lập và phát triển đội tàu vận tải dầu thô, sản phẩm dầu - khí, và các loại hình kinh doanh khác để đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn của Ngành Dầu khí ở Việt Nam và trong khu vực. Khách hàng trong nước của PVTrans chủ yếu là các hợp đồng vận chuyển với Tập đoàn dầu khí Việt Nam, còn lại chủ yếu là khách hàng nước ngoài, chiếm hơn 90% doanh thu thuần của công ty, các đối tác khách hàng chính bao gồm Shell, BP, Exxon Mobil, Sietco.

Address: Floor 2 PVFCCo Tower - 43 Mac Dinh Chi - Dakao Ward - District 1 - Ho Chi Minh City
 Tel/Fax: 08-39111301 / 08-39111300
 Email: info@pvtrans.com
 Website: http://www.pvtrans.com
 Ranking in VNR500 (2015): 182 (List 1)
 Tax Code: 0302743192

PVTrans is now the one and only domestic company to operate in crude oil transportation sector and has ability to transport with a great quantity. It is entrusted to establish and develop fleet to transport crude oil, oil - gas products and other kinds of business with the aim of meeting increasingly demand of the oil and gas Industry in Vietnam and in the region. Domestic customers of PVTrans are mainly transportation contracts of Vietnam National Oil and Gas Group while foreign customers who bring more than 90% of net revenue for the company are partners such as Shell, BP, Exxon Mobil, Sietco.

CÔNG TY CP DAIKIN AIR CONDITIONING (VIETNAM) / DAIKIN AIR CONDITIONING (VIETNAM) JSC

Địa chỉ: Tầng 14 - 15 Tòa nhà Văn phòng Nam Á - Số 201 - 203 - Cách Mạng Tháng Tám - Phường 4 - Quận 3 - TP. Hồ Chí Minh
Tel/Fax: 08-62504888 / 08-62504999
Email: info@daikin.com.vn
Website: www.daikin.com.vn
Thứ hạng BXH VNR500 (2015): 183 (Bảng 1)
MST: 0301450108

Address: Floor 14 - 15 Nam A Office Building - No. 201 - 203 - Cach Mang Thang Tam - Ward 4 - District 3 - Ho Chi Minh City
Tel/Fax: 08-62504888 / 08-62504999
Email: info@daikin.com.vn
Website: www.daikin.com.vn
Ranking in VNR500 (2015): 183 (List 1)
Tax Code: 0301450108

Là thành viên của nhà sản xuất máy điều hòa không khí chuyên nghiệp Daikin tại Việt Nam, công ty cung cấp cho thị trường Việt Nam đầy sản phẩm đa dạng và phong phú về chủng loại và công suất, đáp ứng mọi nhu cầu khác nhau về điều hòa không khí, từ lĩnh vực dân dụng cho đến thương mại và công nghiệp. Bằng cách thiết lập mạng lưới trên toàn quốc, Công ty Daikin Việt Nam không chỉ phân phối sản phẩm mà còn cung cấp tất cả các dịch vụ sau bán hàng, từ tư vấn kỹ thuật đến bảo hành, sửa chữa, bảo trì cho tất cả các dòng sản phẩm phân phối trong nước.

As an affiliate of one of the world's largest manufacturers of air conditioning equipment, Daikin Industries, Ltd., Daikin Vietnam provides Vietnam market with a diverse range of product, type and capacity, meeting various needs of air conditioner, from the civil to commercial and industrial sector. By establishing its network nationwide, Daikin Vietnam offers not only sales but also all types of after sales services ranging from technical advice to repair and maintenance service for all product line up distributed within the country.

Daikin Việt Nam đặt mục tiêu tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2015 và phấn đấu là doanh nghiệp điều hòa không khí hàng đầu tại Việt Nam. Mạng lưới phân phối hàng và mạng lưới dịch vụ ngày càng được mở rộng hơn để đến gần hơn với khách hàng. Trong năm nay, Daikin Việt Nam sẽ mở chi nhánh tại Hải Phòng và Cần Thơ nhằm phục vụ thị trường ngày càng mở rộng. Daikin Việt Nam cũng sẽ tiếp tục đưa ra các dòng sản phẩm điều hòa không khí mới với công nghệ tiên tiến phù hợp với môi trường tại Việt Nam.

Daikin Vietnam aims to continue to grow strongly in 2015 and become the top manufacturer of air conditioner in Vietnam. The distribution and service network has been kept expanding to get closer to customers. This year, Daikin Vietnam plans to open branches in Hai Phong and Can Tho with a view to serving the ever-expanding market. Daikin Vietnam will continue to offer product lines with new air conditioning products with advanced technology in line with Vietnamese environment.

CÔNG TY CP TÔN ĐÔNG Á / TON DONG A CORPORATION

Địa chỉ: Số 5 Đường số 5 - KCN Sóng Thần 1 - Thị xã Dĩ An - Huyện Dĩ An - Tỉnh Bình Dương
Tel/Fax: 0650-3732575 / 0650-3790420
Email: info@tondonga.com.vn
Website: www.tondonga.com.vn
Thứ hạng BXH VNR500 (2015): 256 (Bảng 1); 90 (Bảng 2)
MST: 3700255880

Address: No. 5 Road 5 - Song Than 1 Industrial Park - Di An Town - Di An District - Binh Duong Province
Tel/Fax: 0650-3732575 / 0650-3790420
Email: info@tondonga.com.vn
Website: www.tondonga.com.vn
Ranking in VNR500 (2015): 256 (List 1); 90 (List 2)
Tax Code: 3700255880

Tôn Đông Á là đơn vị chuyên sản xuất tôn mạ kẽm, tôn mạ màu và tôn mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh) phục vụ cho ngành xây dựng công nghiệp và dân dụng. Với hai nhà máy tại Sóng Thần 1 và Thủ Dầu Một, Tôn Đông Á hiện có 2 dây chuyền mạ nhôm kẽm với công nghệ lò ủ NOF, 3 dây chuyền mạ màu, 1 dây chuyền tẩy rỉ và 1 dây chuyền cán nguội; tất cả các dây chuyền được vận hành và quản lý bởi hệ thống quản lý của Tôn Đông Á được cấp chứng chỉ ISO 9001-2008, có khả năng cung cấp sản lượng thép mạ lên đến 350.000 tấn/năm. Đến nay, Tôn Đông Á đã xây dựng và phát triển một mạng lưới phân phối rộng khắp trải dài từ Bắc vào Nam và đã xuất khẩu ổn định vào các nước ASEAN như: Lào, Campuchia, Indonesia, Thái Lan, Malaysia, Singapore, các nước Châu Phi, Trung Đông. Đặc biệt đầu năm 2015, Tôn Đông Á đã xuất thành công những lô hàng đầu tiên vào thị trường Mỹ, thị trường khó tính và tiềm năng hàng đầu trên thế giới, đánh dấu bước ngoặt phát triển không ngừng của Tôn Đông Á.

Ton Dong A Corporation majors in galvanized steel sheet, color coated steel sheet, galvalum steel sheet for industrial and civil construction. With 2 factories located in Song Than 1 Industrial Park and Thu Dau Mot City, Ton Dong A currently has 2 galvalum coil coating lines with NOF technology, 3 color coil coating lines, 1 rust removing line and 1 cold rolling line. Whole production activities are managed under the standard of ISO 9001-2008 with total capacity up to 350,000 metric tons per year. The company has built and developed a distribution network spreading from the North to the South of Vietnam. Additionally, Ton Dong A's products have been exported to not only ASEAN countries such as Laos, Cambodia, Indonesia, Thailand, Malaysia, Singapore but also Africa and the Middle East. Particularly in the early 2015, the first shipment of Ton Dong A entered the U.S, the leading strict and potential market, marking ongoing development of Ton Dong A.

CÔNG TY CP XÂY LẮP ĐIỆN I / POWER CONSTRUCTION JSC., NO 1

Địa chỉ: 583 Nguyễn Trãi - Quận Thanh Xuân - TP. Hà Nội
 Tel/Fax: 04-38456329 / 04-38231997
 Email: info@pcc1.vn
 Website: www.pcc1.vn
 Thứ hạng BXH VNR500 (2015): 312 (Bảng 1); 111 (Bảng 2)
 MST: 0100100745

Khi mới thành lập, Công ty CP Xây lắp điện I là đơn vị duy nhất hoạt động trong lĩnh vực xây lắp đường dây và trạm nguồn điện của Việt Nam. Trong suốt hơn 50 năm qua, Công ty đã đảm nhận, thực hiện và hoàn thành hàng nghìn km đường dây 500kV, hàng chục nghìn km đường dây 220kV, 110kV, hàng trăm nghìn km đường dây ≤ 35kV, hoàn thành nhiều dự án trạm biến áp đến 500kV, tổng công suất hàng chục nghìn MVA. Công ty còn tham gia thi công các nhà máy thủy điện, hoàn thành nhiều hệ thống thông tin viễn thông, đường dây cáp quang. Công ty hiện có 2 nhà máy chế tạo kết cấu thép mạ kẽm được trang bị công nghệ hiện đại và là công ty có quy mô lớn nhất Việt Nam trong lĩnh vực kết cấu mạ kẽm. Hệ thống quản lý chất lượng của Công ty đạt chứng nhận tiêu chuẩn ISO 9001-2008. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty liên tục tăng cao và vượt mức kế hoạch đề ra.

Năm 2014, công ty đã vượt qua nhiều khó khăn thử thách, nắm bắt và khai thác hiệu quả thời cơ, nâng cao năng lực quản lý hệ thống, sáng tạo trong chỉ đạo điều hành, là năm thứ 5 liên tiếp công ty hoàn thành thắng lợi và vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Cụ thể, giá trị SXKD đạt 3.030,042 tỷ đồng (đạt 118% KH năm); tổng doanh thu 3.100,046 tỷ đồng (đạt 118% KH năm); LNST đạt 423,391 tỷ đồng; trích nộp ngân sách 189,523 tỷ đồng.

Address: 583 Nguyen Trai - Thanh Xuan District - Hanoi
 Tel/Fax: 04-38456329 / 04-38231997
 Email: info@pcc1.vn
 Website: www.pcc1.vn
 Ranking in VNR500 (2015): 312 (List 1); 111 (List 2)
 Tax Code: 0100100745

On the beginning days of establishment, Power Construction JSC No.1 was the only unit working in the field of constructing lines and power stations in Vietnam. For the last 50 years, the company has undertaken, implemented and completed thousands of kilometers of 500kV lines, tens of thousands of kilometers of 220kV, 110kV, hundreds of thousands of kilometers below 35 kV, substation projects up to 500 kV, the total capacity of tens of thousands of MVA. The company also participates in the construction of hydroelectric plants, completing many telecommunication systems, fiber lines. Quality management system of the company achieved ISO 9001-2008 certification. Production and business activities of the company continue to increase and over-fulfill the proposed plan.

In 2014, overcoming many difficulties and challenges, the company seized opportunities and took advantages from them, improved systems management, directed operation creatively. It is the 5th consecutive year the company not only completed successfully but also exceeded the planned indicators. In details, sales reached VND 3,030.042 billion (equal to 118% of the plan); total revenue reached VND 3,100.046 billion (equal to 118% of the plan); net profit stood at VND 423.391 billion; payment to the state budget was VND 189.523 billion.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CP / NHABE GARMENT CORPORATION – JSC

Địa chỉ: Số 4 Bến Nghé - Phường Tân Thuận Đông - Quận 7 - TP. Hồ Chí Minh
 Tel/Fax: 08-38720077/-38729124 / 08-38725107
 Email: info@nhabe.com.vn
 Website: www.nhabe.com.vn
 Thứ hạng BXH VNR500 (2015): 337 (Bảng 1); 124 (Bảng 2)
 MST: 0300398889

Nhằm tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh của Tổng công ty, trong thời gian qua, NBC vẫn tiếp tục đầu tư và thực hiện tốt tiến độ các dự án trọng điểm để phát triển kinh tế vùng: Bình Định, Bình Thuận, Bảo Lộc, Gia Lai, Miền Tây... để đáp ứng nhu cầu đặt hàng ngày càng cao từ các tập đoàn đến từ Mỹ, EU, Nhật. Ngoài việc chú trọng đến việc phát triển và mở rộng sản xuất với quy mô ngày càng lớn, sử dụng vốn có hiệu quả, NBC không ngừng đổi mới phương thức xúc tiến thương mại bằng nhiều con đường khác nhau. Việc sản xuất kinh doanh đa ngành, đa dạng hóa sản phẩm cũng như phương thức bán hàng để tạo thế chủ động trong kinh doanh nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao nhất cũng được đặt lên hàng đầu. Công tác thị trường và xây dựng thương hiệu được NBC chú trọng đầu tư. Trong năm qua, NBC tiếp tục đầu tư vào những thương hiệu chính, phân cấp từ trung bình đến cao cấp. Hệ thống kênh phân phối của các nhãn hiệu De Celso, Mattana, Novelty được xây dựng thành công với 300 cửa hàng, đại lý khắp toàn quốc. Chiến lược sản phẩm ngày càng phù hợp với thị hiếu của khách hàng, nhất là chính sách sản phẩm theo từng vùng, từng địa phương đã tác động đến phương thức kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm. Do đó, trong năm qua, những dòng sản phẩm thuộc NBC đều chiếm lĩnh được thị trường và có uy tín đối với khách hàng.

Address: No. 4 Ben Nghe - Tan Thuan Dong Ward - District 7 - Ho Chi Minh City
 Tel/Fax: 08-38720077/-38729124 / 08-38725107
 Email: info@nhabe.com.vn
 Website: www.nhabe.com.vn
 Ranking in VNR500 (2015): 337 (List 1); 124 (List 2)
 Tax Code: 0300398889

In order to enhance the competitiveness, in recent years, NBC has continued to invest in and make good progress of key projects for developing economic zones: Binh Dinh, Binh Thuan, Bao Loc, Gia Lai, the Southwest... to meet increasing needs for order from corporations from the U.S, EU, and Japan. Apart from focusing developing and expanding business scale, improving capital efficiency, NBC has constantly renewed trade promotion method. Diversifying businesses, products and sales methods to create business initiative in order to achieve the highest economic efficiency is a top priority. Marketing and brand building activity are also invested much. In the past year, NBC kept investing in key brands differently from medium to high levels. Distribution system of the brand De Celso, Mattana, Novelty was successfully built with 300 stores and agents nationwide. Product strategy satisfied customer tastes better, especially the product policy was built for each region, each locality, which has an impact on business method and product consumption. Therefore, NBC's product lines held the dominate market share, being trusted by customers last year.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG UY NAM / UY NAM INVESTMENT CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY (UNICONS)

Địa chỉ: Tầng 5 - 6, 236/6 Điện Biên Phủ - Phường 17 - Quận Bình Thạnh - TP. Hồ Chí Minh
 Tel/Fax: 08-35143366 / 08-35143388
 Email: contact@unicons.com.vn
 Website: www.unicons.com.vn
 Thứ hạng BXH VNR500 (2015): 382 (Bảng 1); 155 (Bảng 2)
 MST: 0304472276

Address: Floor 5 - 6, 236/6 Dien Bien Phu - Ward 17 - Binh Thanh District - Ho Chi Minh City
 Tel/Fax: 08-35143366 / 08-35143388
 Email: contact@unicons.com.vn
 Website: www.unicons.com.vn
 Ranking in VNR500 (2015): 382 (List 1); 155 (List 2)
 Tax Code: 0304472276

Qua 9 năm hình thành và phát triển, Unicons đã có những bước tiến vững chắc trên thị trường với tốc độ tăng trưởng doanh thu đạt trung bình 20% mỗi năm. Năng lực thi công và uy tín của công ty đã được khẳng định thông qua những công trình có quy mô lớn và phức tạp như nhà máy PepsiCo (Bắc Ninh, Đồng Nai), nhà máy CocaCola, trung tâm thương mại Vincom Center A, Vivo (TP. Hồ Chí Minh), KĐT ParkCity, căn hộ cao cấp Times City (Hà Nội), khách sạn Novotel, khu nghỉ dưỡng Intercontinental (Đà Nẵng),... được nhiều chủ đầu tư và đơn vị tư vấn đánh giá cao. Với doanh thu đạt mốc 2.506 tỷ đồng tính đến cuối năm 2014, trong đó lợi nhuận đạt 61 tỷ đồng, Unicons đứng vị trí 167 trong Top 500 công ty tư nhân hàng đầu Việt Nam và đứng thứ 6 trong lĩnh vực thi công dân dụng, công nghiệp (theo bảng xếp hạng VNR500 năm 2014 do Vietnam Report và báo điện tử Vietnamnet đồng thực hiện và công bố). Với những thành tựu đã đạt được cùng triển vọng kinh tế khả quan, bước sang năm 2015, Unicons phấn đấu tăng trưởng 20% để chạm mốc doanh số 3.000 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 72 tỷ đồng. Ngoài ra, Unicons tiếp tục hợp tác chặt chẽ cùng công ty mẹ Coteccons và nâng cao vai trò Tổng thầu trong các dự án quy mô lớn, đặt biệt gia tăng tỷ trọng các dự án cao tầng – thương mại dịch vụ.

Over 9 years of establishment and development, Unicons has stepped steadily in the market with an average annual growth rate of 20%. The company's reputation has been confirmed through the capability of constructing complex and large-scale buildings such as PepsiCo plant in Bac Ninh and Dong Nai province, Coca Cola plant, Vincom Center A and Vivo in Ho Chi Minh city, ParkCity urban area, high-class apartment Times City Hanoi, Novotel hotel and Intercontinental Da Nang resort, which are highly appreciated by many investors and consultants. With revenue of VND 2,506 billion by the end of 2014, profits of VND 61 billion, Unicons was ranked No. 167 in Top 500 private companies in Vietnam, and No. 6 in the field of civil and industrial construction (according VNR500 ranking in 2014 simultaneously conducted and published by Vietnam Report and VietNamNet online newspaper). With these achievements together with the positive economic outlook, step into 2015, Unicons is striving to achieve growth of 20% to hit the turnover of VND 3,000 billion and net profit of VND 72 billion as well. In addition, Unicons will continue to work closely with the parent company Coteccons and enhance the role of general contractor in large-scale projects, especially increasing the proportion of high-rise and services trade projects.

CÔNG TY CP GIAO NHẬN VÀ VẬN CHUYỂN IN DO TRẦN / INDO TRANS LOGISTICS CORPORATION

Địa chỉ: 52 - 54 - 56 Trường Sơn - Phường 2 - Quận Tân Bình - TP. Hồ Chí Minh
 Tel/Fax: 08-39486888 / 08-38488570
 Email: indo-trans@itl.vn.com
 Website: www.itl.vn.com
 Thứ hạng BXH VNR500 (2015): 383 (Bảng 1); 156 (Bảng 2)
 MST: 0301909173

Address: 52 - 54 - 56 Truong Son - Ward 2 - Tan Binh District - Ho Chi Minh City
 Tel/Fax: 08-39486888 / 08-38488570
 Email: indo-trans@itl.vn.com
 Website: www.itl.vn.com
 Ranking in VNR500 (2015): 383 (List 1); 156 (List 2)
 Tax Code: 0301909173

ITL Corp được đánh giá là một trong những doanh nghiệp dẫn đầu về cung cấp dịch vụ giao nhận vận tải, đại diện hàng không và tổng đại lý hàng không tại thị trường Việt Nam. Hiện công ty là đại diện của hơn 9 hãng hàng không tại Việt Nam và đang khai thác hơn 70 chuyến bay thẳng mỗi tuần từ TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội đi khắp thế giới cho các hãng hàng không quốc tế như; Thai Airway (Thái Lan), Qatar Airway (Mỹ). Bên cạnh đó, ITL còn được Hiệp hội hàng không quốc tế (IATA) xếp hạng vị trí số 2 trong 10 công ty giao nhận vận chuyển hàng không lớn nhất tại Việt Nam.

ITL Corp is evaluated as one of the leading enterprises in providing the logistics services, representatives of airlines and general aviation agency in Vietnam market. At present, the company is a representative of more than 9 aviation agencies in Vietnam and is exploring over 70 direct flights each week from Ho Chi Minh and Hanoi to many places in the world for the international aviation agencies as Thai Airways (Thailand), Qatar Airways (USA). In addition, ITL is ranked the second position out of 10 biggest logistics companies in Vietnam by International Association of Travelling Aviation (IATA).

Trong lĩnh vực giao nhận vận chuyển và logistics, hiện ITL đang sở hữu và khai thác hệ thống trung tâm logistics hiện đại và văn phòng trải dài từ Bắc vào Nam. ITL đã gây dựng được uy tín rất lớn đối với đối tác cũng như khách hàng nhờ thế mạnh là đội ngũ quản lý và nhân viên giàu nhiệt huyết, kinh nghiệm cùng các dịch vụ chuyên nghiệp. Năm 2010, ITL nằm trong 10 doanh nghiệp uy tín tại Việt Nam.

In the field of shipping, delivery and logistics, ITL is now owning and exploring a modern logistics center system and offices from the North to the South. ITL has built a great reputation to its partners and customers thanks to its strong point of enthusiasm, experienced management team and staff and other professional services. In 2010, ITL was listed in Top 10 prestige enterprises in Vietnam.

CÔNG TY CP DỊCH VỤ & KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN LẠNH R.E.E / REE M&E JSC

Địa chỉ: 364 Cộng Hòa - Phường 13 - Quận Tân Bình - TP. Hồ Chí Minh
Tel/Fax: 08-38100017 / 08-38104469
Email: ree@reeme.com.vn
Website: www.reeme.com.vn
Thứ hạng BXH VNR500 (2015): 324 (Bảng 2)
MST: 0302660700

Address: 364 Cong Hoa - Ward 13 - Tan Binh District - Ho Chi Minh City
Tel/Fax: 08-38100017 / 08-38104469
Email: ree@reeme.com.vn
Website: www.reeme.com.vn
Ranking in VNR500 (2015): 324 (List 2)
Tax Code: 0302660700

R.E.E M&E là nhà thầu cơ điện hàng đầu tại Việt Nam với kinh nghiệm thi công công trình M&E trong các lĩnh vực cơ sở hạ tầng, thương mại và công nghiệp. Với bề dày kinh nghiệm hơn 37 năm, R.E.E M&E luôn duy trì ưu thế dẫn đầu trong thị trường cơ điện công trình. Công ty luôn đảm bảo tiến độ, chất lượng các công trình, nâng cao năng lực cạnh tranh mang lại giá trị cho khách hàng nên được nhiều chủ đầu tư tin nhiệm. Với thị trường bất động sản và thị trường xây dựng đã có dấu hiệu phục hồi, R.E.E M&E đã chủ động hợp tác với các nhà thầu xây dựng, đồng hành cùng chủ đầu tư từ giai đoạn đầu trong công tác tư vấn, thiết kế dự án, kiểm soát chặt chẽ nguồn lực để có thể sẵn sàng triển khai các dự án mới một cách nhanh chóng.

R.E.E M&E is a leading electrical contractor in Vietnam with experience in constructing M&E works in the field of infrastructure, commerce and industry. Having experienced for more than 37 years, R.E.E M&E maintains its dominant role in M&E market. The company always ensures the progress and quality of work, enhances competitiveness capability, and brings value to customers. As a result, the company is trusted by many investors. With the property and construction markets showing signs of recovery, R.E.E M&E has been proactive in partnering with other construction companies, supporting the customers at the early stage on project consultation and design and maintaining efficient control of resources to be ready to quickly implement new projects.

Năm 2014, R.E.E M&E đã đạt được kết quả kinh doanh rất khả quan, tiếp tục đóng góp một phần không nhỏ vào kết quả chung của R.E.E Corp. Tổng giá trị hợp đồng ký mới năm 2014 đạt 2.550 tỷ đồng. Doanh thu đạt 1.427 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế đạt 178 tỷ đồng, tăng trưởng 48,3% so với năm 2013. Kết quả trên có được là nhờ doanh thu ghi nhận từ các dự án đã hoàn thành như Tòa nhà Quốc hội, Nhà ga hành khách T2 – Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Tòa nhà Vietcombank Tower và Tòa nhà trụ sở ngân hàng Vietinbank – chi nhánh 1.

In 2014, R.E.E M&E achieved satisfied business results, keeping contributing significantly to the overall results of R.E.E Corp. Total new signed contracts in 2014 were worth at VND 2,550 billion. Revenue reached VND 1,427 billion. Profit after tax was VND 178 billion, growing 48.3% compared to 2013. This performance resulted from revenue recognition based on the value of several finished projects such as National Assembly House, Terminal 2 – Noi Bai International Airport, Vietcombank Tower and Vietinbank - Branch No. 1's headquarters.

CÔNG TY CP ĐẠT PHƯƠNG / DAT PHUONG JSC

Địa chỉ: Tầng 8 - Tòa nhà Bảo Anh - 62 Trần Thái Tông - Phường Dịch Vọng - Quận Cầu Giấy - TP. Hà Nội
Tel/Fax: 04-37830856 / 04-37830859
Email: info@datphuong.com.vn
Website: www.datphuong.com.vn
Thứ hạng BXH VNR500 (2015): 428 (Bảng 2)
MST: 0101218757

Address: Floor 8 - Bao Anh Building - 62 Tran Thai Tong - Dich Vong Ward - Cau Giay District - Hanoi
Tel/Fax: 04-37830856 / 04-37830859
Email: info@datphuong.com.vn
Website: www.datphuong.com.vn
Ranking in VNR500 (2015): 428 (List 2)
Tax Code: 0101218757

Trải qua 13 năm thành lập và phát triển, Công ty đã khẳng định được năng lực và uy tín trong lĩnh vực đầu tư và xây dựng các công trình giao thông, thủy điện. Với đội ngũ công nhân lành nghề có tính kỷ luật cao, có thiết bị công nghệ đáp ứng được các lĩnh vực hoạt động nên Công ty CP Đạt Phương luôn đảm bảo được tiến độ và chất lượng của các công trình xây dựng. Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, Công ty CP Đạt Phương còn chú trọng tới đào tạo nâng cao tay nghề, quan tâm tới đời sống cán bộ công nhân viên và là doanh nghiệp có nhiều đóng góp vào các hoạt động xã hội, từ thiện.

With 13 years of establishment and development, the company has confirmed its capability and prestige in the market of traffic and hydro-power work construction. Thanks to its experienced and professional workers, modern equipment and technologies, the company always ensures works' schedules and quality. In addition to business activities, the company also focuses on training to improve the workmanship of employees, raising their living standards, and making significant contribution to the social and charitable activities.

Năm 2014 kết thúc với doanh thu ấn tượng: 1.086 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 97 tỷ đồng. Tiếp đà tăng trưởng ấn tượng trong năm 2014, kế hoạch SXKD năm 2015 được đề ra với mức 1.890 tỷ đồng. Với định hướng kinh doanh đảm bảo sự phát triển bền vững ổn định, trong năm 2014, Ban lãnh đạo công ty quyết định mua lại CP của Công ty CP 30-4 Quảng Ngãi với tỷ lệ 51% vốn góp của cổ đông sáng lập, tương đương 160,65 tỷ đồng. Bằng kinh nghiệm đầu tư, xây dựng, vận hành dự án Thủy điện Sông Bung 6 (Quảng Nam) quyết định đầu tư xây dựng thủy điện Sơn Trà 1A, Sơn Trà 1B hứa hẹn sẽ là một dự án đầu tư thành công, góp phần vào sự phát triển bền vững trong dài hạn của công ty.

2014 ended with impressive revenue of VND 1,086 billion and profit after tax of VND 97 billion. Following impressive growth in 2014, 2015's business plan is set out at VND 1,890 billion. With business orientation ensuring stable and sustainable development, in 2014, the company's leaders decided to purchase shares of Quang Ngai 30-4 JSC with the investment rate of 51% of founding shareholders, equivalent to VND 160.65 billion. Thanks to investment, construction and operation experiences of Bung River Hydropower Project 6 (Quang Nam), the company decided to invest in Son Tra 1A and 1B hydroelectric construction projects that expects to be successful, contributing to the sustainable development of the company over the long term.